**LỰA CHỌN CÁC HÃNG TƯ VẤN**

**YÊU CẦU NỘP ĐỀ XUẤT**

***RFP Số: LS-ARVC-CS01***

***Lựa chọn Dịch vụ Tư vấn cho:***

***Tư vấn giám sát thi công công trình thuộc Hợp phần 3 tại tỉnh Lạng Sơn***

**Khách hàng: Ban Quản lý dự án Hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp Hợp phần 3**

**Quốc gia: Việt Nam**

**Dự án: Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc**

**Ban hành tháng 1 năm 2024**

**Lời mở đầu**

Yêu cầu nộp Đề xuất này ("RFP") đã được soạn thảo bởi Ban Quản lý dự án Hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp Hợp phần 3 và dựa trên bản tiêu chuẩn Yêu cầu nộp đề xuất ("SRFP") do Ngân hàng Phát triển Châu Á ("Ngân hàng") ban hành, được sửa đổi vào tháng 8 năm 2020.

SRFP phản ánh cấu trúc và các quy định của Tài liệu Đấu thầu Tổng thể để Lựa chọn các hãng tư vấn ("Tài liệu Tổng thể") do các Ngân hàng Phát triển Đa phương (MDBs) tham gia soạn thảo, trừ khi các cân nhắc cụ thể trong Ngân hàng Phát triển Châu Á yêu cầu phải thay đổi.

**MỤC LỤC**

* **Phần 1 – Thư mời**
* **Phần 2 – Hướng dẫn cho các hãng tư vấn và Bảng dữ liệu**
* **Phần 3 – Đề xuất Kỹ thuật – Mẫu chuẩn**
* **Phần 4 – Đề xuất Tài chính – Mẫu chuẩn**
* **Phần 5 – Các quốc gia hợp lệ**
* **Phần 6 – Chính sách Ngân hàng – Hành vi Tham nhũng và Gian lận**
* **Phần 7 – Các điều khoản Tham chiếu**
* **Phần 8 – Điều kiện hợp đồng và các Mẫu hợp đồng**

**BẢNG YÊU CẦU**

Phần 1. Thư mời

Phần 2. Hướng dẫn cho các hãng tư vấn và Bảng dữ liệu

**A. Điều khoản chung**

1. Định nghĩa

2. Giới thiệu

3. Xung đột lợi ích

4. Lợi thế cạnh tranh không lành mạnh

5. Hành vi Tham nhũng và Gian lận

6. Tư cách hợp lệ

**B. Chuẩn bị cho bản đề xuất**

7. Cân nhắc chung

8. Chi phí Chuẩn bị Đề xuất

9. Ngôn ngữ

10. Các Tài liệu cấu thành bản đề xuất

11. Đề xuất duy nhất

12. Hiệu lực của Đề xuất

13. Làm rõ và sửa đổi yêu cầu đề xuất (RFP)

14. Chuẩn bị cho bản đề xuất – Cân nhắc Cụ thể

15. Định dạng và Nội dung Đề xuất Kỹ thuật

16. Đề xuất tài chính

**C. Nộp, Mở và Đánh giá**

17. Nộp, niêm phong và đánh dấu các Đề xuất

18. Bảo mật

19. Mở Đề xuất Kỹ thuật

20. Đánh giá Đề xuất

21. Đánh giá Đề xuất Kỹ thuật

22. Đề xuất Tài chính cho Lựa chọn Dựa trên Chất lượng (QBS)

23. Mở công khai các Đề xuất Tài chính (đối với Lựa chọn Dựa trên Chất lượng và Chi phí (QCBS), Lựa chọn Ngân sách Cố định (FBS) và Lựa chọn Chi phí thấp nhất (LCS)

24. Sửa lỗi

25. Thuế

26. Chuyển đổi sang tiền tệ duy nhất

27. Đánh giá chất lượng và chi phí kết hợp

**D. Đàm phán và trao thầu**

28. Đàm phán

29. Kết thúc Đàm phán

30. Trao thầu

31. Khiếu nại Liên quan đến Đấu thầu

**E. Bảng dữ liệu**

Phụ lục 1 – Bản tóm tắt và đánh giá nhân sự cho Đề xuất kỹ thuật đầy đủ

Phụ lục 2 – Bảng Đánh giá Nhân sự và Tóm tắt cho Đề xuất Kỹ thuật Đơn giản

Phụ lục 3 – Bảng Đánh giá Nhân sự và Tóm tắt cho Đề xuất Kỹ thuật nhân sự

**F. Việc loại chuyên gia**

Phần 3. Đề xuất Kỹ thuật – Mẫu chuẩn

Danh sách kiểm tra các biểu mẫu bắt buộc

Biểu mẫu TECH-1

Biểu mẫu TECH-2

Biểu mẫu TECH-3

Biểu mẫu TECH-4 (Chỉ dành cho Đề xuất Kỹ thuật Đầy đủ)

Biểu mẫu TECH-4 (Chỉ dành cho các Đề xuất Kĩ thuật được Đơn giản hóa)

Biểu mẫu TECH-5

Biểu mẫu TECH-6A

Biểu mẫu TECH-6B

Phần 4. Đề xuất tài chính - Mẫu chuẩn

Phần 5. Các quốc gia hợp lệ

Phần 6. Chính sách chống tham nhũng

Phần 7. Các điều khoản Tham chiếu

Phần 8. Điều kiện hợp đồng và các Mẫu hợp đồng

Mẫu tiêu chuẩn hài hòa của Hợp đồng: Dịch vụ của hãng tư vấn — Dựa trên thời gian

Lời nói đầu

I. Mẫu hợp đồng

II. Các điều kiện chung của Hợp đồng

III. Các điều kiện đặc biệt của Hợp đồng

IV. Phụ lục

Mẫu tiêu chuẩn hài hòa của Hợp đồng: Dịch vụ của hãng tư vấn — Trọn gói

Lời nói đầu

I. Mẫu hợp đồng

II. Các điều kiện chung của Hợp đồng

III. Các điều kiện đặc biệt của Hợp đồng

IV. Phụ lục

# PHẦN 1. THƯ MỜI

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày: | *22 tháng 02 năm 2024* |
| Khoản vay/Tài trợ số: | Ln3633 VIE: 2982-VIE: Dự án hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc |
| RFP Số: | *LS-ARVC-CS01* |
| Địa điểm: | *Lang Son, Vietnam* |
| Hạn nộp hồ sơ: | *17 tháng 3 năm 2023* |
| Kí Hợp đồng trước: | *Không* |

Kính gửi: Ông/Bà:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn (sau đây được gọi là Khách hàng đã nhận tài trợ từ Ngân hàng Phát triển Châu Á ("Ngân hàng") dưới hình thức dưới hình thức một khoản vay đối với chi phí của ***Dự án hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc.***

Ban Quản lý dự án Hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp Hợp phần 3, một cơ quan thực hiện dự định áp dụng một phần số tiền thu được của khoản vay này cho các khoản thanh toán hợp lệ theo hợp đồng mà Yêu cầu cho Đề xuất này được phát hành.

Các khoản thanh toán của Ngân hàng, sẽ chỉ được thực hiện theo yêu cầu của ***Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn*** và khi được Ngân hàng chấp thuận, sẽ tuân theo các điều khoản và điều kiện của thỏa thuận cho vay. Thỏa thuận cho vay nghiêm cấm việc rút tiền từ tài khoản vay với mục đích thanh toán cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào hoặc cho bất kỳ hoạt động nhập khẩu hàng hóa nào, nếu khoản thanh toán đó hoặc nhập khẩu đó, theo hiểu biết của Ngân hàng, bị cấm theo quyết định của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc theo Chương VII của Hiến chương Liên hợp quốc[[1]](#footnote-2). Không bên nào khác ngoài *Khách hàng* sẽ có được bất kỳ quyền nào từ thỏa thuận cho vay hoặc có bất kỳ khiếu nại nào đối với số tiền thu được khoản vay.

1. Khách hàng hiện mời nộp các đề xuất cung cấp các dịch vụ tư vấn sau (sau đây gọi là "Dịch vụ"): ***LS-ARVC-LS01: Tư vấn giám sát thi công công trình thuộc Hợp phần 3 tại tỉnh Lạng Sơn.*** Các chi tiết khác về Dịch vụ được cung cấp trong Các điều khoản Tham chiếu (**Phần** 7).
2. Yêu cầu nộp đề xuất (RFP) này đã được gửi tới các hãng tư vấn trong danh sách ngắn sau: Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển Cửa Đông - Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Lạng Sơn - Công ty TNHH Tư vấn Đại học Thủy Lợi (CUADONG-LSTC-TLUC).
3. Không được phép chuyển lời mời này cho bất kỳ công ty nào khác, chẳng hạn như các công ty mẹ, công ty con và chi nhánh của Hãng Tư vấn. Khách hàng sẽ từ chối Đề xuất nếu Hãng tư vấn bỏ thành viên liên danh (JV) mà không có sự đồng ý trước của Khách hàng, điều này chỉ được đưa ra trong những trường hợp ngoại lệ, ví dụ như khi thành viên liên danh bị cấm tham gia hoặc bị tuyên bố phá sản hoặc trong trường hợp bất khả kháng.
4. Một công ty sẽ được chọn theo quy trình [CQS] sử dụng định dạng Đề xuất kỹ thuật Nhân sự (BTP) như được mô tả trong RFP, phù hợp với các chính sách của Ngân hàng được nêu chi tiết trong Quy định Đấu thầu, có thể tìm thấy tại trang web sau: <https://www.adb.org/documents/procurement-regulations-adb-borrowers>.
5. RFP bao gồm các tài liệu sau:

**Phần** 1 - Thư mời

**Phần** 2 - Hướng dẫn cho các hãng tư vấn, Bảng dữ liệu, Mẫu tóm tắt và đánh giá nhân sự, và Cơ sở để loại chuyên gia

**Phần** 3 - Đề xuất kỹ thuật BTP - Mẫu chuẩn

Phần 4 - Đề xuất tài chính - Mẫu chuẩn

**Phần** 5 - Các quốc gia hợp lệ

**Phần** 6 - Chính sách chống tham nhũng

**Phần** 7 - Các điều khoản Tham chiếu

**Phần** 8 - Mẫu chuẩn of Contract - *Dựa trên thời gian*

1. Vui lòng thông báo cho Khách hàng trước 01/3/2024, bằng văn bản tại Ban Quản lý dự án Hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp Hợp phần 3, tại số 118 đường Ba Son, thôn Đồi Chè, xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, qua fax (02053.874.391) hoặc bằng e-mail (banqldahp3.htdb@gmail.com) dù hãng tư vấn có định gửi đề xuất hay không.
2. Chi tiết về ngày, thời gian và địa chỉ nộp đề xuất được nêu tại các Khoản 17.7 và 17.9 của hướng dẫn cho các hãng tư vấn (ITC).

Trân trọng,

**Nguyễn Phúc Đạt**

Giám đốc dự án

Ban Quản lý dự án Hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp Hợp phần 3

Thuộc Dự án hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc

Số 118 Đường Ba Son, Thôn Đồi Chè, Xã Hoàng Đồng, Thành Phố Lạng Sơn, Việt Nam

# Phần 2. Hướng dẫn cho các hãng tư vấn (ITC) bao gồm bảng dữ liệu (DS)

**A. Điều khoản chung**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Định nghĩa | 1. "(Các) chi nhánh" có nghĩa là một cá nhân hoặc một tổ chức kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp, chịu sự kiểm soát hoặc dưới sự kiểm soát chung của hãng tư vấn. 2. Hướng dẫn áp dụng" có nghĩa là các hướng dẫn hoặc chính sách của Ngân hàng Phát triển Châu Á điều chỉnh quá trình lựa chọn và trao thầu như được nêu rõ trong **Bảng dữ liệu**. 3. "Luật áp dụng" có nghĩa là luật và bất kỳ công cụ nào khác có hiệu lực pháp lý tại quốc gia của Khách hàng hoặc ở quốc gia khác như được nêu rõ trong **Bảng dữ liệu**, vì chúng có thể được ban hành và có hiệu lực tùy từng thời điểm. 4. "Ngân hàng" có nghĩa là Ngân hàng Phát triển Châu Á. 5. "Bên vay [hoặc Bên nhận hoặc Bên thụ hưởng]" có nghĩa là Chính phủ, cơ quan Chính phủ hoặc tổ chức khác ký kết thỏa thuận tài trợ [hoặc khoản vay/tín dụng/viện trợ/dự án] với Ngân hàng. 6. "Khách hàng" có nghĩa là [cơ quan triển khai hoặc thực hiện] ký Hợp đồng đối với Dịch vụ với hãng tư vấn đã chọn. 7. “"Hãng tư vấn" có nghĩa là một công ty tư vấn chuyên nghiệp được thành lập hợp pháp hoặc một tổ chức có thể cung cấp hoặc cung cấp Dịch vụ cho Khách hàng theo Hợp đồng. 8. "Hợp đồng" nghĩa là một thỏa thuận bằng văn bản ràng buộc pháp lý được ký giữa Khách hàng và Hãng tư vấn và bao gồm tất cả các tài liệu đính kèm được liệt kê trong Khoản 1 của Mẫu Hợp đồng. 9. "Bảng Dữ liệu" có nghĩa là một phần không thể tách rời của Hướng dẫn dành cho Tư vấn trong **Phần 2** được sử dụng để phản ánh quốc gia cụ thể và các điều kiện chuyển nhượng để bổ sung, nhưng không làm ảnh hưởng đến các quy định của ITC. 10. "Ngày" có nghĩa là một ngày dương lịch. 11. "Chuyên gia" có nghĩa là Chuyên gia chủ chốt, Chuyên gia không chủ chốt, hoặc bất kỳ nhân sự nào khác của (các) 2-2 thành viên Tư vấn, Tư vấn phụ hoặc (các) thành viên Liên doanh được liệt kê trong **Bảng dữ liệu**. 12. "Chính phủ" có nghĩa là chính phủ ở quốc gia của Khách hàng. 13. "Liên danh (JV)" có nghĩa là liên kết có hoặc không có tư cách pháp nhân khác biệt với các thành viên của mình, của nhiều hơn một Hãng tư vấn, mà trong đó một thành viên có quyền tiến hành mọi hoạt động kinh doanh thay mặt cho bất kỳ và tất cả các thành viên của JV, nơi mà các thành viên của JV chịu trách nhiệm chung & riêng lẻ trước Khách hàng về việc thực hiện Hợp đồng. 14. "(Các) Chuyên gia chủ chốt" có nghĩa là một cá nhân chuyên nghiệp mà có có kỹ năng, trình độ, kiến thức và kinh nghiệm quan trọng đối với việc thực hiện Dịch vụ theo Hợp đồng và có sơ yếu lý lịch (CV) được tính đến trong đánh giá kỹ thuật của Đề xuất của hãng tư vấn. 15. "Hướng dẫn cho Nhà tư vấn (ITC)" (**Phần 2** này của RFP) cung cấp cho các hãng tư vấn trong danh sách ngắn tất cả thông tin cần thiết để chuẩn bị các Đề xuất của họ. 16. "Thư mời (LOI)" (**Phần 1** của RFP) là thư do Khách hàng gửi đến các nhà tư vấn trong danh sách ngắn. 17. "(Các) Chuyên gia không chủ chốt" có nghĩa là một cá nhân chuyên nghiệp do Hãng tư vấn hoặc Tư vấn phụ của Hãng tư vấn cung cấp và là người được chỉ định thực hiện các Dịch vụ hoặc bất kỳ phần nào mà trong đó theo Hợp đồng và CV không được đánh giá riêng lẻ, mặc dù Khách hàng giữ lại đặc quyền phê duyệt hoặc từ chối CV của Chuyên gia không chủ chổt dựa trên cách tiếp cận và phương pháp được đề xuất. 18. "Đề xuất" có nghĩa là Đề xuất Kỹ thuật và Đề xuất Tài chính của Hãng tư vấn. 19. "Yêu cầu nộp đề xuất (RFP)" do Khách hàng chuẩn bị để lựa chọn Tư vấn, dựa trên SRFP. 20. "Bản tiêu chuẩn Yêu cầu nộp đề xuất (SRFP)" phải được Khách hàng sử dụng làm cơ sở cho việc chuẩn bị RFP. 21. "Dịch vụ" nghĩa là công việc được Hãng tư vấn thực hiện theo Hợp đồng. 22. "Hãng tư vấn phụ" có nghĩa là một tổ chức mà Hãng tư vấn dự định thầu lại bất kỳ phần nào của Dịch vụ trong khi vẫn chịu trách nhiệm trước Khách hàng trong quá trình thực hiện Hợp đồng. 23. "Điều khoản Tham chiếu (TOR)" (**Phần 7** của RFP) giải thích các mục tiêu, phạm vi công việc, các hoạt động và nhiệm vụ phải thực hiện, trách nhiệm tương ứng của Khách hàng và Hãng tư vấn, cũng như các kết quả mong đợi và kết quả của sự phân công. | | |
| Giới thiệu | * 1. Khách hàng có tên trong **Bảng dữ liệu** dự định chọn Hãng tư vấn từ những người được liệt kê trong Thư mời, theo phương pháp lựa chọn được chỉ định trong **Bảng dữ liệu**.   2. Các hãng tư vấn trong danh sách ngắn được mời nộp một Đề xuất Kỹ thuật và Đề xuất Tài chính, hoặc duy nhất bản Đề xuất Kỹ thuật, như được nêu trong **Bảng Dữ liệu**, cho các dịch vụ tư vấn cần thiết của nhiệm vụ có tên trong **Bảng Dữ liệu**. Đề xuất sẽ là cơ sở để đàm phán và cuối cùng là ký kết Hợp đồng với Hãng tư vấn được lựa chọn.   3. Tư vấn nên tự làm quen với các điều kiện của địa phương và tính đến việc chuẩn bị các Đề xuất của họ, bao gồm cả việc tham dự hội nghị tiền đấu thầu nếu cuộc họp đó được nêu rõ trong **Bảng dữ liệu**. Tham dự bất kỳ hội nghị tiền đấu thầu nào là tùy chọn và tư vấn tự chịu chi phí.   4. Khách hàng sẽ cung cấp kịp thời và miễn phí cho Hãng tư vấn các đầu vào, dữ liệu dự án liên quan và các báo cáo cần thiết cho việc chuẩn bị Đề xuất của Hãng tư vấn như được nêu trong **Bảng dữ liệu.** | | |
| Các xung đột lợi ích | * 1. Hãng tư vấn được yêu cầu đưa ra lời khuyên chuyên nghiệp, khách quan và công bằng, luôn coi trọng lợi ích của Khách hàng, tuyệt đối tránh xung đột với các nhiệm vụ khác hoặc lợi ích công ty của mình, và hành động mà không cần cân nhắc đến công việc sau này.   2. Hãng tư vấn có nghĩa vụ công bố cho Khách hàng mọi tình huống xung đột thực tế hoặc tiềm ẩn ảnh hưởng đến khả năng phục vụ lợi ích tốt nhất của Khách hàng. Việc không công bố những tình huống như vậy có thể dẫn đến việc Hãng tư vấn bị loại hoặc Ngân hàng chấm dứt Hợp đồng hoặc có các biện pháp cấm tham gia.   3. Không giới hạn về nguyên tắc chung của những điều trên, Tư vấn sẽ không được thuê trong các trường hợp được nêu dưới đây: | | |
| **Các công việc bị xung đột** | 3.3.1 **Xung đột giữa hoạt động tư vấn và mua sắm hàng hóa, công trình, hoặc dịch vụ phi tư vấn.** Một công ty đã được Khách hàng lựa chọn tham gia cung cấp hàng hóa, công trình hoặc dịch vụ phi tư vấn cho một dự án, hoặc bất kỳ Chi nhánh nào của nó, sẽ không đủ tư cách cung cấp dịch vụ tư vấn liên quan trực tiếp đến hàng hóa, công trình hoặc dịch vụ phi tư vấn đó. Ngược lại, một công ty được thuê để cung cấp dịch vụ tư vấn để chuẩn bị hoặc thực hiện một dự án, hoặc bất kỳ Chi nhánh nào của nó, sẽ bị tước quyền cung cấp hàng hóa/công trình/dịch vụ phi tư vấn mà bắt nguồn hoặc liên quan trực tiếp đến dịch vụ tư vấn cho sự chuẩn bị hoặc thực hiện đó. | | |
| **Xung đột trong phân công nhiệm vụ** | 3.3.2 **Xung đột giữa các nhiệm vụ tư vấn.** Một Hãng tư vấn (bao gồm cả Chuyên gia và Tư vấn phụ) hoặc bất kỳ Chi nhánh nào của họ sẽ không được thuê cho bất kỳ nhiệm vụ nào mà về bản chất, có thể mâu thuẫn với nhiệm vụ khác của Hãng tư vấn cho cùng một hoặc cho Khách hàng khác. | | |
| **Xung đột trong các mối quan hệ** | 3.3.3 **Mối quan hệ với nhân viên của Khách hàng.** Một hãng tư vấn (bao gồm các Chuyên gia và Tư vấn phụ) có mối quan hệ kinh doanh hoặc quan hệ gia đình chặt chẽ với một nhân viên chuyên nghiệp của [Bên vay hoặc Khách hàng hoặc Bên nhận hoặc Bên thụ hưởng] hoặc của [cơ quan thực hiện/cơ quan chủ quản] hoặc của một bên nhận một phần tài trợ của Ngân hàng tham gia trực tiếp/gián tiếp vào bất kỳ phần nào của: (i) việc chuẩn bị TOR cho việc chuyển nhượng; (ii) quá trình lựa chọn Tư vấn, hoặc (iii) việc giám sát Hợp đồng, có thể không được trao Hợp đồng, trừ khi mâu thuẫn xuất phát từ mối quan hệ này đã được giải quyết theo cách mà Ngân hàng có thể chấp nhận được trong suốt quá trình lựa chọn và thực hiện Hợp đồng.  3.3.4 Các loại xung đột khác trong mối quan hệ đã được chỉ ra ở **Bảng dữ liệu**. | | |
| Lợi thế cạnh tranh không lành mạnh | * 1. Công bằng và minh bạch trong quá trình lựa chọn yêu cầu Tư vấn hoặc các Chi nhánh của họ cạnh tranh cho một nhiệm vụ cụ thể không thu được lợi thế cạnh tranh từ việc cung cấp các dịch vụ tư vấn liên quan đến nhiệm vụ được đề cập. Để đạt được điều đó, Khách hàng phải chỉ ra trong **Bảng dữ liệu**, và cung cấp cho các hãng tư vấn trong danh sách ngắn cùng với RFP tất cả thông tin sẽ mang lại cho Tư vấn đó bất kỳ lợi thế cạnh tranh không lành mạnh nào so với các Hãng tư vấn cạnh tranh. | | |
| Hành vi Tham nhũng và Gian lận | 5.1 Ngân hàng yêu cầu tuân thủ chính sách của mình về các hành vi tham nhũng và gian lận hoặc bị cấm như được nêu trong **Phần 6.**  5.2 Để tiếp tục theo đuổi chính sách này, Hãng tư vấn sẽ cho phép và yêu cầu các tư vấn phụ và nhà thầu phụ của mình cho phép Ngân hàng hoặc đại diện của Ngân hàng kiểm tra các tài khoản, hồ sơ và các tài liệu khác liên quan đến việc đệ trình Đề xuất và thực hiện hợp đồng, trong trường hợp được trao thầu và có các tài khoản, hồ sơ được kiểm toán bởi các kiểm toán viên do Ngân hàng chỉ định. | | |
| Tư cách hợp lệ | 6.1 Ngân hàng cho phép các hãng tư vấn (cá nhân và công ty, bao gồm cả các JV và các thành viên cá nhân của họ) từ các quốc gia hợp lệ như nêu trong **Phần** 5 (Các quốc gia hợp lệ) cung cấp dịch vụ tư vấn cho các dự án do Ngân hàng tài trợ. Trong trường hợp JV:  (a) tất cả các thành viên liên danh phải chịu trách nhiệm chung & riêng; và (b) JV sẽ chỉ định một đại diện có quyền thực hiện tất cả các công việc cho và thay mặt cho bất kỳ & tất cả các thành viên của JV trong quá trình đấu thầu và, trong trường hợp JV được trao Hợp đồng, trong khi thực hiện Hợp đồng.  6.2 Tư vấn và tất cả các bên tạo thành Tư vấn, phải là công dân của một quốc gia hợp lệ, theo **Phần 5** (Các quốc gia Hợp lệ). Một Tư vấn sẽ được coi là có quốc tịch của một quốc gia nếu Tư vấn đó là công dân hoặc được thành lập, hợp nhất hoặc đăng ký và hoạt động theo các quy định của pháp luật của quốc gia đó 1. Tiêu chí này cũng sẽ được áp dụng để xác định quốc tịch của các nhà thầu phụ được đề xuất cho bất kỳ phần nào của Hợp đồng bao gồm các dịch vụ liên quan.  6.2.1 Các Chuyên gia quốc tế được tuyển dụng hoặc tham gia bởi 1 hãng tư vấn hợp lệ sẽ được coi là hợp lệ, bất kể quốc tịch của họ là gì.  6.2.2 Các Chuyên gia trong nước do công ty đề xuất phải đáp ứng các yêu cầu về tư cách hợp lệ, như được định nghĩa trong **Bảng dữ liệu 1(k).**  6.3 Ngoại lệ đối với các khoản 6.1 và 6.2 ở trên: | | |
| **Cấm đấu thầu** | 6.3.1 Một công ty hoặc một cá nhân bị Ngân hàng cấm đấu thầu theo Khoản 5.1 ở trên hoặc theo Hướng dẫn Áp dụng sẽ không hợp lệ để được trao thầu do Ngân hàng tài trợ, hoặc được hưởng lợi từ hợp đồng được Ngân hàng tài trợ, bằng tài chính hoặc bằng cách khác, trong khoảng thời gian như Ngân hàng sẽ xác định. Danh sách các công ty và cá nhân bị cấm đấu thầu được nêu trong **Bảng dữ liệu**. | | |
| **Các lệnh cấm** | 6.3.2 Các công ty và cá nhân của một quốc gia hoặc hàng hóa được sản xuất tại một quốc gia có thể không hợp lệ nếu được nêu trong Phần 5 (Các quốc gia hợp lệ) và:  (a) theo luật pháp hoặc các quy định chính thức, quốc gia của Bên vay/Người thụ hưởng nghiêm cấm quan hệ thương mại với quốc gia đó, với điều kiện Ngân hàng đồng thuận rằng việc loại trừ đó không loại trừ sự cạnh tranh hiệu quả đối với việc cung cấp Dịch vụ yêu cầu; hoặc  (b) bởi một hành động tuân thủ quyết định của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc được thực hiện theo Chương VII của Hiến chương Liên hợp quốc, Quốc gia của Bên vay cấm mọi hoạt động nhập khẩu hàng hóa từ quốc gia đó hoặc bất kỳ khoản thanh toán nào cho bất kỳ quốc gia, cá nhân hoặc tổ chức nào trong quốc gia đó. | | |
| **Hạn chế đối với Doanh nghiệp Nhà nước** | 6.3.3 Các doanh nghiệp hoặc tổ chức thuộc sở hữu của chính phủ tại quốc gia của Bên vay sẽ hợp lệ nếu họ có thể chứng minh rằng họ: (i) tự chủ về mặt pháp lý và tài chính; (ii) hoạt động theo luật thương mại; và (iii) rằng họ không phải là cơ quan phụ thuộc của Khách hàng. | | |
| **Hạn chế với công chức** | 6.3.4 Các quan chức chính phủ và công chức chỉ có thể được thuê theo hợp đồng tư vấn, hay là thành viên của một nhóm của một công ty tư vấn, nếu họ: (i) nghỉ phép không được trả lương; (ii) không được thuê bởi cơ quan mà họ làm việc ngay trước khi nghỉ phép[[2]](#footnote-3); và (iii) việc thuê họ sẽ không tạo ra xung đột lợi ích. | | |
| B. Chuẩn bị bản đề xuất (RFP) | | | |
| Cân nhắc chung | 7.1 Khi chuẩn bị Đề xuất, Tư vấn cần nghiên cứu RFP một cách chi tiết. Việc thiếu sót nghiêm trọng các thông tin cần cung cấp như được yêu cầu trong RFP có thể dẫn đến việc Đề xuất bị loại. | | |
| Chi phí Chuẩn bị Đề xuất | 8.1 Tư vấn phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp Đề xuất của mình và Khách hàng sẽ không chịu trách nhiệm về các chi phí đó, bất kể kết quả của quá trình lựa chọn. Khách hàng không bị ràng buộc phải chấp nhận bất kỳ đề xuất nào và có quyền hủy bỏ quá trình lựa chọn bất cứ lúc nào trước khi trao Hợp đồng, mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Tư vấn. | | |
| Ngôn ngữ | 9.1 Đề xuất, cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến Đề xuất được trao đổi giữa Tư vấn và Khách hàng, sẽ được viết bằng ngôn ngữ được quy định trong **Bảng dữ liệu**. | | |
| Các Tài liệu cấu thành bản đề xuất | 10.1 Đề xuất sẽ bao gồm các tài liệu và biểu mẫu được liệt kê trong **Bảng dữ liệu**.  10.2 Nếu được quy định trong Bảng dữ liệu, Tư vấn sẽ nộp một bản tuyên bố về cam kết của Tư vấn sẽ tuân thủ, khi cạnh tranh và thực hiện hợp đồng, luật pháp của Khách hàng về chống gian lận và tham nhũng (bao gồm cả hối lộ).  10.3 Tư vấn sẽ cung cấp thông tin về hoa hồng, tiền thưởng và phí, nếu có, đã được trả hoặc sẽ được trả cho các đại lý hoặc bất kỳ bên nào khác liên quan đến Đề xuất này và, nếu được trao, thực hiện Hợp đồng, như được yêu cầu trong Thư đệ trình Đề xuất Tài chính (**Phần 4**). | | |
| Đề xuất duy nhất | * 1. Tư vấn (bao gồm các thành viên của bất kỳ JV nào) sẽ chỉ được nộp một Đề xuất, hoặc với tư cách nhà thầu độc lập hoặc với tư cách là một thành viên của JV trong một Đề xuất khác. Nếu một Tư vấn, bao gồm bất kỳ thành viên JV nào, nộp hoặc tham gia nhiều hơn một đề xuất, tất cả các đề xuất đó sẽ bị loại. Tuy nhiên, quy định này không hạn chế Tư vấn phụ hoặc nhân viên của Tư vấn tham gia với tư cách là Chuyên gia chủ chốt và Chuyên gia không chủ chốt trong nhiều hơn một Đề xuất khi hoàn cảnh buộc như vậy. | | |
| Hiệu lực của Đề xuất | * 1. **Bảng dữ liệu** quy định khoảng thời gian mà Đề xuất của Tư vấn phải có hiệu lực sau thời điểm hết hạn nộp Đề xuất.   2. Trong thời gian này, Tư vấn sẽ phải duy trì Đề xuất ban đầu của mình mà không được có bất kỳ thay đổi nào, bao gồm sự sẵn sàng của các Chuyên gia chủ chốt, đơn giá và tổng giá đề xuất.   3. Nếu xác định được rằng bất kỳ Chuyên gia chủ chốt nào được đề cử trong Đề xuất của Tư vấn không sẵn sàng tại thời điểm nộp Đề xuất hoặc được đưa vào Đề xuất mà không có xác nhận của Chuyên gia chủ chốt, Đề xuất sẽ bị loại và không được đánh giá tiếp và có thể phải chịu xử phạt theo khoản 6 của ITC này. | | |
| **Gia hạn thời hạn hiệu lực** | * 1. Khách hàng sẽ nỗ lực hết sức để hoàn thành các cuộc đàm phán trong thời gian hiệu lực của đề xuất. Tuy nhiên, nếu có nhu cầu, Khách hàng có thể yêu cầu, bằng văn bản, tất cả các Tư vấn đã gửi Đề xuất trước thời hạn nộp để gia hạn hiệu lực của Đề xuất.   2. Nếu Tư vấn đồng ý gia hạn hiệu lực Đề xuất của mình, việc gia hạn này sẽ được thực hiện mà không có bất kỳ thay đổi nào trong Đề xuất ban đầu.   3. Tư vấn có quyền từ chối gia hạn hiệu lực Đề xuất của mình, khi đó Đề xuất sẽ được coi là đã được rút. | | |
| **Thay thế các chuyên gia chủ chốt khi gia hạn hiệu lực** | * 1. Nếu bất kỳ Chuyên gia chủ chốt nào không còn sẵn sàng khi gia hạn thời gian hiệu lực của đề xuất, Tư vấn sẽ cung cấp giải trình bằng văn bản và bằng chứng thỏa đáng cho Khách hàng cùng với yêu cầu thay thế. Trong trường hợp này, Chuyên gia chủ chốt được thay thế phải có trình độ và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với Chuyên gia chủ chốt được đề xuất ban đầu.   2. Nếu Tư vấn không cung cấp được Chuyên gia chủ chốt thay thế có trình độ tương đương hoặc tốt hơn hoặc nếu các lý do cung cấp cho việc thay thế hoặc giải trình không được Khách hàng chấp nhận, Đề xuất sẽ bị từ chối với điều kiện Ngân hàng không phản đối với quyết định này của Khách hàng. | | |
| **Thầu phụ** | 12.9 Tư vấn không được ký hợp đồng thầu phụ cho toàn bộ Dịch vụ. | | |
| Làm rõ và sửa đổi RFP | * 1. Tư vấn có thể yêu cầu làm rõ bất kỳ phần nào của RFP trong khoảng thời gian được nêu trong Bảng dữ liệu trước thời hạn nộp Đề xuất. Bất kỳ yêu cầu làm rõ nào đều phải được gửi bằng văn bản, hoặc bằng phương tiện điện tử tiêu chuẩn, đến địa chỉ của Khách hàng được nêu trong Bảng dữ liệu. Khách hàng sẽ trả lời bằng văn bản, hoặc bằng các phương tiện điện tử tiêu chuẩn, và sẽ gửi các bản sao văn bản phản hồi (bao gồm nội dung câu hỏi nhưng không nêu người hỏi) cho tất cả các Tư vấn trong danh sách ngắn. Nếu Khách hàng thấy cần phải sửa đổi RFP như là kết quả của việc làm rõ, thì sẽ thực hiện theo quy trình được mô tả dưới đây:   13.1.1 Bất cứ lúc nào trước khi hết hạn nộp đề xuất, Khách hàng có thể sửa đổi RFP bằng cách ban hành phụ lục sửa đổi bằng văn bản hoặc bằng các phương tiện điện tử tiêu chuẩn. Phụ lục sửa đổi sẽ được gửi đến tất cả các Tư vấn trong danh sách ngắn và sẽ ràng buộc họ. Các Tư vấn trong danh sách ngắn sẽ xác nhận bằng văn bản việc đã nhận được tất cả các phụ lục sửa đổi.  13.1.2 Khách hàng sẽ gia hạn thời hạn nộp đề xuất để giúp các Tư vấn trong danh sách có đủ thời gian hợp lý để xem xét sửa đổi các Đề xuất của họ.  13.2 Tư vấn có thể nộp một Đề xuất sửa đổi hoặc phụ lục sửa đổi cho bất kỳ phần nào của Đề xuất tại bất kỳ thời điểm nào trước thời hạn nộp Đề xuất. Việc sửa đổi đối với Đề xuất kỹ thuật hoặc Đề xuất tài chính sau thời điểm đóng thầu sẽ được không chấp nhận. | | |
| Chuẩn bị cho bản đề xuất – Cân nhắc Cụ thể | 14.1 Khi chuẩn bị Đề xuất, Tư vấn phải đặc biệt chú ý đến những điều sau:  14.1.1 Nếu một Tư vấn trong danh sách ngắn cho rằng họ có thể nâng cao chuyên môn của mình để thực hiện nhiệm vụ bằng cách liên kết với (các) Tư vấn khác dưới hình thức JV hoặc với tư cách là Tư vấn phụ, thì họ có thể làm như vậy với: hoặc (a) Tư vấn không trong danh sách ngắn; hoặc (b) (các) Tư vấn trong danh sách ngắn nếu được cho phép trong Bảng dữ liệu. Khi liên kết với các công ty không thuộc danh sách ngắn dưới hình thức liên danh hoặc tư vấn phụ, Tư vấn trong danh sách ngắn sẽ là thành viên chính. Nếu các Tư vấn trong danh sách ngắn liên kết với nhau thì bất kỳ ai trong số họ cũng có thể là thành viên chính.  14.1.2 Khách hàng có thể nêu trong **Bảng dữ liệu** tổng thời gian đầu vào ước tính của các Chuyên gia chủ chốt (tính bằng tháng-người) và tổng chi phí Khách hàng ước tính cho việc thực hiện nhiệm vụ. Dự toán này chỉ là giá trị ước tính và Đề xuất sẽ phải dựa trên ước tính của chính Tư vấn cho việc thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.  14.1.3 Nếu được nêu trong **Bảng dữ liệu**, Tư vấn sẽ phải chào trong Đề xuất của mình ít nhất là bằng thời gian đầu vào yêu cầu trong HSMT (theo cùng đơn vị như được nêu trong **Bảng dữ liệu**) của các Chuyên gia chủ chốt, nếu không làm như vậy, Đề xuất tài chính của Tư vấn sẽ được hiệu chỉnh cho mục đích so sánh các đề xuất và quyết định trúng thầu theo quy trình nêu trong **Bảng dữ liệu**.  14.1.4 Tổng ngân sách cho dịch vụ, nêu rõ rằng nó đã bao gồm hay chưa bao gồm thuế, được nêu trong Bảng dữ liệu và Đề xuất tài chính sẽ không được vượt ngân sách này. | | |
| Định dạng và Nội dung Đề xuất Kỹ thuật | 15.1 Đề xuất kỹ thuật sẽ không bao gồm bất kỳ thông tin tài chính nào. Đề xuất kỹ thuật có chứa thông tin tài chính quan trọng sẽ bị tuyên bố là không đáp ứng.  15.2 Tùy thuộc vào bản chất của nhiệm vụ, Tư vấn được yêu cầu nộp đề xuất kỹ thuật đầy đủ (FTP), đề xuất kỹ thuật nhân sự (BTP) hoặc đề xuất kỹ thuật giản lược (STP) như được nêu trong **Bảng dữ liệu** và sử dụng mẫu chuẩn được cung cấp trong Chương 3 của RFP. | | |
| Đề xuất tài chính | 16.1 Đề xuất tài chính sẽ được chuẩn bị theo các Biểu mẫu được cung cấp trong **Phần 4** của RFP. Đề xuất tài chính phải liệt kê tất cả các chi phí liên quan đến nhiệm vụ tư vấn, bao gồm: (a) thù lao cho Chuyên gia chủ chốt và Chuyên gia không chủ chốt; (b) các chi phí khác; (c) các khoản tạm tính nếu có; và (d) dự phòng phí được nêu trong **Bảng dữ liệu**. | | |
| **Điều chỉnh giá** | 16.2 Đối với các nhiệm vụ có thời hạn trên 18 tháng, một điều khoản điều chỉnh giá đối với lạm phát nước ngoài và/hoặc lạm phát trong nước cho mức thù lao được áp dụng nếu được nêu như vậy trong **Bảng dữ liệu**. | | |
| **Thuế** | 16.3 Tư vấn, các Tư vấn phụ và các Chuyên gia có trách nhiệm thực hiện tất cả các nghĩa vụ thuế phát sinh từ Hợp đồng theo các hướng dẫn trong **Bảng dữ liệu**. | | |
| **Đồng tiền dự thầu** | 16.4 Tư vấn có thể chào giá cho Dịch vụ của mình bằng một hoặc nhiều đồng tiền như được nêu trong Bảng dữ liệu. Nếu được quy định trong Bảng dữ liệu, phần giá biểu thị chi phí trong nước sẽ được chào bằng đồng nội tệ. | | |
| **Đồng tiền thanh toán** | 16.5 Thanh toán cho Hợp đồng sẽ được thực hiện bằng một hoặc nhiều đồng tiền như được nêu trong Đề xuất tài chính. | | |
| C. Nộp, Mở và Đánh giá | | | |
| Nộp, niêm phong và đánh dấu các Đề xuất | | | * 1. Tư vấn sẽ nộp một Đề xuất hoàn chỉnh và được ký bao gồm các tài liệu và các biểu mẫu theo quy định tại Khoản 10 (Tài liệu bao gồm trong Đề xuất). Tư vấn có thể nộp trực tiếp hoặc gửi thư. Nếu được cho phép trong Bảng dữ liệu, Tư vấn có lựa chọn nộp Đề xuất của mình qua mạng.   2. Đại diện có thẩm quyền của Tư vấn phải ký vào Thư dự thầu gốc theo mẫu quy định cho cả Đề xuất kỹ thuật và, nếu áp dụng, Đề xuất tài chính và cần ký tắt vào tất cả các trang của cả hai Đề xuất đó. Việc ủy quyền phải được thể hiện dưới dạng văn bản ủy quyền được nộp kèm theo Đề xuất kỹ thuật.      1. Một đề xuất được nộp bởi JV sẽ phải được ký bởi tất cả các thành viên để có thể ràng buộc về mặt pháp lý đối với tất cả các thành viên, hoặc bởi một đại diện được ủy quyền mà có văn bản ủy quyền được ký bởi đại diện ủy quyền của từng thành viên.   3. Bất kì sửa đổi, hiệu chỉnh, xen kẽ, xóa hoặc ghi đè sẽ chỉ có hiệu lực nếu chúng được kí hoặc kí tắt bởi người kí Đề xuất.   4. Đề xuất được kí sẽ được đánh dấu là “BẢN GỐC” và các bản sao của nó được đánh dấu là “BẢN SAO” phù hợp. Số lượng bản sao yêu cầu được nêu trong **Bảng dữ liệu**. Tất cả các bản sao phải được chụp từ bản gốc đã kí. Nếu có sự khác biệt giữa bản gốc và bản sao, bản gốc sẽ được áp dụng. Nếu có sự khác biệt về thời gian nộp bản gốc và bản sao, thời gian nộp bản gốc sẽ được áp dụng.   5. Bản gốc và tất cả các bản sao của Đề xuất Kĩ thuật phải được đặt bên trong 1 phong bì dán kín ghi rõ **“ĐỀ XUẤT KĨ THUẬT”**, “[*điền: tên của nhiệm vụ tư vấn*],” số tham chiếu, tên và địa chỉ của Tư vấn, và với 1 cảnh báo **“KHÔNG MỞ CHO ĐẾN KHI [*GHI NGÀY VÀ THỜI HẠN NỘP ĐỀ XUẤT KĨ THUẬT*].”**   6. Tương tự, bản gốc Đề xuất Tài chính (nếu được yêu cầu cho hình thức lựa chọn áp dụng) sẽ được đặt bên trong 1 phong bì dán kín có ghi rõ **“ĐỀ XUẤT TÀI CHÍNH”,** sau đó là tên của nhiệm vụ tư vấn, số tham chiếu, tên và địa chỉ của Tư vấn kèm theo cảnh báo ***“KHÔNG MỞ VỚI ĐỀ XUẤT KĨ THUẬT”.***   7. Các phong bì dán kín có chứa các Đề xuất Kĩ thuật và Tài chính phải được đặt vào 1 phong bì bên ngoài và niêm phong. Phong bì bên ngoài này sẽ ghi địa chỉ gửi, số tham chiếu RFP, tên của nhiệm vụ tư vấn, tên của Tư vấn và địa chỉ, và được ghi rõ**: “KHÔNG ĐƯỢC MỞ TRƯỚC** [ghi ngày giờ đóng thầu được nêu trong **Bảng dữ liệu**]”.   8. Nếu phong bì và các tập hồ sơ Đề xuất không được niêm phong và đánh dấu như yêu cầu, Khách hàng sẽ không chịu trách nhiệm cho việc đặt sai vị trí, mất hoặc mở sớm Đề xuất. Đối với QCBS, FBS và LCS, nếu Đề xuất Tài chính và kĩ thuật không được nộp trong các phong bì niêm phong riêng biệt như yêu cầu, Khách hàng sẽ loại Đề xuất.   9. Đề xuất hoặc các sửa đổi của nó phải được gửi đến địa chỉ được nêu trong **Bảng dữ liệu** và được Khách hàng nhận được không muộn hơn thời điểm đóng thầu như trong **Bảng dữ liệu** hoặc bất kì thời điểm gia hạn nào. Bất kì Đề xuất hoặc sửa đổi nào mà Khách hàng nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ được tuyên bố nộp trễ và bị loại, và sẽ được trả lại nguyên trạng ngay lập tức. |
| Bảo mật | | | * 1. Kể từ thời điểm mở Đề xuất đến khi Trao thầu, Tư vấn không nên liên hệ với Khách hàng về bất kì vấn đề nào liên quan đến Đề xuất Kĩ thuật/Tài chính. Thông tin liên quan đến việc đánh giá Đề xuất và kiến nghị trao thầu sẽ không được tiết lộ cho Tư vấn đã nộp Đề xuất hoặc cho bất kì bên nào khác không liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn, cho đến khi công bố kết quả trúng thầu.   2. Bất kì nỗ lực nào của các Tư vấn trong danh sách ngắn hoặc bất kì ai thay mặt cho Tư vấn để gây ảnh hưởng không phù hợp đến Khách hàng trong việc đánh giá Đề xuất hoặc các quyết định Trao thầu có thể dẫn đến việc loại Đề xuất và có thể bị Ngân hàng áp dụng các thủ tục trừng phạt hiện hành của Ngân hàng.   3. Tuy vậy, kể từ thời điểm mở Đề xuất đến khi công bố kết quả trúng thầu, nếu Tư vấn muốn liên hệ với Khách hàng hoặc Ngân hàng về bất kì vấn đề nào liên quan đến quá trình lựa chọn, thì chỉ được liên hệ bằng văn bản. |
| Mở Đề xuất Kỹ thuật | | | * 1. Tổ chuyên gia chấm thầu của Khách hàng sẽ tiến hành mở Đề xuất Kĩ thuật trước sự hiện diện của đại diện có thẩm quyền của Tư vấn mà trong danh sách ngắn sẽ tham dự (trực tiếp tham dự, hoặc tham dự trực tuyến được gợi ý trong **Bảng dữ liệu**). Ngày, thời gian và địa chỉ mở thầu được nêu trong **Bảng dữ liệu**. Các phong bì với Đề xuất Tài chính sẽ được giữ nguyên niêm phong và được lưu trữ an toàn cho đến khi chúng được mở theo Điều 23 của ITC.   2. Khi mở các Đề xuất Kĩ thuật, những nội dung sau sẽ được đọc lên: (i) tên và quốc gia của Tư vấn, hoặc trong trường hợp JV thì sẽ là tên của JV, tên thành viên chính và tên quốc gia của tất cả các thành viên; (ii) có hay không có phong bì được niêm phong hợp lệ chứa Đề xuất Tài chính; (iii) bất kì sửa đổi đối với Đề xuất được nộp trước thời điểm đóng thầu; và (iv) mọi thông tin khác được coi là phù hợp hoặc được nêu trong **Bảng dữ liệu**. |
| Đánh giá Đề xuất | | | * 1. Theo quy định tại Khoản 15.1 của ITC, các Chuyên gia đánh giá Đề xuất Kĩ thuật sẽ không được xem các Đề xuất Tài chính cho đến khi hoàn thành Đánh giá Kĩ thuật và có thư “không phản đối” của Ngân hàng, nếu áp dụng.   2. Tư vấn không được phép thay thế hoặc sửa đổi Đề xuất của mình dưới bất kì hình thức nào sau thời điểm đóng thầu trừ khi được cho phép theo Khoản 12.7 của ITC này. Trong khi đánh giá các Đề xuất, Khách hàng sẽ tiến hành đánh giá theo quy trình được nêu trong Bảng dữ liệu và chỉ dựa trên các Đề xuất Kĩ thuật & Đề xuất Tài chính đã nộp.   3. Kể từ khi Khách hàng nhận được các đề xuất cho đến khi Hợp đồng được trao, Khách hàng sẽ không yêu cầu Tư vấn cung cấp làm rõ về bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Đề xuất Kỹ thuật hoặc Tài chính của Tư vấn. Trong các trường hợp đặc biệt và phải được ADB chấp thuận trước, Khách hàng có thể yêu cầu làm rõ liên quan đến việc làm rõ nhỏ hoặc sửa các lỗi hoặc không nhất quán hiển nhiên. Yêu cầu làm rõ này phải làm bằng văn bản và khi gửi cho tư vấn phải gửi bản sao cho ADB.   4. Bất kỳ yêu cầu làm rõ nào đều phải được gửi và trả lời bằng văn bản và ghi rõ ngày. |
| Đánh giá Đề xuất Kỹ thuật | | | * 1. Tổ chuyên gia của Khách hàng sẽ đánh giá các Đề xuất kỹ thuật trên cơ sở mức độ đáp ứng của họ đối với TOR và RFP, áp dụng các tiêu chí đánh giá, tiêu chí phụ và hệ thống điểm được nêu trong RFP. Mỗi Đề xuất đáp ứng sẽ được cho một điểm kỹ thuật. Đề xuất sẽ bị từ chối nếu không đạt được điểm kỹ thuật tối thiểu được nêu trong **Bảng dữ liệu**. |
| Đề xuất Tài chính cho Lựa chọn Dựa trên Chất lượng | | | * 1. Theo xếp hạng của Đề xuất kỹ thuật, khi hình thức lựa chọn là QBS - lựa chọn chỉ dựa trên chất lượng, Tư vấn được xếp hạng cao nhất được mời đàm phán Hợp đồng.   22.2 Nếu Đề xuất tài chính được mời cùng với Đề xuất kỹ thuật, chỉ có Đề xuất tài chính của Tư vấn được xếp hạng kỹ thuật cao nhất mới được mở bởi tổ chuyên gia của Khách hàng. Tất cả các Đề xuất tài chính khác được trả lại nguyên trạng sau khi đàm phán Hợp đồng được kết thúc thành công và Hợp đồng được ký kết. |
| * + 1. Mở công khai các Đề xuất Tài chinh cho Lựa chọn dựa trên chất lượng và chi phí (QCBS), lựa chọn theo ngân sách cố định (FBS), và lựa chọn theo phương pháp chi phí thấp nhất (LCS) | | | * 1. Sau khi hoàn thành đánh giá kỹ thuật và Ngân hàng đã có thư không phản đối (nếu áp dụng), Khách hàng sẽ thông báo cho các Tư vấn mà Đề xuất được đánh giá là không đáp ứng với yêu cầu của RFP và TOR hoặc không đáp ứng điểm đạt kỹ thuật tối thiểu (và sẽ cung cấp thông tin liên quan đến tổng điểm kỹ thuật của Tư vấn) rằng các Đề xuất Tài chính của họ sẽ được trả lại nguyên trạng sau khi hoàn tất quy trình lựa chọn và ký kết Hợp đồng. Khách hàng sẽ đồng thời thông báo bằng văn bản cho các Tư vấn đã đạt được điểm kỹ thuật tổng thể trên mức đáp ứng tối thiểu và thông báo cho họ về ngày, thời gian và địa điểm mở các Đề xuất Tài chính. Ngày mở Đề xuất Tài chính cần được chọn phù hợp để cho phép Tư vấn có đủ thời gian để sắp xếp tham dự lễ mở Đề xuất Tài chính. Sự tham dự của Tư vấn tại lễ mở Đề xuất Tài chính (trực tiếp hoặc trực tuyến nếu tham dự trực tuyến được cho phép trong **Bảng dữ liệu**) là tùy chọn và theo quyết định của Tư vấn.   2. Các Đề xuất Tài chính sẽ được mở bởi tổ chuyên gia của Khách hàng với sự có mặt của các đại diện của các Tư vấn mà các đề xuất của họ đã vượt qua điểm đạt kỹ thuật tối thiểu. Khi mở Đề xuất Tài chính, tên của Tư vấn và điểm kỹ thuật tổng thể sẽ được công bố. Các Đề xuất Tài chính sau đó sẽ được kiểm tra để xác nhận rằng chúng vẫn được niêm phong và chưa bị mở. Các Đề xuất Tài chính này sau đó sẽ được mở và tổng giá được đọc và ghi lại. Các bản sao của biên bản mở Đề xuất Tài chính sẽ được gửi cho tất cả các Tư vấn đã nộp Đề xuất. |
| Sửa lỗi | | | 24.1 Các hoạt động và hạng mục được mô tả trong Đề xuất Kỹ thuật nhưng không được chào giá trong Đề xuất Tài chính, sẽ được coi là được bao gồm trong giá của các hoạt động 2-14 hoặc hạng mục khác và Đề xuất Tài chính sẽ không được điều chỉnh. |
|  | | | 24.2 Theo 16.1 ở trên, Tư vấn phải nộp đề xuất giá chi tiết[[3]](#footnote-4). Tổ chuyên gia chấm thầu của Khách hàng sẽ: (a) sửa bất kỳ lỗi tính toán hoặc lỗi số học nào; và (b) điều chỉnh giá nếu giá chào không phản ánh tất cả các đầu vào được bao gồm cho các hoạt động hoặc hạng mục tương ứng trong Đề xuất kỹ thuật. Nếu có sự khác biệt giữa: (i) một phần (tổng phụ) và tổng số tiền; hoặc (ii) giữa số tiền có được bằng cách nhân một đơn giá với số lượng và tổng giá; hoặc (iii) giữa các giá trị bằng chữ và bằng số thì giá trị nêu phía trước ở các tình huống đó (đó là tổng phụ; đơn giá x số lượng; giá trị bằng chữ) sẽ được sử dụng để hiệu chỉnh. Trong trường hợp có sự khác biệt về số lượng đầu vào được nêu trong Đề xuất kỹ thuật và Đề xuất Tài chính, số lượng nêu trong Đề xuất kỹ thuật sẽ được sử dụng và tổ chuyên gia chấm thầu của Khách hàng sẽ điều chỉnh số lượng được nêu trong Đề xuất Tài chính để phù hợp với quy định trong Đề xuất kỹ thuật, áp dụng đơn giá có liên quan chào trong Đề xuất tài chỉnh cho số lượng đã điều chỉnh và sửa tổng chi phí Đề xuất. |
| Thuế | | | Trừ khi được quy định trong **Bảng dữ liệu**, tất cả các loại thuế được coi là bao gồm trong Đề xuất Tài chính của Tư vấn, và do đó, được bao gồm trong Bảng đánh giá. |
| Chuyển đổi sang tiền tệ duy nhất | | | 26.1 Để phục vụ đánh giá, giá dự thầu sẽ được chuyển đổi thành một đồng tiền chung sử dụng tỷ giá bán ra, nguồn và ngày được quy định trong **Bảng dữ liệu**. |
| Đánh giá chất lượng và chi phí kết hợp | | |  |
| **Lựa chọn dựa trên chất lượng và chi phí (QCBS)** | | * 1. Khi áp dụng QCBS, tổng số điểm được tính bằng cách tính trọng số điểm kỹ thuật và tài chính và cộng chúng theo công thức và hướng dẫn trong **Bảng dữ liệu**. Tư vấn đạt điểm số kỹ thuật và tài chính kết hợp cao nhất sẽ được mời đàm phán. | | | |
| **Lựa chọn dựa theo ngân sách cố định** **(FBS)** | | 27.2 Khi áp dụng FBS, những Đề xuất vượt quá ngân sách được nêu trong Khoản 14.1.4 của **Bảng dữ liệu** sẽ bị loại.  27.3 Khách hàng sẽ chọn Tư vấn đã nộp Đề xuất kỹ thuật với số điểm cao nhất không vượt quá ngân sách được ghi trong RFP và mời Tư vấn đó vào đàm phán Hợp đồng. | | | |
| **Lựa chọn dựa theo chi phí thấp nhất** **(LCS)** | | 27.4 Khi áp dụng LCS, Khách hàng sẽ chọn Tư vấn có tổng giá được đánh giá thấp nhất trong số các nhà tư vấn đạt được điểm kỹ thuật trên mức đáp ứng tối thiểu và mời Tư vấn đó vào đàm phán Hợp đồng. | | | |
|  | | **D. Đàm phán và trao thầu** | | | |
| Đàm phán | | | 28.1 Các cuộc đàm phán sẽ được tổ chức vào ngày và địa chỉ được ghi trong **Bảng dữ liệu** với (các) đại diện của Tư vấn. Người đại diện phải có giấy ủy quyền để đàm phán và ký Hợp đồng thay mặt cho Tư vấn.  28.2 Khách hàng sẽ chuẩn bị biên bản đàm phán, sẽ được ký bởi Khách hàng và đại diện ủy quyền của Tư vấn. | | |
| **Sự sẵn có của các Chuyên gia chủ chốt** | | | 28.3 Tư vấn được mời sẽ xác nhận sự sẵn có của tất cả các Chuyên gia chủ chốt nêu trong Đề xuất, đây là điều kiện tiên quyết cho các cuộc đàm phán, hoặc, nếu áp dụng, Chuyên gia được thay thế theo Khoản 12 của ITC. Việc không xác nhận tính sẵn sàng của Chuyên gia chủ chốt có thể dẫn đến việc loại Đề xuất của Tư vấn và Khách hàng tiến hành đàm phán Hợp đồng với Tư vấn được xếp hạng tiếp theo.  28.4 Mặc dù vậy, việc thay thế các Chuyên gia chủ chốt trong các cuộc đàm phán có thể được xem xét nếu việc thay thế này hoàn toàn do các trường hợp nằm ngoài sự kiểm soát và không lường trước được của Tư vấn, bao gồm nhưng không giới hạn ở tử vong hoặc gặp vấn đề về y tế không thể làm việc được. Trong trường hợp này, Tư vấn sẽ cung cấp một Chuyên gia chủ chốt thay thế trong khoảng thời gian được quy định trong thư mời đàm phán Hợp đồng. Chuyên gia được thay thế sẽ có trình độ và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với Chuyên gia chủ chốt ban đầu. | | |
| **Đàm phán kĩ thuật** | | | 28.5 Các cuộc đàm phán bao gồm các cuộc thảo luận về TOR, phương pháp được đề xuất, các yếu tố đầu vào của Khách hàng, các điều kiện cụ thể của Hợp đồng và hoàn thiện phần “Mô tả về Dịch vụ” của Hợp đồng. Các cuộc đàm phán này sẽ không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo TOR hoặc các điều khoản của Hợp đồng, vì như vậy thì chất lượng của sản phẩm cuối cùng, giá của nó hoặc sự phù hợp của đánh giá ban đầu sẽ bị ảnh hưởng. | |
| **Đàm phán tài chính** | | | 28.6 Các cuộc đàm phán bao gồm việc làm rõ trách nhiệm thuế của Tư vấn viên tại quốc gia của Khách hàng và cách phản ánh trong Hợp đồng.  28.7 Nếu phương pháp lựa chọn bao gồm chi phí là một yếu tố trong đánh giá, thì tổng giá được nêu trong Đề xuất tài chính cho hợp đồng trọn gói, luôn được điều chỉnh theo 24.2 ở trên, sẽ không được đàm phán. |
| Kết thúc Đàm phán | | | * 1. Các cuộc đàm phán được kết thúc bằng việc xem xét dự thảo Hợp đồng đã hoàn thành, mà sau đó sẽ được ký tắt bởi Khách hàng và đại diện ủy quyền của Tư vấn.   2. Nếu các cuộc đàm phán thất bại, Khách hàng sẽ thông báo cho Tư vấn bằng văn bản về tất cả các bất đồng và những vấn đề đang chờ được xử lý và cung cấp cơ hội cuối cùng để Tư vấn phản hồi. Nếu bất đồng vẫn còn, Khách hàng sẽ chấm dứt các cuộc đàm phán và thông báo cho Tư vấn về lý do chấm dứt bằng văn bản. Sau khi nhận được thư không phản đối của Ngân hàng, Khách hàng sẽ mời Chuyên gia tư vấn được xếp hạng tiếp theo để đàm phán Hợp đồng. Khi Khách hàng bắt đầu đàm phán với Tư vấn được xếp hạng tiếp theo, Khách hàng sẽ không mở lại các cuộc đàm phán trước đó. |
| Trao thầu | | | * 1. Sau khi hoàn tất đàm phán, Khách hàng sẽ trình để có thư không phản đối của Ngân hàng về Hợp đồng dự thảo đã đàm phán, nếu áp dụng; ký Hợp đồng; thông báo kết quả trúng thầu theo hướng dẫn trong **Bảng dữ liệu**; và ngay lập tức thông báo cho các tư vấn khác trong danh sách ngắn.   2. Tư vấn dự kiến sẽ bắt đầu thực hiện nhiệm vụ vào ngày và tại địa điểm được nêu trong **Bảng dữ liệu**. |
| Khiếu nại Liên quan đến Đấu thầu | | | 31.1 Các quy trình thực hiện khiếu nại liên quan đến đấu thầu được quy định trong **Bảng dữ liệu**. |

**E. Bảng dữ liệu**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Tổng quát** | |
| **Tham chiếu điều khoản ITC** |  |
| **1 (b)** | **Hướng dẫn áp dụng**  Chính sách đấu thầu của ADB 2017 (Chính sách) và Quy chế đấu thầu cho Bên vay ADB 2017 (được sửa đổi theo thời gian) (Quy định đấu thầu) |
| **1 (c)** | **Quốc gia áp dụng Luật**  Không có |
| **1(k)[[4]](#footnote-5)**  **(định nghĩa)** | **Các Chuyên gia**  ADB phân biệt giữa các Chuyên gia Quốc tế và Chuyên gia Trong nước.  Chuyên gia Quốc tế  Chuyên gia quốc tế có nghĩa là chuyên gia có trình độ và kinh nghiệm cần thiết cho một vị trí quốc tế.  Lưu ý rằng theo ITC 6.2.1, Chuyên gia Quốc tế được thuê hoặc thuê bởi một công ty tư vấn đủ điều kiện sẽ được coi là đủ điều kiện bất kể quốc tịch của họ.  Chuyên gia Trong nước  Công dân của quốc gia Khách hàng có kinh nghiệm quốc tế phù hợp có thể được xem xét cho các nhiệm vụ đòi hỏi chuyên môn quốc tế tại quốc gia của công dân đó.  Các cá nhân của các quốc gia thành viên của ADB có giấy phép phù hợp để cư trú và làm việc hợp pháp tại quốc gia được giao nhiệm vụ nhưng không mang quốc tịch của quốc gia đó cũng có thể được coi là tư vấn quốc gia. |
| **2.1** | **Phương pháp lựa chọn**  **Tên Khách hàng:** Ban Quản lý dự án Hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp Hợp phần 3  **Phương pháp lựa chọn:** Tuyển chọn Năng lực Tư vấn (CQS) theo 1 b. |
| **2.2** | **Nộp Đề xuất**  **Đề xuất Tài chính được nộp cùng Đề xuất Kĩ thuật:**  Có  **Tên của nhiệm vụ tư vấn là:** LS-ARVC-LS01: Tư vấn giám sát thi công công trình thuộc Hợp phần 3 tại tỉnh Lạng Sơn |
| **2.3** | **Tên của nhiệm vụ tư vấn là**  **Một hội nghị tiền đấu thầu sẽ được tổ chức:** Không |
| **2.4** | **Thông tin cho việc chuẩn bị đề xuất**  Khách hàng sẽ cung cấp các đầu vào, dữ liệu dự án, báo cáo, v.v. sau đây để tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuẩn bị các Đề xuất:  *[[Vui lòng tham khảo* ***Phần*** *7, TOR]* |
| **3.3.4** | **Xung đột trong các mối quan hệ**  *Không áp dụng* |
| **4.1** | **Lợi thế cạnh tranh không lành mạnh**  *Không áp dụng* |
| **6.3.1** | **Danh sách cấm tham gia của ADB**  Một danh sách được công bố của các công ty và cá nhân bị cấm đấu thầu được đăng trên trang web của Ngân hàng<https://www.adb.org/site/Integrity/sanctions> |
| **B. Chuẩn bị cho bản đề xuất** | |
| **9.1** | **Ngôn ngữ**  RFP này đã được ban hành bằng tiếng Anh trừ khi quy định khác được Ngân hàng đồng ý.  Các Đề xuất sẽ được nộp bằng tiếng Anh trừ khi quy định khác được Ngân hàng đồng ý.  Tất cả các thư từ sẽ bằng tiếng Anh trừ khi quy định khác được Ngân hàng đồng ý. |
| **10.1** | **Các Tài liệu cấu thành bản đề xuất**  Đề xuất sẽ bao gồm những điều sau đây:  **Đối với ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT NHÂN SỰ** **(BTP):**  **Phong bì bên trong thứ 1 có Đề xuất kỹ thuật:**  (1) Giấy ủy quyền cho đại diện ký Đề xuất  (2) Bằng chứng về tình trạng pháp lý và tư cách hợp lệ của Tư vấn  (3) TECH-1  (4) TECH-5  (5) TECH-6  VÀ  **Phong bì bên trong thứ 2 có Đề xuất Tài chính (nếu có):**  (1) FIN-1  (2) FIN-2  (3) FIN-3  (4) FIN-4  Bằng chứng về tình trạng pháp lý chứng minh năng lực pháp lý của Tư vấn để ký kết các hợp đồng ràng buộc và có thể thực thi và sẽ được hỗ trợ bởi các tài liệu sau hoặc các tài liệu tương đương như được Ngân hàng cho là chấp nhận được:   * Giấy chứng nhận thành lập công ty tại một quốc gia thành viên ADB * Quan hệ đối tác được tổ chức hợp lệ tại một quốc gia thành viên ADB * Các trường đại học, tổ chức, tổ chức khu vực công và các tổ chức phi chính phủ không được thành lập hợp pháp sẽ cung cấp các tài liệu khác xác lập năng lực pháp lý của họ để ký kết hợp đồng ràng buộc và có hiệu lực với Khách hàng (như điều lệ, quy chế, v.v.).   *[Vui lòng tham khảo* ***KIỂM TRA CÁC BIỂU MẪU YÊU CẦU TRONG*** ***Phần*** *3.]* |
| **12.1** | **Hiệu lực của Đề xuất**  Các Đề xuất phải còn hiệu lực cho [ghi số ngày: thông thường không dưới 120 ngày] ngày sau thời điểm đóng thầu (nghĩa là cho đến khi: *17/7/2024*). |
| **13.1** | **Làm rõ yêu cầu của Đề xuất**  **Làm rõ có thể được yêu cầu không muộn hơn [07] ngày trước thời điểm đóng thầu.**  Thông tin liên lạc để yêu cầu làm rõ là:  **Nguyễn Phúc Đạt,** Giám đốc dự án  Ban Quản lý dự án Hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp Hợp phần 3  Thuộc Dự án hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc  Facsimile: 02053.874.391,  E-mail: banqldahp3.htdb@gmail.com |
| **14.1.1** | **Chuẩn bị cho bản đề xuất – Cân nhắc Cụ thể  (Liên kết với các Tư vấn trong danh sách ngắn)**  Tư vấn trong danh sách ngắn có thể liên kết với  **(a) (Các) Tư vấn không trong danh sách:** Có  **(b) Các Tư vấn trong danh sách ngắn khác (các công ty hàng đầu và các đối tác liên doanh):**  Không |
| **14.1.2** | **Chuẩn bị cho bản đề xuất – Cân nhắc Cụ thể**  **Tổng thời gian đầu vào ước tính của các chuyên gia chủ chốt quốc tế:**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ người - tháng**  *Không áp dụng*  **Tổng thời gian đầu vào ước tính của các chuyên gia chủ chốt trong nước: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ người - tháng**  *Không áp dụng*  ***Tổng chi phí ước tính của nhiệm vụ: 3.092.145.000 VND bao gồm các khoản tạm tính và dự phòng, bao gồm tất cả các loại thuế ngoại trừ thuế địa phương được xác định trong DS 25*** |
| **14.1.3** | **Chuẩn bị cho bản đề xuất – Cân nhắc Cụ thể  (Đầu vào thời gian và chi phí tối thiểu cho các hợp đồng theo thời gian)**  **Thời gian đầu vào tối thiểu của các chuyên gia chủ chốt quốc tế là \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_người - tháng.**  *Không áp dụng*  **Thời gian đầu vào tối thiểu của các chuyên gia chủ chốt trong nước là: 138người - tháng**  Chỉ dành cho việc đánh giá và so sánh các Đề xuất: nếu Đề xuất bao gồm ít  hơn thời gian đầu vào tối thiểu bắt buộc, Khách hàng sẽ điều chỉnh giá đề xuất theo Hướng dẫn về Đánh giá Tài chính. ADB. 2016. Hướng dẫn về Đánh giá Đề xuất Tài chính (Khoản vay/Tài trợ). Manila. <https://www.adb.org/documents/guidance-note-financial-proposal-evaluation-loans-grants>.  Các Đề xuất chào cao hơn mức tối thiểu thời gian đầu vào yêu cầu sẽ không  bị điều chỉnh. |
| **15.2** | **Quy cách Đề xuất kỹ thuật**  Quy cách của Đề xuất kỹ thuật được nộp là: BTP  [Vui lòng tham khảo Danh sách kiểm tra các biểu mẫu bắt buộc trong **Phần** 3  Việc nộp Đề xuất kỹ thuật ở quy cách không chính xác có thể dẫn đến Đề xuất được coi là không đáp ứng với các yêu cầu RFP. |
| **16.1** | ***Đề xuất tài chính***   1. *một khoản trợ cấp lưu trú, bao gồm cả khách sạn, cho các chuyên gia khi không làm việc tại văn phòng thường trú để thực hiện Dịch vụ;* 2. *chi phí đi lại bằng phương tiện vận chuyển phù hợp nhất và tuyến đường trực tiếp nhất có thể;* 3. *chi phí văn phòng hành chính, bao gồm chi phí chung và chi phí hỗ trợ;* 4. *chi phí liên lạc;* 5. *chi phí mua hoặc thuê hoặc vận chuyển bất kỳ thiết bị nào được yêu cầu cung cấp bởi Tư vấn;* 6. *chi phí sản xuất báo cáo (bao gồm in ấn) và giao cho Khách hàng;* 7. *nhân viên hỗ trợ văn phòng;* 8. *bảo hiểm (ví dụ: y tế liên quan đến đi lại, trách nhiệm nghề nghiệp, xe cơ giới, bên thứ ba, thiết bị, trách nhiệm của người sử dụng lao động và bồi thường cho công nhân) trừ khi bảo hiểm đó được bao gồm trong chi phí chung);* 9. *các khoản phụ cấp khác nếu áp dụng.*   *Không áp dụng số tiền tạm tính và dự phòng.* |
| **16.2** | **Điều chỉnh giá**  Một điều khoản điều chỉnh giá áp dụng cho mức thù lao:  *Không áp dụng* |
| **16.3 và 25** | **Tham khảo Thuế**  “Thông tin về nghĩa vụ thuế của Tư vấn tại quốc gia của Khách hàng có thể được tìm bằng cách liên hệ với Tổng cục Thuế, 123 Lò Đúc, Hà Nội, Việt Nam. Số điện thoại: (024)-3971230; Fax: (024)-39712286; website: [www.gdt.gov.vn](http://www.gdt.gov.vn)  **Đánh giá Thuế**  (ITC 25) Trừ những trường hợp được nêu dưới đây, tất cả các loại thuế được coi là có trong Đề xuất Tài chính của Tư vấn, và do đó, được đưa vào quá trình đánh giá.  Khách hàng không tính đến các loại thuế sau trong quá trình đánh giá Đề xuất Tài chính. Do đó, Tư vấn sẽ không đưa vào các loại thuế sau trong Đề xuất Tài chính của mình:  (a) tất cả các loại thuế gián tiếp có thể xác định được tại địa phương như thuế bán hàng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT hoặc các loại thuế tương tự đánh vào hóa đơn hợp đồng; và  (b) tất cả thuế địa phương bổ sung đối với thù lao dịch vụ do các chuyên gia không cư trú của Tư vấn viên thực hiện tại quốc gia của Khách hàng.  Tuy nhiên, nếu Tư vấn bao gồm các loại thuế trên trong Đề xuất tài chính của mình, thì Khách hàng sẽ **không thực hiện điều chỉnh** nào cho mục đích đánh giá.  **Đàm phán Thuế**  Trong các cuộc đàm phán hợp đồng, các loại thuế địa phương được mô tả ở trên sẽ được thảo luận và thống nhất (sử dụng danh sách được chia thành từng khoản làm hướng dẫn) và được thêm vào số tiền hợp đồng trong các dòng riêng biệt, nếu cần, đồng thời nêu rõ loại thuế nào Nhà tư vấn sẽ nộp và loại thuế nào được giữ lại và được Khách hàng thanh toán thay cho Tư vấn. |
| **16.4** | **Đồng tiền dự thầu của đề xuất**  Tư vấn phải nêu rõ các khoản chi phí địa phương bằng đồng tiền quốc gia của Chủ đầu tư (nội tệ) : **Có** |
| **C. Nộp, Mở và Đánh giá** | |
| **17.1** | **Nộp Đề xuất qua mạng**  Tư vấn *sẽ không* có tùy chọn gửi Đề xuất bằng phương tiện điện tử |
| **17.4** | **Nộp Đề xuất**  Tư vấn phải nộp:  (a) Đề xuất Kỹ thuật**:**  i. one (1) original and 04 copies to the Khách hàng; and  ii. một (1) bản gốc và \_\_\_\_ *[*04*]* bản sao cho Khách hàng; và   * 1. một (1) bản mềm ở định dạng PDF cho Trụ sở ADB, Manila   tại [loanconsultingproposals@adb.org](mailto:loanconsultingproposals@adb.org) và bao gồm các thông tin sau về dòng tiêu đề của email: Khách hàng, Quốc gia, Dự án, tên của hãng tư vấn). KHÔNG BAO GỒM ĐỀ XUẤT TÀI CHÍNH  (b) Đề xuất tài chính**:** một (1) bản gốc cho Khách hàng.  Các quy trình như được mô tả trong 17.1 sẽ áp dụng khi nộp đề xuất qua mạng. |
| **17.7 và 17.9** | **Thời hạn nộp Đề xuất**  Các đề xuất phải được nhận tại địa chỉ dưới đây không muộn hơn:  Ngày: *17 tháng 3 năm 2024]*  Thời gian: *16:00 giờ địa phương*  Địa chỉ nộp Đề xuất là:  **Nguyễn Phúc Đạt,** Giám đốc dự án  Ban Quản lý dự án Hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp Hợp phần 3  Thuộc Dự án hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc  Facsimile: 02053.874.391;  E-mail: banqldahp3.htdb@gmail.com  Tư vấn được yêu cầu nộp các bản sao của Đề xuất kỹ thuật cùng lúc cho  ADB HQ tại Manila và Cơ quan thường trú của ADB:  Đối với Trụ sở ADB, Manila:  Một (1) bản mềm ở định dạng PDF tới Trụ sở ADB, Manila tại [loanconsultingproposals@adb.org](mailto:loanconsultingproposals@adb.org)  Đối với Cơ quan thường trú của ADB trong nước:  Một (1) bản mềm ở định dạng PDF tới bà Khúc Thị Lan Hương, tại [kthuong@adb.org](mailto:kthuong@adb.org) |
| **19.1** | **Mở Đề xuất Kỹ thuật**  Có phương án cho phép mở Đề xuất Kỹ thuật trực tuyến:  Không  Lễ mở Đề xuất Kỹ thuật sẽ diễn ra tại: Số 118 đường Ba Son, thôn Đồi Chè, xã Hoàng Đông, thành phố Lạng Sơn  *Tương tự như địa chỉ nộp Đề xuất*  Ngày: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ giống như thời hạn nộp trong 17.7.  Thời gian: *16:00 giờ địa phương, ngày 17 tháng 3 năm 2024* |
| **19.2** | **Thông tin cần đọc và ghi lại trong khi mở Đề xuất kỹ thuật**  Ngoài ra, các thông tin sau sẽ được đọc to khi mở Đề xuất kỹ thuật  Xác nhận rằng thư mời nộp đề xuất đã không được chuyển cho một bên khác. |
| **20.2** | **Đánh giá đề xuất tài chính**  Khách hàng sẽ tuân theo Hướng dẫn về Đánh giá Tài chính. ADB. 2016. Hướng dẫn về Đánh giá Đề xuất Tài chính (Khoản vay/Tài trợ), Manila. <https://www.adb.org/documents/guidance-note-financial-proposal-evaluation-loans-grants> |
| **21.1** | **Tiêu chí đánh giá**  Các tiêu chí đánh giá, tiêu chí phụ và hệ thống điểm được quy định trong Bảng đánh giá nhân sự và đánh giá tổng hợp được đính kèm với **Bảng dữ liệu.**  Điểm kỹ thuật tối thiểu (St) cần thiết để đạt là: 750 (tối đa 1000 điểm) |
| **23.1** | **Mở công khai các Đề xuất Tài chính**  Một tùy chọn trực tuyến để mở Đề xuất tài chính được cung cấp:  Không |
| **26.1** | **Chuyển đổi sang một đồng tiền chung**  Đồng tiền chung để chuyển đổi tất cả các giá trị được thể hiện bằng nhiều loại tiền khác nhau thành một loại duy nhất là: USD  Nguồn chính thức của tỷ giá bán ra là: Vietcombank  Ngày của tỷ giá hối đoái là: Ngày mở Đề xuất tài chính |
| **D. Đàm phán và trao thầu** | |
| **28.1** | **Đàm phán**  Ngày và địa chỉ dự kiến cho các cuộc đàm phán hợp đồng:  Ngày: Ngày sẽ được thông báo chính thức cho Tư vấn  Địa chỉ:  Ban Quản lý dự án Hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp Hợp phần 3  Thuộc Dự án hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc  Địa chỉ: Số 118 Đường Ba Son, Thôn Đồi Chè, Xã Hoàng Đồng, Thành Phố Lạng Sơn, Việt Nam  Facsimile: 02053.874.391  E-mail: [banqldahp3.htdb@gmail.com](mailto:banqldahp3.htdb@gmail.com) |
| **30.1** | **Thông báo trao Thầu**  Việc đăng tải thông báo trao hợp đồng sau khi hoàn thành đàm phán hợp đồng  và ký kết hợp đồng sẽ được thực hiện như sau: http://muasamcong.mpi.gov.vn và Báo cáo đấu thầu Việt Nam của Bộ KHĐT  Việc đăng tải sẽ diễn ra trong vòng *[10]* ngày sau khi ký hợp đồng. |
| **30.2** | **Ngày bắt đầu dịch vụ**  Ngày dự kiến bắt đầu Dịch vụ: 07/5/2024 tại Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam |
| **31.1** | **Khiếu nại Liên quan đến Đấu thầu**  Các thủ tục khiếu nại liên quan đến đấu thầu được nêu chi tiết trong đoạn 1.31 và 1.32 của Quy chế đấu thầu. Nếu Tư vấn muốn khiếu nại liên quan đến đấu thầu, Tư vấn sẽ gửi khiếu nại theo các thủ tục này, bằng văn bản (bằng các phương tiện nhanh nhất có sẵn, như qua email hoặc fax), tới:  Gửi đến: *Ông Nguyễn Phúc Đạt*  Chức vụ: *Giám đốc dự án*  Khách hàng: Ban Quản lý dự án Hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp Hợp phần 3  *Dự án:* Dự án hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc  Địa chỉ email: [banqldahp3.htdb@gmail.com](mailto:banqldahp3.htdb@gmail.com)  Số fax: 02053.874.391  Tóm lại, một khiếu nại liên quan đến đấu thầu có thể bao gồm bất kỳ điều nào sau đây::   1. Các điều khoản của HSMT tư vấn (RFP) này; 2. Quyết định của Khách hàng loại một Tư vấn khỏi quá trình lựa chọn trước khi trao hợp đồng; và 3. Quyết định trao hợp đồng của Khách hàng. |

**BẢNG TÓM TẮT VÀ ĐÁNH GIÁ NHÂN SỰ DỰA TRÊN ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ**

**(CQS)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm tối đa** | | **Hãng 1** | | **Hãng 2** | | | **Hãng 3** | | **Hãng 4** | | | **Hãng 5** | | **Hãng 6** | |
| **Đánh giá** | **Điểm** | **Đánh giá** | | **Điểm** | **Đánh giá** | **Điểm** | **Đánh giá** | **Điểm** | | **Đánh giá** | **Điểm** | **Đánh giá** | **Điểm** |
| **I** | **Kế Hoạch Nhân Sự & Kế Hoạch Công Việc** | **100** | |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |
| **II** | **Trình bày đề xuất** | **60** | |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |
| **II** | **Nhân sự (Lĩnh vực chuyên môn)** | **840** | |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |
| a | Trưởng nhóm\* | 100 | |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |
| b | Trưởng nhóm/Tư vấn giám sát trưởng/Chuyên gia giám sát thi công các công trình giao thông | 200 | |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |
| c | Phó trưởng nhóm/Tư vấn giám sát trưởng/Chuyên gia giám sát các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Thủy lợi) | 220 | |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |
| d | Chuyên gia giám sát thi công công trình giao thông (Đường bộ) | 180 | |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |
| e | Chuyên gia HSET (Sức khỏe, An toàn, Môi trường và Giao thông) | 140 | |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG (I+II+III)** | **1000** | |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |
| **Đánh giá:** Xuất sắc: 100%; Rất tốt: 90 - 99%; Trên trung bình: 80 - 89%; Trung bình: 70 - 79%; Dưới trung bình: 1 - 69% Không tuân thủ: 0% | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | **[Vui lòng tham khảo F. Không đủ điều kiện của một chuyên gia, Phần 2, RFP** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Điểm: Điểm tối đa Đánh giá/100** | | | **\* Trưởng nhóm phải là Tư vấn giám sát trưởng/Chuyên gia giám sát thi công công trình giao thông** | | | | | | | | | | | | | | |
| Tiêu chí được phê duyệt bởi: | | | Ngày phê duyệt: / /2024 | | | | Đánh giá bởi: | | | | | | Ngày đánh giá: / /2024 | | | | |
| **GIÁM ĐỐC** | | |  | | | | **TỔ CHẤM THẦU** | | | | | |  | | | | |

**ĐÁNH GIÁ CÁC CHUYÊN GIA CHÍNH**

**HÃNG: …….**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chức vụ** | **Họ tên** | | **A** | | **B** | | **C** | | **TỔNG CỘNG**  **(A+B+C)** |
| Kinh nghiệm chung | | Kinh nghiệm liên quan đến dự án | | Kinh nghiệm làm việc với các tổ chức quốc tế | |
|  | **Chuyên gia chủ chốt (Quốc gia)** | **15%** | | **70%** | | **15%** | |
| Đánh giá | Điểm | Đánh giá | Điểm | Đánh giá | Điểm |  |
| **1** | **Chuyên gia thiết kế (Quốc gia)** |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| a | Trưởng nhóm\* |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| b | Trưởng nhóm/Tư vấn giám sát trưởng/Chuyên gia giám sát thi công các công trình giao thông |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| c | Phó trưởng nhóm/Tư vấn giám sát trưởng/Chuyên gia giám sát các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Thủy lợi) |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| d | Chuyên gia giám sát thi công công trình giao thông (Đường bộ) |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| e | Chuyên gia HSET (Sức khỏe, An toàn, Môi trường và Giao thông) |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| **Đánh giá:** Xuất sắc: 100%; Rất tốt: 90 - 99% Trên trung bình: 80 - 89%; Trung bình: 70 - 79%; Dưới trung bình: 1 - 69% Không tuân thủ: 0% | | | | | | | | | | |
|  | [Vui lòng tham khảo F. Không đủ điều kiện của một chuyên gia, **Phần 2, RFP** | | | | | | | | | |
| **Điểm: Điểm tối đa Đánh giá/100** | | | **\* Trưởng nhóm phải là Tư vấn giám sát trưởng/Chuyên gia giám sát thi công công trình giao thông** | | | | | | | |

**F. Việc loại chuyên gia**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Chuyên gia sẽ bị cho điểm 0 (0%) dẫn đến việc bị loại trong**  **các trường hợp cụ thể sau:** | **Tham chiếu** |
| 1. | Chuyên gia được đề xuất cho một vị trí chuyên gia trong nước  nhưng không đáp ứng các tiêu chí cần thiết như được định nghĩa trong DS 1(k). | ITC 6.2,  DS 1(k) |
| 2. | Chuyên gia đã không nêu rõ quốc tịch của mình trên sơ yếu lý  lịch. | ITC 6.1/2,  **Phần** 6,  TECH-6 |
| 3. | Chuyên gia là một nhân viên hiện tại của Khách hàng. | ITC 6.2/6.3.4, TECH-6 |
| 4. | Tư vấn và chuyên gia không công bố bất kỳ tình huống nào của  một xung đột lợi ích thực tế hoặc tiềm năng, bị trừng phạt, lịch  sử phạm tội hoặc các thông tin khác mà sẽ khiến chuyên gia  không đủ tư cách hợp lệ theo **Phần** 5 và 6 về chuyên gia. | ITC 3/6.2,  **Phần** 5, 6 |

# Phần 3. Đề Xuất Kỹ Thuật – Mẫu Chuẩn

*[Các ghi chú dành cho Tư vấn được trình bày trong ngoặc trong suốt Phần 3, hướng dẫn Tư vấn chuẩn bị Đề xuất Kỹ thuật; nên xóa trong đề xuất cuối cùng trước khi gửi đi]*

###### Danh sách kiểm tra các biểu mẫu bắt buộc

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Yêu cầu cho FTP, STP hoặc BTP** | | | **MẪU** | **MÔ TẢ** | ***Giới hạn trang*** | | | | |
| **FTP** | **STP** | **BTP** |  |  |  | | | | |
| √ | √ | √ | TECH-1 | Biểu mẫu nộp đề xuất kỹ thuật. |  | | | | |
| √ | √ | √ | TECH-1  Đính kèm | Bằng chứng về tình trạng pháp lý và việc đủ điều kiện |  | | | | |
| “√ “ nếu áp dụng | | | TECH-1 Đính kèm | Nếu Đề xuất được gửi bởi Liên doanh (JV), hãy đính kèm thư bày tỏ ý định hoặc bản sao của thỏa thuận hiện có. |  | | | | |
| “√” nếu áp dụng | | | Giấy ủy quyền | Không có định dạng/mẫu thiết lập sẵn. Trong trường hợp liên danh, cần có một số giấy tờ: giấy ủy quyền cho người đại diện được ủy quyền của từng thành viên trong liên danh và giấy ủy quyền cho đại diện của thành viên chính để đại diện cho tất cả các thành viên trong liên danh |  | | | | |
| **FTP** | **STP** | **BTP** |  |  | **FTP** | **STP** | | **BTP** | |
| √ |  |  | TECH-2 | Tổ chức và kinh nghiệm của tư vấn. |  | |  | |  |
| √ |  |  | TECH-2A | A. Tổ chức của tư vấn | 2 | không áp dụng | | không áp dụng | |
| √ |  |  | TECH-2B | B. Kinh nghiệm của tư vấn | 20 | không áp dụng | | không áp dụng | |
| √ |  |  | TECH-3 | Khách hàng  Nhận xét hoặc Đề xuất về Các điều khoản Tham chiếu và về Nhân viên Đối tác và Cơ sở vật chất sẽ được cung cấp bởi Khách hàng. | *Đối với FTP, tổng số trang cho các biểu mẫu kết hợp TECH-3 (FTP) và TECH-4 (FTP) không được vượt quá 52. Một trang được định nghĩa là một mặt in của khổ giấy A4 hoặc khổ giấy letter. Nên sử dụng Cỡ chữ 10 để có thể đọc được văn bản mà không cần phóng to.* | | | | |
| √ |  |  | TECH-3A | A. Về các điều khoản Tham chiếu | không áp dụng | không áp dụng | | không áp dụng | |
| √ |  |  | TECH-3B | B. Về nhân viên đối tác và cơ sở vật chất | 2 | không áp dụng | | không áp dụng | |
| √ | √ |  | TECH-4 | Mô tả về cách tiếp cận, phương pháp và kế hoạch làm việc để thực hiện nhiệm vụ | 50 | 10 | | 1 | |
| √ | √ | √ | TECH-5 | Lịch làm việc và lập kế hoạch giao các sản phẩm | không áp dụng | không áp dụng | | không áp dụng | |
| √ | √ | √ | TECH-6A | Thành phần nhóm, Đầu vào chuyên gia chính | không áp dụng | không áp dụng | | không áp dụng | |
| √ | √ | √ | TECH 6B | Sơ yếu lý lịch đính kèm (CV) | 5 cho mỗi CV | 5 cho mỗi CV | | 5 cho mỗi CV | |

###### Biểu mẫu TECH-1

**Biểu mẫu nộp đề xuất kỹ thuật**

*[Điền vị trí, ngày tháng]*

Kính gửi: *[Ghi tên và địa chỉ của Khách hàng]*

Thưa Ngài:

“Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, đề nghị cung cấp dịch vụ tư vấn cho [*Chèn tên nhiệm vụ*] theo Yêu cầu nộp đề xuất của Công ty đề ngày [Chèn ngày] và Đề xuất của chúng tôi. [*Chọn cách diễn đạt phù hợp tùy thuộc vào phương pháp lựa chọn được nêu trong RFP*: “Chúng tôi theo đây gửi Đề xuất của chúng tôi, bao gồm Đề xuất kỹ thuật này và một Đề xuất tài chính được niêm phong trong một phong bì riêng” hoặc, nếu chỉ một Đề xuất kỹ thuật được mời “Chúng tôi theo đây gửi Đề xuất của chúng tôi, trong đó chỉ bao gồm Đề xuất kỹ thuật này trong một phong bì dán kín.”].

*Nếu Tư vấn là một Liên doanh (JV),* *hãy điền thông tin sau*: Chúng tôi đang đệ trình Đề xuất của mình trong một liên doanh với: *Điền một danh sách có tên đầy đủ và địa chỉ hợp pháp của từng thành viên và cho biết thành viên chính*. Chúng tôi đã đính kèm một bản sao: “*thư về ý định thành lập liên doanh của chúng tôi*” hoặc, *nếu một Liên doanh đã được thành lập*, “thỏa thuận liên doanh” được ký bởi mọi thành viên tham gia, trong đó nêu chi tiết cơ cấu pháp lý có thể có của liên doanh và xác nhận trách nhiệm liên đới và riêng biệt của các thành viên trong Liên doanh nói trên.

HOẶC

*Nếu Đề xuất của Tư vấn viên bao gồm Tư vấn phụ*, *hãy điền thông tin sau*: Chúng tôi đang đệ trình Đề xuất của mình với tư cách là Tư vấn phụ của các công ty sau: *Điền danh sách có tên đầy đủ và quốc gia của từng Tư vấn phụ*.

Bằng việc gửi Đề xuất, chúng tôi xác nhận rằng chúng tôi đã đọc và hiểu Chính sách chống tham nhũng cũng như Nguyên tắc và Nguyên tắc Liêm chính của ADB, cả hai đều được sửa đổi theo thời gian.

Chúng tôi xin tuyên bố rằng:

(a) Tất cả thông tin và tuyên bố trong Đề xuất này là đúng sự thật và chúng tôi chấp nhận rằng bất kỳ sự diễn giải sai hoặc trình bày sai nào trong Đề xuất này có thể dẫn đến việc Khách hàng đánh giá chúng tôi không đủ tư cách hoặc hủy hợp đồng, nếu được trao thầu và/hoặc có thể dẫn đến các hành động khắc phục hậu quả bao gồm bị Ngân hàng xử phạt.

(b) Đề xuất của chúng tôi sẽ có hiệu lực và vẫn ràng buộc chúng tôi trong khoảng thời gian được chỉ định trong **Bảng dữ liệu**, Khoản 12.1.

(c) Chúng tôi không có xung đột lợi ích theo ITC 3.

(d) Chúng tôi đáp ứng các yêu cầu về tính đủ điều kiện như đã nêu trong ITC 6.

(e) Chúng tôi không phải chịu bất kỳ biện pháp trừng phạt quốc gia hoặc quốc tế, đình chỉ tạm thời hoặc cấm cản nào của ADB hoặc các ngân hàng phát triển đa phương khác.

(f) Chúng tôi, cũng như liên doanh hoặc đối tác liên kết hoặc tư vấn phụ hoặc bất kỳ chuyên gia được đề xuất nào đều không chuẩn bị TOR cho nhiệm vụ tư vấn này.

(g) Trừ khi được nêu trong **Bảng dữ liệu**, Khoản 12.1, chúng tôi cam kết đàm phán Hợp đồng trên cơ sở các Chuyên gia chính được đề xuất. Chúng tôi chấp nhận rằng việc thay thế Chuyên gia chính vì những lý do khác với những lý do được nêu trong Điều khoản 12 của ITC và Điều khoản 28.4 của ITC có thể dẫn đến việc chấm dứt đàm phán Hợp đồng.

(h) Đề xuất của chúng tôi ràng buộc chúng tôi và tùy thuộc vào bất kỳ sửa đổi nào do đàm phán Hợp đồng.

(i) Khi cạnh tranh (và, nếu trao thầu cho chúng tôi, khi thực hiện) Hợp đồng, chúng tôi cam kết tuân thủ luật chống gian lận và tham nhũng, bao gồm cả hối lộ, có hiệu lực tại quốc gia của Khách hàng.

(j) Chúng tôi, cũng như liên doanh hoặc đối tác liên kết hoặc tư vấn phụ của chúng tôi hoặc bất kỳ chuyên gia nào được đề xuất đều không bị kết tội hoặc bị kết án về bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật nào không phải là vi phạm giao thông nhỏ.

(k) Chúng tôi có thể chấp nhận thanh toán qua hệ thống ngân hàng quốc tế hoặc thực hiện nghĩa vụ của ADB khi bắt đầu chuyển khoản ngân hàng.

(l) Chúng tôi hiểu rằng chúng tôi có nghĩa vụ phải thông báo cho Khách hàng và ADB nếu chúng tôi, các đối tác liên doanh hoặc liên kết hoặc tư vấn phụ của chúng tôi hoặc bất kỳ chuyên gia được đề xuất nào chuẩn bị TOR cho nhiệm vụ tư vấn này, trở thành đối tượng của bất kỳ chế tài quốc gia hoặc quốc tế nào, bao gồm cả việc trở nên không đủ điều kiện để làm việc với ADB hoặc các MDB khác, không thể chấp nhận thanh toán qua hệ thống ngân hàng quốc tế, nếu các vấn đề về liêm chính bao gồm xung đột lợi ích phát sinh và/hoặc nếu chúng tôi hoặc nhà tư vấn được đề xuất bị kết án vì một tội ngoại trừ lỗi vi phạm giao thông nhỏ.

Nếu câu trả lời cho bất kỳ tuyên bố nào ở trên là KHÔNG, vui lòng cung cấp thông tin chi tiết sau:

­­­\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_­­­­­­­­­­­\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Chúng tôi hiểu rằng bất kỳ sự trình bày sai nào gây hiểu lầm hoặc cố gắng gây hiểu lầm một cách cố ý hoặc thiếu thận trọng đều có thể dẫn đến việc tự động bị từ chối nếu đề xuất hoặc hủy bỏ hợp đồng của chúng tôi, nếu được trao, và có thể dẫn đến các hành động khắc phục hậu quả, theo Chính sách chống tham nhũng của ADB (1998) ) và Nguyên tắc Liêm chính (2015), cả hai đều được sửa đổi theo thời gian.

Chúng tôi cam kết, nếu Đề xuất của chúng tôi được chấp nhận và Hợp đồng được ký kết, sẽ bắt đầu Dịch vụ liên quan đến nhiệm vụ không muộn hơn ngày được nêu trong Khoản 30.2 của **Bảng dữ liệu**.

Chúng tôi hiểu rằng Khách hàng không bị ràng buộc phải chấp nhận bất kỳ Đề xuất nào mà Khách hàng nhận được.

Trân trọng,

Chữ ký được ủy quyền {Đầy đủ và viết tắt}:

Tên và chức vụ của người ký:

Tên Tư vấn (tên công ty hoặc tên liên danh):

Trong khả năng của:

Địa chỉ:

Thông tin liên hệ (điện thoại và e-mail):

*[Đối với liên doanh, hoặc là tất cả các thành viên đều ký hoặc chỉ thành viên đứng đầu, trong trường hợp đó phải có giấy ủy quyền ký thay cho tất cả các thành viên.]*

###### Biểu mẫu TECH-5 (ĐỐI VỚI FTP, STP VÀ BTP)

**KẾ HOẠCH LÀM VIỆC VÀ KẾ HOẠCH BÀN GIAO SẢN PHẨM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **N°** | **Sản phẩm bàn giao** 1 **(D-..)** | **Tháng** | | | | | | | | | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **.....** | **n** | **TỔNG CỘNG** |
| **D-1** | (ví dụ: Sản phẩm #1: Báo cáo A |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 1. Thu thập dữ liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 2. Soạn thảo |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 3. Báo cáo khởi động |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 4. Kết hợp nhận xét |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 5. ......................................... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 6. Gửi Báo cáo cuối cùng cho Khách hàng) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **D-2** | (ví dụ: Sản phẩm #2:...............) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **n** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1 Liệt kê các sản phẩm với bảng chi tiết các hoạt động cần thiết để chuẩn bị các sản phẩm đó và các mốc thời gian khác, VD: phê duyệt của Khách hàng. Đối với các nhiệm vụ theo giai đoạn, hãy chỉ ra các hoạt động, thời hạn nộp báo cáo và mốc thời gian cho từng giai đoạn.

2 Thời lượng của các hoạt động phải được biểu thị dưới dạng biểu đồ thanh.

3. Thêm chú thích, nếu cần, để hỗ trợ đọc biểu đồ.

###### Biểu mẫu TECH-6A (ĐỐI VỚI FTP, STP VÀ BTP)

**THÀNH PHẦN NHÓM, PHÂN CÔNG VÀ ĐẦU VÀO CỦA CÁC CHUYÊN GIA CHÍNH**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **N°** | **Tên, Quốc tịch và ngày sinh** | **Đầu vào của chuyên gia (tính theo người/tháng) cho mỗi Sản phẩm bàn giao (được liệt kê trong TECH-5)** | | | | | | | | | | | | | **Tổng thời gian-Đầu vào**  **(Trong tháng)** | | |
| **Chức vụ** |  | **D-1** |  | **D-2** |  | **D-3** | **........** |  | **D-...** |  |  |  | **Văn phòng** | **Thực địa** | **Tổng cộng** |
| **CHUYÊN GIA CHỦ CHỐT** | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **QUỐC TẾ** | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| K-1 | *ví dụ: Ông/Bà A,*  *PAK, 15.06.1954* | [Trưởng nhóm] | [*Văn phòng]* | [2 tháng] |  | [1.0] |  | [1.0] |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| [*Thực địa*] | [0.5 m] |  | [2.5] |  | [0] |  |  |  |  |  |  |  |  |
| K-2 | *ví dụ: Ông/Bà B,*  *USA, 20.04.1969* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| K-3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **QUỐC GIA** | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| n |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **Tổng phụ** | | | |  |  |  |
| **CHUYÊN GIA KHÔNG CHỦ CHỐT** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| N-1 |  |  | [*Văn phòng*] |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| [*Thực địa*] |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| N-2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **Tổng phụ** | | | |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **Tổng cộng** | | | |  |  |  |

DOB = ngày sinh.

Chuyên gia tư vấn cần xem xét những điều sau đây khi chuẩn bị Thành phần nhóm, Nhiệm vụ và Ý kiến đóng góp của các chuyên gia chính:

1. Đối với Nhân sự Chủ chốt, đầu vào phải trình bày rõ từng chuyên gia cho các vị trí giống nhau như yêu cầu của Bảng Dữ liệu, điều khoản ITC 21.1.
2. Số tháng được tính kể từ khi bắt đầu nhiệm vụ/điều động. Một (1) tháng tương đương với hai mươi hai (22) ngày làm việc (được thanh toán). Một ngày làm việc (được thanh toán) sẽ không ít hơn tám (8) giờ làm việc.
3. “Văn phòng” nghĩa là làm việc tại văn phòng tại quốc gia cư trú của chuyên gia. Làm việc tại “Thực địa” nghĩa là công việc được thực hiện tại Nước của Khách hàng hoặc bất kỳ quốc gia nào khác bên ngoài quốc gia cư trú của chuyên gia, theo yêu cầu của Khách hàng.

Đầu vào toàn thời gian

Đầu vào bán thời gian

###### Biểu mẫu TECH-6B

*[Chú ý đối với Tư vấn: Mỗi CV chỉ nên dài tối đa năm (5) trang]*

**LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TRONG NƯỚC VÀ CHUYÊN GIA QUỐC TẾ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1.** | **Tên Chức vụ:** | *[Chuyên môn theo TOR]* |
| **2.** | **Tên Hãng Tư vấn:**  ***(Không viết tắt hoặc sử dụng các ký hiệu trong bất kỳ phần nào của tên công ty hoặc cá nhân)*** | *[Nhập tên của công ty đề xuất chuyên gia, nếu có]* |
| **3.** | **Tên Chuyên gia:**  ***(Không viết tắt hoặc sử dụng các ký hiệu trong bất kỳ phần nào của tên công ty hoặc cá nhân)*** | *[Tên tư vấn]* |
| **4.** | **Nơi sống hiện tại/Địa chỉ:** |  |
|  | **Điện thoại:** |  |
|  | **Fax:** |  |
|  | **E-Mail:** |  |
| **5.** | **Ngày sinh:** |  |
|  | **Quốc tịch[[5]](#footnote-6):** |  |
|  | **Loại CMND và số CMND theo quy định của chính phủ.**  **(*vui lòng đính kèm một bản sao* CMND *vào biểu mẫu này)*** |  |
| **6.** | **Học vấn:** | *[Liệt kê các trường cao đẳng/đại học hoặc các đào tạo chuyên ngành khác, nêu rõ tên của các trường đào tạo, thời gian tham gia, (các) trình độ/(các) bằng cấp đạt được]* |
| **7.** | **Thành viên của Hiệp hội Chuyên Nghiệp:** |  |
| **8.** | **Đào tạo khác:** | *[Thông tin về chương trình đào tạo liên quan kể từ bằng cấp dưới 5 – Học vấn đã đạt được]* |
| **9.** | **Quốc gia làm việc:** | *[Nêu tên các quốc gia đã làm việc trong vòng 10 năm trở lại]* |
| **10.** | **Ngôn ngữ**: | *[Đối với mỗi ngôn ngữ, nêu rõ trình độ: tốt, trung bình hoặc kém về các kỹ năng nói, đọc và viết]* |
| **11.** | **Quá trình công tác** | *[Bắt đầu với vị trí hiện tại, liệt kê theo thứ tự ngược lại cho mỗi vị trí kể từ khi tốt nghiệp, nêu rõ các thông tin sau đối với từng công việc (xem mẫu bên dưới): thời gian làm việc, tên đơn vị sử dụng lao động, vị trí]*  Từ *[Tháng/năm]*:  Đến *[Tháng/năm]*:  Đơn vị tuyển dụng:  Vị trí: |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **12.** | **Các nhiệm vụ chi tiết được giao**  *[Liệt kê tất cả nhiệm vụ được giao trong Gói thầu]* | **13.** | **Công việc đã thực hiện đảm bảo minh chứng tốt nhất cho vị trí được được giao**  *[Trong số các nhiệm vụ mà chuyên gia đã tham gia, hãy chỉ ra các thông tin sau cho các nhiệm vụ đó để minh chứng rõ nhất khả năng của chuyên gia xử lý được các nhiệm vụ nêu tại cột số 12.]*  Tên nhiệm vụ/dự án:  Tháng/năm:  Địa điểm:  Khách hàng:  Đặc điểm chính của dự án:  Vị trí đảm nhận:  Công việc đã thực hiện: |

**14. Cam đoan**:

Tôi, người ký tên dưới đây, với tất cả hiểu biết và lòng tin của mình, cam đoan rằng:

* + - 1. CV này trình bày chính xác về năng lực và kinh nghiệm của tôi;
      2. Hiện tại Tôi không phải là nhân sự của Cơ quan Chủ quản/Cơ quan Thực hiện dự án;
      3. Trừ trường hợp không đủ sức khoẻ, Tôi sẽ thực hiện công việc này theo thời gian và thời hạn đầu vào quy định đối với tôi trong Mẫu TECH 6 miễn là việc huy động nằm trong thời hạn hiệu lực của Đề xuất này;
      4. Tôi không tham gia vào nhóm chuyên gia soạn thảo Điều khoản tham chiếu cho nhiệm vụ tư vấn này;
      5. Tôi không có xung đột lợi ích theo ITC 3.0;
      6. Tôi không phải chịu bất kỳ biện pháp trừng phạt quốc gia hoặc quốc tế, đình chỉ tạm thời hoặc cản trở nào của ADB hoặc các ngân hàng phát triển đa phương (MDB) khác;
      7. Tôi cam đoan rằng tôi đã được hãng thông báo về việc đưa CV của tôi vào Đề xuất cho {*tên dự án hoặc hợp đồng*}. Tôi xác nhận rằng tôi sẽ sẵn sàng thực hiện công việc mà CV của tôi đã đệ trình tuân thủ sự bố trí thực hiện và tiến độ lập ra trong Đề xuất.
      8. Tôi không bị kết tội hoặc bị kết án về bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật nào không phải là vi phạm giao thông nhỏ.
      9. Tôi có thể chấp nhận thanh toán qua hệ thống ngân hàng quốc tế hoặc thực hiện nghĩa vụ của ADB khi bắt đầu chuyển khoản ngân hàng.
      10. Tôi hiểu rằng tôi có nghĩa vụ phải thông báo cho Khách hàng và ADB nếu tôi trở thành đối tượng của bất kỳ lệnh trừng phạt nào của quốc gia hoặc quốc tế, bao gồm cả việc không đủ tư cách làm việc với ADB hoặc các các ngân hàng phát triển đa phương khác, không thể chấp nhận thanh toán qua hệ thống ngân hàng quốc tế, nếu tính liêm chính các vấn đề bao gồm xung đột lợi ích phát sinh và/hoặc liệu chúng tôi hoặc chuyên gia tư vấn được đề xuất có bị kết án về một tội ngoại trừ vi phạm giao thông nhỏ.

Nếu câu trả lời cho bất kỳ tuyên bố nào ở trên là KHÔNG, vui lòng cung cấp thông tin chi tiết:

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Nếu CV do đại diện được ủy quyền của Hãng ký và có văn bản thỏa thuận kèm theo:*

* + - 1. Tôi, với tư cách là người đại diện được ủy quyền của hãng nộp Đề xuất này cho {*tên dự án hoặc hợp đồng*}, cam đoan rằng tôi đã được sự chấp thuận của chuyên gia có tên nộp CV này, và rằng ông/bà có tên trong CV này sẽ sẵn sàng thực hiện công việc tuân thủ sự bố trí thực hiện và tiến độ lập ra trong Đề xuất và xác nhận ông/bà ấy tuân thủ các nội dung từ (i) đến (v) nêu trên đây.

Tôi hiểu rằng bất kỳ sự cố ý khai man nào ở đây đều có thể dẫn đến việc không đủ tư cách hoặc bị sa thải nếu đã được tuyển dụng.

Ngày:

*[Chữ ký của Chuyên gia hoặc Người đại diện ủy quyền cho Chuyên gia][[6]](#footnote-7)* *Ngày/Tháng/Năm*

Họ và Tên đầy đủ của Người đại diện ủy quyền cho Chuyên gia

# PHẦN 4. ĐỀ XUẤT TÀI CHÍNH - MẪU CHUẨN

*[Lưu ý đối với Tư vấn trình bày trong ngoặc { } đưa ra hướng dẫn cho Tư vấn để lập Đề xuất Tài chính; các Ghi chú này phải được xóa đi trong bản Đề xuất Cuối cùng mà Tư vấn nộp].*

Các Mẫu Đề xuất Tài chính Chuẩn sẽ được sử dụng để lập Đề xuất Tài chính theo hướng dẫn quy định tại **Phần** 2.

GHI CHÚ: Đại diện được Tư vấn ủy quyền ký Đề xuất phải ký nháy vào tất cả các trang trong bản gốc Đề xuất Tài chính.

FIN-1 Mẫu Thư Nộp Đề xuất Tài chính

FIN-2 Tóm tắt các Chi phí

FIN-3 Phân bổ Tiền lương

FIN-4 Các Chi phí khác, chi phí tạm thời và dự phòng phí

###### Biểu mẫu FIN-1

**MẪU THƯ NỘP ĐỀ XUẤT TÀI CHÍNH**

*[*Địa điểm, Ngày*]*

Kính gửi: *[Ghi tên và địa chỉ của Khách hàng]*

Thưa Ngài:

Chúng tôi, người ký tên dưới đây, mong muốn cung cấp dịch vụ Tư vấn [*chèn tên công việc*] phù hợp với Yêu cầu nộp đề xuất của Quý Ban ngày [*Chèn Ngày*] và Đề xuất Kỹ thuật của chúng tôi.

Đề xuất Tài chính kèm theo của chúng tôi có giá trị là *[nêu số tiền, đồng tiền tương ứng* *bằng chữ và bằng số*, [*Chèn “bao gồm” hoặc “không bao gồm” số tiền tương ứng cho mỗi loại tiền tệ]] -* ***không bao gồm*** *mọi khoản thuế gián thu địa phương* phù hợp với Khoản 25.2 trong **Bảng dữ liệu***. Chúng tôi hiểu rằng các loại thuế địa phương nói trên sẽ được thảo luận và số tiền đã thỏa thuận sẽ được thêm vào hợp đồng với các điều khoản phù hợp tại các cuộc đàm phán hợp đồng.*

Đề xuất tài chính của chúng tôi sẽ ràng buộc chúng tôi và tùy thuộc vào những điều chỉnh từ các cuộc đàm phán Hợp đồng, cho đến khi hết thời hạn hiệu lực của Đề xuất, tức là trước ngày được quy định trong Khoản 12.1 của **Bảng dữ liệu**.

Trong quá trình đăng ký này hoặc bất kỳ cam kết nào, chúng tôi có thể chấp nhận thanh toán điện tử thông qua hệ thống tài chính quốc tế hoặc thực hiện nghĩa vụ của ADB khi bắt đầu chuyển khoản ngân hàng và chúng tôi có nghĩa vụ thông báo cho Khách hàng và ADB nếu chúng tôi không thể chấp nhận thanh toán điện tử thông qua hệ thống tài chính quốc tế hoặc thực hiện các nghĩa vụ của ADB khi bắt đầu chuyển khoản ngân hàng.

Các khoản hoa hồng, tiền thưởng hoặc các khoản phí mà chúng tôi đã trả hoặc sẽ trả cho đại lý hoặc bất kỳ bên nào có liên quan đến quá trình lập hoặc nộp Đề xuất này và quá trình thực hiện Hợp đồng, được trả nếu chúng tôi được trao Hợp đồng, được liệt kê như dưới đây:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên và Địa chỉ của (các) Đại lý/Bên khác | Số tiền, loại tiền hoặc tiền thưởng | Mục đích của khoản Hoa hồng |
|  |  |  |

*Nếu không có khoản chi trả nào được thực hiện hoặc hứa hẹn, bổ sung câu sau: “Chúng tôi đã không hoặc sẽ không chi trả bất kỳ khoản hoa hồng, tiền thưởng hoặc khoản phí nào cho đại lý của chúng tôi hoặc bất kỳ bên nào khác có liên quan tới Đề xuất này và, đối với trường hợp được trao hợp đồng, là quá trình thực hiện Hợp đồng.”*

We agree to permit ADB[[7]](#footnote-8) or its representative to inspect our site, assets, accounts and records and other documents relating to the bid submission and to have them audited by auditors appointed by ADB. We understand that failure to comply with this obligation may constitute “obstructive practice” that may result in debarment and/or contract termination, if awarded.

Chúng tôi hiểu rằng Khách hàng không bị ràng buộc phải chấp nhận bất kỳ Đề xuất nào mà Khách hàng nhận được.

Chúng tôi hiểu rằng bất kỳ sự trình bày sai nào gây hiểu lầm hoặc cố gắng gây hiểu lầm một cách cố ý hoặc thiếu thận trọng đều có thể dẫn đến việc tự động bị từ chối nếu đề xuất hoặc hủy bỏ hợp đồng của chúng tôi, nếu được trao, và có thể dẫn đến các hành động khắc phục hậu quả, theo Chính sách chống tham nhũng của ADB (1998) ) và Nguyên tắc và Nguyên tắc Liêm chính (2015), cả hai đều được sửa đổi theo thời gian.

Trân trọng,

Chữ ký được ủy quyền {*Ký đầy đủ và ký tắt]*:

Tên và chức danh của Người ký:

Thay mặt cho:

Địa chỉ:

E-mail:

*[ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP LÀ LIÊN DANH, HOẶC LÀ MỌI THÀNH VIÊN SẼ KÝ HOẶC LÀ CHỈ CÓ TƯ VẤN ĐỨNG DẦU LIÊN DANH KÝ, TRONG TRƯỜNG HỢP ĐÓ PHẢI KÈM THEO THƯ ỦY QUYỀN THAY MẶT MỌI THÀNH VIÊN CỦA LIÊN DANH KÝ KẾT.]*

###### Biểu mẫu FIN-2 TỔNG HỢP CHI PHÍ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Hạng mục | **Chi phí** | | | |
| *[Tư vấn phải nêu chi phí đề xuất theo Khoản 16.4 của Bảng Dữ liệu. Các khoản thanh toán sẽ được thực hiện bằng tiền tệ được thể hiện. Xóa các cột không được sử dụng.]* | | | |
| *Ngoại tệ 1* | *Ngoại tệ 2*  *(nếu sử dụng)* | *Ngoại tệ 3  (nếu sử dụng)* | *Nội tệ (nếu sử dụng) và/hoặc yêu cầu (16.4 Bảng Dữ liệu)* |
| **Chi phí cạnh tranh** |  |  |  |  |
| Tiền lương, chuyên gia Chủ chốt |  |  |  |  |
| Tiền lương, chuyên gia không Chủ chốt |  |  |  |  |
| Các chi phí được hoàn lại |  |  |  |  |
| **Tổng phụ** |  |  |  |  |
| **Chi phí không cạnh tranh** |  |  |  |  |
| Chi phí tạm thời |  |  |  |  |
| Dự phòng |  |  |  |  |
| **Tổng phụ** |  |  |  |  |
| **Tổng chi phí của Đề xuất Tài chính**[[8]](#footnote-9) |  |  |  |  |

###### Biểu mẫu FIN-3 PHÂN BỔ TIỀN LƯƠNG[[9]](#footnote-10)

Khi được sử dụng để chuyển nhượng Hợp đồng trọn gói, thông tin cung cấp trong Biểu mẫu này chỉ được sử dụng để chứng minh cơ sở tính toán số tiền trần của Hợp đồng; tính các loại thuế áp dụng khi đàm phán hợp đồng; và, nếu cần, để thiết lập các khoản thanh toán cho Nhà tư vấn cho các dịch vụ bổ sung có thể có mà Khách hàng yêu cầu. Biểu mẫu này sẽ không được sử dụng làm cơ sở để thanh toán theo Hợp đồng trọn gói.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên** | **Quốc tịch** | **Loại tiền** | **Mức lương theo tháng công (Văn phòng)** | **Thời gian đầu vào theo Người/Tháng**  **(theo TECH-6) (Văn phòng)** | *Ngoại tệ 1 (như trong FIN-2)* | *Ngoại tệ 2 (như trong FIN-2)* | *Ngoại tệ 3 (như trong FIN-2)* | *Nội tệ (như trong FIN-2)* |
| **Vị trí (theo TECH-6)** | **Hãng Tư vấn** | **Mức lương theo tháng công (Thực địa)** | **Thời gian đầu vào theo Người/Tháng**  **(theo TECH-6) (Thực địa)** |
|  | **Chuyên gia chủ chốt (Trong nước)**[[10]](#footnote-11) | | | | | | | | |
| 1. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng phụ** | | | | | |  |  |  |  |
|  | **Chuyên gia chủ chốt (trong nước)** | | | | | | | | |
| 1. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng phụ** | | | | | |  |  |  |  |
| **Tổng chi phí: Chuyên gia chủ chốt (Trong nước)** | | | | | |  |  |  |  |
|  | **CHUYÊN GIA PHỤ** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng chi phí: Chuyên gia phụ** | | | | |  |  |  |  |
|  | **TỔNG CHI PHÍ: CHUYÊN GIA CHỦ CHỐT VÀ CHUYÊN GIA PHỤ** | | | | |  |  |  |  |

###### GIẢI TRÌNH CỦA TƯ VẤN VỀ CHI PHÍ VÀ GIÁ

###### (MẪU MỞ RỘNG ĐẾN Fin-3 – QBS, CQS, VÀ SSS)

###### (đơn vị [nêu đơn vị tiền tệ\*])

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Chuyên gia* | | *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* |
| *Họ tên* | *Vị trí* | *Lương cơ bản theo tháng/ngày/năm làm việc* | *Chi phí xã hội1* | *Chi phí quản lý1* | *Tổng phụ* | *Lợi nhuận2* | *Phụ cấp xa nhà* | *Mức lương cố định đề xuất theo tháng/ngày/giờ  làm việc* | *Mức lương cố định đề xuất theo tháng/ngày/giờ  làm việc 1* |
| *Văn phòng* | |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *Quốc gia Khách hàng* | |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*\* Nếu có nhiều hơn một loại tiền tệ được sử dụng, bổ sung (các) bảng, mỗi bảng tương ứng với một loại tiền tệ*

*1. Thể hiện theo % của 1*

*2. Thể hiện theo % của 4*

***Mẫu chuẩn***

*Tên hãng tư vấn: Quốc gia:*

*Nhiệm vụ: Ngày:*

***Giải trình của tư vấn về Chi phí và Lệ phí***

*Trong thư này, chúng tôi khẳng định rằng:*

*(a) Lương cơ bản nêu trong bảng đính kèm dưới đây được lấy từ bảng lương của Công ty và phản ánh mức lương hiện nay của các thành viên có tên, mức lương này không được nâng lên vượt quá khuôn khổ chính sách tăng lương thông thường hàng năm áp dụng cho tất cả các nhân sự khác của Chuyên gia Tư vấn;*

*(b) Đính kèm bản sao các phiếu lương gần nhất của các thành viên có tên trong danh sách;*

*(c) Phụ cấp xa nhà nêu dưới đây là mức mà Tư vấn đồng ý trả trong phạm vi công việc này cho các thành viên có tên trong danh sách;*

*(d) Các hệ số nêu trong bảng đính kèm về chi phí xã hội và chi phí quản lý được dựa trên kinh nghiệm về chi phí trung bình của công ty trong ba năm gần đây nhất được thể hiện trong các báo cáo tài chính của công ty; và*

*(e) Các hệ số nói trên cho chi phí xã hội và quản lý không bao gồm bất kỳ khoản thưởng hay hình thức chia lợi nhuận nào khác.*

*[Tên Công ty Tư vấn]*

*Chữ ký người đại diện được ủy quyền Ngày*

*Tên:*

*Chức vụ:*

Phụ lục A: Đàm phán Tài chính – Phân bổ Mức Thù lao Chuyên gia

1. **Đánh giá Mức Thù lao**
   1. Mức thù lao chuyên gia bao gồm lương hoặc phí cơ bản, chi phí xã hội, chi phí quản lý, lợi nhuận hoặc các khoản trợ cấp được chi trả cho các nhiệm vụ công tác hoặc làm việc tại văn phòng. Các mẫu trong FIN-3 (Mẫu) có thể sử dụng để phân tích các khoản chi phí.
   2. Nếu RFP chỉ yêu cầu gửi đề xuất kỹ thuật, Mẫu được Tư vấn sử dụng để chuẩn bị đàm phán của Hợp đồng. Nếu RFP yêu cầu nộp đề xuất tài chính, Mẫu sẽ được hoàn thành và đính kèm với Mẫu Tài chính-3. Bảng phân tích chi phí đã được thỏa thuận (tại các cuộc đàm phán) sẽ là một phần của Hợp đồng được và được bao gồm trong Phụ lục D hoặc C.
   3. Tại các cuộc đàm phán, đơn vị tư vấn sẽ chuẩn bị công bố các báo cáo tài chính trong 03 năm qua để chứng minh các mức và thừa nhận rằng các mức đề xuất và các vấn đề tài chính phải được giám sát. Khách hàng chi tiêu khoản quỹ của chính phủ sẽ được giám sát và phải thận trọng trong việc chi tiêu các khoản nào.
   4. Chi tiết các khoản như sau:
2. **Lương**. Đây là tổng tiền lương hoặc phí thường xuyên được trả cho cá nhân tại văn phòng của công ty. Lương sẽ không bao gồm bất kỳ phí bảo hiểm nào cho việc đi công tác hoặc tiền thưởng (trừ trường hợp được quy định trong luật hoặc quy định của chính phủ).
3. **Thưởng**. Thưởng được tính ngoài lợi nhuận. Để tránh tính hai lần, bất kỳ khoản tiền thưởng nào sẽ không có trong tiền lương và được thể hiện riêng biệt. Nếu hệ thống kế toán của Tư vấn là phần trăm chi phí xã hội và chi phí quản lý dựa trên tổng doanh thu, bao gồm thưởng, phần trăm đó sẽ được giảm tương ứng. Nếu chính sách quốc gia yêu cầu thưởng tháng thứ 13 thì lợi nhuận không phải điều chỉnh. Các thảo luận về tiền tưởng sẽ có trong hồ sơ kiểm toán và sẽ phải bảo mật.
4. **Chi phí xã hội**. Đây là các chi phí của lợi ích phi tiền tệ và có thể bao gồm, trong số những khoản khác, an sinh xã hội (bao gồm lương hưu, y tế và chi phí bảo hiểm nhân thọ) và chi phí nghỉ ốm và/hoặc nghỉ phép hàng năm. Trong đó, ngày nghỉ phép nguyên lương trong quá trình nghỉ lễ hoạch nghỉ phép hằng năm trong suốt thời gian thực hiện nhiệm vụ nếu không có thay thế Chuyên gia thì sẽ không được coi là chi phí xã hội.
5. **Chi phí nghỉ phép.** Các nguyên tắc tính toán chi phí của tổng số ngày nghỉ mỗi năm theo phần trăm lương cơ bản thường được tính như sau:

**Tổng số ngày nghỉ**

Chi phí nghỉ phép theo phần trăm lương cơ bản =  

Trong đó w = cuối tuần, ph = ngày lễ, v = kỳ nghỉ, và s = nghỉ do ốm.

Xin lưu ý rằng nghỉ phép chỉ có thể được coi là chi phí xã hội nếu Khách hàng không bị tính phí cho nghỉ phép.

1. **Chi phí quản lý**. Đây là các chi phí Kinh doanh của Tư vấn mà không trực tiếp liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ và sẽ không phải hoàn ứng như các khoản riêng trong Hợp đồng. Các Phần tiêu biểu bao gồm chi phí văn phòng (thời gian không được thanh toán, thời gian của nhân viên Tư vấn giám sát dự án, thuê trụ sở văn phòng, cán bộ hỗ trợ, nghiên cứu, đào tạo cán bộ, marketing, etc.), chi phí nhân sự của Tư vấn không làm việc cho dự án mang lại lợi nhuận, thuế về các hoạt động kinh doanh và các chi phí quảng bá kinh doanh. Trong quá trình đàm phán, các báo cáo tài chính đã kiếm toán được xác nhận bởi kiểm toán viên độc lập và hỗ trợ chi phí quản lý trong ba năm qua sẽ được thảo luận, cùng với danh sách các Phần chi phí quản lý và phần trăm mỗi chi phí quản lý liên quan đến chi phí cơ bản. Khách hàng không chấp nhận bất kỳ khoản phí cận biên cho các phí xã hội, chi phí quản lý. Trong trường hợp này, Tư vấn sẽ chỉ được hưởng chi phí hành chính và phí cho các khoản thanh toán hàng tháng được tính cho các Chuyên gia ký hợp đồng phụ.
2. **Lợi nhuận.** Dựa trên tổng tiền lương, chi phí xã hội và chi phí quản lý. Nếu bất kỳ khoản thưởng nào được trả theo định kỳ được liệt kê, số tiền lãi sẽ giảm theo mức tương đương. Lợi nhuận sẽ không được phép tính đối với chi phí đi lại hoặc các khoản hoàn ứng.
3. **Công tác phí hoặc phí bảo hiểm hoặc chi phí Sinh hoạt.** Một số Tư vấn trả trợ cấp cho các Chuyên gia làm việc ở xa trụ sở hoặc ngoài văn phòng. Các khoản phụ cấp như vậy được tính bằng tỷ lệ phần trăm của tiền lương (hoặc phí) và sẽ không rút từ chi phí quản lý hoặc lợi nhuận. Đôi khi, theo luật, các khoản phụ cấp như vậy có thể rút ra từ chi phí xã hội. Trong trường hợp này, số tiền của chi phí xã hội này sẽ vẫn được hiển thị theo chi phí xã hội, với trợ cấp ròng được hiển thị riêng.

###### Biểu mẫu FIN-4 phân bổ chi phí khác, chi phí tạm thời và dự phòng phí

Khi được sử dụng để chuyển nhượng hợp đồng Trọn gói, thông tin được cung cấp trong Biểu mẫu này sẽ chỉ được sử dụng để chứng minh cơ sở tính toán Giá trần hợp đồng, để tính các loại thuế áp dụng khi đàm phán hợp đồng và, nếu cần, để thiết lập các khoản thanh toán cho Nhà tư vấn cho các dịch vụ bổ sung có thể có theo yêu cầu của Khách hàng. Mẫu này sẽ không được sử dụng làm cơ sở để thanh toán theo hợp đồng Trọn gói.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại chi phí, Tổng tạm tính và Dự phòng** | **Số lượng** | **Giá đơn vị** | **Tiền tệ** | **Đơn giá** | *{Loại tiền # 1- như trong FIN-2}* | *{Loại tiền # 2- như trong FIN-2}* | *{Loại tiền # 3- như trong FIN-2}* | *{Nội tệ – như trong FIN-2}* |
| **Chi phí hoàn trả** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *[VD.* Công tác phí\*\**]* | {ngày} |  |  |  |  |  |  |  |
| *[VD.* Bay quốc tế*]* | {vé} |  |  |  |  |  |  |  |
| *[VD.* Bay trong nước*]* | {chuyến} |  |  |  |  |  |  |  |
| *[VD.* Chi phí liên lạc*]* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *[VD. Chuẩn bị* báo cáo*]* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *[*VD. Thuê văn phòng*]* |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng phụ: Chi phí hoàn trả** | | | | |  |  |  |  |
| **Chi phí tạm thời** | | | | | | | | |
| *Mục 1* |  |  |  |  |  |  | | |
| *Mục 2* |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Tổng phụ: Chi phí tạm thời** | | | | |  |
| **Dự phòng phí** |  |  |  |  |  |  | | |
| **Tổng cộng: Chi phí hoàn trả + Chi phí tạm thời+ Chi phí dự phòng** | | | | |  |  |  |  |

\* Chi phí tạm thời và Dự phòng phí phải được thể hiện bằng đồng tiền nêu trong **Bảng Dữ liệu**.

# PHẦN 5. CÁC QUỐC GIA HỢP LỆ

### Các quốc gia trong khu vực

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Quốc gia** | **Năm tham gia** |
| [Afghanistan](https://www.adb.org/afghanistan) | 1966 |
| [Armenia](https://www.adb.org/armenia) | 2005 |
| [Australia](https://www.adb.org/publications/australia-fact-sheet) | 1966 |
| [Azerbaijan](https://www.adb.org/azerbaijan) | 1999 |
| [Bangladesh](https://www.adb.org/bangladesh) | 1973 |
| [Bhutan](https://www.adb.org/bhutan) | 1982 |
| [Brunei Darussalam](https://www.adb.org/publications/brunei-fact-sheet) | 2006 |
| [Cambodia](https://www.adb.org/cambodia) | 1966 |
| [Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Trung Hoa](https://www.adb.org/prc) | 1986 |
| [Cook Islands](https://www.adb.org/cook-islands) | 1976 |
| [Fiji](https://www.adb.org/fiji) | 1970 |
| [Georgia](https://www.adb.org/georgia) | 2007 |
| Hồng Kông, Trung Quốc | 1969 |
| [India](https://www.adb.org/india) | 1966 |
| [Indonesia](https://www.adb.org/indonesia) | 1966 |
| Nhật bản | 1966 |
| [Kazakhstan](https://www.adb.org/kazakhstan) | 1994 |
| [Kiribati](https://www.adb.org/kiribati) | 1974 |
| Hàn Quốc | 1966 |
| [Kyrgyz Republic](https://www.adb.org/kyrgyz-republic) | 1994 |
| Lào | 1966 |
| [Malaysia](https://www.adb.org/malaysia) | 1966 |
| [Maldives](https://www.adb.org/maldives) | 1978 |
| [Marshall Islands](https://www.adb.org/marshall-islands) | 1990 |
| Liên bang Micronesia | 1990 |
| [Mongolia](https://www.adb.org/mongolia) | 1991 |
| [Myanmar](https://www.adb.org/myanmar) | 1973 |
| [Nauru](https://www.adb.org/nauru) | 1991 |
| [Nepal](https://www.adb.org/nepal) | 1966 |
| [New Zealand](https://www.adb.org/publications/new-zealand-fact-sheet) | 1966 |
| [Niue](https://www.adb.org/news/adb-welcomes-niue-newest-member) | 2019 |
| [Pakistan](https://www.adb.org/pakistan) | 1966 |
| [Palau](https://www.adb.org/palau) | 2003 |
| [Papua New Guinea](https://www.adb.org/papua-new-guinea) | 1971 |
| [Philippines](https://www.adb.org/philippines) | 1966 |
| [Samoa](https://www.adb.org/samoa) | 1966 |
| [Singapore](https://www.adb.org/publications/singapore-fact-sheet) | 1966 |
| [Solomon Islands](https://www.adb.org/solomon-islands) | 1973 |
| [Sri Lanka](https://www.adb.org/sri-lanka) | 1966 |
| Đài Loan, Trung Quốc | 1966 |
| [Tajikistan](https://www.adb.org/tajikistan) | 1998 |
| [Thái](https://www.adb.org/thailand) Lan | 1966 |
| [Timor-Leste](https://www.adb.org/timor-leste) | 2002 |
| [Tonga](https://www.adb.org/tonga) | 1972 |
| [Turkmenistan](https://www.adb.org/turkmenistan) | 2000 |
| [Tuvalu](https://www.adb.org/tuvalu) | 1993 |
| [Uzbekistan](https://www.adb.org/uzbekistan) | 1995 |
| [Vanuatu](https://www.adb.org/vanuatu) | 1981 |
| [Viet Nam](https://www.adb.org/viet-nam) | 1966 |

### Các quốc gia thành viên ngoài khu vực

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Quốc gia** | **Năm tham gia** |
| Áo | 1966 |
| Bỉ | 1966 |
| [Canada](https://www.adb.org/publications/canada-fact-sheet) | 1966 |
| Đan Mạch | 1966 |
| Phần Lan | 1966 |
| Pháp | 1970 |
| Đức | 1966 |
| [Ireland](https://www.adb.org/publications/ireland-fact-sheet) | 2006 |
| [Italy](https://www.adb.org/publications/italy-fact-sheet) | 1966 |
| [Luxembourg](https://www.adb.org/publications/luxembourg-fact-sheet) | 2003 |
| Hà Lan | 1966 |
| Na Uy | 1966 |
| Bồ Đào Nha | 2002 |
| Tây Ban Nha | 1986 |
| Thụy Điển | 1966 |
| Thụy sĩ | 1967 |
| Thổ Nhĩ Kỳ | 1991 |
| Vương quốc Anh | 1966 |
| Hoa Kỳ | 1966 |

Hoặc tham khảo Website của ADB để biết thêm chi tiết tại: [www.adb.org/about/members](http://www.adb.org/about/members), for more detail.

# PHẦN 6. CHÍNH SÁCH CỦA NGÂN HÀNG – CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG VÀ GIAN LẬN

*[Ghi chú cho Khách hàng:* ***Phần*** *6 không được sửa đổi]*

**Chính sách chống tham nhũng**

ADB yêu cầu bên vay (bao gồm cả những người thụ hưởng hoạt động do ADB tài trợ) và nhân sự của họ, cũng như các công ty và cá nhân tham gia vào một hoạt động do ADB tài trợ, bao gồm nhưng không giới hạn ở các nhà thầu, nhà cung cấp, nhà thầu, tư vấn, nhà thầu phụ, tư vấn phụ và đại lý (bao gồm các cán bộ, giám đốc, nhân viên và nhân sự tương ứng của họ) theo các hợp đồng do ADB tài trợ, phải tuân thủ tiêu chuẩn đạo đức cao nhất trong quá trình lựa chọn và thực hiện các hợp đồng đó theo Chính sách chống tham nhũng của ADB (1998, được sửa đổi theo thời gian). Để thực hiện chính sách này, ADB:

(a) Vì mục đích của quy định này, định nghĩa các khái niệm dưới đây như sau:

(i) Một “hành vi hối lộ” là gợi ý, đưa, nhận, hoặc đề nghị, trực tiếp hay gián tiếp, bất kỳ vật gì có giá trị nhằm gây ảnh hưởng không chính đáng đến hành động của bên kia.

(ii) Một “hành vi gian lận” là bất kỳ hành động hoặc thiếu sót nào, kể cả trình bày sai sự thật, dẫn đến lừa dối một cách cố ý hoặc vô ý, hoặc cố gắng lừa dối một bên để có được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc tránh thực hiện một nghĩa vụ.

(iii) Một “hành vi ép buộc” là làm hư hỏng hoặc tổn hại, hoặc đe dọa làm hư hỏng hoặc tổn hại, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kỳ bên nào hoặc tài sản của họ để gây ảnh hưởng không chính đáng đến hành động của một bên.

(iv) Một “hành vi thông đồng” là sự sắp xếp giữa hai hay nhiều bên liên quan nhằm đạt được mục đích sai trái, kể cả gây ảnh hưởng không chính đáng đến hành động của bên kia.

(v) Sự lạm dụng, đây là hành vi trộm cắp, gây lãng phí hoặc sử dụng không chính đáng các tài sản có liên quan đến hoạt động của ADB, hoặc cố tình vi phạm, hoặc do sự bất cẩn.

(vi) Xung đột lợi ích, là bất kỳ tình huống nào mà một bên có lợi ích có thể gây ảnh hưởng không chính đáng đến việc thực hiện các nghĩa vụ hoặc trách nhiệm chính thức, các nghĩa vụ theo hợp đồng, hoặc việc tuân thủ các quy định và pháp luật của bên khác.

(vii) Hành vi liêm chính là bất kỳ hành động nào vi phạm Chính sách chống tham nhũng của ADB, bao gồm (i) đến (vi) và các hành vi: cản trở, lạm dụng, xung đột lợi ích, vi phạm các biện pháp trừng phạt của ADB, trả thù người tố giác hoặc nhân chứng, và các vi phạm khác trong Chính sách chống Tham nhũng của ADB, bao gồm không tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức cao nhất.

(b) sẽ từ chối đề xuất trao thầu nếu xác định rằng Tư vấn được đề xuất trao thầu hoặc bất kỳ cán bộ, giám đốc, nhân viên, nhân sự, tư vấn phụ, nhà thầu phụ, nhà cung cấp dịch vụ, nhà cung cấp hoặc nhà sản xuất nào của họ đã tham gia vào hành vi tham nhũng, gian lận, thông đồng, ép buộc, hoặc các hành vi cản trở hoặc các vi phạm liêm chính khác trong việc cạnh tranh Hợp đồng;

(c) Sẽ hủy bỏ phần vốn được chỉ định cho một hợp đồng nếu vào bất kỳ thời điểm nào ADB xác định rằng đại diện của Bên vay vốn do ADB tài trợ liên quan đến vi phạm liêm chính trong quá trình tuyển chọn tư vấn hoặc trong quá trình thực hiện hợp đồng, mà Bên vay không có hành động kịp thời và và thích hợp đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng ADB để xử lý các hành vi trên, bao gồm cả việc không thông báo kịp thời cho ADB vào thời điểm họ biết về các vi phạm liêm chính;

(d) Sẽ phạt một hãng hoặc một cá nhân, vào bất kỳ thời điểm nào, theo Chính sách chống tham nhũng và Hướng dẫn và Nguyên tắc và Hướng dẫn về liêm chính của ADB (cả hai đều được cập nhật theo thời gian), bao gồm tuyên bố các hãng tư vấn, cá nhân, cơ quan kế nhiệm là không được phép tham gia, hoặc vĩnh viễn hoặc tạm thời trong một khoảng thời gian nhất định[[11]](#footnote-12), vào các hoạt động do ADB tài trợ hoặc quản lý, hoặc hưởng lợi từ các hợp đồng do ADB tài trợ hoặc quản lý, về mặt tài chính hoặc khía cạnh khác, nếu vào bất kỳ thời điểm nào ADB xác định được rằng hãng hoặc cá nhân đó, trực tiếp hoặc thông qua đại diện, đã có hành vi liên quan đến vi phạm liêm chính hoặc các hành vi bị cấm khác. ADB bảo lưu quyền công bố bất kỳ sự ngăn cản nào; và

(e) sẽ có quyền yêu cầu đưa một điều khoản vào yêu cầu đối với các đề xuất và trong các Hợp đồng do ADB tài trợ, quản lý hoặc hỗ trợ, yêu cầu các Tư vấn và các bên thứ ba khác tham gia hoặc tham gia vào các hoạt động liên quan đến ADB, và các cán bộ, giám đốc, nhân viên tương ứng của họ và nhân sự cho phép ADB hoặc đại diện của họ kiểm tra các tài khoản và hồ sơ của họ cũng như các tài liệu khác liên quan đến quá trình lựa chọn và thực hiện hợp đồng và để kiểm toán chúng bởi các kiểm toán viên do ADB chỉ định.

Tất cả các ứng thầu, tư vấn, nhà thầu, nhà cung cấp, nhà sản xuất, nhà cung cấp dịch vụ và các bên thứ ba khác tham gia hoặc dính líu vào các hoạt động liên quan đến ADB và các cán bộ, giám đốc, nhân viên và nhân viên tương ứng của họ có nghĩa vụ hợp tác đầy đủ trong bất kỳ cuộc điều tra nào khi ADB yêu cầu. Như được ADB xác định trên cơ sở từng trường hợp, sự hợp tác đó bao gồm, nhưng không giới hạn ở, những điều sau đây:

1. sẵn sàng trả lời phỏng vấn và trả lời đầy đủ, trung thực tất cả các câu hỏi được hỏi;
2. cung cấp cho ADB bất kỳ hạng mục nào được yêu cầu nằm trong tầm kiểm soát của bên đó, bao gồm nhưng không giới hạn ở tài liệu và các vật thể khác;
3. theo yêu cầu bằng văn bản của ADB, ủy quyền cho các thực thể liên quan khác tiết lộ trực tiếp cho ADB những thông tin có liên quan cụ thể và quan trọng, trực tiếp hoặc gián tiếp, đến các thực thể hoặc vấn đề nói trên là đối tượng của cuộc điều tra;
4. hợp tác với tất cả các yêu cầu hợp lý để khám xét hoặc kiểm tra thực tế con người và/hoặc khu vực làm việc của họ, bao gồm các tệp, cơ sở dữ liệu điện tử và tài sản cá nhân được sử dụng trong các hoạt động của ADB, hoặc sử dụng các nguồn hoặc hệ thống Công nghệ Thông tin và Truyền thông (ICT) của ADB ( bao gồm điện thoại di động, thiết bị điện tử cá nhân và thiết bị lưu trữ điện tử như ổ đĩa ngoài);
5. hợp tác trong bất kỳ thử nghiệm hoặc kiểm tra nào do ADB yêu cầu;
6. cung cấp tất cả các thông tin khác liên quan đến việc thực hiện các quyền thanh tra hoặc kiểm toán của ADB; Và
7. duy trì và bảo vệ tính bảo mật của tất cả các thông tin được thảo luận với, và theo yêu cầu của ADB.

Tất cả các ứng thầu, tư vấn, nhà thầu và nhà cung cấp phải yêu cầu các cán bộ, giám đốc, nhân viên, nhân sự, đại lý của họ đảm bảo rằng, trong hợp đồng với các tư vấn phụ, Nhà thầu phụ và các bên thứ ba khác đã tham gia hoặc tham gia vào các hoạt động liên quan đến ADB, các nhà thầu tư vấn phụ, nhà thầu phụ và các bên thứ ba khác cũng có nghĩa vụ hợp tác đầy đủ trong bất kỳ cuộc điều tra nào khi được ADB yêu cầu.

Bên vay thông báo cho ứng thầu rằng ứng thầu hoặc bất kỳ đối tác liên doanh nào của ứng thầu (nếu có) có thể không nhận được bất kỳ khoản thanh toán nào theo Hợp đồng nếu Tư vấn hoặc bất kỳ đối tác liên doanh nào của họ, nếu thích hợp, là, hoặc được sở hữu (toàn bộ hoặc một phần) bởi một người hoặc tổ chức chịu các biện pháp trừng phạt hiện hành.

# PHẦN 7. CÁC ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

**A. BỐI CẢNH**

1. **Nhà tài trợ:** Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)
2. **Cơ quan chủ quản:** Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn
3. **Chủ dự án:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn
4. **Ban quản lý dự án:** Ban quản lý dự án cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp (gọi tắt là Ban QLDA HP3)
5. **Mục tiêu tổng thể:** Hợp phần 3 sẽ góp phần vào hiệu quả của dự án BIIG 1 giúp rút ngắn khoảng cách kết nối kinh tế, tăng cường tính cạnh tranh tiểu vùng của 4 tỉnh Đông Bắc[[12]](#footnote-13). Vai trò này được thực hiện thông qua phương thức điều phối ngành và chiến lược tập trung vào thị trường và thương mại vì sự tăng trưởng và phát triển của ngành trồng trọt, dẫn đến tăng trưởng kinh tế toàn diện ở tỉnh Lạng Sơn.
6. Cụ thể, nó sẽ tạo điều kiện nâng cấp các công trình hạ tầng phục vụ hỗ trợ phát triển chuỗi giá trị hàng hoá các sản phẩm nông nghiệp nhằm đẩy mạnh tăng trưởng, nâng cao khả năng cạnh tranh, thu hút đầu tư vào các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh, thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa, góp phần quan trọng thúc đẩy liên kết kinh tế, thu hút nguồn vốn tại địa phương cho phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo trong toàn khu vực thông qua cơ chế đầu tư công và hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng.

**Các tiểu dự án đường chỉ dẫn sẽ được đầu tư, có thể điều chỉnh tùy theo hoàn cảnh.**

1. Huyện Văn Quan: Tuyến đường Tân Đoàn – Tràng Các – Đồng Giáp, huyện Văn Quan có điểm đầu rẽ phải tại Km11+300, ĐT.239 (Pác Ve - Điềm He) nằm trên địa bàn xã Tân Đoàn. Điểm cuối giao với ĐH.59C (Khánh Khê - Đồng Giáp) tại Km5+500 thuộc địa bàn xã Đồng Giáp. Tuyến thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp A áp dụng cho địa hình miền núi (theo TCVN 10380:2014), tổng chiều dài tuyến L=14.108,59m; trong đó chiều dài tuyến thiết kế là 11.690,95m/14.108,59m, đoạn tận dụng mặt đường cũ là 2.417,64m (từ cọc 42 (km3+532.87) - cọc 46a (km3+787.71); cọc 72 (km4+826.89) - cọc 102 (km6+989.69).
2. Huyện Bình Gia: Tuyến đường Khuổi Con - Nà Nưa, xã Minh Khai - Bản Hoay, xã Hồng Thái huyện Bình Gia có điểm đầu rẽ phải tại Km11+200, ĐT.226 (Bình Gia - Thất Khê). Điểm cuối giao với ĐH.60 (Tân Văn - Bình La) tại Km1+400, tổng chiều dài toàn tuyến là L= 15.385,76m. Chiều dài thiết kế là 13.305,29/15.385,76m *(Đoạn tuyến mở mới từ Km9+604,08÷Km11+671,41 dài 2.067,33m vướng rừng tự nhiên chưa đầu tư xây dựng trong giai đoạn này, đoạn vuốt nối đường cũ cuối tuyến từ Km15.372,62m –Km15+385,76m dài 13,14 không xây dựng).*
3. Huyện Tràng Định: Tuyến đường giao thông thôn Pò Kiền (ĐH.01B) huyện Tràng Định có điểm đầu nối tiếp đường huyện ĐH.01B tại Km0+880m; điểm cuối giao với Quốc lộ 3B tại Km41+250/QL.3B. Chiều dài tuyến 11.025,9m. Đối với những đoạn không vướng rừng tự nhiên tuyến thiết kế vận dụng theo tiêu chuẩn đường cấp A áp dụng cho địa hình miền núi (theo TCVN 10380:2014). Nền đường rộng 6,0m, mặt đường rộng 3,5m (chưa kể mở rộng trong đường cong), lề đường rộng: 2x1,25m.

Đối với những đoạn vướng rừng tự nhiên tuyến thiết kế vận dụng đảm bảo chiều rộng nền đường tối thiểu đạt cấp B (theo Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 24/4/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn); độ dốc dọc theo dốc hiện trạng đường cũ Imax= 24%.

Đối với những đoạn không vướng rừng tự nhiên tuyến thiết kế vận dụng theo tiêu chuẩn đường cấp A áp dụng cho địa hình miền núi (theo TCVN 10380:2014). Nền đường rộng 6,0m, mặt đường rộng 3,5m (chưa kể mở rộng trong đường cong), lề đường rộng: 2x1,25m.

**Công trình thủy lợi được đầu tư có thể điều chỉnh tùy trường hợp**

1. Huyện Văn Quan: đầu tư xây dựng 08 hạng mục công trình thủy lợi thuộc địa bàn 05 xã: Lương Năng, Khánh Khê, Trấn Ninh, Tân Đoàn và An Sơn. Các hạng mục đầu tư chính gồm xây dựng mới 02 đập dâng; bê tông hoá 7,49 km kênh tưới, hình thức mương hở mặt cắt chữ nhật BxH= (30x30÷40x60)cm và các công trình phụ trợ.
2. Huyện Bình Gia đầu tư xây dựng 03 cụm công trình thủy lợi thuộc địa bàn 03 xã gồm: Hoa Thám, Hồng Phong và Hưng Đạo. Các hạng mục đầu tư chính gồm sửa chữa 01 đập dâng, xây mới 04 đập dâng và 03 phai dâng; Bê tông hoá 6,89 km kênh tưới, hình thức mương hở mặt cắt chữ nhật BxH= (30x30÷50x80)cm và các công trình phụ trợ.
3. Huyện Tràng Định: đầu tư xây dựng 03 công trình thủy lợi thuộc địa bàn 02 xã: Quốc Khánh và Đề Thám. Các hạng mục đầu tư chính gồm sửa chữa 01 hồ chứa bao gồm: đập đất đồng chất, cống lấy nước, tràn xả lũ; nâng cấp, sửa chữa và bê tông hóa 7,79km kênh tưới, hình thức mương hở mặt cắt chữ nhật BxH= (60x80 100x80)cm và các công trình phụ trợ; xây dựng tuyến đường ống dẫn nước phục vụ tưới với tổng chiều dài 3,5km, kết cấu ống HDPE; cải tạo, sửa chữa tuyến đường thi công vận hành công trình với chiều dài 1,57km.

Chi tiết về phạm vi tiểu dự án thuộc Hợp phần 3 được trình bày trong Phụ lục 1.

1. **Thời gian thực hiện Dự án:** 2023-2025

**B. MỤC TIEU CỦA CONG TAC GIAM SAT**

1. Mục tiêu của công tác giám sát bao gồm:
2. Thực hiện chức năng của Kỹ sư trong việc quản lý hợp đồng xây dựng công trình dân dụng (Hợp đồng) theo các điều kiện của hợp đồng;
3. Xem xét và tư vấn cho các Ban QLDA tỉnh (Khách hàng) về việc phê duyệt biện pháp thi công và hoạt động thi công do Nhà thầu thực hiện;
4. Đảm bảo rằng các công trình vĩnh cửu và tạm thời đã được thiết kế và thi công phù hợp với các quy định của Hợp đồng và theo Tiêu chuẩn Thiết kế và Xây dựng Việt Nam; và
5. Tư vấn cho Khách hàng về tất cả các vấn đề liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng bao gồm kiểm soát chất lượng, tiến độ công việc, các vấn đề thực hiện và trọng tài hoặc kiện tụng, v.v.
6. Quản lý hợp đồng xây dựng và quản lý môi trường, xã hội theo hợp đồng đã ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu đảm bảo tuân thủ các quy định của nhà tài trợ.
7. Giám sát chất lượng xây dựng công trình của nhà thầu theo đúng các quy định của Chính phủ Việt Nam về quản lý chất lượng xây dựng được nêu cụ thể tại các Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và các văn bản, hướng dẫn khác có liên quan.

**C. PHẠM VI CONG VIỆC GIÁM SÁT**

*a) Rà soát thiết kế:*

1. TKKT đã được lập bởi đơn vị tư vấn. Việc xem xét thiết kế bao gồm, nhưng không giới hạn, những điều sau đây:

* Đảm bảo rằng các Thông số kỹ thuật trong Hồ sơ mời thầu và các quy định của Tiêu chuẩn thiết kế và xây dựng Việt Nam đã được hạch toán hợp lệ trong thiết kế chi tiết và bản vẽ thi công.
* Thiết lập lịch trình, phương pháp và quy trình rà soát thiết kế kỹ thuật chi tiết và bản vẽ thi công của các công trình dân dụng do Khách hàng cung cấp.
* Rà soát thiết kế chi tiết và bản vẽ thi công theo các tiêu chuẩn, tiêu chí thiết kế và thiết kế ý tưởng được cung cấp trong Hợp đồng.
* Đảm bảo rằng các Thông số kỹ thuật trong Hồ sơ mời thầu và các quy định của Tiêu chuẩn thiết kế và xây dựng Việt Nam đã được bao gồm trong TKCT và bản vẽ thi công.

*b) Quản lý hợp đồng công trình xây dựng*

1. Tư vấn sẽ quản lý hợp đồng thi công công trình xây dựng và đảm bảo rằng các công trình giao thông và công trình thủy lợi được xây dựng theo các điều khoản của hợp đồng thi công xây dựng. Tư vấn sẽ được yêu cầu huy động một kỹ sư đại diện để thực hiện công việc toàn thời gian tại khu vực dự án.
2. Công tác giám sát thi công phải tuân thủ theo Điều 19 của Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về việc quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. Tư vấn sẽ có trách nhiệm hỗ trợ Khách hàng bao gồm các nhiệm vụ sau:
3. Phát lệnh khởi công công trình dựa trên (i) xác nhận rằng công tác thu hồi đất và các khoản thanh toán bồi thường liên quan cho toàn bộ tiểu dự án đã được hoàn tất mà không còn khoản nợ hay phát sinh khiếu nại nào; (ii) Lệnh khởi công do Giám đốc dự án ký dựa theo các phê duyệt của Ban BLDA tỉnh về kế hoạch thực hiện của nhà thầu, rằng có một thỏa thuận về thiết kế kỹ thuật chi tiết và các khối lượng liên quan dựa trên đánh giá của nhà thầu về thiết kế, và (iii) đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng;
4. Rà soát và phê duyệt nhân sự đề xuất cho các vị trí trong Hợp đồng;
5. Kiểm tra và phê duyệt tất cả các nguồn vật liệu được Nhà thầu xác định;
6. Xem xét và thông qua kế hoạch thực hiện của Nhà thầu, giám sát tiến độ thi công xây dựng.
7. Thông báo cho Khách hàng về các rủi ro dẫn đến chậm trễ hoặc trì hoãn so tiến độ hợp đồng, và các hành động cần thiết để hạn chế và ngăn chặn các rủi ro đó;
8. Rà soát, phê duyệt và giám sát kế hoạch xây dựng nhằm giảm thiểu sự gián đoạn hoạt động giao thông, thủy lợi và hoạt động nông nghiệp trong suốt quá trình xây dựng và đảm bảo rằng các hoạt động xây dựng không gây nguy hiểm cho sự an toàn của mọi người;
9. Thường xuyên giám sát và kiểm tra chương trình kiểm soát chất lượng của nhà thầu để đảm bảo chất lượng của các công trình đã hoàn thành, đáp ứng các tiêu chuẩn và kỹ thuật theo hợp đồng. Công tác này bao gồm việc kiểm tra thường xuyên chương trình thử nghiệm vật liệu;
10. Tư vấn và hỗ trợ Khách hàng trong việc trọng tài hoặc kiện tụng liên quan đến thi công công trình, khi cần thiết;
11. Theo dõi tiến độ của công trình xây dựng thông qua các kỹ thuật quản lý dự án có sự hỗ trợ của máy tính;
12. Tổ chức họp thường xuyên với các nhà thầu để đưa ra và xử lý các vấn đề khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ thi công, và báo cáo cho Khách hàng;
13. Phối hợp với các cơ quan/chính quyền địa phương liên quan để hạn chế gián đoạn trong quá trình thi công theo yêu cầu của Nhà thầu;
14. Kiểm tra bảo hiểm của nhà thầu để đảm bảo rằng nhà thầu đã cung cấp tất cả bảo hiểm theo yêu cầu của hợp đồng và bảo hiểm đó phải được duy trì trong suốt thời hạn thực hiện hợp đồng;
15. Chuẩn bị các đơn hàng theo yêu cầu của Khách hàng và kiểm tra đơn hàng do Nhà thầu đề xuất và tư vấn cho Khách hàng theo đúng hợp đồng;
16. Rà soát các yêu cầu bồi thường của Nhà thầu và tư vấn cho Khách hàng về tính hợp lệ của yêu cầu bồi thường, ảnh hưởng đến tiến độ thi công và chi phí của dự án;
17. Thực hiện quản lý hợp đồng xây dựng nhằm đảm bảo công trình được hoàn thành tuân thủ các thông số kỹ thuật, kế hoạch quản lý môi trường và các yêu cầu an toàn xã hội của khoản đầu tư BiiG-1[[13]](#footnote-14).
18. Rà soát và đánh giá báo cáo tiến độ công việc hàng tháng do nhà thầu lập cho tháng trước, tiến độ công việc so với tiến độ chung được duyệt, các vấn đề và khó khăn của các nhà thầu và các vấn đề khác theo yêu cầu của Khách hàng;
19. Cấp Giấy chứng nhận hoàn thành sau khi hoàn thành công việc theo quy định của hợp đồng;
20. Giám sát việc cập nhật Kế hoạch tái định cư, nếu cần, và xây dựng các hệ thống giám sát tác động theo dõi nghèo đói;
21. Xem xét và tư vấn cho Khách hàng xem các biện pháp thi công do nhà thầu đề xuất để thực hiện công việc có phù hợp hay không, đặc biệt có tham khảo các yêu cầu kỹ thuật tiêu chuẩn môi trường hợp lý theo Tuyên bố Chính sách An toàn của ADB (2009), kiểm định thiết bị thi công của nhà thầu, an toàn công trình, tài sản, con người và cộng đồng;
22. Kiểm tra đánh giá các thí nghiệm được thực hiện trong phòng thí nghiệm và tại công trường do nhà thầu thực hiện, thực hiện các thí nghiệm độc lập.
23. Phát hành lệnh yêu cầu Nhà thầu dỡ bỏ hoặc cải thiện các hạng mục công việc không đúng theo bản vẽ và/hoặc chỉ dẫn kỹ thuật;
24. Lưu trữ hồ sơ thí nghiệm, bao gồm hồ sơ đối chiếu của các hạng mục công trình của từng lần kiểm tra, địa điểm lấy mẫu thí nghiệm;
25. Khi hoàn thành hợp đồng, kiểm tra “bản vẽ hoàn công” của Nhà thầu, đây là hồ sơ minh chứng cho phần công việc đã hoàn thành;
26. Kiểm tra các hạng mục đã hoàn thành, lưu trữ hồ sơ liên quan, bao gồm sổ đo lường;
27. Lập kế hoạch dòng tiền theo quý cho Khách hàng theo mẫu được duyệt, trong đó xác định dự toán ngân sách cho tất cả các hạng mục công trình còn lại;
28. Giám sát việc lưu trữ hồ sơ đối với tất cả các nhà máy, nhân công và vật liệu được sử dụng để xây dựng công trình;
29. Giám sát quá trình thanh toán theo giai đoạn và thanh toán cuối cùng của Nhà thầu (thanh toán hàng tháng sẽ dựa trên chứng từ thanh toán theo giai đoạn do Nhà thầu đệ trình);
30. Tư vấn sẽ chịu trách nhiệm kiểm tra và giám sát các yêu cầu thực hiện trong Hợp đồng và đảm bảo các tiêu chí và giới hạn được đáp ứng;
31. Duy trì nhật ký hàng ngày, bao gồm tất cả các vấn đề liên quan đến quản lý hợp đồng, các mẫu yêu cầu, và yêu cầu đối với nhà thầu, và bất kỳ thông tin nào khác có thể giúp giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện;
32. Giám sát việc thực hiện các chương trình đào tạo của cán bộ PPMU tại hiện trường về quản lý dự án bao gồm đảm bảo chất lượng và quản lý hợp đồng.
33. Trong giai đoạn xác định trách nhiệm pháp lý về sai sót và chi phí: Bồi thường thiệt hại khi giám sát sai lệch dẫn đến khối lượng thi công không đúng thiết kế, tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật mà người giám sát không báo cáo với Chủ đầu tư hoặc người có thẩm quyền và các hành vi vi phạm khác của người giám sát.
34. Ngoài ra, hoặc để mở rộng các hoạt động và trách nhiệm cần thiết của kỹ sư theo hợp đồng xây dựng dân dụng, chuyên gia tư vấn sẽ:
35. Đảm bảo rằng các biện pháp thi công do nhà thầu đề xuất để thực hiện công việc là thỏa đáng, đặc biệt có tham chiếu đến các yêu cầu kỹ thuật của các tiêu chuẩn môi trường hợp lý theo Tuyên bố Chính sách An toàn của ADB (2009) và các điều khoản đã thống nhất trong Báo cáo kiểm tra môi trường ban đầu (IEE) và EMP liên quan cũng như EMP được cập nhật của Nhà thầu và bất kỳ bổ sung hoặc thay đổi nào được cho là cần thiết trong quá trình thực hiện dự án;
36. Giám sát và báo cáo các biện pháp thích ứng/phục hồi khí hậu được đưa vào thiết kế chi tiết cho cơ sở hạ tầng để ứng phó với các hiện tượng thời tiết cực đoan có thể là do tác động của biến đổi khí hậu; các bài học và khuyến nghị cho các biện pháp bền vững;
37. Tiến hành kiểm tra ban đầu và thường xuyên thiết bị thi công của nhà thầu; an toàn của công trình, tài sản, con người và cộng đồng; và các khuyến nghị của Kế hoạch quản lý môi trường của nhà thầu (CEMP);
38. Giám sát việc thực hiện kế hoạch giám sát môi trường và báo cáo hàng năm về việc thực hiện kế hoạch này như một phần của báo cáo thực hiện dự án;
39. Giám sát việc cung cấp các hội thảo quản lý môi trường cho các nhà thầu và nhân viên PPMU;
40. Đảm bảo các điều khoản cần thiết cho Kế hoạch Quản lý Rủi ro và Phòng ngừa COVID-19 được trình bày chi tiết, thống nhất và, nếu cần, được triển khai và duy trì trong toàn bộ quá trình xây dựng, bao gồm đào tạo nhân viên tại công trường, quản lý hệ thống theo dõi và nhập cảnh, giãn cách xã hội, sử dụng và thải bỏ Thiết bị Bảo hộ lao động và báo cáo về tất cả các hoạt động đó.
41. Giám sát các kế hoạch tái định cư theo Tuyên bố Chính sách An toàn của ADB (2009);
42. Giám sát Nhà thầu xây dựng để đảm bảo rằng không có nhà thầu nào sử dụng lao động trẻ em để thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của hợp đồng dân dụng;
43. Giám sát việc thực hiện các vấn đề về giới, chương trình sức khỏe và an toàn tại công trường bao gồm chiến dịch thông tin và giáo dục về các bệnh lây truyền qua đường tình dục và HIV/AIDS (virus gây suy giảm miễn dịch ở người/hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải) theo yêu cầu của hợp đồng; Và
44. Giám sát việc thực hiện các chương trình đào tạo cho nhân viên PPMU tại công trường về quản lý dự án bao gồm đảm bảo chất lượng, quản lý hợp đồng và bảo trì hệ thống xử lý nước.
45. Thực hiện nhiệm vụ thu thập dữ liệu để cung cấp dữ liệu đầu vào cho Tư vấn thực hiện khoản vay (LIC) trong công tác Giám sát và Đánh giá (M&E).
46. Phối hợp với các bên (Tư vấn LIC; tư vấn TKKT và kiểm toán) trong quá trình triển khai dịch vụ.

**Nghĩa vụ về Môi trường, Sức khỏe và An toàn (EHS)**

1. Đảm bảo rằng Nhà thầu thực hiện các nghĩa vụ EHS của mình theo hợp đồng. Điều này bao gồm, nhưng không giới hạn ở những điều sau đây:

* Xem xét Kế hoạch Quản lý Môi trường, Sức khỏe và An toàn của Nhà thầu, bao gồm tất cả các bản cập nhật và sửa đổi theo tần suất được quy định trong hợp đồng của Nhà thầu (thông thường không dưới 6 tháng một lần);
* Xem xét tất cả các tài liệu hiện hành khác của nhà thầu liên quan đến các khía cạnh Môi trường, Sức khỏe và An toàn bao gồm sổ tay sức khỏe và an toàn, kế hoạch quản lý an ninh, v.v.
* Xem xét và cân nhắc các rủi ro và tác động đến Môi trường, Sức khỏe và An toàn của bất kỳ đề xuất thay đổi thiết kế nào và tư vấn nếu có những tác động đối với việc tuân thủ các yêu cầu của dự án;
* Tiến hành kiểm toán, giám sát và/hoặc kiểm tra bất kỳ địa điểm nào mà Nhà thầu đang thực hiện các hoạt động liên quan đến Công trình, để xác minh sự tuân thủ của Nhà thầu đối với các yêu cầu về Môi trường, Sức khỏe và An toàn cùng với và không có sự tham gia của các đại diện có liên quan của Nhà thầu và/hoặc Chủ đầu tư, nếu cần, nhưng không ít hơn một lần mỗi tháng;
* Thực hiện kiểm toán và kiểm tra nhật ký tai nạn, hồ sơ liên lạc cộng đồng, kết quả giám sát và các tài liệu khác liên quan đến Môi trường, Sức khỏe và An toàn, nếu cần, để xác nhận sự tuân thủ của Nhà thầu đối với các yêu cầu về Môi trường, Sức khỏe và An toàn;
* Thống nhất (các) biện pháp khắc phục và khung thời gian thực hiện trong trường hợp không tuân thủ các nghĩa vụ về Môi trường, Sức khỏe và An toàn của Nhà thầu;
* Đảm bảo có đại diện phù hợp tại các cuộc họp liên quan bao gồm các cuộc họp tại địa điểm và các cuộc họp về tiến độ để thảo luận và thống nhất các hành động phù hợp nhằm đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ về Môi trường, Sức khỏe và An toàn;
* Kiểm tra xem báo cáo thực tế của Nhà thầu (nội dung và tính kịp thời) có phù hợp với nghĩa vụ hợp đồng của Nhà thầu hay không;
* Xem xét và phê bình kịp thời tài liệu Môi trường, Sức khỏe và An toàn của Nhà thầu (bao gồm báo cáo định kỳ và báo cáo sự cố) về tính chính xác và hiệu quả của tài liệu.
* Thực hiện liên lạc, theo thời gian và khi cần thiết, với các bên liên quan của dự án để xác định và thảo luận về bất kỳ vấn đề Môi trường, Sức khỏe và An toàn thực tế hoặc tiềm ẩn nào.
* Thiết lập và duy trì cơ chế giải quyết khiếu nại bao gồm các loại khiếu nại cần được ghi lại và cách bảo vệ tính bảo mật.

*c) Các hành động cần có sự chấp thuận cụ thể của chủ lao động*

1. Thực hiện bất kỳ hành động nào theo hợp đồng xây dựng dân dụng chỉ định Nhà tư vấn là “Kỹ sư”, đối với hành động đó, theo hợp đồng xây dựng dân dụng đó, cần phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Khách hàng với tư cách là “Chủ đầu tư”.
2. Ngoài ra, chuyên gia tư vấn sẽ được yêu cầu phải có được sự chấp thuận trước của chủ đầu tư trong các vấn đề sau đây như được quy định trong hợp đồng xây dựng dân dụng:
3. Đề xuất việc cho thuê lại bất kỳ phần nào của công trình;
4. Xác nhận chi phí bổ sung;
5. Xác định thời gian gia hạn;
6. Phát hành biến thể có liên quan đến tài chính; Và
7. Quy định về giá hoặc giá cả.

**D. YEU CẦU DỐI VỚI SẢN PHẨM**

1. Tư vấn Giám sát phải lập các báo cáo dưới đây, bằng tiếng Việt và tiếng Anh, theo mẫu của ADB, trình cho Ban QLDA HP 3, bao gồm, nhưng không giới hạn, các báo cáo sau:

* **Báo cáo khởi động:** 01 tháng sau khi ký hợp đồng.
* **Báo cáo tiến độ hàng tháng:** Ngày 22 hàng tháng, Tư vấn sẽ đệ trình báo cáo cho Ban QLDA HP3 vào cuối mỗi tháng. Báo cáo này sẽ tổng hợp tất cả công việc và nhiệm vụ đã hoàn thành trong tháng, chỉ ra các thách thức của dự án và giải pháp tương ứng. Nội dung của báo cáo tuân thủ theo mẫu Phụ lục Iva - Báo cáo định kỳ về công tác giám sát thi công xây dựng công trình, ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ.
* **Báo cáo Quý:** Ngày 10 của tháng đầu quý sau, Tư vấn sẽ đệ trình báo cáo cho Ban QLDA HP3 trong vòng 02 tuần cuối cùng của mỗi Quý. Nội dung của báo cáo này sẽ được thống nhất trong giai đoạn lập Báo cáo khởi động. Nội dung của báo cáo tuân thủ theo mẫu Phụ lục IVa. Báo cáo định kỳ về công tác giám sát thi công xây dựng công trình, ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ.
* **Dự thảo báo cáo hoàn thành tiểu dự án** trình cho Ban QLDA HP3 trong vòng một tháng sau khi nghiệm thu hoàn thành công tác xây dựng công trình cuối cùng. Nội dung của báo cáo tuân thủ theo mẫu Phụ lục Ivb - Báo cáo hoàn thành công tác giám sát thi công xây dựng gói thầu, giai đoạn, hạng mục công trình, công trình xây dựng.
* Trình **bản cuối cùng báo cáo hoàn thành tiểu dự án** trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến đóng góp của Ban QLDA HP3;
* **Các báo cáo khác** theo yêu cầu của Ban QLDA HP3.

**Yêu cầu báo cáo EHS**

1. Yêu cầu báo cáo về Môi trường, Sức khỏe và An toàn như sau:

* Thông báo ngay cho Khách hàng về bất kỳ lỗi nào của Nhà thầu trong việc tuân thủ các nghĩa vụ về Môi trường, Sức khỏe và An toàn của mình;
* Thông báo ngay cho Khách hàng về bất kỳ cáo buộc, sự cố hoặc tai nạn nào có hoặc có khả năng gây ảnh hưởng xấu đáng kể đến môi trường, cộng đồng bị ảnh hưởng, cộng đồng, Nhân sự của Khách hàng, Nhân sự của Nhà thầu hoặc Chuyên gia. Bảo mật đầy đủ chi tiết nên được duy trì cho các trường hợp nhạy cảm. Tư vấn viên sẽ cung cấp đầy đủ thông tin chi tiết về các sự cố hoặc tai nạn đó cho Khách hàng trong khung thời gian đã thỏa thuận với Khách hàng;
* Ngay lập tức thông báo và chia sẻ với Khách hàng bất kỳ thông báo tức thời nào liên quan đến các sự cố về Môi trường, Sức khỏe và An toàn do Nhà thầu cung cấp cho Tư vấn, và theo yêu cầu của Nhà thầu như một phần của Báo cáo tiến độ.
* Chia sẻ kịp thời với Khách hàng các chỉ số về Môi trường, Sức khỏe và An toàn của Nhà thầu, theo yêu cầu của Nhà thầu như một phần của Báo cáo tiến độ.

1. **Kế hoạch thực hiện:** Nhiệm vụ tư vấn dự kiến sẽ được thực hiện từ Quý II/2023, có thể được điều chỉnh tùy theo hoàn cảnh và tiến độ thực hiện dựa trên tiến độ thi công thực tế.

**E. YEU CẦU VỀ TRINH DỘ VA KINH NGHIỆM CHUYEN GIA**

1. Đơn vị tư vấn tham gia dự thầu phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau:

* Các công ty phải được thành lập hợp pháp và lâu dài với giấy phép hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.
* Là công ty trong nước có 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực giám sát thi công xây dựng công trình có quy mô tương tự có năng lực chuyên môn, tài chính độc lập, có hệ thống quản lý chất lượng. Quy mô tương tự có thể được xác định là có kinh nghiệm giám sát thi công đối với:
* Công trình giao thông từ cấp III trở lên; Và
* Công trình thủy lợi từ cấp III trở lên.
* Có kinh nghiệm tối thiểu 01 dự án ODA về đường giao thông, có quy mô cấp IV (cấp quản lý).
* Có kinh nghiệm tối thiểu 01 dự án ODA về công trình thủy lợi, có quy mô từ cấp IV (cấp quản lý) trở lên.
* Có chứng chỉ năng lực giám sát thi công xây dựng công trình phù hợp.

1. Đầu vào của đội ngũ tư vấn dự kiến như sau.

**Bảng 1: Đầu vào của đội ngũ tư vấn**

| **STT** | **Vị trí chuyên gia** | **Đầu vào** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Người** | **Tháng** | **Tổng** |
| **I** | **Chuyên gia chủ chốt** | **4** |  | **54** |
| 1 | Trưởng đoàn tư vấn/Tư vấn giám sát trưởng/Chuyên gia giám sát thi công xây dựng công trình giao thông | 1 | 15 | 15 |
| 2 | Phó đoàn tư vấn/Tư vấn giám sát trưởng/ Chuyên gia giám sát công trình NN&PTNT (thủy lợi) | 1 | 15 | 15 |
| 3 | Chuyên gia giám sát thi công xây dựng công trình giao thông (đường bộ) | 1 | 14 | 14 |
| 4 | Chuyên gia HSET (y tế, an toàn, môi trường và giao thông) | 1 | 10 | 10 |
| **II** | **Chuyên gia không chủ chốt** | **6** |  | **84** |
| 5 | Kỹ sư giám sát thi công xây dựng công trình giao thông (06 kỹ sư đường) | 3 | 14 | 42 |
| 6 | Kỹ sư giám sát thi công xây dựng công trình NN&PTNT (thủy lợi) | 3 | 14 | 42 |
|  | **Tổng cộng** | **10** |  | **138** |

1. Các điều khoản tham chiếu riêng về nhân sự và các yêu cầu về trình độ được trình bày chi tiết như sau.

**1. Trưởng đoàn tư vấn/Tư vấn giám sát trưởng/Chuyên gia giám sát thi công xây dựng công trình giao thông**

**Nhiệm vụ chính:**

* Thành lập văn phòng dịch vụ tư vấn, điều phối và quản lý tổng thể đầu vào của dịch vụ tư vấn;
* Xem xét và trình Khách hàng phê duyệt các chương trình, thuyết minh, bản vẽ thiết kế, nguồn vật liệu, v.v.
* Lập và phát hành các báo cáo theo yêu cầu;
* Kiểm tra vật liệu và tay nghề, đảm bảo tuân thủ các kế hoạch và thông số kỹ thuật;
* Hỗ trợ chuyên gia HSET trong chương trình nâng cao nhận thức về an toàn đường bộ;
* Phối hợp với các kỹ sư giám sát khác để chuẩn bị sổ tay kiểm soát chất lượng, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc thiết lập tần suất kiểm tra và tiêu chí nghiệm thu cho tất cả các hoạt động xây dựng;
* Phối hợp với các kỹ sư khác xây dựng yêu cầu đối với phòng thí nghiệm hiện trường và nhân sự của nhà thầu để đảm bảo tính đầy đủ và phù hợp với yêu cầu của công trình;
* Phối hợp với kỹ sư giám sát, kỹ sư hiện trường theo dõi, rà soát chất lượng vật liệu, nguồn vật liệu do nhà thầu đề xuất; xem xét thiết kế cấp phối bê tông nhựa do nhà thầu đệ trình và dự kiến thiết kế cấp phối điều chỉnh, thiết kế mặt đường, quy trình thí nghiệm, lấy mẫu và các biện pháp quản lý chất lượng đảm bảo đạt quy định về tiêu chuẩn và tính chất đồng nhất của chất lượng;
* Đảm bảo quản lý giao thông đầy đủ trong công trường;
* Giám sát đo đạc và lưu giữ hồ sơ đo đạc;
* Xác nhận khối lượng và lập hồ sơ nghiệm thu, thanh toán cho nhà thầu;
* Xác nhận hoàn thành bộ phận hoặc toàn bộ công trình và ký bản vẽ hoàn công;
* Đảm bảo các nhà thầu tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp an toàn trong quá trình thực hiện dự án, đưa báo cáo an toàn vào báo cáo tiến độ.
* Kiểm tra công trình theo các khoảng thời gian thích hợp trong thời gian chịu trách nhiệm về sai sót và cấp giấy chứng nhận trách nhiệm về sai sót;
* Xử lý khiếu nại có thể có của nhà thầu;
* Cung cấp cho Chủ đầu tư đầy đủ hồ sơ, báo cáo và phê duyệt kế hoạch thi công của nhà thầu;
* Tiến hành giám sát định kỳ trong giai đoạn xây dựng và tham gia chuẩn bị báo cáo tiến độ định kỳ cho các cơ quan liên quan và ADB;
* Kiểm tra việc tuân thủ quy trình thi công; Tham dự các cuộc họp định kỳ với các bên liên quan; Rà soát kết quả thực hiện công trường và thực hiện kiểm tra chéo độc lập về chất lượng công trình;
* Theo dõi tiến độ và sự phù hợp với hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, thiết kế bản vẽ shop drawing và các quy định hiện hành khác có liên quan đến quản lý chất lượng công trình theo tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật Việt Nam;
* Hợp tác, quản lý và kiểm soát công việc của các kỹ sư/chuyên gia giám sát khác trong dự án;
* Làm việc với Tư vấn Thực hiện Khoản vay (LIC) và các nhà thầu/giám sát khác để hỗ trợ Ban QLDA trong việc quản lý, kiểm soát xả thải và giảm thiểu tác động môi trường do hoạt động xây dựng;
* Thực hiện các nhiệm vụ bổ sung khi được Chủ đầu tư yêu cầu một cách thích hợp, chẳng hạn như đảm bảo các thành viên trong nhóm liên quan hỗ trợ chuyên gia tư vấn giới trong việc giám sát hoạt động của nhà thầu và báo cáo các nhiệm vụ liên quan đến các mục tiêu GAP và các hành động liên quan đến nghĩa vụ của nhà thầu;
* Đảm bảo thực hiện đúng các biện pháp giảm thiểu tác động tái định cư và môi trường trong quá trình xây dựng và chuẩn bị các báo cáo theo yêu cầu.

**Yêu cầu về trình độ và kinh nghiệm:**

**- Tiêu chuẩn nghề nghiệp:**

* Kỹ sư Xây dựng Cầu đường hoặc lĩnh vực tương tự (ưu tiên trình độ trên đại học);
* Có Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng cầu đường còn hiệu lực đối với công trình giao thông hạng IV.

**- Kinh nghiệm làm việc:**

* Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong hoạt động tư vấn xây dựng (tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế).
* Đã đảm nhiệm chức danh Trưởng nhóm/Tư vấn giám sát trưởng ít nhất 03 dự án Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình giao thông;
* Ưu tiên Có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động tư vấn xây dựng tại miền núi phía Bắc Việt Nam và kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực tư vấn xây dựng và kinh nghiệm với các nhà tài trợ ODA (ADB, WB và các nhà tài trợ khác) sẽ được ưu tiên;
* Khả năng tiếng Anh: Nói và viết thành thạo,
* Sức khỏe tốt.

**2. Phó đoàn tư vấn/Tư vấn giám sát trưởng/Chuyên gia giám sát công trình NN&PTNT (thủy lợi)**

**Nhiệm vụ chính:**

* Thành lập văn phòng dịch vụ tư vấn, điều phối và quản lý đầu vào tư vấn cho các công trình cấp nước;
* Xem xét và trình Khách hàng phê duyệt các chương trình, thuyết minh, bản vẽ thiết kế, nguồn vật liệu, v.v.;
* Lập và thực hiện các báo cáo theo yêu cầu;
* Kiểm tra vật liệu và tay nghề, đảm bảo tuân thủ các kế hoạch và thông số kỹ thuật;
* Hỗ trợ chuyên gia HSET trong các hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi;
* Phối hợp với các kỹ sư giám sát để chuẩn bị sổ tay kiểm soát chất lượng, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc thiết lập tần suất thử nghiệm và tiêu chí chấp nhận cho tất cả các hoạt động xây dựng;
* Phối hợp với các kỹ sư khác xây dựng yêu cầu đối với phòng thí nghiệm và nhân sự tại công trường của nhà thầu để đảm bảo tính đầy đủ và phù hợp với yêu cầu của công trình;
* Phối hợp với kỹ sư giám sát, kỹ sư hiện trường theo dõi, rà soát chất lượng vật liệu, nguồn vật liệu nhà thầu đề xuất; xem xét thiết kế cấp phối bê tông nhựa do nhà thầu đệ trình và thiết kế cấp phối điều chỉnh dự kiến, biện pháp thi công mặt đường, quy trình lấy mẫu, thí nghiệm trong phòng và các biện pháp quản lý chất lượng đảm bảo đạt quy định về tiêu chuẩn và tính chất thống nhất về chất lượng;
* Đảm bảo quản lý giao thông đầy đủ tại các công trường;
* Giám sát việc đo đạc và lưu giữ hồ sơ đo đạc;
* Xác nhận khối lượng và lập hồ sơ nghiệm thu, thanh toán cho nhà thầu;
* Xác nhận hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ công trình và ký vào bản vẽ hoàn công;
* Đảm bảo các nhà thầu tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp an toàn trong quá trình thực hiện dự án, trình nộp các báo cáo an toàn vào báo cáo tiến độ;
* Kiểm tra công trình theo định kỳ thích hợp trong thời hạn trách nhiệm đối với sai sót và cấp giấy chứng nhận trách nhiệm đối với sai sót;
* Xử lý các khiếu nại có thể có của nhà thầu;
* Cung cấp cho Khách hàng đầy đủ hồ sơ, báo cáo và phê duyệt phương án thi công của nhà thầu;
* Tiến hành giám sát định kỳ trong giai đoạn xây dựng và tham gia chuẩn bị báo cáo tiến độ định kỳ cho các cơ quan liên quan và ADB.
* Kiểm tra việc tuân thủ quy trình thi công; Tham dự các cuộc họp định kỳ với các bên liên quan; Rà soát kết quả thực hiện công trường và thực hiện kiểm tra chéo độc lập về chất lượng công trình;
* Theo dõi tiến độ và sự phù hợp với hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, thiết kế bản vẽ thi công và các quy định hiện hành khác có liên quan đến quản lý chất lượng công trình theo tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật Việt Nam;
* Phối hợp, quản lý và kiểm soát công việc của các kỹ sư/chuyên gia giám sát khác trong dự án;
* Làm việc với Tư vấn Thực hiện Khoản vay (LIC) và các nhà thầu/giám sát khác để hỗ trợ Ban QLDA trong việc quản lý, kiểm soát xả thải và giảm thiểu tác động môi trường do hoạt động xây dựng;
* Thực hiện các nhiệm vụ bổ sung khi được Khách hàng yêu cầu phù hợp, chẳng hạn như đảm bảo các thành viên trong nhóm liên quan hỗ trợ chuyên gia giới trong việc giám sát hoạt động của nhà thầu và báo cáo các nhiệm vụ liên quan đến mục tiêu Kế hoạch hành động giới (GAP) và các hành động liên quan đến nghĩa vụ của nhà thầu;
* Đảm bảo thực hiện đúng các biện pháp giảm thiểu tác động tái định cư và môi trường trong quá trình xây dựng và chuẩn bị các báo cáo cần thiết.

**Yêu cầu về trình độ và kinh nghiệm:**

**- Tiêu chuẩn nghề nghiệp:**

* Kỹ sư Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thủy lợi) hoặc lĩnh vực tương đương;
* Có Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thủy lợi) còn hiệu lực đối với công trình hạng IV.

**- Kinh nghiệm làm việc**:

* Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong hoạt động tư vấn xây dựng (tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế);
* Đã đảm nhiệm chức vụ Phó trưởng nhóm/Tư vấn giám sát trưởng ít nhất 03 dự án Tư vấn giám sát thi công công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp thoát nước) hoặc công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi);
* Ưu tiên Có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động tư vấn xây dựng tại khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam và kinh nghiệm làm việc với các nhà tài trợ ODA (ADB, WB và các tổ chức quốc tế khác);
* Khả năng tiếng Anh: Kỹ năng nói và viết thành thạo.
* Sức khỏe tốt.

**3. Chuyên gia giám sát công trình giao thông (đường/ cầu)**

**Nhiệm vụ chính:**

* Rà soát kế hoạch công tác, biện pháp thi công các hạng mục công trình giao thông và trao đổi với Trưởng nhóm về các vấn đề và đưa ra các phương án;
* Kiểm tra vật liệu và tay nghề để đảm bảo tuân thủ các kế hoạch và thông số kỹ thuật;
* Hỗ trợ Trưởng nhóm thực hiện các điều chỉnh cần thiết trong hồ sơ thiết kế cần thiết trong quá trình thi công do tình hình công trường.
* Giám sát thi công móng, cống ngang đường, cầu mới, vỉa hè và các công việc liên quan;
* Duy trì nhật ký công trường, kết quả kiểm tra;
* Theo dõi và giám sát các thử nghiệm vật liệu tại các phòng thí nghiệm và tại chỗ tuân thủ các quy trình đảm bảo chất lượng và các thông số kỹ thuật có liên quan;
* Kiểm tra, kiểm soát khối lượng các công trình xây lắp, giá trị thanh toán do nhà thầu đề xuất phù hợp với các điều kiện của hợp đồng xây lắp;
* Tiến hành giám sát định kỳ trong giai đoạn xây dựng cầu/đường và tham gia chuẩn bị báo cáo tiến độ định kỳ cho các cơ quan liên quan và ADB;
* Kiểm tra việc tuân thủ quy trình thi công; Tham dự các cuộc họp định kỳ với các bên liên quan; Thường xuyên kiểm tra đảm bảo mặt bằng thi công móng, cầu, cống thoát nước, vỉa hè và hệ thống an toàn giao thông luôn đáp ứng yêu cầu chất lượng của công trình; Chịu trách nhiệm chính về nhiệm vụ được giao trên cương vị này;
* Theo dõi tiến độ và sự phù hợp với hợp đồng thi công xây dựng công trình, bản vẽ thi công và các quy định hiện hành khác có liên quan đến quản lý chất lượng công trình theo tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật Việt Nam;
* Giám sát hàng ngày việc tuân thủ an toàn môi trường của tiểu dự án bao gồm quản lý an toàn xây dựng và vệ sinh môi trường, sức khỏe và các vấn đề/quan ngại về giao thông đối với tất cả các gói thầu xây lắp;
* Thực hiện các nhiệm vụ bổ sung khi có yêu cầu phù hợp của Khách hàng.

**Yêu cầu về trình độ và kinh nghiệm**:

**- Tiêu chuẩn nghề nghiệp:**

* Kỹ sư xây dựng cầu đường hoặc lĩnh vực tương tự (ưu tiên trình độ sau đại học);
* Có Chứng chỉ hành nghề Giám sát thi công xây dựng cầu đường còn hiệu lực đối với công trình giao thông hạng IV.

**- Kinh nghiệm làm việc:**

* Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong hoạt động tư vấn xây dựng (tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế).
* Đã đảm nhiệm chức danh Chuyên gia giám sát công trình giao thông ít nhất 03 gói thầu Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình giao thông;
* Ưu tiên Có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động tư vấn xây dựng tại khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam và kinh nghiệm làm việc với các nhà tài trợ ODA (ADB, WB và các tổ chức quốc tế khác);
* Khả năng tiếng Anh: ưu tiên tiếng Anh lưu loát.
* Sức khỏe tốt.

**4. Chuyên gia HSET (sức khỏe, an toàn, môi trường và an toàn giao thông)**

**Nhiệm vụ chính:**

* Với sự hỗ trợ từ chuyên gia tư vấn môi trường của LIC và các thành viên của nhóm giám sát, chuẩn bị hồ sơ hàng ngày về việc nhà thầu tuân thủ các yêu cầu về sức khỏe, an toàn, môi trường, quản lý giao thông (HSET) và đóng góp vào việc chuẩn bị các báo cáo tiến độ định kỳ cho các cơ quan liên quan và ADB;
* Theo dõi và báo cáo các biện pháp thích ứng/phục hồi khí hậu được đưa vào TKCT cho cơ sở hạ tầng để ứng phó với các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt có thể do tác động của biến đổi khí hậu; và các bài học và khuyến nghị cho các biện pháp bền vững.
* Xây dựng hệ thống biểu mẫu, báo cáo về an toàn lao động, vệ sinh môi trường và an toàn giao thông;
* Xác nhận việc tuân thủ quy trình quản lý giám sát an toàn thi công;
* Tiến hành giám sát định kỳ và hỗ trợ PMU buộc các nhà thầu thực hiện các hành động khắc phục để đưa các điểm không tuân thủ HSET trở lại đúng với các yêu cầu của EPP;
* Thực hiện các nhiệm vụ bổ sung khi có yêu cầu phù hợp của PMU và LIC.

**Yêu cầu về trình độ và kinh nghiệm:**

**Tiêu chuẩn nghề nghiệp:**

Cần phải có (các) Chuyên gia chủ chốt có đủ trình độ và kinh nghiệm để giám sát Môi trường, Sức khỏe và An toàn. Kỹ sư/Cử nhân Môi trường/Xã hội/Nhân chủng học hoặc lĩnh vực tương tự (ưu tiên trình độ sau đại học);

**Kinh nghiệm làm việc:**

* Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong việc chuẩn bị/giám sát an toàn xã hội/môi trường trong xây dựng.
* Ưu tiên Có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động tư vấn xây dựng tại khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam và kinh nghiệm làm việc với các nhà tài trợ ODA (ADB, WB và các tổ chức quốc tế khác);
* Khả năng tiếng Anh: Lưu loát sẽ là một lợi thế;
* Sức khỏe tốt.

**Yêu cầu về Quy tắc Ứng xử EHS**

Mỗi Chuyên gia phải ký vào Bộ Quy tắc Ứng xử để chỉ ra rằng họ:

* Đã nhận được một Bộ Quy tắc Ứng xử;
* Bộ Quy tắc Ứng xử đã được giải thích cho họ;
* Đã thừa nhận rằng việc tuân thủ Quy tắc Ứng xử này là một điều kiện để làm việc; Và
* Hiểu rằng việc vi phạm Quy tắc có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng, có thể dẫn đến và bao gồm sa thải hoặc chuyển đến cơ quan pháp luật.
* Biểu mẫu của Quy tắc Ứng xử tiêu chuẩn được đính kèm tại Phụ lục 2.1. Mẫu này có thể được điền, ký và nộp trước khi đàm phán hợp đồng.

**5. Kỹ sư giám sát cầu đường**

**Nhiệm vụ chính:**

* Rà soát, giám sát số liệu phê duyệt xây dựng mốc chuẩn;
* Xem xét kế hoạch làm việc, biện pháp thi công của các nhà thầu, trao đổi với Trưởng nhóm các vấn đề và đề xuất giải pháp;
* Giám sát việc huy động nhân sự, thiết bị, vật tư của nhà thầu;
* Giám sát các công việc hàng ngày trên công trường, bao gồm công tác đất, móng, mặt đường, đo đạc khối lượng;
* Theo dõi và giám sát các thí nghiệm vật liệu tại các phòng thí nghiệm và tại chỗ tuân thủ các quy trình đảm bảo chất lượng và các thông số kỹ thuật có liên quan;
* Kiểm tra, kiểm soát khối lượng các công trình xây lắp, giá trị thanh toán do nhà thầu đề xuất phù hợp với các điều kiện của hợp đồng xây lắp;
* Duy trì nhật ký công trường, kết quả kiểm tra;
* Giám sát hàng ngày việc tuân thủ các biện pháp an toàn xã hội và môi trường của tiểu dự án bao gồm quản lý các vấn đề/mối quan tâm về HSET đối với tất cả các gói thầu công trình dân dụng;
* Chứng nhận tuân thủ nguyên vật liệu và quy trình đảm bảo chất lượng; tham gia các cuộc họp định kỳ với các bên liên quan; thường xuyên kiểm tra đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về vật liệu và chất lượng công trình; trách nhiệm về các công việc được giao.

**Yêu cầu về trình độ và kinh nghiệm:**

**- Tiêu chuẩn nghề nghiệp:**

* Kỹ sư xây dựng cầu/đường hoặc lĩnh vực tương tự (ưu tiên trình độ sau đại học);
* Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng cầu/đường hiện hành đối với công trình giao thông hạng IV.

**- Kinh nghiệm làm việc:**

* Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn xây dựng (tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế);
* Đã đảm nhiệm vị trí Kỹ sư giám sát công trình giao thông ít nhất 03 gói thầu Tư vấn giám sát thi công công trình giao thông;
* Ưu tiên có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động tư vấn xây dựng tại khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam và kinh nghiệm làm việc với các nhà tài trợ ODA (ADB, WB và các tổ chức quốc tế khác);
* Khả năng tiếng Anh: Lưu loát sẽ là một lợi thế;
* Sức khỏe tốt.

**6. Kỹ sư giám sát công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thủy lợi)**

**Nhiệm vụ chính:** Kỹ sư giám sát công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thủy lợi) sẽ tiến hành các hoạt động giám sát thi công đối với các công việc của nhà thầu trên công trường. Nhiệm vụ cụ thể, nhưng không giới hạn, bao gồm:

* Giám sát việc lắp đặt và xây dựng các công trình thủy lợi;
* Khống chế cao độ công trình theo thiết kế công nghệ;
* Xem xét kế hoạch thi công và biện pháp thi công, bản vẽ thi công các công trình thủy lợi của Nhà thầu;
* Kiểm tra việc huy động vật tư, thiết bị, tay nghề của nhà thầu;
* Thực hiện giám sát hàng ngày việc thi công các công trình thủy lợi bao gồm móng, trụ, đo đạc khối lượng… theo đúng quy định kỹ thuật của Nhà thầu;
* Theo dõi và giám sát các thí nghiệm vật liệu tại hiện trường tuân thủ các thông số kỹ thuật và quy trình đảm bảo chất lượng có liên quan;
* Kiểm tra, kiểm soát khối lượng các công trình xây lắp, giá trị thanh toán do nhà thầu đề xuất phù hợp với các điều kiện của hợp đồng xây lắp;
* Duy trì nhật ký công trường, kết quả kiểm tra;
* Kiểm tra việc tuân thủ quy trình bảo hiểm vật chất và chất lượng; Tham dự các cuộc họp định kỳ với các bên liên quan; Thường xuyên kiểm tra để đảm bảo các công trường luôn đáp ứng các yêu cầu về vật liệu và chất lượng thi công; Chịu trách nhiệm chính về nhiệm vụ;
* Theo dõi tiến độ và sự phù hợp với hợp đồng thi công xây dựng công trình và các quy định hiện hành khác có liên quan đến quản lý chất lượng công trình theo tiêu chuẩn kỹ thuật của công trình hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật Việt Nam.
* Giám sát hàng ngày việc tuân thủ các biện pháp an toàn xã hội và môi trường của tiểu dự án bao gồm quản lý các vấn đề/mối quan tâm về HSET đối với tất cả các gói thầu công trình dân dụng;
* Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng nhóm phân công;

**Yêu cầu về trình độ và kinh nghiệm:**

**- Tiêu chuẩn nghề nghiệp:**

* Kỹ sư công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi) hoặc lĩnh vực tương tự (ưu tiên trình độ trên đại học);
* Có Chứng chỉ hành nghề liên quan đến công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thủy lợi) hiện hành đối với công trình hạng IV.

**- Kinh nghiệm làm việc:**

* Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong hoạt động tư vấn xây dựng (tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế);
* Đã đảm nhiệm vị trí Kỹ sư giám sát hạ tầng kỹ thuật (cấp thoát nước) hoặc Kỹ sư giám sát công trình nông nghiệp nông thôn (thủy lợi) ít nhất 03 gói thầu Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình;
* Ưu tiên Có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động tư vấn xây dựng tại khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam và kinh nghiệm làm việc với các nhà tài trợ ODA (ADB, WB và các tổ chức quốc tế khác);
* Khả năng tiếng Anh: Lưu loát sẽ là một lợi thế;
* Sức khỏe tốt.

1. Quy tắc ứng xử về môi trường, sức khỏe và an toàn của chuyên gia tư vấn được trình bày trong Phụ lục 2. Hướng dẫn quản lý và giám sát xây dựng được trình bày chi tiết trong Phụ lục 3.

**F. HỖ TRỢ TỪ PHÍA KHÁCH HÀNG**

1. Văn phòng, điều kiện làm việc, chi phí đi lại, ăn ở của Tư vấn trong thời gian thực hiện dịch vụ đã bao gồm trong hợp đồng.
2. Ban QLDA Hợp phần 3 sẽ:

* Cung cấp cho Tư vấn các tài liệu (báo cáo Thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật) và các thông tin cần thiết khác để thực hiện dịch vụ;
* Hỗ trợ Tư vấn liên hệ với các cơ quan nhà nước nếu cần thiết;
* Hỗ trợ Tư vấn xin giấy phép và các giấy tờ liên quan trong việc tiếp cận và vào khu vực dự án.
* Đối với các cuộc họp thuộc dự án được tổ chức tại văn phòng Ban QLDA HP3: sẽ tận dụng cơ sở vật chất của Ban QLDA HP3.

## PHỤ LỤC 1: PHẠM VI CÁC TIỂU DỰ ÁN ĐƯỢC ĐẦU TƯ THEO HỢP PHẦN 3

**(Có thể điều chỉnh tùy theo hoàn cảnh)**

1. **Khối lượng thi công chính của dự án:**

Công việc giám sát thi công cho các công trình cải tạo, nâng cấp hạ tầng phục vụ chuỗi giá trị nông nghiệp thuộc Hợp phần 3, bao gồm 04 gói thầu xây lắp sau:

* Gói thầu LS-ARVC-W01/Thi công xây lắp công trình Đường Tân Đoàn – Tràng Các – Đồng Giáp, huyện Văn Quan;
* Gói thầu LS-ARVC-W02/Thi công xây lắp công trình Đường Khuổi Con - Nà Nưa, xã Minh Khai - Bản Hoay, xã Hồng Thái huyện Bình Gia;
* Gói thầu LS-ARVC-W03/Thi công xây lắp công trình Đường giao thông thôn Pò Kiền (ĐH01B) huyện Tràng Định;
* Gói thầu LS-ARVC-W04/Thi công xây lắp công trình thuỷ lợi huyện Văn Quan, Bình Gia, Tràng Định.

1. **Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật công trình**
   1. **Gói thầu LS-ARVC-W01/Thi công xây lắp công trình Đường Tân Đoàn – Tràng Các – Đồng Giáp, huyện Văn Quan**

- Điểm đầu rẽ phải tại Km11+300, ĐT.239 (Pác Ve - Điểm He) nằm trên địa bàn xã Tân Đoàn; điểm cuối giao với ĐH.59C (Khánh Khê - Đồng Giáp) tại Km5+500 thuộc địa bàn xã Đồng Giáp. Tuyến thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp A áp dụng cho địa hình miền núi (Theo TCVN 10380:2014), chiều dài tuyến thiết kế là 11.690,95m/14.108,59m; đoạn tận dụng mặt đường cũ là 2.417,64m.

- Tuyến thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp A áp dụng cho địa hình miền núi (theo TCVN 10380:2014). Nền đường rộng 6,0m (chưa kể rãnh dọc và mở rộng trong đường cong nằm), mặt đường rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 1,25m.

**2.1.1. Hướng tuyến:** Hướng tuyến bám theo hướng tuyến thiết kế cơ sở đã được phê duyệt. Tuy nhiên, để cải thiện độ dốc dọc tối đa, giảm khối lượng đào, giảm diện tích chiếm dụng làm tăng kinh phí giải phóng mặt bàng, trong bước này điều chỉnh cục bộ một số đoạn nhỏ cho phù hợp.

- Cơ bản bám theo đường cũ, cải tạo cục bộ những đoạn đi giữa lòng suối, đoạn cua gấp có bán kính nhỏ, độ dốc lớn để tăng bán kính đảm bảo cấp đường thiết kế, cải thiện tầm nhìn và đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật của cấp đường.

**2.1.2. Trắc dọc:**

- Những đoạn tuyến đi cắt khe, mùa mưa thường bị ngập nước, đường đỏ thiết kế sao cho cao độ vai đường 0,5m so với mực nước ngập thường xuyên.

- Những đoạn tuyến đi qua khu vực nền đất yếu mà phía trên nền đất yếu có một lớp vỏ (không thuộc lớp đất yếu) dày từ 1 – 2m, đường đỏ thiết kế đi cao hơn lớp vỏ từ 2 - 3m.

- Những đoạn tuyến đi qua địa hình tự nhiên đồi, núi cao, phân cắt mạnh và chuyển hướng liên tục, đường đỏ được cân nhắc hài hoà để trắc dọc không có dạng răng cưa nhiều.

- Những đoạn có độ dốc dọc sườn lớn hơn 10%, tuỳ thuộc tình hình cụ thể mặt cắt ngang mà thiết kế đào hoàn toàn hay đào đắp kết hợp nhằm tận dụng và cân đối khối lượng để giảm kinh phí.

- Tại các vị trí công trình đường đỏ kẻ vuốt nối vào vị trí công trình sao cho hài hoà, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, cao độ đường đỏ khống chế bởi cao độ mặt cầu, cống cũ tại các vị trí tận dụng lại.

- Những đoạn có độ dốc dọc tự nhiên lớn, để giảm khối lượng cũng như chiều cao đào đắp, đồng thời tăng độ ổn định taluy nền đường thiết kế sử dụng độ dốc dọc lớn nhất 9% (đối với đường đường cấp A miền núi) và 13% (đối với đường cấp B miền núi) hoặc độ dốc dọc châm chước 19% đến 24% đối với đoạn vướng rừng tự nhiên tuyến đi theo đường cũ. Giữa những đoạn dốc dọc lớn có chiều dài đổi dốc tối đa phải bố trí đoạn nghỉ có độ dốc phù hợp, đoạn nghỉ này phải đủ dài để bố trí đường cong đứng hoặc bố trí các đoạn dừng nghỉ lánh nạn có chiều dài 40m, nền đường rộng 10m.

- Những đoạn lên xuống dốc, đường đỏ kẻ kết hợp hài hoà với bình đồ, phân phối dốc đều và hạn chế sử dụng độ dốc tối đa.

**2.1.3. Trắc ngang:**

- Đối với những đoạn tuyến không vướng rừng tự nhiên: Bề rộng nền đường: BNỀN = 6,0m (chưa kể mở rộng và rãnh dọc). Bề rộng mặt đường: BMẶT = 3,5m (chưa kể mở rộng). Chiều rộng lề đường: 2x1,25m. Thiết kế siêu cao, mở rộng theo qui định.

+ Độ dốc ngang mặt đường imđ = 2% đối với mặt đường BTXM, độ dốc imđ = 3% đối với mặt đường láng nhựa;

+ Dộ dốc lề đường ilề = 4% hướng ra phía ngoài taluy.

- Đối với những đoạn tuyến vướng rừng tự nhiên: Bề rộng nền đường đảm bảo: BNỀN = 4,0m (chưa kể mở rộng và rãnh dọc). Bề rộng mặt đường: BMẶT = 3,5m (chưa kể mở rộng). Chiều rộng lề đường: 2x0,25m. Thiết kế siêu cao, mở rộng theo qui định.

+ Độ dốc ngang mặt đường imđ = 2% đối với mặt đường BTXM, độ dốc imđ = 3% đối với mặt đường láng nhựa;

+ Dộ dốc lề đường ilề = 4% hướng ra phía ngoài taluy.

- Bọc lề tại các vị trí gia cố rãnh dọc có độ dốc ≥6%, đoạn nền đường thường xuyên ẩm ướt, kết cấu bằng BTXM-M250 dày 15cm trên lớp móng cấp phối đá dăm dày 10cm.

- Tại các vị trí tận dụng công trình thoát nước cũ, thiết kế đấu nối kéo dài để đảm bảo đủ chiều rộng nền đường của cấp đường.

- Trên tuyến có các dạng nền đường thông thường gồm: Nền đắp hoàn toàn, nền đào chữ L, nền đào chữ U, nửa đào nửa đắp, nền đường kết hợp kè chắn. Điển hình nhất là dạng nền đường đào chữ L.

+ Tại những đoạn taluy nền đào cao ≥ 12,0m, thiết kế đào giật cấp với bước giật cấp mái taluy là H = 8,0m, bậc thềm giật cấp rộng 2,0m và dốc 5% về phía trong ta luy, cách khoảng 50 – 80m bố trí một bậc nước bằng đá hộc xây để dẫn nước xuống rãnh dọc.

+ Mái dốc ta luy đào: 1/0,3 ÷ 1/0,75. Đoạn có hiện tượng sạt lở thì đào mái ta luy 1/1 ÷ 1/1,5.

+ Mái dốc ta luy đắp: 1/1,5;

- Rãnh dọc thiết kế tiết diện hình thang rộng 1,0m, sâu 0,4m, đáy rãnh rộng 0,4m; thiết kế tạo vuốt độ dốc dọc lòng rãnh tối thiểu 0,5%; Gia cố rãnh dọc bằng BTXM-M200 đá (1x2)cm, dày 10cm đổ tại chỗ tại những vị trí có độ dốc dọc ≥6%, đoạn nền đường thường xuyên ẩm ướt. Tại những đoạn nút giao với các đường khác thay thế rãnh dọc gia cố BTXM bằng cống bản chịu lực.

**2.1.4. Kết cấu áo đường:**

\* Mặt đường láng nhựa đối với những đoạn có độ dốc dọc <9%:

+ Láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm tiêu chuẩn nhựa 4,5 kg/m2;

+ Lớp móng trên CPĐD loại I dày 12cm;

+ Lớp móng dưới CPĐD loại I dày 15cm;

+ Lớp đất nền đầm chặt K95.

\* Mặt đường BTXM đối với những đoạn có độ dốc dọc >9%

+ Mặt đường BTXM- M300, đá (2x4)cm dày 20cm;

+ Lớp vải bạt nhựa chống thấm.

+ Lớp móng trên CPĐD loại I dày 16cm;

+ Lớp đất nền đầm chặt K95.

- Riêng đối với đoạn vướng rừng tự nhiên không thể mở rộng nền đường thì kết cấu mặt đường bằng BTXM.

**2.1.5. Công trình thoát nước:**

- Tải trọng thiết kế HL93, H30 – XB80.

- Tần suất tính toán thuỷ văn P = 4% đối với cầu nhỏ, cống tròn, cống hộp và cống bản BTCT kết hợp với BTXM và đá hộc xây vữa xi măng, khẩu độ từ (0,5÷6)m.

- Tại các vị trí khe tụ thuỷ đặt các cống tròn có khẩu độ Φ80cm đến Φ100cm (khẩu độ theo tính toán).

- Bố trí ống thép 2Φ10cm, cống tròn Φ40cm, nối cống cũ Φ30cm còn tốt hoặc cống bản Lo = 0,5m phục vụ cấp nước trong sản xuất nông nghiệp (tuỳ nhu cầu cần cung cấp nước).

- Bố trí cống cấu tạo Φ80cm, khoảng cách đặt cống từ 200 m ÷ 300 m; Các vị trí cống Φ75 ÷ 80cm còn tốt, đủ khả năng thoát nước thì tận dụng và nối cống.

- Bố trí cống bản qua đường rẽ để thoát nước rãnh dọc.

- Chiều dài cống bằng khổ nền đường (Tính từ mép trong tường đầu cống).

- Trong đường cong tăng chiều dài cống hơn chiều rộng nền đường từ 1m ÷2m để các xe vào đường cong được an toàn.

- Chiều cao đất đắp trên đỉnh cống tối thiểu 0,5 m (tính từ mặt đường đến đỉnh cống); Cống tròn có khẩu độ Φ80cm có thể được thay thế bằng cống bản với khẩu độ Lo = 0,75m nếu chiều cao đất đắp trên đỉnh cống tròn không đủ.

- Tại các vị trí cống có sườn dốc đứng nếu xây đầu cống và gia cố thì sẽ không ổn định thiết kế kè vai giữ nền đường và đầu cống.

\* Cống tròn:

- Sử dụng ống D40 - D100cm cống đúc ly tâm bằng BTCT - M300; Các ống cống cũ trên tuyến còn tốt được tận dụng lại.

- Đầu cống xây đá hộc xây vữa XM - M100.

- Móng cống đệm đá dăm (2x4)cm, dày 20- 30cm, hoặc xây bằng đá hộc vữa XM – M100 tùy thuộc vào độ dốc và địa chất dưới móng cống.

\* Cống bản: Lo = 0,5m ÷ 0,75m

- Bản mặt cống BTCT - M250, đá (1x2)cm, dày 12 - 14cm.

- Cốt thép chủ Φ14 - CB400, cốt cấu tạo Φ6 - 8 - CB240.

- Mũ mố BTCT - M200, đá (2x4) cm.

- Đầu cống, móng, thân cống bằng BTXM - M150 hoặc đá hộc xây.

\* Cống hộp gồm các loại cống khẩu độ (2x2)m, (3x3)m; (3x4)m.

- Kết cấu cống hộp bằng BTCT đổ tại chỗ đối với cống hộp khẩu độ (3x4)m. Cống hộp (2x2)m và (3x3)m sử dụng cống thương phẩm bằng BTCT.

- Thân cống hộp: bằng BTCT - M300, đá (1x2) cm. Cốt thép thân cống sử dụng cốt thép CB400 đối với cống đổ tại chỗ, cống thương phẩm sử dụng thép CB500.

- Móng thân cống: BTXM - M150, đá (2x4) cm dày 30cm đổ tại chỗ trên lớp đệm đá dăm đầm chặt dày 15cm.

- Tường cánh: Móng và thân bằng BTXM - M150, đá (2x4)cm.

- Gia cố thượng, hạ lưu cống bằng BTXM - M150, dày 30cm, trên lớp đệm đá dăm đầm chặt dày 15cm.

- Gia cố ốp mái ta luy bằng đá hộc vữa XM-M100, dày 20cm.

**2.1.6. Thiết kế công trình phòng hộ và an toàn giao thông:**

- Cọc tiêu bằng BTCT, M-200, (15x15x115)cm, móng chân cọc tiêu đổ BTXM – M150, đá (2 x 4)cm. Trên thân cọc tiêu được dãn màng phản quang 3M-3900.

- Tường chắn đất bằng BTXM-M200 xây dựng ở những vị trí địa hình phức tạp, vực sâu, tuyến đi sát suối.

- Biển báo bằng biển phản quang theo điều lệ báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT; móng chân biển báo đổ BTXM – M150, đá (2 x 4)cm: Cắm ở những vị trí đầu tuyến, cuối tuyến, khu đông dân cư, trường học, trung tâm xã, đường cong liên tục, những đoạn độ dốc lớn, đoạn sạt lở, các công trình cầu, ngầm, kè, vị trí giao nhau giữa các tuyến...

- Cột Ki lô mét, mốc lộ giới, cọc H: thân bằng bê tông cốt thép; bệ móng, chân cột đổ BTXM – M150, đá (2x4)cm. Quy cách theo điều lệ báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

- Hộ lan mềm bố trí tại các vị trí vực sâu nguy hiểm, đường thu hẹp. Cột tròn đường kính D110mm, bước cột L=3m, chiều dài cột là 2,15m, chiều sâu chôn cột 140cm, thi công theo phương pháp ép cột.

* 1. **Gói thầu LS-ARVC-W02/Thi công xây lắp công trình Đường Khuổi Con - Nà Nưa, xã Minh Khai - Bản Hoay, xã Hồng Thái huyện Bình Gia**

Điểm đầu tuyến rẽ phải tại Km11+200, ĐT.226, điểm cuối tuyến giao với ĐH.60 tại Km1+400 Thôn Bản Hoay, xã Hồng Thái; tổng chiều dài toàn tuyến là L= 15.385,76m. Chiều dài thiết kế là 13.305,29/15.385,76m *(Đoạn tuyến mở mới từ Km9+604,08÷Km11+671,41 dài 2.067,33m vướng rừng tự nhiên chưa đầu tư xây dựng trong giai đoạn này, đoạn vuốt nối đường cũ cuối tuyến từ Km15.372,62m –Km15+385,76m dài 13,14 không xây dựng).*

- Đối với những đoạn tuyến không vướng rừng tự nhiên có tổng chiều dài khoảng 9.576,85m *(từ cọc 1 (Km0) đến cọc TC35 (Km1+864,09m); cọc P119 (Km5+38,82) đến cọc TD142 (Km6+314,58); cọc P155 (Km6+730,41) đến cọc TD162 (Km7+232,68); cọc TC166 (Km7+370,86) đến cọc TC196 (Km9+604,08); cọc TD230 (km11+671,41+) - cọc TD259 (km12+965,95); cọc TD259 (km12+965,95) - cọc 275 (km13+993,06); cọc 275 (km13+993,06+) - cọc TD321 (km15+381,92)).* Thiết kế vận dụng theo tiêu chuẩn đường cấp A áp dụng cho địa hình miền núi (theo TCVN 10380:2014). Nền đường rộng 6,0m (chưa kể rãnh dọc và mở rộng trong đường cong nằm), mặt đường rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 1,25m.

Mặt đường láng nhựa đối với đoạn có độ dốc dọc <9% và mặt đường BTXM đối với đoạn có độ dốc dọc >9%. Riêng đối với đoạn vướng rừng tự nhiên không thể mở rộng nền đường thì kết cấu mặt đường bằng BTXM.

Trong các đoạn tuyến không vướng rừng tự nhiên, một số đoạn tuyến đã có mặt đường BTXM được người dân cứng hóa thuộc phía cuối tuyến xã Hồng Thái (tổng chiều dài khoảng 4.244,83m), có thể tận dụng hoặc cải tạo lại, cụ thể:

+ Đối với những đoạn có mặt đường BTXM cũ còn tốt có tổng chiều dài khoảng 2.612,64m *(từ cọc D241 D241 (km12+303,69) - cọc 269 (km13+689,76); cọc 274 (Km13+876,52) - cọc 284 (Km14+407,01); cọc TD301 (Km14+613,37) - cọc P319(Km15+296,31); cọc TD321(Km15+372,62) - cọc D322(Km15+385,76)*: Những đoạn đường này có bề rộng 3,0m tận dụng mặt đường cũ, bổ sung trồng cọc tiêu, xây rãnh BTXM tại vị trí có độ dốc dọc lớn.

+ Đối với những đoạn có mặt đường BTXM cũ đã xuống cấp có tổng chiều dài khoảng 1632,19m *từ cọc TD230 (km11+671,41+) - cọc D241 (km12+303,69; cọc 269 (km13+689,76) - cọc 274 (Km13+876,52); cọc 274 (Km13+876,52) - cọc TD301 (Km14+613,37); cọc P319(Km15+296,31) - cọc TD321(Km15+372,62))*: Những đoạn đường này có bề rộng 3,0m đã hưu hỏng, thực hiện cải tạo mặt đường BTXM cũ, thiết kế vận dụng đảm bảo chiều rộng nền đường tối thiểu đạt cấp B (Theo QĐ số 866/QĐ-UBND ngày 24/4/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn).

- Đối với những đoạn tuyến vướng rừng tự nhiên đã có hiện trạng đường cũ có tổng chiều dài khoảng 3.728,74m (từ cọc TC35 (km1+864,09) - cọc P119(km5+38,82); coc TD42 (km6+314,58)- P155 (km6+730,41); cọc TD162 (Km7+232,68)- cọc TC166(km7+370,86)) tận dụng tối đa hiện trạng nền đường cũ, thiết kế vận dụng đảm bảo chiều rộng nền đường tối thiểu đạt cấp B (Theo QĐ số 866/QĐ-UBND ngày 24/4/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn) có bề rộng nền đường 4,0m, mặt đường rộng 3,5m. Độ dốc dọc theo dốc hiện trạng đường cũ Imax= 24%. Đối với những đoạn do vướng rừng tự nhiên không đủ chiều rộng để mở nền làm rãnh thoát nước dọc tuyến được thì thiết kế gia cố mặt đường đến sát chân taluy.

**2.2.1. Hướng tuyến:** Hướng tuyến bám theo hướng tuyến thiết kế cơ sở đã được phê duyệt. Tuy nhiên, để cải thiện độ dốc dọc tối đa, giảm khối lượng đào, giảm diện tích chiếm dụng làm tăng kinh phí giải phóng mặt bàng, trong bước này điều chỉnh cục bộ một số đoạn nhỏ cho phù hợp.

- Cơ bản bám theo đường cũ, cải tạo cục bộ những đoạn đi giữa lòng suối, đoạn cua gấp có bán kính nhỏ, độ dốc lớn để tăng bán kính đảm bảo cấp đường thiết kế, cải thiện tầm nhìn và đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật của cấp đường.

**2.2.2. Trắc dọc:**

- Những đoạn tuyến đi cắt khe, mùa mưa thường bị ngập nước, đường đỏ thiết kế sao cho cao độ vai đường 0,5m so với mực nước ngập thường xuyên.

- Những đoạn tuyến đi qua khu vực nền đất yếu mà phía trên nền đất yếu có một lớp vỏ (không thuộc lớp đất yếu) dày từ 1 – 2m, đường đỏ thiết kế đi cao hơn lớp vỏ từ 2 - 3m.

- Những đoạn tuyến đi qua địa hình tự nhiên đồi, núi cao, phân cắt mạnh và chuyển hướng liên tục, đường đỏ được cân nhắc hài hoà để trắc dọc không có dạng răng cưa nhiều.

- Những đoạn có độ dốc dọc sườn lớn hơn 10%, tuỳ thuộc tình hình cụ thể mặt cắt ngang mà thiết kế đào hoàn toàn hay đào đắp kết hợp nhằm tận dụng và cân đối khối lượng để giảm kinh phí.

- Tại các vị trí công trình đường đỏ kẻ vuốt nối vào vị trí công trình sao cho hài hoà, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, cao độ đường đỏ khống chế bởi cao độ mặt cầu, cống cũ tại các vị trí tận dụng lại.

- Những đoạn có độ dốc dọc tự nhiên lớn, để giảm khối lượng cũng như chiều cao đào đắp, đồng thời tăng độ ổn định taluy nền đường thiết kế sử dụng độ dốc dọc lớn nhất 9% (đối với đường đường cấp A miền núi) và 13% (đối với đường cấp B miền núi) hoặc độ dốc dọc châm chước 19% đến 24% đối với đoạn vướng rừng tự nhiên tuyến đi theo đường cũ. Giữa những đoạn dốc dọc lớn có chiều dài đổi dốc tối đa phải bố trí đoạn nghỉ có độ dốc phù hợp, đoạn nghỉ này phải đủ dài để bố trí đường cong đứng hoặc bố trí các đoạn dừng nghỉ lánh nạn có chiều dài 40m, nền đường rộng 10m.

- Những đoạn lên xuống dốc, đường đỏ kẻ kết hợp hài hoà với bình đồ, phân phối dốc đều và hạn chế sử dụng độ dốc tối đa.

**2.2.3. Trắc ngang:**

- Đối với những đoạn tuyến không vướng rừng tự nhiên: Bề rộng nền đường: BNỀN = 6,0m (chưa kể mở rộng và rãnh dọc). Bề rộng mặt đường: BMẶT = 3,5m (chưa kể mở rộng). Chiều rộng lề đường: 2x1,25m. Thiết kế siêu cao, mở rộng theo qui định.

+ Độ dốc ngang mặt đường imđ = 2% đối với mặt đường BTXM, độ dốc imđ = 3% đối với mặt đường láng nhựa;

+ Độ dốc lề đường ilề = 4% hướng ra phía ngoài taluy.

- Đối với những đoạn tuyến vướng rừng tự nhiên: Bề rộng nền đường đảm bảo: BNỀN = 4,0m (chưa kể mở rộng và rãnh dọc). Bề rộng mặt đường: BMẶT = 3,5m (chưa kể mở rộng). Chiều rộng lề đường: 2x0,25m. Thiết kế siêu cao, mở rộng theo qui định.

+ Độ dốc ngang mặt đường imđ = 2% đối với mặt đường BTXM, độ dốc imđ = 3% đối với mặt đường láng nhựa;

+ Dộ dốc lề đường ilề = 4% hướng ra phía ngoài taluy.

- Bọc lề tại các vị trí gia cố rãnh dọc có độ dốc ≥6%, đoạn nền đường thường xuyên ẩm ướt, kết cấu bằng BTXM-M250 dày 15cm trên lớp móng cấp phối đá dăm dày 10cm.

- Tại các vị trí tận dụng công trình thoát nước cũ, thiết kế đấu nối kéo dài để đảm bảo đủ chiều rộng nền đường của cấp đường.

- Trên tuyến có các dạng nền đường thông thường gồm: Nền đắp hoàn toàn, nền đào chữ L, nền đào chữ U, nửa đào nửa đắp, nền đường kết hợp kè chắn. Điển hình nhất là dạng nền đường đào chữ L.

+ Tại những đoạn taluy nền đào cao ≥ 12,0m, thiết kế đào giật cấp với bước giật cấp mái taluy là H = 8,0m, bậc thềm giật cấp rộng 2,0m và dốc 5% về phía trong ta luy, cách khoảng 50 – 80m bố trí một bậc nước bằng đá hộc xây để dẫn nước xuống rãnh dọc.

+ Mái dốc ta luy đào: 1/0,3 ÷ 1/0,75. Đoạn có hiện tượng sạt lở thì đào mái ta luy 1/1 ÷ 1/1,5.

+ Mái dốc ta luy đắp: 1/1,5;

- Rãnh dọc thiết kế tiết diện hình thang rộng 1,0m, sâu 0,4m, đáy rãnh rộng 0,4m; thiết kế tạo vuốt độ dốc dọc lòng rãnh tối thiểu 0,5%; Gia cố rãnh dọc bằng BTXM-M200 đá (1x2)cm, dày 10cm đổ tại chỗ tại những vị trí có độ dốc dọc ≥6%, đoạn nền đường thường xuyên ẩm ướt. Tại những đoạn nút giao với các đường khác thay thế rãnh dọc gia cố BTXM bằng cống bản chịu lực.

**2.2.4. Kết cấu áo đường:**

\* Mặt đường láng nhựa đối với những đoạn có độ dốc dọc <9%:

+ Láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm tiêu chuẩn nhựa 4,5 kg/m2;

+ Lớp móng trên CPĐD loại I dày 12cm;

+ Lớp móng dưới CPĐD loại I dày 15cm;

+ Lớp đất nền đầm chặt K95.

\* Mặt đường BTXM đối với những đoạn có độ dốc dọc >9%

+ Mặt đường BTXM- M300, đá (2x4)cm dày 20cm;

+ Lớp vải bạt nhựa chống thấm.

+ Lớp móng trên CPĐD loại I dày 16cm;

+ Lớp đất nền đầm chặt K95.

- Riêng đối với đoạn vướng rừng tự nhiên không thể mở rộng nền đường thì kết cấu mặt đường bằng BTXM.

**2.2.5. Công trình thoát nước:**

- Tải trọng thiết kế HL93, H30 – XB80.

- Tần suất tính toán thuỷ văn P = 4% đối với cầu nhỏ, cống tròn, cống hộp và cống bản BTCT kết hợp với BTXM và đá hộc xây vữa xi măng, khẩu độ từ (0,5÷6)m.

- Tại các vị trí khe tụ thuỷ đặt các cống tròn có khẩu độ Φ80cm đến Φ100cm (khẩu độ theo tính toán).

- Bố trí ống thép 2Φ10cm, cống tròn Φ40cm, nối cống cũ Φ30cm còn tốt hoặc cống bản Lo = 0,5m phục vụ cấp nước trong sản xuất nông nghiệp (tuỳ nhu cầu cần cung cấp nước).

- Bố trí cống cấu tạo Φ80cm, khoảng cách đặt cống từ 200 m ÷ 300 m; Các vị trí cống Φ75 ÷ 80cm còn tốt, đủ khả năng thoát nước thì tận dụng và nối cống.

- Bố trí cống bản qua đường rẽ để thoát nước rãnh dọc.

- Chiều dài cống bằng khổ nền đường (Tính từ mép trong tường đầu cống).

- Trong đường cong tăng chiều dài cống hơn chiều rộng nền đường từ 1m ÷2m để các xe vào đường cong được an toàn.

- Chiều cao đất đắp trên đỉnh cống tối thiểu 0,5 m (tính từ mặt đường đến đỉnh cống); Cống tròn có khẩu độ Φ80cm có thể được thay thế bằng cống bản với khẩu độ Lo = 0,75m nếu chiều cao đất đắp trên đỉnh cống tròn không đủ.

- Tại các vị trí cống có sườn dốc đứng nếu xây đầu cống và gia cố thì sẽ không ổn định thiết kế kè vai giữ nền đường và đầu cống.

\* Cống tròn:

- Sử dụng ống D40cm - D100cm cống đúc ly tâm bằng BTCT - M300; Các ống cống cũ trên tuyến còn tốt được tận dụng lại.

- Đầu cống xây đá hộc xây vữa XM - M100.

- Móng cống đệm đá dăm (2x4)cm, dày 20- 30cm, hoặc xây bằng đá hộc vữa XM – M100 tùy thuộc vào độ dốc và địa chất dưới móng cống.

\* Cống bản: Lo = 0,5m ÷ 0,75m

- Bản mặt cống BTCT - M250, đá (1x2)cm, dày 12 - 14cm.

- Cốt thép chủ Φ14 - CB400, cốt cấu tạo Φ6 - 8 - CB240.

- Mũ mố BTCT - M200, đá (2x4) cm.

- Đầu cống, móng, thân cống bằng BTXM - M150 hoặc đá hộc xây.

\* Cống hộp gồm các loại cống khẩu độ (2x2)m, (3x4)m; (6x6)m.

- Kết cấu cống hộp bằng BTCT đổ tại chỗ đối với cống hộp khẩu độ (3x4)m. Cống hộp (2,5x2,5)m sử dụng cống thương phẩm bằng BTCT.

- Thân cống hộp: bằng BTCT - M300, đá (1x2) cm. Cốt thép thân cống sử dụng cốt thép CB400 đối với cống đổ tại chỗ, cống thương phẩm sử dụng thép CB500.

- Móng thân cống: BTXM - M150, đá (2x4) cm dày 30cm đổ tại chỗ trên lớp đệm đá dăm đầm chặt dày 15cm.

- Tường cánh: Móng và thân bằng BTXM - M150, đá (2x4)cm.

- Gia cố thượng, hạ lưu cống bằng BTXM - M150, dày 30cm, trên lớp đệm đá dăm đầm chặt dày 15cm.

- Gia cố ốp mái ta luy bằng đá hộc vữa XM-M100, dày 20cm.

\* Cống bản BTCT Ln= 6m.

- Tải trọng thiết kế HL93.

- Khổ cống 7+2x0,5 = 8,0m; không có lề bộ hành.

+ Bản mặt cống bằng BTCT – M300.

+ Mũ mố, bản vượt BTCT - M250.

+ Thân mố, thân tường cánh BTXM-M200.

+ Móng mố, móng tường cánh BTXM – M200.

+ Gia cố thượng, hạ lưu, lòng cống bằng BTXM – M200, dày 20cm, trên lớp đệm đá dăm 2x4 đầm chặt dày 15cm.

+ Gia cố ốp mái ta luy bằng BTXM-M200 dày 12cm trên lớp vải bạt.

**2.2.6. Thiết kế công trình phòng hộ và an toàn giao thông:**

- Cọc tiêu bằng BTCT, M-200, (15x15x115)cm, móng chân cọc tiêu đổ BTXM – M150, đá (2 x 4)cm. Trên thân cọc tiêu được dãn màng phản quang 3M-3900.

- Tường chắn đất bằng BTXM-M200 xây dựng ở những vị trí địa hình phức tạp, vực sâu, tuyến đi sát suối.

- Biển báo bằng biển phản quang theo điều lệ báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT; móng chân biển báo đổ BTXM – M150, đá (2 x 4)cm: Cắm ở những vị trí đầu tuyến, cuối tuyến, khu đông dân cư, trường học, trung tâm xã, đường cong liên tục, những đoạn độ dốc lớn, đoạn sạt lở, các công trình cầu, ngầm, kè, vị trí giao nhau giữa các tuyến...

- Cột Ki lô mét, mốc lộ giới, cọc H: thân bằng bê tông cốt thép; bệ móng, chân cột đổ BTXM – M150, đá (2x4)cm. Quy cách theo điều lệ báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

- Hộ lan mềm bố trí tại các vị trí vực sâu nguy hiểm, đường thu hẹp. Cột tròn đường kính D110mm, bước cột L=3m, chiều dài cột là 2,15m, chiều sâu chôn cột 140cm, thi công theo phương pháp ép cột.

* 1. **Gói thầu LS-ARVC-W03/ Thi công xây lắp công trình Đường giao thông thôn Pò Kiền (ĐH01B) huyện Tràng Định**

Điểm đầu nối tiếp đường huyện ĐH.01B tại Km0+880m; điểm cuối giao với quốc lộ 3B tại Km41+250/QL.3B; chiều dài tuyến thiết kế là 11.025,9m.

- Đối với những đoạn không vướng rừng tự nhiên tuyến thiết kế vận dụng theo tiêu chuẩn đường cấp A áp dụng cho địa hình miền núi (theo TCVN 10380:2014). Nền đường rộng 6,0m, mặt đường rộng 3,5m (chưa kể mở rộng trong đường cong), lề đường rộng: 2x1,25m.

- Đối với những đoạn vướng rừng tự nhiên tuyến thiết kế vận dụng đảm bảo chiều rộng nền đường tối thiểu đạt cấp B (Theo QĐ số 866/QĐ-UBND ngày 24/4/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn); độ dốc dọc theo dốc hiện trạng đường cũ Imax= 24%.

**2.3.1. Hướng tuyến:** Hướng tuyến bám theo hướng tuyến thiết kế cơ sở đã được phê duyệt. Tuy nhiên, để cải thiện độ dốc dọc tối đa, giảm khối lượng đào, giảm diện tích chiếm dụng làm tăng kinh phí giải phóng mặt bàng, trong bước này điều chỉnh cục bộ một số đoạn nhỏ cho phù hợp.

- Cơ bản bám theo đường cũ, cải tạo cục bộ những đoạn đi giữa lòng suối, đoạn cua gấp có bán kính nhỏ, độ dốc lớn để tăng bán kính đảm bảo cấp đường thiết kế, cải thiện tầm nhìn và đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật của cấp đường.

**2.3.2. Trắc dọc:**

- Những đoạn tuyến đi cắt khe, mùa mưa thường bị ngập nước, đường đỏ thiết kế sao cho cao độ vai đường 0,5m so với mực nước ngập thường xuyên.

- Những đoạn tuyến đi qua khu vực nền đất yếu mà phía trên nền đất yếu có một lớp vỏ (không thuộc lớp đất yếu) dày từ 1 – 2m, đường đỏ thiết kế đi cao hơn lớp vỏ từ 2 - 3m.

- Những đoạn tuyến đi qua địa hình tự nhiên đồi, núi cao, phân cắt mạnh và chuyển hướng liên tục, đường đỏ được cân nhắc hài hoà để trắc dọc không có dạng răng cưa nhiều.

- Những đoạn có độ dốc dọc sườn lớn hơn 10%, tuỳ thuộc tình hình cụ thể mặt cắt ngang mà thiết kế đào hoàn toàn hay đào đắp kết hợp nhằm tận dụng và cân đối khối lượng để giảm kinh phí.

- Tại các vị trí công trình đường đỏ kẻ vuốt nối vào vị trí công trình sao cho hài hoà, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, cao độ đường đỏ khống chế bởi cao độ mặt cầu, cống cũ tại các vị trí tận dụng lại.

- Những đoạn có độ dốc dọc tự nhiên lớn, để giảm khối lượng cũng như chiều cao đào đắp, đồng thời tăng độ ổn định taluy nền đường thiết kế sử dụng độ dốc dọc lớn nhất 9% (đối với đường đường cấp A miền núi) và 13% (đối với đường cấp B miền núi) hoặc độ dốc dọc châm chước 19% đến 24% đối với đoạn vướng rừng tự nhiên tuyến đi theo đường cũ. Giữa những đoạn dốc dọc lớn có chiều dài đổi dốc tối đa phải bố trí đoạn nghỉ có độ dốc phù hợp, đoạn nghỉ này phải đủ dài để bố trí đường cong đứng hoặc bố trí các đoạn dừng nghỉ lánh nạn có chiều dài 40m, nền đường rộng 10m.

- Những đoạn lên xuống dốc, đường đỏ kẻ kết hợp hài hoà với bình đồ, phân phối dốc đều và hạn chế sử dụng độ dốc tối đa.

**2.3.3. Trắc ngang:**

- Đối với những đoạn tuyến không vướng rừng tự nhiên: Bề rộng nền đường: BNỀN = 6,0m (chưa kể mở rộng và rãnh dọc). Bề rộng mặt đường: BMẶT = 3,5m (chưa kể mở rộng). Chiều rộng lề đường: 2x1,25m. Thiết kế siêu cao, mở rộng theo qui định.

+ Độ dốc ngang mặt đường imđ = 2% đối với mặt đường BTXM, độ dốc imđ = 3% đối với mặt đường láng nhựa;

+ Dộ dốc lề đường ilề = 4% hướng ra phía ngoài taluy.

- Đối với những đoạn tuyến vướng rừng tự nhiên: Bề rộng nền đường đảm bảo: BNỀN = 4,0m (chưa kể mở rộng và rãnh dọc). Bề rộng mặt đường: BMẶT = 3,5m (chưa kể mở rộng). Chiều rộng lề đường: 2x0,25m. Thiết kế siêu cao, mở rộng theo qui định.

+ Độ dốc ngang mặt đường imđ = 2% đối với mặt đường BTXM, độ dốc imđ = 3% đối với mặt đường láng nhựa;

+ Dộ dốc lề đường ilề = 4% hướng ra phía ngoài taluy.

- Bọc lề tại các vị trí gia cố rãnh dọc có độ dốc ≥6%, đoạn nền đường thường xuyên ẩm ướt, kết cấu bằng BTXM-M250 dày 15cm trên lớp móng cấp phối đá dăm dày 10cm.

- Tại các vị trí tận dụng công trình thoát nước cũ, thiết kế đấu nối kéo dài để đảm bảo đủ chiều rộng nền đường của cấp đường.

- Trên tuyến có các dạng nền đường thông thường gồm: Nền đắp hoàn toàn, nền đào chữ L, nền đào chữ U, nửa đào nửa đắp, nền đường kết hợp kè chắn. Điển hình nhất là dạng nền đường đào chữ L.

+ Tại những đoạn taluy nền đào cao ≥ 12,0m, thiết kế đào giật cấp với bước giật cấp mái taluy là H = 8,0m, bậc thềm giật cấp rộng 2,0m và dốc 5% về phía trong ta luy, cách khoảng 50 – 80m bố trí một bậc nước bằng đá hộc xây để dẫn nước xuống rãnh dọc.

+ Mái dốc ta luy đào: 1/0,3 ÷ 1/0,75. Đoạn có hiện tượng sạt lở thì đào mái ta luy 1/1 ÷ 1/1,5.

+ Mái dốc ta luy đắp: 1/1,5;

- Rãnh dọc thiết kế tiết diện hình thang rộng 1,0m, sâu 0,4m, đáy rãnh rộng 0,4m; thiết kế tạo vuốt độ dốc dọc lòng rãnh tối thiểu 0,5%; Gia cố rãnh dọc bằng BTXM-M200 đá (1x2)cm, dày 10cm đổ tại chỗ tại những vị trí có độ dốc dọc ≥6%, đoạn nền đường thường xuyên ẩm ướt. Tại những đoạn nút giao với các đường khác thay thế rãnh dọc gia cố BTXM bằng cống bản chịu lực.

**2.3.4. Kết cấu áo đường:**

\* Mặt đường láng nhựa đối với những đoạn có độ dốc dọc <9%:

+ Láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm tiêu chuẩn nhựa 4,5 kg/m2;

+ Lớp móng trên CPĐD loại I dày 12cm;

+ Lớp móng dưới CPĐD loại I dày 15cm;

+ Lớp đất nền đầm chặt K95.

\* Mặt đường BTXM đối với những đoạn có độ dốc dọc >9%

+ Mặt đường BTXM- M300, đá (2x4)cm dày 20cm;

+ Lớp vải bạt nhựa chống thấm.

+ Lớp móng trên CPĐD loại I dày 16cm;

+ Lớp đất nền đầm chặt K95.

- Riêng đối với đoạn vướng rừng tự nhiên không thể mở rộng nền đường thì kết cấu mặt đường bằng BTXM.

**2.3.5. Công trình thoát nước:**

- Tải trọng thiết kế HL93, H30 – XB80.

- Tần suất tính toán thuỷ văn P = 4% đối với cầu nhỏ, cống tròn, cống hộp và cống bản BTCT kết hợp với BTXM và đá hộc xây vữa xi măng, khẩu độ từ (0,5÷6)m.

- Tại các vị trí khe tụ thuỷ đặt các cống tròn có khẩu độ Φ80cm đến Φ100cm (khẩu độ theo tính toán).

- Bố trí ống thép 2Φ10cm, cống tròn Φ40cm, nối cống cũ Φ30cm còn tốt hoặc cống bản Lo = 0,5m phục vụ cấp nước trong sản xuất nông nghiệp (tuỳ nhu cầu cần cung cấp nước).

- Bố trí cống cấu tạo Φ80cm, khoảng cách đặt cống từ 200 m ÷ 300 m; Các vị trí cống Φ75 ÷ 80cm còn tốt, đủ khả năng thoát nước thì tận dụng và nối cống.

- Bố trí cống bản qua đường rẽ để thoát nước rãnh dọc.

- Chiều dài cống bằng khổ nền đường (Tính từ mép trong tường đầu cống).

- Trong đường cong tăng chiều dài cống hơn chiều rộng nền đường từ 1m ÷2m để các xe vào đường cong được an toàn.

- Chiều cao đất đắp trên đỉnh cống tối thiểu 0,5 m (tính từ mặt đường đến đỉnh cống); Cống tròn có khẩu độ Φ80cm có thể được thay thế bằng cống bản với khẩu độ Lo = 0,75m nếu chiều cao đất đắp trên đỉnh cống tròn không đủ.

- Tại các vị trí cống có sườn dốc đứng nếu xây đầu cống và gia cố thì sẽ không ổn định thiết kế kè vai giữ nền đường và đầu cống.

\* Cống tròn:

- Sử dụng ống D40 - D100cm cống đúc ly tâm bằng BTCT - M300; Các ống cống cũ trên tuyến còn tốt được tận dụng lại.

- Đầu cống xây đá hộc xây vữa XM - M100.

- Móng cống đệm đá dăm (2x4)cm, dày 20- 30cm, hoặc xây bằng đá hộc vữa XM – M100 tùy thuộc vào độ dốc và địa chất dưới móng cống.

\* Cống bản: Lo = 0,5m ÷ 0,75m

- Bản mặt cống BTCT - M250, đá (1x2)cm, dày 12 - 14cm.

- Cốt thép chủ Φ14 - CB400, cốt cấu tạo Φ6 - 8 - CB240.

- Mũ mố BTCT - M200, đá (2x4) cm.

- Đầu cống, móng, thân cống bằng BTXM - M150 hoặc đá hộc xây.

**2.3.6. Thiết kế công trình phòng hộ và an toàn giao thông:**

- Cọc tiêu bằng BTCT, M-200, (15x15x115)cm, móng chân cọc tiêu đổ BTXM – M150, đá (2 x 4)cm. Trên thân cọc tiêu được dãn màng phản quang 3M-3900.

- Tường chắn đất bằng BTXM-M200 xây dựng ở những vị trí địa hình phức tạp, vực sâu, tuyến đi sát suối.

- Biển báo bằng biển phản quang theo điều lệ báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT; móng chân biển báo đổ BTXM – M150, đá (2 x 4)cm: Cắm ở những vị trí đầu tuyến, cuối tuyến, khu đông dân cư, trường học, trung tâm xã, đường cong liên tục, những đoạn độ dốc lớn, đoạn sạt lở, các công trình cầu, ngầm, kè, vị trí giao nhau giữa các tuyến...- Cột Ki lô mét, mốc lộ giới, cọc H: thân bằng bê tông cốt thép; bệ móng, chân cột đổ BTXM – M150, đá (2x4)cm. Quy cách theo điều lệ báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

- Hộ lan mềm bố trí tại các vị trí vực sâu nguy hiểm, đường thu hẹp. Cột tròn đường kính D110mm, bước cột L=3m, chiều dài cột là 2,15m, chiều sâu chôn cột 140cm, thi công theo phương pháp ép cột.

* 1. **Gói thầu LS-ARVC-W04/Thi công xây lắp công trình thuỷ lợi huyện Văn Quan, Bình Gia, Tràng Định**

***2.4.1. Mương Cốc Muống – Nà Mu, thôn Bản Téng, xã Lương Năng: Cung cấp nước tưới cho 12 ha***

- Mương KC: Kiên cố tuyến mương đất thành mương bê tông với chiều dài L=500,5m, độ dốc tối thiểu 0,1%, mặt cắt trong lòng mương (30x40)cm, thành và đáy dày 10cm, kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường. Hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Cuối mương làm bể tiêu năng sâu 20cm so với đáy mương.

- Công trình phụ trên mương: Bố trí 01 cửa lấy nước đầu mương, 01 bể tiêu năng cuối mương; bố trí 05 cống tưới bằng ống HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước; 04 cầu qua mương bằng tấm đan với tổng chiều dài 9m, tấm đan kích thước (50x50x8)cm, kết cấu bê tông cốt thép M200.

***2.4.2. Đập, mương Khun Pán, thôn Đoàn Kết, xã Khánh Khê: Phục vụ tưới 25ha.***

- Đập dâng: Xây dựng đập dâng nước kết cấu bằng bê tông M200, hình thức đập tràn mặt cắt hình thang, chiều cao ngưỡng tràn H=1,2m, tổng chiều dài đập B=16,7m (trong đó: Phần ngưỡng tràn dài 5,0m, phần tường không tràn 11,7m). Cao trình ngưỡng tràn +96,70m, chiều rộng đỉnh ngưỡng tràn B=0,8m,chiều rộng chân đập B=3,8m, chiều cao thân đập tràn H= 4,5m, cao trình đỉnh tường không tràn +97,90, chiều rộng đỉnh tường 0,3m, chiều rộng chân tường từ 1,73m đến 2,0m, chiều cao từ 1,5m đến 5,7m. Bọc toàn bộ thân ngưỡng tràn bằng bê tông cốt thép M200 dày 15cm. Trên đập dâng bố trí 01 cống xả cát kích thước (40x40)cm tại cao trình +94,15m; bố trí 01 cống cửa lấy nước vào mương kích thước (30x40)cm tại cao trình +96,40m điều tiết bằng máy nâng V2.

+ Bể tiêu năng dài 6m kết cấu bằng bê tông cốt thép M200 dày 50cm, đáy lót bê tông M150 dày 5cm, chiều sâu đào bể H = 0,5m, cao trình đáy bể +93,20m; hai bên bể tiêu năng làm tường hướng dòng kết cấu bằng bê tông M200 với chiều cao Ht=3,5m, chiểu rộng đỉnh tường 0,4m, chiều rộng đáy 1,6m; Gia cố sân sau tiêu năng bằng xếp rọ đá dài L = 2m, kích thước mỗi rọ đá 1,0x2,0x0,5(m).

- Mương KC: Kiên cố tuyến mương đất đấu nối từ cửa lấy nước đập dâng Khun Pán thành mương bê tông với chiều dài L=1070m, dộ dốc tối thiểu 0,1%, mặt cắt trong lòng mương (40x40)cm dài 674m và (30x40)cm dài 396m, thành và đáy dày 10cm, kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường; hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Tại vị trí cọc KC21 đáy mương bị trũng thấp (từ KC21 đến KC24) tôn cao bằng đá xây M75 dày 50cm, rộng 70cm, dài L=15m.

+ Trên mương KC bố trí 02 cầu máng (cầu máng số 1 tại cọc K59 gồm 1 nhịp dài L=10m và cầu máng số 2 cọc KC67 gồm 1 nhịp dài L=8m) mặt cắt ướt lòng máng BxH=(30x50)cm, kết cấu bê tông cốt thép M200 dày 10cm, đầu và cuối cầu máng bố trí mố đỡ kết cấu bê tông M200. Trụ đỡ bằng 02 mố bê tông M200 tại hai đầu cầu máng, kích thước (60x100)cm chiều cao tính đến đáy máng là 1,0m.

+ Công trình phụ trên mương KC:

++ Trên mương bố trí 01 cửa phân nước vào nhánh N2 tại cọc KC49 kích thước (30x30)cm được điều tiết bằng khe phai thép hình C50x32x4,4mm;

++ Bố trí 01 tràn vượt mương L=4m tại cọc KC54, kết cấu bê tông M200 dày 20cm, trên đậy 8 tấm đan 50x50x8cm qua mương KC;

++ Bố trí 01 cống qua đường L =4m tại cọc KC42, kết cấu thành và đáy cống bê tông M200 dày 20cm, trên đậy 8 tấm đan 50x50x15cm;

++ 05 cống tưới kết cấu bằng ống nhựa HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước. Mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200;

+ 08 vị trí đậy tấm đan kết cấu BTCT M200 để đi lại với tổng chiều dài 24m gồm 03 vị trí đặt tấm đan kích thước (50x60x8)cm với chiều dài 6m và 05 vị trí đặt tấm đan kích thước (50x50x8)cm với chiều dài 10m.

- Mương nhánh N2/KC: Kiên cố tuyến mương đất đấu nối từ cửa phân nước trên mương KC tại cọc KC49; thành mương bê tông với chiều dài L=545m, độ dốc tối thiểu 0,1%, mặt cắt trong lòng mương (30x30)cm, thành và đáy dày 10cm, kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường; hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Từ cọc N2-26 đến cọc N2-44 tuyến mương đi cạnh mép đường bê tông chân đồi, cắt một phần bê tông mặt đường cũ sau khi thi công xong tuyến mương đổ hoàn trả lại bê tông mặt đường như hiện trạng ban đầu. Cuối mương làm bể tiêu năng sâu 20cm so với đáy mương.

+ Công trình phụ trên mương nhánh N2:

++ Trên mương bố trí 01 cống qua đường L =4m tại cọc N2-42, kết cấu thành và đáy cống bê tông M200 dày 20cm, trên đậy 8 tấm đan 50x50x15cm;

++ 07 cống tưới kết cấu bằng ống nhựa HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước; Mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200.

+ 03 vị trí đậy tấm đan kết cấu BTCT M200 để đi lại với tổng chiều dài 6m, tấm đan kích thước (50x60x8)cm.

+ Bố trí 2 vị trí đậy tấm đan kết cấu BTCT M200 do mương đi cạnh đường (từ cọc 10 đến 15 dài 37m và từ cọc 32 đến 42 dài 141m) với tổng chiều dài 178m, kích thước (50x50x8)cm với chiều dài 10m.

***2.4.3. Mương Cốc Muống – Nà Khuông, thôn Đoàn Kết, xã Lương Năng: Cung cấp nước tưới cho 11 ha***

- Mương KC: Kiên cố tuyến mương đất thành mương bê tông với chiều dài L=336m, độ dốc tối thiểu 0,1%, mặt cắt trong lòng mương (30x40)cm, thành và đáy dày 10cm, kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường; hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Cuối mương làm bể tiêu năng sâu 20cm so với đáy mương.

- Công trình phụ trên mương:

+ Trên mương bố trí 01 cửa lấy nước đầu mương; 02 cửa tiếp nước trái (tại cọc 5, 8) có lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước.

+ Bố trí 05 cống tưới (có 1 cống tưới 2 bên) kết cấu bằng ống nhựa HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước. Mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200.

+ Bố trí 03 vị trí đậy tấm đan kết cấu BTCT M200 để đi lại với tổng chiều dài 6m, tấm đan kích thước (50x60x8)cm.

***2.4.4. Đập Mạ Lăn, thôn Bản Chầu, xã Lương Năng: Cung cấp nước tưới cho 15 ha***

- Đập dâng: Xây dựng đập dâng nước kết cấu bằng bê tông M200, hình thức đập tràn mặt cắt hình thang, chiều cao ngưỡng tràn H=0,8m, tổng chiều dài đập B=10,1m *(trong đó: Phần ngưỡng tràn dài 5,8m, phần tường không tràn 4,3m)*. Cao trình ngưỡng tràn +290,30m, chiều rộng đỉnh ngưỡng tràn B=0,65m, chiều rộng chân đập B=1,70m, chiều cao thân đập tràn H=1,90m; cao trình đỉnh tường không tràn +291,10m, chiều rộng đỉnh tường 0,3m, chiều rộng chân tường từ 0,58m đến 1,0m, chiều cao từ 1,36m đến 2,75m. Bọc toàn bộ thân ngưỡng tràn bằng bê tông cốt thép M200 dày 15cm. Trên đập dâng bố trí 01 cống xả cát kích thước (40x52)cm tại cao trình +289,40m; bố trí 01 cống cửa lấy nước vào mương kích thước (30x30)cm tại cao trình +290m.

+ Bể tiêu năng dài 3,5m kết cấu bằng bê tông cốt thép M200 dày 50cm, đáy lót bê tông M150 dày 5cm, chiều sâu đào bể H = 0,3m, cao trình đáy bể +289,0m; hai bên bể tiêu năng làm tường hướng dòng kết cấu bằng bê tông M200 với chiều cao tường bên trái Ht=2,08m, chiểu rộng đỉnh tường 0,3m, chiều rộng đáy 0,85m, chiều cao tường bên phải Ht=2,7m, chiểu rộng đỉnh tường 0,3m, chiều rộng đáy 1m;

+ Gia cố sân sau tiêu năng bằng xếp rọ đá dài L = 3m, kích thước mỗi rọ đá 1,0x2,0x0,5(m).

- Mương KC: Kiên cố tuyến mương đất đấu nối từ cửa lấy nước đập dâng Mạ Lăn thành mương bê tông với chiều dài L=573m, độ dốc tối thiểu 0,1%, mặt cắt trong lòng mương (30x40)cm, thành và đáy mương dày 10cm, kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường; hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Dọc theo chiều dài mương tại vị trí sung yếu, sạt lở gia cố bằng tường kè bờ phải với tổng chiều dài 110,5m kết cấu tường bê tông M200 đỉnh tường rộng 0,3m, chiều cao tường thay đổi từ 1m đến 2m; Từ KC35-KC36 và KC51 – KC54 mương qua ruộng trũng thấp tôn đáy mương với tổng chiều dài 40,5m kết cấu tôn đáy đá xây M75, chiều dày tôn từ 0,35m đến 0,9m.

+ Công trình phụ trên mương:

++ Trên mương bố trí 01 cống qua đường L =4,5m tại cọc KC7-KC8, kết cấu thành và đáy cống bê tông M200 dày 20cm, trên đậy 8 tấm đan 50x50x15cm;

++ Bố trí 01 cửa phân nước nhánh N2 tại cọc KC18 kích thước (30x30)cm được điều tiết bằng khe phai thép hình C50x32x4,4mm;

++ Đặt 12 cống tưới kết cấu bằng ống nhựa HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước; mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200;

++ 02 vị trí đậy tấm đan kết cấu BTCT M200 để đi lại với tổng chiều dài 6m, tấm đan kích thước (50x60x8)cm.

- Mương nhánh N2/KC: Kiên cố tuyến mương đất đấu nối từ cửa phân nước trên mương KC tại cọ KC18; thành mương bê tông với chiều dài L=90m, độ dốc tối thiểu 0,1%, mặt cắt trong lòng mương (30x30)cm, thành và đáy mương dày 10cm, kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường; hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Để khống chế cao độ tưới tự chảy cuối mương tôn đáy mương dài 20m kết cấu bê tông M150 dày 10cm.

+ Cầu máng trên mương nhánh N2/KC: Trên mương N2/KC bố trí 01 cầu máng dài 20m mặt cắt BxH=(30x50)cm, kết cấu bê tông cốt thép M200 dày 10cm, đầu và cuối cầu máng bố trí mố đỡ kết cấu bê tông M200, giữa 2 nhịp bố trị trụ đỡ chữ I cao 2,5m kết cấu bê tông cốt thép M200;

+ Công trình phụ trên mương:

++ Bố trí 02 cống tưới (01 cống tưới 2 bên) kết cấu bằng ống nhựa HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước; mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200;

++ 01 vị trí đậy tấm đan kết cấu BTCT M200 để đi lại với tổng chiều dài 2m, tấm đan kích thước (50x50x8)cm.

***2.4.5. Mương Nà Cài, thôn Bản Hẻo, xã Trấn Ninh: Cung cấp nước tưới cho 11ha.***

- Kiên cố tuyến mương đất thành mương bê tông với chiều dài L=533,5m, dộ dốc tối thiểu 0,1%, mặt cắt trong lòng mương (30x40)cm, thành và đáy dày 10cm, kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường; hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Cuối mương làm bể tiêu lăng sâu 20cm so với đáy mương.

- Công trình phụ trên mương: Trên mương bố trí 01 cửa lấy nước đầu mương; bố trí 07 cống tưới bằng ống HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước; 01 cầu qua mương bằng tấm đan với tổng chiều dài 2m, tấm đan kích thước (50x50x8)cm, kết cấu bê tông cốt thép M200; 01 bể tiêu năng cuối mương.

***2.4.6 Mương Phai Lòi – Nà Dài, thôn Bản Kình, xã Lương Năng: Cung cấp nước tưới cho 35 ha.***

- Mương KC1: Kiên cố tuyến mương đất đấu nối từ cửa lấy nước đập dâng cũ thành mương bê tông với chiều dài L=600m, dộ dốc tối thiểu 0,1%, mặt cắt trong lòng mương (30x40)cm, thành và đáy dày 10cm kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường; hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Cuối mương làm bể tiêu năng sâu 20cm so với đáy mương.

Công trình phụ trên mương KC1:

++ Trên mương bố trí 01 cửa phân nước vào nhánh N1 tại cọc KC14 kích thước (30x30)cm được điều tiết bằng khe phai thép hình C50x32x4,4mm;

++ Bố trí 01 tràn xả thừa tại KC6 rộng 60x20cm, kết cấu bê tông M200 điều tiết bằng khe phai thép hình C50x32x4,4mm;

++ 10 cống tưới (có 02 cống tưới 2 bên) kết cấu bằng ống nhựa HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước; mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200;

++ 03 vị trí đậy tấm đan kết cấu BTCT M200 để đi lại với tổng chiều dài 50m, tấm đan kích thước (50x50x8)cm.

- Mương nhánh N1/KC1: Kiên cố tuyến mương đấu nối từ cửa phân nước trên mương KC1 tại cọc KC14, thành mương bê tông với chiều dài L=134,5m, độ dốc tối thiểu 0,1%, mặt cắt trong lòng mương (30x30)cm, thành và đáy dày 10cm kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường; hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Cuối mương làm bể tiêu năng sâu 20cm so với đáy mương.

+ Công trình phụ trên mương N1/KC1:

++ Bố trí 02 cống tưới hai bên kết cấu bằng ống nhựa HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước; mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200;

++ 01 vị trí đậy tấm đan kết cấu BTCT M200 để đi lại với tổng chiều dài 2m, tấm đan kích thước (50x50x8)cm.

- Mương KC2: Kiên cố tuyến mương đất đấu nối từ cửa lấy nước đập dâng cũ thành mương bê tông với chiều dài L=848,5m, dộ dốc tối thiểu 0,1%, mặt cắt trong lòng mương (40x60)cm đến KC40 và (30x40)cm nối tiếp đến cuối, thành và đáy mương dày 15cm (mương 40x60cm) và dày 10cm (mương 30x40cm) kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường và 02 thanh giằng BxH=15x10cm kết cấu bê tông cốt thép M200 (Đối với mương BxH=40x60cm); hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Cuối mương làm bể tiêu năng sâu 20cm so với đáy mương.

+ Công trình phụ trên mương KC2:

++ Cửa lấy nước đầu mương: Nâng cấp tường thu nước đầu mối bằng bê tông M200 với tổng chiều dài 8,35m, kết cấu tường chắn có đỉnh tưởng rộng 0,3m chân tường 0,8m và cao 1,6m; bố trí cửa lấy nước có khe phai và đóng mở bằng cánh cửa giá đỡ và máy nâng V1.

++ Trên mương bố trí 03 cửa phân nước nhánh N1, N2, N4 lần lượt tại KC14, KC12 và KC40 kích thước lần lượt là 30x50cm, 30x30cm và 30x50cm, tất cả được điều tiết bằng khe phai thép hình C50x32x4,4mm;

++ Bố trí 02 cống qua đường L =4,5m và L=3m lần lượt tại cọc KC29-KC31 và KC37-KC8, kết cấu thành và đáy cống bê tông M200 dày 20cm, trên đậy tấm đan 50x60x15cm;

++ 11 cống tưới (có 03 cống tưới 2 bên) kết cấu bằng ống nhựa HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước; mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200;

++ 07 vị trí đậy tấm đan kết cấu BTCT M200 để đi lại với tổng chiều dài 37,5m, tấm đan kích thước (50x70x8)cm.

- Mương nhánh N1/KC2: Kiên cố tuyến mương đấu nối từ cửa phân nước trên mương KC2 tại KC14, thành mương bê tông với chiều dài L=135,3m, độ dốc tối thiểu 0,1%, mặt cắt trong lòng mương (30x30)cm, thành và đáy dày 10cm kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường; hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Cuối mương làm bể tiêu năng sâu 20cm so với đáy mương.

Công trình phụ trên mương: Trên mương bố trí 02 cống tưới ống bằng ống HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước, mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200; đậy tấm đan tại 2 vị trí có tổng chiều dài 5m, tấm đan kích thước (50x50x8)cm, kết cấu bê tông cốt thép M200.

- Mương nhánh N2/KC2: Kiên cố tuyến mương đấu nối từ cửa phân nước trên mương KC2 tại KC12; thành mương bê tông với chiều dài L=109m, độ dốc tối thiểu 0,1%, mặt cắt trong lòng mương (30x30)cm, thành và đáy dày 10cm kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường; hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Cuối mương làm bể tiêu năng sâu 20cm so với đáy mương.

+ Công trình phụ trên mương: Trên mương bố trí 02 cống tưới bằng ống HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước, mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200; bể tiêu năng sâu 20cm so với đáy mương kết cấu bê tông M200.

- Mương nhánh N4/KC2: Kiên cố tuyến mương đấu nối từ cửa phân nước trên mương KC2 tại KC40; thành mương bê tông với chiều dài L=231,1m, độ dốc tối thiểu 0,1%, mặt cắt trong lòng mương (30x30)cm, thành và đáy dày 10cm kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường; hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Cuối mương làm bể tiêu năng sâu 20cm so với đáy mương.

+ Công trình phụ trên mương: Trên mương bố trí 05 cống tưới (01 cống tưới 2 bên) bằng ống HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước, mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200; bể tiêu năng sâu 20cm so với đáy mương kết cấu bê tông M200.

***2.4.7. Bê tông hóa tuyến mương dọc đường TL239 từ ao số 1 xuống khu vực Phố Ba Xã, xã Tân Đoàn. Cung cấp nước tưới cho 40ha.***

- Mương KC: Kiên cố tuyến mương đất cũ đấu nối từ cửa lấy nước ao số 1 thành mương kết cấu bê tông M200 với chiều dài L=1.295m, dộ dốc tối thiểu 0,1%, với các mặt cắt trong lòng mương (40x40)cm dài 309m; (40x60)cm dài 694,9m đều có thành và đáy dày 15cm và (30x40)cm dài 291,1m thành và đáy dày 10cm, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường và bố trí 04 thanh giằng kết cấu BTCT M200 (Đối với mương 40x40cm và 40x60cm); hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Cuối mương làm bể tiêu năng sâu 20cm so với đáy mương. Dọc theo chiều dài mương để đảm bảo độ dốc tự chảy đến cuối tuyến phải tôn đáy mương với tổng chiều dài 122,5m kết cấu tôn đáy đá xây M75, chiều dày tôn từ 0,3m đến 0,9m.

- Các công trình trên mương:

+ Cầu máng số 1 trên mương KC: dài 30m, kích thước mặt cắt BxH=40x60cm, kết cấu bê tông cốt thép M200 dày 10cm, đầu và cuối cầu máng bố trí mố đỡ kết cấu bê tông M200, giữa các nhịp bố trí khớp nối co giãn KN92 và 03 trụ đỡ chữ I cao 3m kết cấu bê tông cốt thép M200;

+ Cầu máng số 2 trên mương KC: dài 118m, kích thước mặt cắt BxH=30x50cm, kết cấu bê tông cốt thép M200 dày 10cm, đầu và cuối cầu máng bố trí mố đỡ kết cấu bê tông M200, giữa các nhịp bố trí khớp nối co giãn KN92 và 11 trụ đỡ chữ I cao 2,5m kết cấu bê tông cốt thép M200;

+ Trên mương bố trí 01 cửa lấy nước đầu mương vận hành đóng mở bằng cánh cửa giá đỡ và máy nâng V1; 02 bể tiêu năng cuối mương.

+ Trên mương bố trí 04 cửa thu nước tại bên trái KC12, KC20, KC55, KC60 được điều tiết bằng khe phai thép hình C50x32x4,4mm; 01 cửa xả thừa bên trái tại KC74 đổ vào mương đất cũ;

+ Bố trí 03 cống qua đường dài 4m, 5m, 5,5m lần lượt tại KC2-KC3, KC75-KC76 và KC96-KC97 kết cấu thành và đáy cống bê tông M200 dày 20cm, trên đậy tấm đan 50x60x15cm kết cấu BTCT M200;

+ Trên mương bố trí 15 cống tưới bằng ống HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước; mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200.

+ Đặt tấm đan kết cấu BTCT M200 tại 15 vị trí với tổng chiều dài 41m, tấm đan kích thước (50x70x10)cm và (50x50x10)cm, kết cấu bê tông cốt thép M200.

***2.4.8. Mương Máy Sát, thôn Bản Noóc, xã An Sơn. Tưới cho 5ha***

- Mương KC:Kiên cố tuyến mương đất thành mương bê tông với chiều dài L=964,5m, dộ dốc tối thiểu 0,1%, mặt cắt trong lòng mương BxH=(30x40)cm, thành và đáy mương dày 10cm, kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường; hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Cuối mương làm bể tiêu năng sâu 20cm so với đáy mương.

- Các công trình phụ trên mương:

+ Cầu máng số 1 trên mương KC: Trên mương KC bố trí 02 đoạn cầu máng dài 10m tại cọc KC17 và đoạn 7m tại KC22, mặt cắt ướt trong lòng BxH=(30x50)cm, kết cấu cầu máng bằng BTCT M200 dày 10cm, đầu và cuối cầu máng bố trí mố đỡ kết cấu bê tông M200 kích thước (60x100)cm chiều cao tính đến đáy máng là 1,0m.

+ Từ cọc KC6 đến cọc KC9, bên phải tuyến mương làm tường kè chống sạt lở, kết cấu cấu tường kè bê tông M200, đáy lót bê tông M150 dày 5cm, chiều rộng đỉnh kè 0,2m, chiều rộng đáy tường kè 1,0m, chiều cao tường kè 1,9m.

+ Trên mương bố trí 02 cống qua đường dài 5,5m và 5m lần lượt tại cọc KC12-KC14 và KC81-KC84, kết cấu thành và đáy cống bê tông M200 dày 20cm, đáy lót bê tông M150 dày 5cm, phía trên đậy các tấm đan 50x60x15cm, kết cấu BTCT M200.

+ Bố trí 02 cửa tiếp nước bên trái vào mương tại cọc KC23 và KC77.

+ Từ cọc KC40 đến KC42 tuyến ống xi phông cũ PVC D300 còn tốt giữ nguyên hiện trạng.

+ Trên mương bố trí 02 cống tưới tại cọc KC21 và KC75, kết cấu bằng ống nhựa HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước; mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200.

+ Đặt tấm đan kết cấu BTCT M200 tại 11 vị trí với tổng chiều dài 198m, tấm đan kích thước 50x50x8(cm).

***2.4.9. Sửa chữa đập Đông Đăm; Nà Nghịu; Xây dựng đập mương Khỉ Căng; Xây dựng đập mương Cốc cúm xã Hoa Thám.***

***\* Sửa chữa đập Đông Đăm. Cung cấp nước tưới cho 30ha.***

- Đập dâng: Sửa chữa đập dâng cũ có tổng chiều dài L = 50,40m (trong đó: Phần ngưỡng tràn dài 28,3m, phần tường không tràn 22,1m, Chiều rộng đỉnh tràn B=1,4m, chiều cao ngưỡng tràn Htr=3,2m, bán kính cong đỉnh tràn R=0,5m, bán kính mũi phun hạ lưu tràn R=2,3m). Tiêu năng dạng mũi phun.

Đổ bù bê tông các vị trí bị xói, vỡ trên dốc tràn bằng bê tông M200. Gia cố, bọc lại phần thượng lưu đập từ cọc (Đ3-Đ23) dài L=43,1m cao 7,1m (bằng chiều cao ngưỡng tràn) và bọc lại toàn bộ phần đỉnh ngưỡng tràn, dốc tràn đá xây cũ dài L=28,3m bằng kết cấu bê tông cốt thép M200, dày 20cm; Trát lại toàn bộ phần tường hai bên dốc tràn bằng vữa M75. Phía tiếp giáp với tường không tràn bên phải lắp đặt ống thép D200 dày 4,78mm dài 8m dẫn nước vào mương cũ.

- Đường thi công: Mở tuyến đường thi công từ đường liên thôn cũ xuống lòng hồ để thuận tiện thi công đập và nạo vét lòng hồ. Chiều dài tuyến đường L=122m, chiều rộng mặt đường B=4m, kết cấu bằng đất đắp đầm chặt K=0,95. Sau khi thi công xong đập dâng sẽ thanh thải toàn bộ để trả lại mặt bằng như hiện trạng ban đầu.

**-** Mương KC:Sửa chữa tuyến mương KC dẫn nước nối tiếp từ mương xây cũ mặt cắt BxH=(50x80)cm có tổng chiều dài 713m (trong đó có 673m mương và 03 cầu máng có tổng chiều dài L =40m). Mương hở, mặt cắt hình chữ nhật kích thước BxH=(50x80)cm, kết cấu thành và đáy mương dày 15cm kết cấu bằng bê tông M200, đáy lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương cứ 10m bố trí một khe lún chèn bao tải tải tẩm nhựa đường và cứ 5m bố trí một giằng mương bê tông cốt thép M200 kích thước (LxBxH)=(50x15x10)cm. Trong đó:

- Các công trình phụ trên mương:

+ Đoạn từ cọc 13 đến cọc 23 dài 197m phá mương bê tông cũ mặt cắt (40x40)cm đã bị hư hỏng.

**+** Cầu máng: Trên mương phá 03 cầu máng vỏ mỏng cũ và làm mới 03 cầu máng với tổng chiều dài L=40m. Cầu máng có mặt cắt (BxH)=(50x80)cm thành và đáy dày 10cm, kết cấu BTCT M200. Giữa các nhịp và hai đầu cầu máng được lắp đặt khớp nối PVC KN92 ngăn nước. Trong đó:

++ Cầu máng 01: dài L=11m gồm 01 nhịp; Cầu máng 03: dài L=10m gồm 01 nhịp. Trụ đỡ bằng 02 mố bê tông M200 tại hai đầu cầu máng, kích thước (60x120)cm chiều cao tính đến đáy máng là 60cm.

++ Cầu máng 02: dài L=19m gồm 02 nhịp dài 4,5m và 01 nhịp dài 10m. Trụ đỡ bằng 02 mố bê tông M200 tại hai đầu cầu máng kích thước (60x120)cm chiều cao tính đến đáy máng là 60cm; 02 trụ giữa dạng chữ H kết cấu bằng bê tông cốt thép M200, móng trụ kích thước (150x100)cm, giật cấp về (150x60)cm chiều dày móng 80cm, tiêt diện thân trụ (20x20)cm, chiều cao từ đáy móng trụ đến đáy máng là 4,5m.

+ Trên mương bố trí 02 cửa phân nước tại cọc KC21, KC58; 01 cửa thu nước tại cọc KC58+6m. Cửa phân nước, thu nước có kích thước (30x60)cm được điều tiết bằng khe phai thép hình C50x32x4,4mm.

+ Bố trí 03 cống qua đường gồm cống dài 4m tại cọc (KC16-KC17), cống dài 5m tại cọc (KC53-KC54), cống dài 3,5m tại cọc KC58. Cống có thành và đáy bằng bê tông M200 dày 20cm, mặt đậy tấm đan BTCT M200 dày 15cm.

+ Trên mương từ cọc 50 đến cọc 52 dài 63m đậy tấm đan kích thước (80x50x8)cm kết cấu BTCT M200.

***\* Kiên cố mương Nà Nghịu: Cung cấp nước tưới cho 11ha.***

- Phai dâng: Xây dựng phai dâng nước kết cấu bằng bê tông M200 tổng chiều dài L=4,7m (trong đó: Phần ngưỡng tràn dài 1,4m, phần tường không tràn dài 3,3m); hình thức tường đứng mặt cắt chữ L, chiều rộng đỉnh tường B=0,3m, chiều rộng chân tường B=0,6m; chiều cao tính ngưỡng tràn H=0,3m, tính đến đỉnh tường không tràn H=0,7m. Tại phai dâng có bố trí cửa nước nước vào mương và cửa phai thoát nước, điều tiết bằng tấm phai bê tông cốt thép M200.

**-** Mương KC: Kiên cố tuyến mương đất thành mương bê tông với chiều dài L=755m, mặt cắt trong lòng mương BxH= (30x40)cm, thành và đáy mương dày 10 cm kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường. Hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Cuối mương làm bể tiêu lăng kích thước (30x80)cm, sâu 20cm so với đấy mương.

- Các công trình phụ trên mương:

+ Từ cọc (6+2 đến cọc 8-2,5)m dài 9,5m tôn đáy mương bằng bê tông M150 dày trung bình 25cm.

+ Trên mương bố trí 01 cửa thu nước, 02 cửa phân nước. Cửa phân nước, thu nước có kích thước (30x40)cm được điều tiết bằng khe phai thép hình C50x32x4,4mm.

+ Bố trí 06 cống tưới ống bằng ống HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước; mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200.

+ Trên mương đậy tấm đan tại 2 vị trí dài 6m, tấm đan kích thước (50x50x8)cm, kết cấu bê tông cốt thép M200.

***\* Xây dựng đập mương Khỉ Căng: Cung cấp nước tưới cho 12 ha.***

**-** Đập đâng: Xây dựng đập dâng nước kết cấu bằng bê tông M200, hình thức đập tràn mặt cắt hình thang, tổng chiều dài đập L=12,7m (trong đó: Phần ngưỡng tràn dài 7,5m, phần tường không tràn dài 5,2m). Cao trình ngưỡng tràn +392,65m, chiều rộng đỉnh ngưỡng tràn B=0,6m, chiều rộng chân B=1,65m, chiều cao H=1,5m; Cao trình đỉnh tường không tràn +392,90m, chiều rộng đỉnh tường 0,3m, chiều rộng chân từ 0,85m đến 1,05m, chiều cao từ 1,0m đến 1,75m. Trên đập dâng bố trí 01 cống xả cát kích thước (40x50)cm tại cao trình +392,0m; bố trí 01 cống cửa lấy nước vào mương kích thước (30x50)cm tại cao trình +392,4m.

Bể tiêu năng dài 1,8m kết cấu bằng bê tông cốt thép M200 dày 20cm, chiều sâu bể H = 0,2m, cao trình đáy bể + 391,55m; hai bên bể tiêu năng làm tường hướng dòng kết cấu bằng bê tông M200, chiều rộng đỉnh tường 0,3m, chiều rộng chân tường 0,65m thu về 0,45m, chiều cao tường Ht=1,1m; Sân tiêu năng và tường 2 bên bố trí lỗ giảm áp bằng ống nhựa PVC D34. Gia cố sân sau tiêu năng bằng rọ đá hộc dài L = 1,0m, kích thước rọ (1,0x2,0x0,5)m.

**-** Mương KC: Nối tiếp từ cửa lấy nước đầu đập dâng. Kiên cố tuyến mương đất thành mương bê tông với chiều dài L=1.088,6m, mặt cắt trong lòng mương BxH= (30x40)cm, thành và đáy mương dày 10 cm kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường. Hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Cuối mương làm bể tiêu lăng kích thước (30x80)cm, sâu 20cm so với đấy mương.

- Các công trình phụ trên mương:

+ Đoạn từ cọc KC25÷26 dài 10m và từ cọc KC32÷33 dài 10m làm mương đáy có thép, hai đầu gối lên trụ bê tông M200.

+ Bố trí 02 cống qua đường L =5m tại cọc KC37 và KC45, kết cấu thành và đáy cống bê tông M200 dày 20cm, trên đậy 10 tấm đan BTCT M200 kích thước (50x50x15)cm.

+ Trên mương bố trí 01 cửa phân nước, kích thước (30x40)cm được điều tiết bằng khe phai thép hình C50x32x4,4mm.

+ Trên mương 11 cống tưới ống bằng ống HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước; mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200.

+ Trên mương đậy tấm đan tại 3 vị trí dài 6m, tấm đan kích thước (50x50x8)cm, kết cấu bê tông cốt thép M200.

***\* Xây dựng đập mương Cốc Cúm: Cung cấp nước tưới cho 15ha.***

**-** Đập dâng: Xây dựng đập dâng nước kết cấu bằng bê tông M200 liền khối, hình thức đập tràn mặt cắt hình thang, tổng chiều dài đập L=16m (chiều dài phần đập không tràn 6m, chiều dài phần ngưỡng tràn 10m). Cao trình ngưỡng tràn +342,05m, chiều rộng đỉnh ngưỡng tràn B=0,6m, chiều rộng chân B=1,65m, chiều cao H=1,5m; Cao trình đỉnh tường không tràn +342,30m, chiều rộng đỉnh tường 0,3m, chiều rộng chân từ 0,85m đến 1,05m, chiều cao từ 1,0m đến 1,75m. Trên đập dâng bố trí 01 cống xả cát kích thước (40x75)cm tại cao trình +341,15m; bố trí 01 cửa lấy nước vào mương kích thước (40x50)cm tại cao trình +341,8m.

+ Bể tiêu năng dài 2,0m kết cấu bằng bê tông cốt thép M200 dày 20cm, chiều sâu bể H = 0,2m, cao trình đáy bể + 340,95m; hai bên bể tiêu năng làm tường hướng dòng kết cấu bằng bê tông M200, chiều rộng đỉnh tường 0,3m, chiều rộng chân tường 0,7m thu về 0,5m, chiều cao tường Ht=1,3m; Sân tiêu năng và tường 2 bên bố trí lỗ giảm áp bằng ống nhựa PVC D34. Gia cố sân sau tiêu năng bằng rọ đá hộc dài L = 1,0m; kích thước rọ (1,0x2,0x0,5)m.

**-** Mương KC:Kiên cố tuyến mương đất cũ thành mương bê tông với chiều dài L=1.051,5m, mương có mặt cắt BXH= (40x40)cm dài 99,8m, mặt cắt BxH = (30x40)cm dài 951,7m, thành và đáy mương dày 10 cm kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường.Hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85.

Từ cọc KC64 đến cọc KC73 làm đường ống dẫn nước treo trên cáp cố định để vượt qua ao và lòng suối với tổng chiều L = 77m, kết cấu ống HDPE D90, cáp treo là cáp lõi thép đường kính 16mm, cứ 10m bố trí một đai treo ống bằng thép lá dày 3mm, rộng 4cm. Đầu, cuối và giữa tuyến ống làm các mố néo cáp treo ống kết cấu BTCT M200, đáy mố kích thước (1x1x1)m, trụ mố kích thước (40x40)cm, chiều cao từ đáy mố đến đỉnh trụ lần lượt là 1,5m;2,0m và 3,0m. Tại vị trí đầu xi phông làm hố lắng kết cấu bê tông M200 kích thước 70x70x70(cm) và rọ chắn rác đầu ống.

- Các công trình phụ trên mương:

+ Cầu máng trên mương KC: Trên mương KC bố trí 03 cầu máng gồm: Cầu máng số 1 dài 14m, cầu máng số 2 dài 53,2m, cầu máng số 3 dài 47m, mặt cắt máng BxH = (30x50)cm, thành và đáy máng dày 10cm kết cấu bằng bê tông cốt thép M200, cứ khoảng 2m bố trí một thanh giằng tiết diện (10x10)cm. Hai đầu cầu máng được đỡ bằng mố ôm bê tông M200, các trụ đỡ kết cấu bê tông M200 và bê tông cốt thép M200, tại các khớp nối giữa các nhịp máng lắp đặt khớp nối PVC KN92 ngăn nước.

++ Cầu máng số 01: dài L=14m gồm 02 nhịp dài 2,5m và 01 nhip dài 9m. Trụ đỡ bằng 02 mố bê tông M200 tại hai đầu cầu máng, kích thước (60x100)cm chiều cao tính đến đáy máng là 1,0m. 02 trụ giữa dạng chữ I kết cấu bằng bê tông cốt thép M200, móng trụ kích thước (130x130)cm, giật cấp về (70x70)cm chiều dày móng 60cm; tiết diện thân trụ (30x30)cm, chiều cao từ đáy móng trụ đến đáy máng là 3,6m.

++ Cầu máng số 02: dài L=53.2m gồm 05 nhịp dài 10m và 01 nhip dài 3,2m. Trụ đỡ bằng 02 mố bê tông M200 tại hai đầu cầu máng, kích thước (60x100)cm chiều cao tính đến đáy máng là 1,0m. 03 trụ giữa số 2,3,4 dạng chữ I kết cấu bằng bê tông cốt thép M200, móng trụ kích thước (130x130)cm, giật cấp về (70x70)cm chiều dày móng 60cm; tiết diện thân trụ (30x30)cm, chiều cao từ đáy móng trụ đến đáy máng là 3,6m. 01 trụ giữa số 5 dạng chữ H kết cấu bằng bê tông cốt thép M200, móng trụ kích thước (190x140)cm, giật cấp về (150x80)cm chiều dày móng 80cm; tiết diện thân trụ (20x20)cm, chiều cao từ đáy móng trụ đến đáy máng là 5,0m. 01 Trụ giữa số 6 kết cấu bê tông M200, kích thước (100x130)cm, giật cấp về (60x90)cm chiều cao tính đến đáy máng là 1,8m.

++ Cầu máng số 03: dài L=47m gồm 04 nhịp dài 10m và 01 nhip dài 7m. Trụ đỡ bằng 02 mố bê tông M200 tại hai đầu cầu máng, kích thước (60x100)cm chiều cao tính đến đáy máng là 1,0m. 02 trụ giữa số 2,3 dạng chữ I kết cấu bằng bê tông cốt thép M200, móng trụ kích thước (130x130)cm, giật cấp về (70x70)cm chiều dày móng 60cm; tiết diện thân trụ (30x30)cm, chiều cao từ đáy móng trụ đến đáy máng lần lượt là 3,0 và 3,6m. 02 trụ giữa số 4,5 dạng chữ H kết cấu bằng bê tông cốt thép M200, móng trụ kích thước (190x140)cm, giật cấp về (150x80)cm chiều dày móng 80cm; tiết diện thân trụ (20x20)cm, chiều cao từ đáy móng trụ đến đáy máng là 4,5m.

+ Bố trí 02 cống qua đường L=3m tại cọc KC4 và KC37, kích thước (40x40)cm và (30x40)cm, kết cấu thành và đáy cống bằng bê tông M200 dày 20cm, trên đậy tấm đan BTCT M200 kích thước (50x60x15)cm, (50x50x15)cm.

+ Trên mương bố trí 01 cửa phân nước tại KC7, kích thước (30x40)cm được điều tiết bằng khe phai thép hình C50x32x4,4mm.

+ Bố trí 8 cống tưới ống bằng ống HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước; mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200.

+ Trên mương đậy tấm đan tại 2 vị trí dài 4m, tấm đan kích thước (50x50x8)cm, kết cấu bê tông cốt thép M200.

- Mương nhánh N2: Kiên cố tuyến mương đất thành mương bê tông với chiều dài L=225m tại cọc KC7, mặt cắt trong lòng mương BxH= (30x40)cm, thành và đáy mương dày 10 cm kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường. Hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Cuối mương làm bể tiêu lăng kích thước (30x100)cm, sâu 20cm so với đáy mương.

- Các công trình phụ trên mương N2:

+ Từ đầu mương đến cọc N2-3 dài L=28,5m tôn cao đáy mương bằng đá xây M75 dày 30cm.

+ Trên mương bố trí 4 cống tưới ống bằng ống HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước; mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200.

+ Trên mương đậy tấm đan tại 1 vị trí dài 2m, tấm đan kích thước (50x50x8)cm, kết cấu bê tông cốt thép M200.

***2.4.10. Kiên cố mương Nà Chào, Pò Xuồng, xã Hồng Phong.***

***\* Kiên cố mương Nà Chào: Cung cấp nước tưới cho 16ha.***

- Phai dâng: Xây dựng phai dâng nước kết cấu bằng bê tông M200 tổng chiều dài L=5,8m (trong đó: Phần ngưỡng tràn dài 3,3m, phần tường không tràn dài 2,5m); hình thức tường đứng mặt cắt hình thang, chiều rộng đỉnh tường B=0,5m, chiều rộng chân tường B=1,2m. chiều cao tính đến ngưỡng tràn H=1,5m, tính đến đỉnh tường không tràn H=1,75m. Cao trình ngưỡng tràn +229,11m, cao trình đỉnh tường không tràn +229,36m. Tại phai dâng có bố trí cửa lấy nước vào mương điều tiết bằng khe phai thép hình, cao trình cửa lấy nước +228,86m.

- Mương KC: Kiên cố tuyến mương đất thành mương bê tông với chiều dài L=2.175m, mặt cắt trong lòng mương (30x40)cm, thành và đáy mương dày 10 cm kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường. Hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Cuối mương làm bể tiêu lăng kích thước (30x80)cm, sâu 20cm so với đáy mương. Trong đó:

+ Đoạn từ cọc KC35÷37 dài 28m *(chia làm 3 nhịp 6m và 1 nhịp 10m),* từ cọc KC60÷61 dài 5m, KC74÷75 dài 5m, từ cọc KC85÷86 dài 5m làm mương đáy có thép, hai đầu gối lên trụ bê tông M200, kích thước trụ (60x80)cm chiều cao tính đến đáy mương là 1m.

+ Đoạn từ cọc KC18÷42 mương đi qua sườn đồi mái dốc đứng cứ 5m bố trí 01 thanh giằng tiết diện (10x10)cm kết cấu BTCT M200.

+ Đoạn Từ cọc KC21 đến cọc KC25 dài L=135m và từ cọc KC30 đến cọc KC31 dài L=40m, mương qua sườn taluy bị sạt lở, mái dốc đứng, nền đất yếu, làm ống nhựa HDPE D200 PN10 để dẫn nước, cứ khoảng cách trung bình L=10m bố trí trụ đỡ ống kết cấu bằng bê tông M200, móng trụ có kích thước (100x30)cm giật cấp về (50x30)cm, chiều cao H=1m; Hai đầu, cuối đường ống có bố trí hố lắng và lưới chắn rác, hố lắng có kích thước ngoài (110x90x105)cm, dày 15cm kết cấu Bê tông M200, phía trên đạy tấm đan bằng BTCT M200.

- Các công trình phụ trên mương KC:

+ Trên mương bố trí 01 cửa thu nước tại KC43+10, KC72 kích thước (30x40)cm được điều tiết bằng khe phai thép hình C50x32x4,4mm.

+ Trên mương bố trí 03 cống tưới bằng ống HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước; mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200.

+ Trên mương đậy tấm đan tại 7 vị trí với tổng chiều dài 36m, tấm đan kích thước (50x50x8)cm, kết cấu bê tông cốt thép M200.

***+*** Cầu máng trên mương KC: Từ cọc KC1÷37 dài 123m làm cầu máng mặt cắt BxH = (30x50)cm, cầu máng gồm 12 nhịp L=10m và 01 nhịp L=3m, thành và đáy máng dày 10cm kết cấu bằng bê tông cốt thép M200, cứ 2m bố trí 01 thanh giằng tiết diện (10x10)cm. Tại các khớp nối giữa các nhịp máng lắp đặt khớp nối PVC KN92 ngăn nước. Trụ đỡ gồm 13 trụ bê tông M200 và 01 trụ chữ H bê tông cốt thép. Trụ bê tông kích thước (60x100)cm chiều cao tính đến đáy máng trụ số 1,2,3,5,6,7,10,12 là 1m, trụ số 8,9,11,13,14 là 50cm. 01 trụ giữa số 4 dạng chữ H kết cấu bằng bê tông cốt thép M200, móng trụ kích thước (190x100)cm, giật cấp về (190x60)cm chiều dày móng 80cm; tiết diện thân trụ (20x20)cm, chiều cao từ đáy móng trụ đến đáy máng là 3,5m.

***\* Kiên cố mương Pò Xuồng: Cung cấp nước tưới cho 7,0ha.***

- Kiên cố tuyến mương đất thành mương bê tông với chiều dài L=551m, mặt cắt trong lòng mương (30x30)cm, thành và đáy mương dày 10 cm kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường. Hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85.

- Các công trình phụ trên mương:

+ Đoạn từ cọc 6 đến cọc 7 dài 24m là cầu máng cũ kích thước (30x50)cm còn tốt giữ nguyên.

+ Trên mương Bố trí 01 cống tưới ống bằng ống HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước, mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200.

+ Trên mương đậy tấm đan tại 01 vị trí dài 2,5m, tấm đan kích thước (50x50x8)cm, kết cấu bê tông cốt thép M200.

***2.4.11. Kiên cố hóa mương Nà Thét, Rọ Phường, Nà Tràn, Phai Vạt, xã Hưng Đạo.***

***\* Kiên cố mương Nà Thét: Cung cấp nước tưới cho 15ha.***

- Đập dâng: Xây dựng đập dâng nước kết cấu bằng bê tông M200, hình thức đập tràn mặt cắt hình thang, tổng chiều dài đập L=7,0m (trong đó: Phần ngưỡng tràn dài 3m, phần tường không tràn dài 4,0m). Cao trình ngưỡng tràn +324,5m, chiều rộng đỉnh ngưỡng tràn B=0,5m, chiều rộng chân B=1,5m, chiều cao H=1,7m; Cao trình đỉnh tường không tràn +325,0m, chiều rộng đỉnh tường 0,5m, chiều rộng chân từ 0,7m đến 1,3m, chiều cao từ 1,0m đến 2,3m. Trên đập dâng bố trí 01 cống xả cát kích thước (80x65)cm tại cao trình +323,85m; bố trí 01 cửa lấy nước vào mương kích thước (30x40)cm tại cao trình +324,25m.

Bể tiêu năng dài 2,8m kết cấu bằng bê tông cốt thép M200 dày 20cm, chiều sâu bể H = 0,2m, cao trình đáy bể + 323,20m; hai bên bể tiêu năng làm tường hướng dòng kết cấu bằng bê tông M200, chiều rộng đỉnh tường 0,3m, chiều rộng chân tường 0,85m thu về 0,55m, chiều cao tường Ht=1,25m; Sân tiêu năng và tường 2 bên bố trí lỗ giảm áp bằng ống nhựa PVC D34. Gia cố sân sau tiêu năng bằng rọ đá hộc dài L = 2,0m, rộng 6m; kích thước rọ (1,0x2,0x0,5)m.

- Mương chính KC: Kiên cố tuyến mương đất thành mương bê tông với chiều dài L=442m, mặt cắt trong lòng mương BxH = (30x40)cm với chiều dài L=138m và mương BxH= (30x30)cm dài L=304m, thành và đáy mương dày 10 cm kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường. Hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Cuối mương làm bể tiêu lăng kích thước (30x80)cm, sâu 20cm so với đáy mương.

- Các công trình phụ trên mương:

+ Bố trí 01 cống qua đường L =6m tại cọc 32, kích thước (40x40)cm và (30x30)cm, thành và đáy cống dày 20cm kết cấu bằng bê tông M200, trên đậy tấm đan BTCT M200 kích thước (50x50x15)cm.

+Tại cọc 10 đặt 02 cống D300 dài 2m để thoát nước qua dưới đáy mương.

+ Trên mương bố trí 01 cửa phân nước tại KC15 kích thước (30x40)cm được điều tiết bằng khe phai thép hình C50x32x4,4mm.

+ Bố trí 06 cống tưới bằng ống HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước; mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200.

+ Trên mương đậy tấm đan tại 3 vị trí với tổng chiều dài 11m, tấm đan kích thước (50x50x8)cm, kết cấu bê tông cốt thép M200.

***+*** Cầu máng trên mương KC: Từ cọc K20÷22 dài 14m làm cầu máng mặt cắt BxH = (30x50)cm, cầu máng gồm 2 nhịp L=7m, thành và đáy máng dày 10cm kết cấu bằng bê tông cốt thép M200, cứ 2m bố trí 01 thanh giằng tiết diện (10x10)cm. Tại các khớp nối giữa các nhịp máng lắp đặt khớp nối PVC KN92 ngăn nước. Trụ đỡ gồm 3 trụ bê tông M200 kích thước (60x100)cm chiều cao tính đến đáy máng là 1m.

***-*** Mương nhánh N2: Kiên cố tuyến mương đất thành mương bê tông với chiều dài L=38m tại cọc KC15, mặt cắt trong lòng mương (30x30)cm, thành và đáy mương dày 10cm kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường. Hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Cuối mương làm bể tiêu lăng kích thước (30x10)cm, sâu 45cm so với đáy mương.

+ Cầu máng trên mương nhánh N2: Từ cọc K1÷4 dài 8m làm cầu máng mặt cắt BxH = (30x50)cm, thành và đáy máng dày 10cm kết cấu bằng bê tông cốt thép M200, cứ 2m bố trí 01 thanh giằng tiết diện (10x10)cm. Tại các khớp nối giữa các nhịp máng lắp đặt khớp nối PVC KN92 ngăn nước. Trụ đỡ gồm 2 trụ bê tông M200 kích thước (60x100)cm chiều cao tính đến đáy máng là 1,5m.

***\* Kiên cố mương Nà Tràn, Rọ Phường: Cung cấp nước tưới cho 10ha.***

- Phai dâng: Xây dựng phai dâng nước kết cấu bằng bê tông tổng chiều dài L=3,8m (trong đó: Phần ngưỡng tràn dài 1,5m, phần tường không tràn dài 2,3m); , hình thức tường đứng mặt cắt chữ L, chiều rộng đỉnh tường B=0,3m, chiều rộng chân tường B=0,6m; chiều cao tính đến ngưỡng tràn H=0,8m, tính đến đỉnh tường không tràn H=1,0m. Tại phai dâng có bố trí cửa lấy nước vào mương vận hành điều tiết bằng hèm phai thép hìn, cao trình cửa lấy nước +297,40m.

- Mương KC: Kiên cố tuyến mương đất thành mương bê tông với chiều dài L=555m, mặt cắt trong lòng mương (30x40)cm, thành và đáy mương dày 10 cm kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường. Hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Cuối mương làm bể tiêu lăng kích thước (30x80)cm, sâu 20cm so với đáy mương.

- Các công trình phụ trên mương:

+ Đoạn từ cọc C9 đến cọc KC12 dài L=10m và từ cọc 16a đến cọc 18 dài L=50m *(chia 5 nhịp mỗi nhịp 10m)* làm mương đáy có thép, hai đầu gối lên trụ bê tông M200, kích thước trụ (60x80)cm chiều cao tính đến đáy mương là 70cm.

+ Cầu máng trên mương: Từ cọc 9÷12 dài 10m làm cầu máng mặt cắt BxH = (30x50)cm, thành và đáy máng dày 10cm kết cấu bằng bê tông cốt thép M200, cứ 2m bố trí 01 thanh giằng tiết diện (10x10)cm. Tại các khớp nối giữa các nhịp máng lắp đặt khớp nối PVC KN92 ngăn nước. Trụ đỡ gồm 2 trụ bê tông M200 kích thước (60x100)cm chiều cao tính đến đáy máng là 0,5m.

+ Trên mương bố trí 05 cống tưới bằng ống HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước; mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200.

+ Trên mương đậy tấm đan tại 2 vị trí với tổng chiều dài 12m, tấm đan kích thước (50x50x8)cm, kết cấu bê tông cốt thép M200.

+ Trên mương bố trí 01 cửa phân nước tại KC21 kích thước (30x40)cm được điều tiết bằng khe phai thép hình C50x32x4,4mm.

- Đường ống T1: Xây dựng tuyến đường ống nối tiếp từ cửa phân nước trên mương chính KC tại cọc KC21 với chiều dài L=135m, sử dụng ống nhựa HDPE PN8 đường kính D=140mm, đường ống được chôn sâu dưới mặt đất tự nhiên 0,7m, đắp đất hoàn thiện độ chặt K≥0,85, tại cọc 9 đến cọc 10 tuyến ống cắt qua lòng suối, đoạn này sử dụng ống thép tráng kẽm D200 lồng bên ngoài ống nhựa HDPE D140 PN8 với chiều dài L=6m, hai bên bờ và lòng suối bố trí trụ đỡ bê tông M200. Trên tuyến ống có bố trí 01 hố van xả cặn, kích thước ngoài (1x1)m chiều cao 70 cm, phía trên đậy tấm đan BTCT M200. Đầu và cuối tuyến ống bố trí hố lắng kích thước ngoài (1,1x0,9) chiều cao 1,05m, phía trên đậy tấm đan BTCT M200, phía trước cửa vào bố trí lưới chắn rác bằng thép.

***\* Kiên cố mương Phai Vạt: Cung cấp nước tưới cho 13ha.***

- Đập đâng: Xây dựng đập dâng nước kết cấu bằng bê tông M200, hình thức đập tràn mặt cắt hình thang, tổng chiều dài đập L=18m (trong đó: Phần ngưỡng tràn dài 9m, phần tường không tràn dài 9m). Cao trình ngưỡng tràn +322,05m, chiều rộng đỉnh ngưỡng tràn B=0,5m, chiều rộng chân B=2,2m, chiều cao H=2,95m; Cao trình đỉnh tường không tràn +322,55m, chiều rộng đỉnh tường 0,5m, chiều rộng chân từ 0,7m đến 1,45m, chiều cao từ 1,0m đến 3,45m. Trên đập dâng bố trí 01 cống xả cát kích thước (80x65)cm tại cao trình +321,40m; bố trí 01 cửa lấy nước vào mương kích thước (30x40)cm tại cao trình +321,8m. Phía trái thượng lưu đập bố trí tường kè gia cố bờ dài 12m, chiều rộng đỉnh tường 0,3m, chiều rộng chân tường 0,95m thu về 0,65m, chiều cao tường Ht=2,0m, kết cấu bằng bê tông M200.

Bể tiêu năng dài 2,8m kết cấu bằng bê tông cốt thép M200 dày 20cm, chiều sâu bể H = 0,35m, cao trình đáy bể + 319,60m; hai bên bể tiêu năng làm tường hướng dòng kết cấu bằng bê tông M200, chiều rộng đỉnh tường 0,3m, chiều rộng chân tường 0,95m thu về 0,65m, chiều cao tường Ht=2,5m; Sân tiêu năng và tường 2 bên bố trí lỗ giảm áp bằng ống nhựa PVC D34. Gia cố sân sau tiêu năng bằng rọ đá hộc dài L = 2,0m, rộng 12m; kích thước rọ (1,0x2,0x0,5)m.

- Mương chính KC: Kiên cố tuyến mương đất thành mương bê tông với chiều dài L=453m, mặt cắt trong lòng mương (30x40)cm, thành và đáy mương dày 10 cm kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường. Hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Cuối mương làm bể tiêu lăng kích thước (30x80)cm, sâu 20cm so với đáy mương.

- Các công trình phụ trên mương KC:

+ Tại cọc C2: bố trí tràn xả kích thước (1,3x0,1)m, kết cấu bê tông M200.

+ Bố trí 01 cống qua đường L=4m tại cọc 9, kích thước (30x40)cm thành và đáy cống dày 20cm kết cấu bằng bê tông M200, trên đậy tấm đan BTCT M200 kích thước (50x50x15)cm.

+ Cầu máng trên mương KC: Cầu máng số 01 từ cọc 13÷19 dài 30m; Cầu máng số 02 từ cọc 23÷29 dài 30m; Mỗi đoạn cầu máng chia làm 3 nhịp dài 10m, cầu máng có mặt cắt BxH = (30x50)cm, thành và đáy máng dày 10cm kết cấu bằng bê tông cốt thép M200, cứ 2m bố trí 01 thanh giằng tiết diện (10x10)cm. Tại các khớp nối giữa các nhịp máng lắp đặt khớp nối PVC KN92 ngăn nước. Trụ đỡ cầu máng số 01 gồm 4 trụ bê tông M200 kích thước (60x100)cm chiều cao tính đến đáy máng trụ đầu, trụ cuối là 1,0m, 2 trụ giữa là 1,5m. Trụ đỡ cầu máng số 02 gồm 4 trụ bê tông M200 kích thước (60x100)cm chiều cao tính đến đáy máng trụ đầu, trụ cuối là 0,5m, 2 trụ giữa là 1,0m.

+ Bố trí 04 cống tưới bằng ống HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước; mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200.

+ Trên mương đậy tấm đan tại 2 vị trí với tổng chiều dài 4m, tấm đan kích thước (50x50x8)cm, kết cấu bê tông cốt thép M200.

+ Trên mương bố trí 01 cửa phân nước tại cọc 12 kích thước (30x40)cm được điều tiết bằng khe phai thép hình C50x32x4,4mm.

- Mương nhánh N1: Kiên cố tuyến mương đất cũ thành mương bê tông với chiều dài L=170m tại cọc 12, mặt cắt trong lòng mương BxH= (30x30)cm, thành và đáy mương dày 10cm kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường. Hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85. Cuối mương làm bể tiêu lăng kích thước (30x80)cm, sâu 20cm so với đáy mương.

- Các công trình phụ trên mương N1:

+ Trên mương bố trí 04 cống tưới bằng ống HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước; mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200.

+ Trên mương đậy tấm đan tại 1 vị trí với tổng chiều dài 2m, tấm đan kích thước (50x50x8)cm, kết cấu bê tông cốt thép M200.

***2.4.12. Mương Cô Siu, xã Quốc Khánh. Cung cấp nước tưới cho 50ha***

- Mương KC: Kiên cố tuyến mương đất đấu nối cuối cống qua đường Quốc Lộ 3, lấy nước từ hồ Kỳ Nà, xã Quốc Khánh thành mương bê tông với chiều dài L=994m, dộ dốc tối thiểu 0,1%, mặt cắt trong lòng mương (100x80)cm, thành và đáy mương dày 15cm kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường và 10m bố trí 4 thanh giằng kết cấu BTCT M200; hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85.

Để đảm bảo độ dốc tưới tự chảy và khống chế tưới từ KC13 đến KC14+18,5m; từ KC46 đến KC49 với tổng chiều dài 107,5m tôn đáy mương bằng cấp phối đá dăm đầm chặt K=0,9.

- Các công trình phụ trên mương:

+ Trên mương bố trí 01 cửa lấy nước đầu mương, 1 cửa phân nước tại cọc KC27 kích thước (30x60)cm được điều tiết bằng khe phai thép hình C50x32x4,4mm.

+ Bố trí 16 cống tưới bằng ống HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước; mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200.

+ Trên mương đậy tấm đan tại 5 vị trí với tổng chiều dài 11m, tấm đan kích thước (50x130x10)cm, kết cấu bê tông cốt thép M200.

***2.4.13. Sửa chữa mương chính từ Hồ Cao Lan, xã Quốc Khánh. Cung cấp nước tưới cho 200ha.***

**-** Mương KC: Sửa chữa, nâng cấp tuyến mương đá xây cũ đấu nối cuối cống lấy nước hồ Cao Lan, xã Quốc Khánh thành mương bê tông với chiều dài 6.786m, độ dốc tối thiểu 0,1%, mặt cắt trong lòng mương (80x80)cm (60x80)cm và (40x60)cm, thành và đáy mương dày 15cm kết cấu bằng bê tông M200, lớp lót dày 5cm kết cấu bê tông M150. Dọc theo chiều dài mương trung bình 10m bố trí 01 khe lún kết cấu bao tải tẩm nhựa đường và bố trí các thanh giằng kết cấu BTCT M200; hai bên thành mương đắp đất, độ chất đất đắp K≥0,85.

+ Các đoạn mương được sửa chữa, kiên cố có tổng chiều dài 3.544,9m, kích thước như sau: Mặt cắt BxH=(80x80)cm dài 1.665,5m; mặt cắt BxH=(60x80)cm dài 248m và mặt cắt BxH=(40x60)cm dài 1.631,4m;

+ Các đoạn mương giữ nguyên hiện trạng có tổng chiều dài 1.245,1m, kích thước như sau: Mặt cắt BxH=(120x80)cm dài 45m; mặt cắt BxH=(80x80)cm dài 489,5m và mặt cắt BxH=(60x80)cm dài 710,6m;

+ Các cầu máng, Tuy Nen sửa chữa và giữ nguyên hiện trạng có tổng chiều dài 1.996m, kích thước như sau:

++ Cầu máng số 1 dài 78m mặt cắt BxH=(60x80)cm giữ nguyên hiện trạng;

++ Cầu máng số 2 dài 58,5m mặt cắt BxH=(60x80)cm sửa chữa thay 02 khớp nối bằng khớp nối PVC KN92;

++ Cầu máng số 2A dài 7,5m mặt cắt BxH=(80x80)cm giữ nguyên hiện trạng;

++ Cầu máng số 3 dài 55,5m mặt cắt BxH=(80x80)cm giữ nguyên hiện trạng;

++ Cầu máng số 4 dài 24m mặt cắt BxH=(80x80)cm giữ nguyên hiện trạng;

++ Tuy Nen dài 450m giữ nguyên hiện trạng;

++ Cầu máng số 5 dài 456,5m mặt cắt BxH=(60x80)cm sửa chữa thay 13 khớp nối bằng khớp nối PVC KN92;

++ Cầu máng số 6 dài 420,5m mặt cắt BxH=(60x80)cm sửa chữa thay 14 khớp nối bằng khớp nối PVC KN92;

++ Cầu máng số 7A dài 158m mặt cắt BxH=(60x80)cm sửa chữa thay 09 khớp nối bằng khớp nối PVC KN92 và phá dỡ làm mới 02 nhịp đầu cầu máng, mặt cắt BxH=60x80cm, kết cấu bê tông M200 dày 10cm, đầu cầu máng làm mố giữ, giữa 2 nhịp làm 01 trụ chữ I cào 3m và 01 trụ chữ H cao 5m, kết cấu trụ bê tông cốt thép M200;

++ Cầu máng số 7B dài 17m mặt cắt BxH=(80x80)cm sửa chữa thay 01 khớp nối bằng khớp nối PVC KN92;

++ Cầu máng số 8 dài 270,5m mặt cắt BxH=(60x80)cm sửa chữa thay 05 khớp nối bằng khớp nối PVC KN92 và phá dỡ làm mới 03 nhịp đầu cầu máng, mặt cắt BxH=60x80cm, kết cấu bê tông M200 dày 10cm, đầu cầu máng làm mố giữ, giữa 3 nhịp làm 01 trụ chữ I cào 3m và 01 trụ chữ A cao 6m, kết cấu trụ bê tông cốt thép M200.

- Các công trình phụ trên mương:

+ Trên mương bố trí 03 cửa phân nước lần lượt tại các cọc KC68, KC134, KC137, cửa phân nước điều tiết đóng mở bằng cánh cửa giá đỡ và máy nâng V1;

+ Bố trí 01 cống qua đường L=11m tại cọc KC14 đến KC15 kết cấu thành và đáy bê tông M200 dày 20cm, trên đậy tấm đan 50x100x15cm, kết cấu BTCT M200;

+ Trên mương bố trí 2 tràn vượt mương tại KC150 và KC156, kết cấu thành và đáy bê tông M200 dày 15cm, trên đậy tấm đan 50x70x8cm, kết cấu bê tông cốt thép M200;

+ Trên mương bố trí 8 cống tưới bằng ống HDPE D90 PN6, cống tưới lắp đặt khe phai thép C5 (50x32x44)mm để điều tiết nước; mố đỡ ống kích thước (20x40x40)cm kết cấu bằng bê tông M200.

+ Đặt tấm đan kết cấu BTCT M200 tại 16 vị trí với tổng chiều dài 625,5m, tấm đan kích thước (50x100x8)cm và (50x70x8)cm.

***2.4.14. Hồ chứa nước Slam Kha, xã Đề Thám***

- Đập đất: Thiết kế theo Tiêu chuẩn Quốc Gia TCVN 8216:2018 Công trình thuỷ lợi-Thiết kế đập đất đầm nén; chiều cao lớn nhất đập Hmax = 10,0m;

+ Đỉnh đập: chiều dài đỉnh đập (gồm cả tràn) 62,30m, chiều rộng mặt đỉnh đập B=5,0m được gia cố bảo vệ bằng kết cấu bê tông M200 dày 20cm, đáy lót bê tông M150, cao trình đỉnh đập +297,50m;

+ Mái thượng lưu: Hệ số mái thiết kế mTL=2,50, gia cố bảo vệ mái thượng lưu bằng kết cấu tấm bê tông M200 dày 10cm, đáy lót bê tông M150 dày 5cm, tại vị trí giữa các tấm bê tông đặt các lỗ giảm áp PVC D34.

+ Mái hạ lưu: Hệ số mái thiết kế mhl=2,25; trồng cỏ toàn bộ mái hạ lưu, chân mái đập hạ lưu bố trí lăng trụ thoát nước, kết cấu đá hộc xếp khan, dài 10,2m, cao trình đỉnh lăng trụ thoát nước +288,0m. Mái hạ lưu bố trí các rãnh thoát nước mặt cắt hình chữ nhật, kích thước (20x20)cm, kết cấu bê tông M200.

+ Làm bậc lên xuống mái thượng và hạ lưu đập rộng 1m, kết cấu bê tông M200, dưới lót bê tông M150; bố trí hàng cột thủy trí theo dõi mực nước theo bậc lên xuống thượng lưu.

+ Khoan phụt tăng cường chống thấm thân đập: Để giảm lưu lượng nước thấm qua thân đập biện pháp khoan phụt xử lý chống thấm theo tiêu chuẩn TCVN8645:2019 khoan phụt xi măng-sét hai hàng trên đỉnh đập, các lỗ khoan phụt hàng thứ 2 bố trí so le với các lỗ khoan phụt thứ nhất, bán kính xâm lấn giữa hai lỗ khoan hai hàng khoan là 1,5m.

- Cống lấy nước: Làm mới toàn bộ cống lấy nước, kết cấu ống thép đường kính D400mm bọc bê tông cốt thép M200.

+ Đầu cống: Cửa hướng dòng đầu cống đặt tại cao trình +288,55m, kết cấu bê tông M200, đáy lót bê tông M150.

+ Cửa lấy nước đầu cống kết cấu bằng BTCT M200 kích thước 2,6x2,6m có bố trí hèm phai, lưới chắn rác; bên trên đặt 04 trụ tháp van kích thước 25x25cm, chiều cao mỗi trụ 6,8m, trung bình cứ 2m chiều cao bố trí một thanh giằng ngang 20x20cm; sàn tháp van kích thước 4,9mx4,9m (phần rộng nhất), dày 10cm kết cấu bê tông cốt thép M200; đặt máy nâng V2 trong nhà che van, xung quanh bố trí lan can, tay vịn bằng bê tông cốt thép M200; Làm nhà che van hình bát giác, kết cấu gạch xây M75, trát vữa M75, trên đổ trần bê tông cốt thép M200 và lớp mái tôn dày 0,4mm.

+ Cầu công tác dài L=17,2m, rộng 1m, được chia làm 02 nhịp dài L=8,6m, kết cấu bê tông cốt thép M200. Đầu cầu công tác được đặt tại mặt đỉnh đập, giữa 2 nhịp bố trí 01 trụ đỡ chữ H, chiều cao trụ là H = 5,75m, kết cấu trụ bê tông cốt thép M200.

+ Thân cống: Cao trình đầu thân cống đặt tại 288,25m, chiều dài cống 44,4m, độ dốc đáy cống i=0,0225. Sử dụng ống thép đường kính D400, phía ngoài bọc bê tông cốt thép M200 dày 20-25cm, đáy lót bê tông M150 dày 10cm.

Nhà van hạ lưu kích thước 3,0x3,0m có cấu tạo móng bè BTCT M200, phía trên là nhà kết cấu tường gạch và đổ mái bằng có ốp tôn chống nóng, bên trong nhà van bố trí sàn công tác và 02 van chặn điều tiết nước qua mương và đường ống cấp nước tưới công nghệ cao.

+ Cửa ra: là bể tiêu năng kích thước 2,5x1,9m chiều cao thay đổi từ 1,4-2,55m có kết cấu BTCT M200; sau bể tiêu năng nối tiếp kênh dẫn nước mặt cắt BxH=30x40cm dài 8m, kết cấu thành và đáy mương bê tông M200 dày 10cm, đáy lót bê tông M150 dày 5cm.

- Tràn xả lũ: Hình thức tràn dọc, tự động điều tiết.

+ Đoạn cửa vào kết hợp tường hướng dòng: Làm mới 02 tường hướng dòng kết cấu BTCT M200, đáy lót bê tông M150 dày 10cm, trên thân tường bố trí ống lọc thoát nước PVC D34; gia cố sân cửa vào ngưỡng tràn với chiều dài 5m, bề rộng sân từ 5,4÷2,5m, kết cấu BTCT M200 dày 20cm, đáy lót bê tông M150 dày 10cm.

+ Cầu qua tràn: Làm mới cầu qua tràn với chiều rộng mặt cầu (theo chiều dòng chảy) B=4+2x0,25m, chiều dài cầu 3,3m, kết cấu bê tông cốt thép M300 dày 0,2m, trên thành cầu bố trí trụ lan can kết cấu bê tông M200, 2 đầu cầu bố trí 02 mố đỡ kết hợp kênh dẫn kết cấu bê tông cốt thép M200, đáy lót bê tông M150 dày 10cm.

+ Dốc tràn: Làm mới dốc tràn với bề rộng 2,5m, chiều dài 59,75m (theo phương ngang) chia làm 6 nhịp, thành, đáy dày 20cm kết cấu bê tông cốt thép M200, đáy lót bê tông M150 dày 10cm; trên thân tường tràn bố trí ống thoát nước PVC D34, khoảng cách giữa các ống a=1m.

+ Bể tiêu năng: Làm mới bể tiêu năng tại vị trí cuối dốc tràn, chiều rộng bể B=2,5m, chiều cao bể H=2,7m, chiều sâu đào bể D=0,8m, chiều dài bể L=7,5m, kết cấu bê tông cốt thép M200 dày 30cm, đáy lót bê tông M150 dày 10cm.

- Đường thi công vận hành công trình: Thiết kế theo TCVN 9162:2012. Điểm đầu nối tiếp từ cuối đường bê tông vào Trạm Y tế xã Đề Thám là đường bê tông liên thôn, đi theo đường dân sinh và kết nối vào Km0+460 tuyến đường thi công cũ, điểm cuối đấu nối vào đỉnh đập, với tổng chiều dài tuyến đường 1.565m, nền đường rộng 4,0m, mặt đường bằng BTXM rộng 3,0m, lề đường (2x0,5)m, kết cấu bê tông xi măng M250, dày 18cm, móng cấp phối đá dăm loại 1, dày 10cm. Xây dựng hoàn chỉnh công trình thoát nước, công trình phòng hộ.

- Đường ống dẫn nước phục vụ tưới công nghệ cao:

+ Tuyến ống chính TC: Đường ống dẫn nước từ cuối cống lấy nước của Hồ Slam Kha đến khu tưới bằng thống ống HDPE D200mm, ống HDPE D160mm và ống thép tráng kẽm D150 với tổng chiều dài L=2.823,10m. Tại cọc TC3 bố trí cụm lọc thô gồm: hố van bảo vệ và thiết bị lọc, kết cấu thành và đáy hố van bằng bê tông M200 dày t=20cm, kích thước hố van (BxLxH)=(2,1x2,4x1,45)m. Tại cọc TC32 bố trí hố van xả cặn, kết cấu thành và đáy bằng bê tông M200 dày t=15cm, kích thước hố van (BxLxH)=(1,5x1,4x1,05)m. Tại cọc TC35 bố trí hố van chia nước nhánh T1, kết cấu thành và đáy bằng bê tông M200 dày t=15cm, kích thước hố van (BxLxH)=(1,5x1,4x1,05)m, Tại cọ TC94 bố trí hố van cuối đường ống kết cấu thành và đáy bằng bê tông M200 dày t=15cm, kích thước hố van (BxLxH)=(1,5x1,4x1,05)m. Tuyến ống đi qua sườn đồi được đào chôn sâu H=0,7m, qua ruộng đào sâu H=0,9m, hoàn thiện đắp đất hoàn trả, độ chặt K ≥0.85.

+ Tuyến ống nhánh T1: Đấu nối từ hố van chia nước trên tuyến TC, sử dụng ống HDPE D90mm với chiều dài L=651,95m. Tuyến ống đi qua nền đường bê tông được đào chôn sâu H=0,5m, qua ruộng đào sâu H=0,7m, hoàn thiện đắp đất hoàn trả, độ chặt K ≥0,85.

**PHỤ LỤC 2. QUY TẮC ỨNG XỬ VỀ MÔI TRƯỜNG, SỨC KHOẺ VÀ AN TOÀN DÀNH CHO CHUYÊN GIA TƯ VẤN**

Chúng tôi là Tư vấn, [ghi tên của Tư vấn]. Chúng tôi đã ký hợp đồng với [nhập tên Khách hàng] để [nhập mô tả Công trình]. Những Công trình này sẽ được thực hiện tại [nhập Địa điểm và các địa điểm khác nơi Công trình sẽ được thực hiện]. Hợp đồng của chúng tôi yêu cầu chúng tôi thực hiện các biện pháp để giải quyết các rủi ro về môi trường, sức khỏe và an toàn liên quan đến các Công trình.

Bộ Quy tắc Ứng xử EHS này là một phần trong các biện pháp của chúng tôi để đối phó với các rủi ro về môi trường, sức khỏe và an toàn liên quan đến các Công trình. Nó áp dụng cho tất cả cán bộ, người lao động và các nhân viên khác của chúng tôi tại Công trường hoặc những nơi khác nơi các Công trình đang được thực hiện. Nó cũng áp dụng cho nhân sự của từng Đối tác Liên doanh, Tư vấn phụ và bất kỳ nhân sự nào khác hỗ trợ chúng tôi trong việc thực hiện các Công trình. Tất cả những người này được gọi là “Nhân sự của Tư vấn” và phải tuân theo Bộ Quy tắc Ứng xử EHS này.

Bộ Quy tắc Ứng xử EHS này xác định hành vi mà chúng tôi yêu cầu từ tất cả Nhân sự của Tư vấn.

Nơi làm việc của chúng tôi là một môi trường mà hành vi không an toàn, xúc phạm, lạm dụng hoặc bạo lực sẽ không được dung thứ và là nơi tất cả mọi người cảm thấy thoải mái khi nêu vấn đề hoặc quan ngại mà không sợ bị trả đũa.

**ỨNG XỬ BẮT BUỘC**

Nhân sự của Tư vấn sẽ:

1. thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách thành thạo và cần mẫn;
2. tuân thủ Bộ quy tắc ứng xử EHS này và tất cả các luật, quy định hiện hành và các yêu cầu khác, bao gồm các yêu cầu về bảo vệ sức khỏe, an toàn và phúc lợi của Nhân sự khác của Tư vấn và bất kỳ người nào khác;
3. duy trì môi trường làm việc an toàn bao gồm:
   1. đảm bảo rằng nơi làm việc, máy móc, thiết bị và quy trình dưới sự kiểm soát của mỗi người là an toàn và không có rủi ro đối với sức khỏe;
   2. mặc thiết bị bảo hộ cá nhân cần thiết;
   3. sử dụng các biện pháp thích hợp liên quan đến các chất và tác nhân hóa học, vật lý và sinh học; và
   4. tuân theo các quy trình vận hành khẩn cấp hiện hành.
4. báo cáo các tình huống làm việc mà họ tin là không an toàn hoặc lành mạnh và tự mình rời khỏi một tình huống làm việc mà họ tin rằng có thể gây nguy hiểm nghiêm trọng và sắp xảy ra đối với tính mạng hoặc sức khỏe của họ;
5. đối xử tôn trọng với người khác và không phân biệt đối xử với các nhóm cụ thể như phụ nữ, người khuyết tật, lao động nhập cư hoặc trẻ em;
6. báo cáo các vi phạm Bộ Quy tắc Ứng xử EHS này; và
7. không trả thù bất kỳ người nào báo cáo vi phạm Bộ quy tắc ứng xử EHS này, cho dù là với chúng tôi hay Khách hàng, hoặc người sử dụng cơ chế khiếu nại dành cho Nhân sự của Tư vấn hoặc Cơ chế giải quyết khiếu nại của dự án.

**TRÌNH BÀY MÔI QUAN NGẠI**

Nếu bất kỳ người nào quan sát thấy hành vi mà họ tin rằng có thể thể hiện sự vi phạm Bộ Quy tắc Ứng xử EHS này hoặc điều đó liên quan đến họ, thì họ nên nhanh chóng nêu vấn đề. Việc này có thể thực hiện bằng cách gọi [ ] đến đường dây nóng của Tư vấn viên (nếu có) và để lại tin nhắn.

Danh tính của người đó sẽ được giữ bí mật, trừ khi luật pháp quốc gia bắt buộc phải báo cáo các cáo buộc. Các khiếu nại hoặc cáo buộc ẩn danh cũng có thể được gửi và sẽ được xem xét đầy đủ và thích hợp. Chúng tôi nghiêm túc xem xét tất cả các báo cáo về hành vi sai trái có thể xảy ra và sẽ điều tra cũng như thực hiện hành động thích hợp. Chúng tôi sẽ nhiệt tình giới thiệu đến các nhà cung cấp dịch vụ có thể giúp hỗ trợ người đã trải qua vụ việc bị cáo buộc, nếu phù hợp.

**HẬU QUẢ CỦA VIỆC VI PHẠM QUY TẮC ỨNG XỬ VỀ MÔI TRƯỜNG, SỨC KHOẺ VÀ AN TOÀN**

Bất kỳ hành vi vi phạm nào đối với Bộ quy tắc ứng xử EHS này của Nhân sự của Tư vấn đều có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng, dẫn đến và bao gồm cả việc chấm dứt hợp đồng lao động và có thể bị chuyển đến các cơ quan pháp luật.

**DÀNH CHO NHÂN SỰ của TƯ VẤN**

Tôi đã nhận được một bản sao của Bộ quy tắc ứng xử EHS này được viết bằng ngôn ngữ mà tôi hiểu. Tôi hiểu rằng nếu tôi có bất kỳ câu hỏi nào về Bộ quy tắc ứng xử EHS này, tôi có thể liên hệ với [điền tên của (những) người liên hệ của Tư vấn có kinh nghiệm liên quan)] để yêu cầu giải thích.

Tên nhân sự của Tư vấn: [điền tên]

Chữ ký: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày: (ngày tháng năm): \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Chữ ký của đại diện có thẩm quyền của Tư vấn:

Chữ ký: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày: (ngày tháng năm): \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**PHỤ LỤC 3: HƯỚNG DẪN GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ THI CÔNG**

1. **Tổng quan**
2. Chất lượng công trình và hiệu quả hoạt động của nhà thầu là những yếu tố đóng góp quan trọng vào sự thành công của các chương trình công trình ở HP3 vì việc đảm bảo chất lượng của việc xây dựng công trình và thực tiễn công trình sẽ xác định hiệu quả của đầu ra của dự án cũng như hiệu quả lâu dài về mặt chi phí vận hành và bảo trì phải chăng. Tóm lại, các công trình dân dụng được xây dựng theo tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp với mục đích sử dụng sẽ dễ dàng hơn đáng kể.
3. Hướng dẫn sau đây sẽ được nhà thầu và tư vấn giám sát áp dụng trong quá trình thực hiện hợp đồng xây dựng và sẽ là một phần của trọng tâm tăng cường quản lý hợp đồng. Việc quản lý các hợp đồng xây dựng nhằm đảm bảo các công trình được hoàn thành tuân thủ các thông số kỹ thuật, kế hoạch quản lý môi trường và các yêu cầu về an toàn xã hội của khoản đầu tư BIIG-1.
4. Giám sát xây dựng do nhà thầu được tuyển dụng sử dụng hệ thống CMS của ADB đảm nhiệm sử dụng CQS và do ADB tài trợ. Tuy nhiên, nhà thầu đại diện cho PPMU và do đó trách nhiệm giải trình về giám sát xây dựng thuộc về PPMU/IA.
5. Việc cấu trúc hợp đồng giám sát xây dựng sẽ tìm cách khuyến khích (i) sự hiện diện tại tất cả các địa điểm, (ii) kết quả giám sát về mặt báo cáo của tiểu dự án cho PPMU về tiến độ, (iii) hiểu rõ về yêu cầu CEMP và những yêu cầu này như thế nào. giải quyết, (iv) đảm bảo các quy định và yêu cầu của REMDP đã được phê duyệt được áp dụng đầy đủ một cách kịp thời và hiệu quả - bao gồm cả yêu cầu đảm bảo không có công trình nào bắt đầu trước khi thanh toán đầy đủ và cuối cùng tất cả các khoản bồi thường trong một tiểu dự án.
6. Các mốc thanh toán hợp đồng và hóa đơn sẽ chỉ được xử lý nếu có sẵn tất cả các báo cáo, bằng chứng hỗ trợ và tài liệu. Trong trường hợp không phải như vậy, nhà thầu sẽ phải chịu sự chậm trễ đáng kể và chi phí bổ sung sẽ do người tiếp xúc tương ứng chịu.
7. Hướng dẫn này không phải là một hướng dẫn kỹ thuật vì nó giả định rằng tất cả các bên của hợp đồng và nhân viên được giao đảm nhận các nhiệm vụ và nhiệm vụ khác nhau trong quá trình thực hiện đều có đủ trình độ và kinh nghiệm thích hợp để thực hiện trách nhiệm của họ và được đào tạo về các thủ tục và yêu cầu của dự án được trao hợp đồng.
8. Trong trường hợp nhân viên được giao hoặc ký hợp đồng không có đủ trình độ hoặc năng lực, kinh nghiệm hoặc động lực cần thiết, cấp trên có nhiệm vụ cung cấp sự hỗ trợ cần thiết để họ có thể thực hiện nhiệm vụ của mình theo các tiêu chuẩn được yêu cầu tại chi phí riêng hoặc yêu cầu phê duyệt cho sự thay thế của họ.
9. Trong phạm vi các chuyên gia tư vấn thực hiện khoản vay và các cán bộ kỹ thuật của PPMU có kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực công trình (chủ yếu là đường bộ và tài nguyên nước) sẽ giám sát và đánh giá kỹ thuật giám sát công trình xây dựng và kết quả đầu ra của họ. Nhà thầu CS sẽ được yêu cầu cung cấp quyền truy cập đầy đủ và cởi mở cho các nhân viên này hoặc nhân viên LIC bất kỳ lúc nào khi địa điểm mở cửa và hoạt động.
10. Tư vấn giám sát xây dựng trong nước sẽ cố vấn và giám sát kịp thời công việc và hiệu quả hoạt động của Giám sát xây dựng tỉnh. Bất kỳ sự thiếu hụt nào về đầu vào, chất lượng giám sát hoặc báo cáo sẽ được nêu ra với Giám đốc PPMU. Tất cả những vấn đề như vậy sẽ được giao cho hồ sơ dự án và được báo cáo trong cả báo cáo hàng tháng và hàng quý cho ADB.
11. **Các cuộc họp và hồ sơ địa điểm**
12. Tất cả các cuộc họp chính thức giữa dự án và nhà thầu phải được lập thành văn bản và lập biên bản. Các bản sao sẽ được PPMU và nhà thầu lưu giữ.
13. Tất cả các chuyến thăm và kiểm tra địa điểm phải được ghi vào sổ đăng ký địa điểm (sổ ghi chép) và được duy trì tại mọi địa điểm. Hình ảnh, bằng điện thoại di động, cũng phải được chụp ở tất cả các giai đoạn xây dựng, đặc biệt là trong quá trình kiểm tra kỹ thuật bắt buộc và nơi quan sát thấy bất kỳ công trình bị lỗi nào, các vấn đề môi trường hoặc xã hội.
14. Để dễ dàng thực hiện, đại diện của Nhà thầu được chỉ định tham dự các cuộc họp và kiểm tra hiện trường phải được ủy quyền thay mặt nhà thầu đưa ra quyết định về các vấn đề được đưa ra trong cuộc họp và kiểm tra. Tương tự, (các) giám sát viên được phân công phải được ủy quyền để đưa ra các quyết định kịp thời (với sự tham vấn của những người thích hợp nếu cần) về các vấn đề thực hiện hàng ngày.
15. **Cuộc họp trước khi xây dựng**
16. Một cuộc họp trước khi xây dựng sẽ được tổ chức giữa nhà thầu và PPMU để xem xét tất cả các khía cạnh của hợp đồng. Bao gồm:
17. Phạm vi công việc
18. Tiến độ thực hiện
19. Nhân sự được phân công (giám sát nhà thầu và PPMU), vai trò, trách nhiệm và sự phối hợp
20. Lao động và thiết bị - bao gồm địa điểm lán trại, tiếp cận và bảo trì
21. Các điều khoản và kế hoạch về sức khỏe và an toàn
22. Các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn của công trình
23. Kế hoạch Quản lý và Giám sát Môi trường (EMMP)
24. Kế hoạch quản lý rủi ro và hành động phòng ngừa COVID-19 tại hiện trường.
25. Yêu cầu tuân thủ các biện pháp bảo vệ xã hội (REGDF)
26. Các tiêu chuẩn xã hội, hành vi và hành động giới
27. Các yêu cầu về kiểm soát chất lượng và đảm bảo chất lượng (bao gồm kiểm tra bắt buộc, truy xuất nguồn gốc nguyên liệu, thử nghiệm, v.v.)
28. Giám sát và báo cáo tiến độ
29. Các thay đổi của hợp đồng
30. Hoàn thành, vận hành và bàn giao
31. Trách nhiệm pháp lý sai sót
32. Lịch trình thanh toán
33. Quy trình quản lý tranh chấp
34. **Cuộc họp tiền xây dựng trên công trường**
35. Trước khi bắt đầu xây dựng, các cuộc họp với cộng đồng phải được tổ chức để thảo luận về các hoạt động và chương trình thực hiện. Tại thời điểm này, vai trò của nhà thầu, nhân viên dự án và cộng đồng được giải thích. Vai trò của cộng đồng trong việc hỗ trợ giám sát các khía cạnh kỹ thuật, môi trường và an toàn xã hội được xây dựng, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng được đáp ứng vì các tài sản nằm trong cộng đồng và do đó họ chịu trách nhiệm O&M sau khi hoàn thành.
36. Những người tham dự cuộc họp phải bao gồm (ít nhất):
37. Quản lý dự án và quản đốc công trường của nhà thầu
38. (Các) giám sát công trường được phân công
39. Các đại diện khác từ PPMU
40. Lãnh đạo cộng đồng địa phương (nam và nữ)
41. Dân làng - đại diện của cả người hưởng lợi và người bị ảnh hưởng (nam và nữ)
42. Cán bộ LIC cần giải quyết các khía cạnh kỹ thuật, môi trường hoặc an toàn xã hội cụ thể.
43. Các mục sau đây sẽ được thảo luận:
44. Giới thiệu cán bộ thực hiện, trách nhiệm và điều phối

* Nhà thầu và nhân viên của nhà thầu (Đại diện Nhà thầu , Quản lý Dự án, (Các) Giám sát Công trường, nhân công)
* PPMU và (các) giám sát viên được chỉ định
* Liên lạc viên của thôn - do dân làng chỉ định
  + Nhân sự LIC hỗ trợ phát triển chương trình

1. Mô tả công việc và thời gian biểu

* Các công việc được thực hiện với sự chú ý đặc biệt đến tiếp cận địa điểm, lán trại công nhân, máy móc/vật liệu, các nguồn nguyên liệu được đề xuất và các khía cạnh khác có khả năng ảnh hưởng đến làng như sử dụng đường bộ, an toàn công trường, v.v.
  + Tiến độ thời gian thi công và trình tự công việc.

1. Các khía cạnh kỹ thuật, môi trường và an toàn xã hội

* Các tiêu chuẩn kỹ thuật/kiểm soát chất lượng/quy trình đảm bảo chất lượng.
* CEMP
* Các khía cạnh an toàn xã hội liên quan đến việc tuân thủ giải quyết đất đai được xác nhận từ  LARP hoặc DDR.
* Các thủ tục khiếu nại với xác nhận của dân làng rằng họ đã hiểu
* Giám sát và ghi chép tiến độ công trình và việc tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn môi trường và xã hội. Các công việc trên công trường đăng ký được bảo trì và hoàn thành hàng ngày bởi nhân viên và trong tất cả các chuyến thăm/kiểm tra
  + Ghi lại và báo cáo các khiếu nại hoặc các mối quan tâm khác của cá nhân hoặc cộng đồng, bao gồm các thủ tục ghi lại các khiếu nại (bằng lời nói hoặc bằng văn bản) và các yêu cầu họp bảo mật.

1. **Giám sát công trình**
2. Theo BIIG1, vai trò của người giám sát công trường là tối quan trọng vì họ không chỉ phải làm việc liên hệ chặt chẽ với nhà thầu về các khía cạnh kỹ thuật mà còn phải chịu trách nhiệm chung về giám sát hàng ngày đối với các biện pháp bảo vệ môi trường và xã hội áp dụng cho kế hoạch. Điều này sẽ bao gồm việc tự làm quen với phạm vi công việc, điều kiện hợp đồng, đặc điểm kỹ thuật, kế hoạch quản lý môi trường (EMP), các yêu cầu về an toàn xã hội (LARP/DDR) và Kế hoạch hành động về giới (GAP) cho chương trình trước khi bắt đầu các công việc và sau đó liên lạc chặt chẽ với nhà thầu và cộng đồng để kiểm tra và báo cáo việc tuân thủ trong quá trình thực hiện. Danh sách kiểm tra để ghi chép thường xuyên các quan sát hiện trường được đính kèm (Phụ lục 3.1 – 3.4). Người giám sát xây dựng cũng sẽ cần phải hợp tác chặt chẽ với đầu mối của Các biện pháp an toàn xã hội của PPMU trên cơ sở yêu cầu không từ chối.
3. Ngoài giám sát công trường được phân công chịu trách nhiệm giám sát và kiểm tra chất lượng hàng ngày, các công trình sẽ được kiểm tra ít nhất hai lần mỗi tháng bởi một kỹ sư/giám sát cao cấp của PPMU, người sẽ đảm bảo chất lượng. các đánh giá. Các hoạt động kiểm tra này nhằm đảm bảo việc giám sát hàng ngày, báo cáo và theo dõi các vấn đề đang được thực hiện, các tiêu chuẩn kỹ thuật đang được đáp ứng (kiểm tra báo cáo thử nghiệm), các biện pháp bảo vệ môi trường và xã hội đang được tuân thủ và các hành động và giảm thiểu thích hợp đang được thực hiện trong một cách kịp thời. Ngoài ra, việc kiểm tra tại chỗ, các phép đo và kiểm tra số lượng đã ghi sẽ được thực hiện giống như các tài liệu cung cấp và giao hàng nguyên vật liệu. Tất cả các tài liệu được sử dụng tại chỗ phải hợp pháp và do đó yêu cầu truy xuất nguồn gốc và chứng minh nguồn gốc.
4. Các chuyến thăm này phải là sự kết hợp giữa các cuộc kiểm tra không báo trước và có sắp xếp trước với việc kiểm tra viên đi cùng với giám sát hiện trường, đại diện của nhà thầu, người liên lạc của thôn (ít nhất là các chuyến thăm đã được sắp xếp trước) và các đại diện dân làng khác khi cần thiết trong quá trình khảo sát đi bộ. Sổ ghi chép công trường luôn được lưu giữ tại địa điểm dự án trong suốt thời gian thi công do kỹ sư/giám sát cấp cao kiểm tra và ký duyệt. Một chuyến thăm kiểm tra đảm bảo chất lượng nên được lên lịch ngay trước cuộc họp PPMU hàng tháng.
5. **Cuộc họp hàng tháng**
6. PPMU sẽ được thông báo đầy đủ về tiến độ công việc cùng với các quyết định về hành động để giải quyết mọi vấn đề còn tồn tại được đưa ra tại cuộc họp dự án hàng tháng. Trong trường hợp các vấn đề đang có tranh chấp, cả giám sát viên hiện trường dự án và nhà thầu (hoặc đại diện của nhà thầu) đều được tạo cơ hội để trình bày quan điểm của mình. Cuộc họp này cũng là diễn đàn mà tại đó các lệnh thay đổi và biến thể được trình bày và phê chuẩn.
7. Các nội dung cần thảo luận đối với hợp đồng là:

(i) Lịch trình thời gian

* Tiến độ và sửa đổi lịch trình thời gian nếu cần thiết

(ii) Kiểm soát chất lượng và số lượng.

* Kiểm tra các kết quả và tài liệu kiểm tra chất lượng và số lượng
* Phát hiện từ kiểm toán tại chỗ
* Các quan sát chung về quản lý địa điểm và môi trường

(iii) Các vấn đề gặp phải

* Các vấn đề đã báo cáo và các hành động đã thực hiện/chưa được thực hiện
* Các vấn đề quan sát được khác hoặc các vấn đề dân làng nêu ra trong chuyến thăm
* Các hành động cần thực hiện để giải quyết các vấn đề được báo cáo hoặc quan sát được

(iv) Các lệnh thay đổi và các thay đổi trong tháng

* Phê duyệt các thay đổi và đơn đặt hàng biến thể đã được ban hành
* Thảo luận và quyết định về các vấn đề mới hoặc đang chờ xử lý

(v) Thanh toán

* Phê duyệt hồ sơ yêu cầu thanh toán (Các yêu cầu thanh toán do nhà thầu lập theo các tài liệu hỗ trợ được giám sát công trường xác nhận và có xác nhận của kiểm tra viên cao cấp)

Kế hoạch hoạt động công việc trong tháng tới

1. Sử dụng hình ảnh để minh họa các điểm đã thảo luận trong cuộc họp là quan trọng để đảm bảo tất cả những người tham gia đều hiểu rõ ràng.
2. **Thay đổi trong hợp đồng**
3. Lệnh thay đổi được yêu cầu khi có bổ sung hoặc khấu trừ khối lượng công việc, những thay đổi cụ thể về vật liệu hoặc điều chỉnh các biện pháp kỹ thuật làm tăng hoặc giảm tổng giá trị hợp đồng. Trong quá trình xây dựng, tư vấn giám sát hiện trường (tham khảo ý kiến ​​của kỹ sư thiết kế, giám sát cấp cao hoặc cố vấn kỹ thuật của LIC nếu thích hợp) có thể hướng dẫn nhà thầu thực hiện bất kỳ sự thay đổi cần thiết nào về số lượng, chất lượng hoặc hình thức của công trình như mô tả trong thông số kỹ thuật và/hoặc thể hiện trên bản vẽ mà không làm mất hiệu lực của hợp đồng. Hướng dẫn này sẽ được thực hiện bằng văn bản dưới dạng Lệnh thay đổi.
4. Lưu ý: Theo quy định của Chính phủ, Lệnh thay đổi không được phép vượt quá 15% tổng giá trị hợp đồng ban đầu. Một khoản dự phòng tiêu chuẩn là 10% tổng giá trị hợp đồng ban đầu nên được bao gồm trong hợp đồng thuộc BIIG1 có thể được sử dụng cho các Lệnh thay đổi để tạo điều kiện cho việc thay đổi mức này mà không cần phải xin phê duyệt cho ngân sách sửa đổi thường dẫn đến sự chậm trễ.
5. Variations are most commonly applied to increase or decrease of quantities already included Các thay đổi được áp dụng phổ biến nhất để tăng hoặc giảm khối lượng đã có trong Biểu Tiên Lượng. Các PPMU có thể chấp thuận hai mươi phần trăm (20%) tăng hoặc giảm trong một hạng mục công trình mà không cho phép nhà thầu yêu cầu điều chỉnh đơn giá các hạng mục . Người giám sát công trường phải cung cấp lý do cho công việc bổ sung với yêu cầu có xác nhận của kỹ sư/giám sát viên cao cấp. Các nhận xét và khuyến nghị, nếu có, liên quan đến các thay đổi này phải được lưu lại trong hồ sơ hợp đồng.
6. Đối với những thay đổi vượt quá 20% số lượng niêm yết hoặc khi giới thiệu các hạng mục không có trong Biểu tiên lượng, nhà thầu có quyền yêu cầu tăng hoặc giảm đơn giá hợp đồng hiện tại và thương lượng đơn giá cho các hạng mục mới, đối với tất cả các thay đổi, người giám sát công trường phải cung cấp cơ sở cho công việc bổ sung với yêu cầu có xác nhận của kỹ sư/giám sát cao cấp và các nhận xét và khuyến nghị, nếu có, đối với các thay đổi này phải được lưu lại trong hồ sơ hợp đồng.
7. Một bản sao của tất cả thay đổi đã được phê duyệt phải được bao gồm trong hồ sơ hợp đồng tại PPMU. Khi có sự gia tăng trong tổng giá trị hợp đồng, số tiền thay đổi phải được cập nhật vào Sổ đăng ký hợp đồng cấp tỉnh và thông báo cho ADB để điều chỉnh PCSS.
8. **Hệ thống nộp hồ sơ**
9. Một bản sao của các bản vẽ hợp đồng, thông số kỹ thuật và hóa đơn số lượng phải được lưu giữ tại công trường cùng với sổ đăng ký hiện trường (sổ ghi chép) để nhà thầu và giám sát công trường tham khảo. Ngoài ra, các bản sao của danh sách kiểm tra kỹ thuật, môi trường và an toàn xã hội phải được hoàn thành tại hiện trường trong quá trình kiểm tra. Sau khi hoàn thành kiểm tra, các bản sao kỹ thuật số phải được tạo thành các biểu mẫu địa điểm đã hoàn thành và được kỹ sư/giám sát cấp cao gửi đến PPMU để xem xét trước khi nộp vào hồ sơ hợp đồng chính được lưu giữ tại văn phòng dự án.
10. Cấu trúc hồ sơ sau đây được khuyến nghị:

Các tài liệu hợp đồng

(ii) Thư chấp nhận, Thỏa thuận hợp đồng, Bảo lãnh của Ngân hàng, Kế hoạch làm việc của Nhà thầu, v.v.

(iii) Chứng từ thanh toán

* Yêu cầu thanh toán và chứng chỉ thanh toán
* Biểu mẫu kiểm tra bàn giao, biểu mẫu kiểm tra trách nhiệm khuyết tật
* Thư từ đến và đi từ nhà thầu
* Biên bản cuộc họp

(iv) Kết quả thử nghiệm vật liệu

(v) Hồ sơ địa điểm (bản sao sổ đăng ký và danh sách kiểm tra)

(vi) Hình ảnh

1. **Giám sát hoàn thành công trình**
2. Nhà thầu phải thông báo bằng văn bản cho PPMU khi công trình xây dựng hoàn thành và tiểu dự án sẵn sàng đưa vào vận hành. Trong vòng bảy ngày theo lịch kể từ ngày nhận được thông báo, PPMU sẽ sắp xếp một cuộc “kiểm tra hoàn thành công trình theo hợp đồng” với sự tham gia của nhà thầu, giám sát công trường và các chuyên gia kỹ thuật phù hợp (như kỹ sư dân dụng, cầu đường, v.v.) nếu cần. Đại diện thôn cũng sẽ được mời đi cùng đoàn kiểm tra.
3. Việc kiểm tra này sẽ bao gồm:
4. Kiểm tra trực quan công trình, và
5. (Kiểm tra các tài liệu hỗ trợ (đăng ký địa điểm, báo cáo thử nghiệm, báo cáo xác minh vật liệu,...) đã nộp để xác nhận rằng công trình đáp ứng các yêu cầu của hợp đồng.
6. Bất kỳ công trình nào được phát hiện là nổi bật, các khu vực mà các công trình bổ sung được coi là cần thiết và/hoặc bất kỳ khiếm khuyết nào được xác định phải được lưu ý.
7. Nếu BQLDA tỉnh bố trí đoàn kiểm tra và nhà thầu đồng ý rằng công trình đã hoàn thành (lưu ý các công việc nhỏ đang chờ xử lý hoặc bổ sung) và không có lý do gì để ngăn cản việc sử dụng cơ sở hạ tầng đúng mục đích thì đoàn kiểm tra của PPIT sẽ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành công trình theo hợp đồng. Thời hạn trách nhiệm đối với các khuyết tật (thường là 12 tháng) sẽ bắt đầu kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận này. Danh sách các công việc còn tồn tại phải hoàn thành trong thời gian chịu trách nhiệm khuyết tật được thoả thuận với nhà thầu. Trong thời gian chịu trách nhiệm về khiếm khuyết, Nhà thầu cũng phải chịu trách nhiệm bảo trì các công trình và do đó, một lịch trình bảo trì cũng cần được thống nhất.
8. Ở giai đoạn này, thông thường, có tới 80 đến 90% việc thanh toán Số tiền Hợp đồng được thực hiện cho nhà thầu, tùy thuộc vào tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong Hợp đồng.
9. **Vận hành thử**
10. Trong thời gian trách nhiệm về khuyết tật và trước khi nghiệm thu cuối cùng (và thanh toán cuối cùng), cơ sở hạ tầng phải được vận hành thử. Do đó, các thử nghiệm vận hành phải được thực hiện đối với các tiểu dự án tài nguyên nước để kiểm tra áp suất tốc độ giao hàng và các vấn đề liên quan. KHÔNG chấp nhận thử nghiệm trong mùa mưa dựa trên mô phỏng hoạt động trong mùa mưa.
11. Việc vận hành thử phải được tổ chức bởi nhà thầu với sự hỗ trợ của cán bộ Ban QLDA và trong trường hợp có 2 hộ sử dụng nước đầu ra. PPMU phải chuẩn bị một lịch trình phù hợp để theo dõi và thông báo trước cho người sử dụng tham gia chứng kiến ​​sự kiện. Thử nghiệm phải có thời lượng đủ để xác định bất kỳ vấn đề nào về cơ sở hạ tầng và/hoặc quản lý. Mọi vấn đề được xác định phải được ghi lại rõ ràng, các biện pháp khắc phục được xác định và giải quyết thích hợp bởi nhà thầu (nếu được coi là trách nhiệm của mình) hoặc bởi PPMU (nếu được coi là trách nhiệm của dự án). Trong cả hai trường hợp, Chứng chỉ Hoàn thành Cuối cùng (và khoản thanh toán cuối cùng) chỉ có thể được cấp sau khi tất cả các khiếm khuyết được sửa chữa và chương trình được vận hành.
12. Điều quan trọng cần lưu ý là theo BIIG1, việc nghiệm thu cuối cùng và thanh toán hợp đồng cuối cùng chỉ được thực hiện sau khi cơ sở hạ tầng được chứng minh là hoạt động đầy đủ với tất cả người dùng nước có thể nhận nước theo thiết kế đã được phê duyệt.
13. **Kiểm tra cuối cùng**
14. Việc kiểm tra cuối cùng này được thực hiện vào cuối giai đoạn trách nhiệm pháp lý khuyết tật sau khi tất cả các khuyết tật đã được Nhà thầu báo cáo là đã khắc phục và việc chạy thử hoàn thành. Đối với việc kiểm tra hoàn thành công trình theo hợp đồng, trong vòng bảy ngày theo lịch kể từ ngày nhận được thông báo, BQLDA sẽ bố trí kiểm tra lần cuối với sự tham gia của nhà thầu, giám sát công trường và các chuyên gia kỹ thuật phù hợp (như kỹ sư dân dụng, cầu đường, v.v.) khi cần thiết. Đại diện thôn cũng sẽ được mời đi cùng đoàn kiểm tra.
15. Việc kiểm tra này sẽ tiến hành kiểm tra trực quan toàn bộ các công trình đã được sửa chữa, và kiểm tra lại các tài liệu hỗ trợ đã nộp để xác nhận rằng các công trình đáp ứng các yêu cầu của hợp đồng.
16. Nếu đoàn kiểm tra của PPMU và nhà thầu đồng ý rằng công trình đã hoàn thành và trong trường hợp công trình thủy lợi đó đã đi vào hoạt động hoàn toàn, thì đoàn kiểm tra của PPMU sẽ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành cuối cùng. Ở giai đoạn này, số tiền còn lại trong hợp đồng và bất kỳ khoản tiền lưu giữ nào sẽ được thanh toán và cơ sở hạ tầng được bàn giao cho cơ quan hoặc tổ chức chịu trách nhiệm về việc vận hành và bảo dưỡng đang diễn ra của nó.
17. **Bàn giao tiểu dự án**
18. Sau khi Giấy chứng nhận hoàn thành cuối cùng được cấp, trách nhiệm vận hành và bảo dưỡng cơ sở hạ tầng thủy lợi và liên kết được xây dựng trong tiểu dự án được chính thức “bàn giao” cho các cơ quan hoặc đơn vị tương ứng. Ở giai đoạn này, một buổi lễ sẽ được tiến hành để chính thức hóa sự kiện.
19. Tuy nhiên, quá trình “bàn giao” thực sự bắt đầu sớm hơn 12 tháng sau khi việc xây dựng hoàn thành và chương trình có thể đi vào hoạt động. Quá trình này tiếp tục diễn ra trong giai đoạn vận hành khi những người sử dụng nước tham gia thử nghiệm và đến cuối năm đầu tiên, họ sẽ quan sát và làm quen với hoạt động của nó. Trong năm nay, thực thể nhận tương ứng sẽ được xác nhận.

### Phụ lục 3.1: Sổ nhật ký công trường (Sổ ghi):

Sổ **nhật ký** trên công trườnglà một cuốn sổ A4 có đánh số trang và được lưu giữ trên công trường cùng với bản vẽ thi công, thông số kỹ thuật hợp đồng, Biểu tiên lượng và các tài liệu công trường khác. Nó được sử dụng để:

* Ghi chép hàng ngày về tiến độ công việc, bao gồm công việc đã hoàn thành, số nhân công làm việc trên công trường (nam/nữ) và các vật liệu được sử dụng. Được quản đốc ký xác nhận mỗi ngày, và
* Hồ sơ về mỗi lần kiểm tra của (các) Giám sát viên cấp huyện/tỉnh được phân công và những người khác có liên quan đến việc kiểm tra/giám sát xây dựng.

Đối với mỗi lần kiểm tra, (các) trang gốc phải được giữ lại trong sổ nhật ký cùng với một bản sao (hoặc c/c hoặc điện tử) để khách /người báo cáo có thể lấy để sử dụng. Nhật ký sẽ được Nhà thầu bàn giao cho Kỹ sư theo Hợp đồng (PPMU) khi Hoàn thành Công việc Hợp đồng.

**Lưu ý:**Bản sao của báo cáo giám sát sẽ được người báo cáo giữ lại cùng với một bản sao khác được cung cấp cho người giám sát hiện trường (nếu người đó không phải là người báo cáo) cộng với một bản khác được cung cấp cho PPIT. Khi cần có các thay đổi hoặc sử dụng quỹ dự phòng, báo cáo phải được gửi ngay cho Kỹ sư ký Hợp đồng (PPMU) cho NOC.

**Chủ đề/Tiêu đề cho Báo cáo Giám sát:**

**1. Ngày và thời gian kiểm tra**

**2. Người tham gia kiểm tra**

* **Tên, chức vụ và số điện thoại**.

**3. Mục đích của chuyến thăm/kiểm tra**

Đặc biệt để kiểm tra xây dựng/cơ sở hạ tầng - hạng mục/giai đoạn xây dựng cụ thể (Lưu ý rằng đó có phải là kiểm tra bắt buộc tức là điều kiện để thanh toán hay không), hoặc cuộc viếng thăm chung chung đến làng bản để tuần tra, hoặc hoạt động khác, v.v.

**4. Quan sát Cơ sở hạ tầng công trình**

* Các hoạt động được báo cáo là đã hoàn thành/đang tiến hành kể từ lần kiểm tra cuối cùng (kiểm tra hồ sơ trước đó)
* Các hoạt động/hạng mục được thanh tra/kiểm tra
* Chất lượng của các hoạt động đã thực hiện/các thiếu sót được tìm thấy.
* Chất lượng của các hạng mục/vật liệu được sử dụng, tuân thủ các thông số kỹ thuật, tài liệu,
* Các giám sát chung về hiện trường bao gồm nhân viên của nhà thầu (nam/nữ), an toàn, v.v.
* Tuân thủ các Kế hoạch Quản lý và Giám sát Môi trường (sử dụng danh sách kiểm tra được cung cấp)
* Tuân thủ Kế hoạch quản lý rủi ro và phòng chống COVID-19 tại công trường.
* Tuân thủ các yêu cầu về An toàn xã hội (sử dụng danh sách kiểm tra được cấp).

**5. Thảo luận và thỏa thuận**

* Các điểm kỹ thuật thảo luận/khuyến nghị/hướng dẫn được thực hiện bằng lời nói trên hiện trường
* Các thỏa thuận đã đạt được/các thay đổi hoặc sử dụng các khoản dự phòng bắt buộc.
* Các hoạt động/công trình được chấp thuận (đặc biệt là các hạng mục bắt buộc).
* Đưa ra các thảo luận/khuyến nghị/hướng dẫn về môi trường.
* Đưa ra các thảo luận/khuyến nghị/hướng dẫn về các khía cạnh về an toàn xã hội.
* Ảnh hiện trường - về cái gì và chụp bởi ai.

**6. Các hạng mục công việc tiếp theo**

* Danh sách các hạng mục/ hành động tiếp theo, bởi ai và khi nào

(Lưu ý: Phải có chi tiết cụ thể về bất kỳ thay đổi hợp đồng nào/sử dụng các khoản dự phòng)

**7. Chữ ký**

* Giám sát hiện trường cấp huyện/tỉnh hoặc khách đến thăm công trường (người chuẩn bị báo cáo), và
* Đại diện trên công trường của nhà thầu.

### Phụ lục 3.2: Giám sát kỹ thuật - Các ví dụ cụ thể

Được sử dụng trong giai đoạn thi công tiểu dự án

Tên Tiểu dự án:

Địa điểm:

| **Giám sát kỹ thuật giai đoạn thi công – Giám sát *(cung cấp thông tin chi tiết)*** | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | **Vị trí và ngày tháng** | | | | | | | |
| **TT** | **Hoạt động kiểm tra** | **L:** |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **D:** |  |  |  |  |  |  |  |
| I | **Công việc chính** | | | | | | | | |
| 1 | Tiến độ kể từ lần giám sát cuối cùng  (% đã hoàn thành) |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Nền móng:  - Độ sâu  - Đất  *(kiểm tra/phê duyệt bắt buộc trước khi thực hiện công tác thép/bê tông)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Cốt thép:  - Kích thước  - Khối lượng  - Gia cố  *(kiểm tra/phê duyệt bắt buộc trước khi thi công bê tông)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Bê tông  - Ván khuôn  - Xi măng  - Cốt liệu  - Cát  - Chất lượng (kiểm tra?)  *(kiểm tra/phê duyệt bắt buộc ở giai đoạn đầu của cơ sở hạ tầng)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Đường ống  - Kích thước  - Chất lượng   * - Lắp đặt |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Quan sát khác:  - Kè  - Đầm nén  - Đá/ Đá hộc  *(Ghi chú các mục cần chú ý đặc biệt)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| II | **Kênh mương** | | | | | | | | |
| 1 | Tiến độ kể từ lần giám sát cuối cùng  *(% đã hoàn thành)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Đào đắp/Nền móng  - Độ sâu  - Đất  - Độ dốc (RL)  *(kiểm tra/phê duyệt bắt buộc trước khi thực hiện công tác thép/bê tông)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Kè:  - Đầm nén  - Độ dốc  - Đá/ đá hộc  *(Ghi chú các mục cần chú ý đặc biệt)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Gia cố thép  - Kích thước  - Số lượng  - Gia cố  *(kiểm tra/phê duyệt bắt buộc trước khi thi công bê tông)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Bê tông  - Ván khuôn  - Xi măng  - Cốt liệu  - Cát  - Chất lượng (kiểm tra?)  *(kiểm tra/phê duyệt bắt buộc ở giai đoạn đầu xây dựng)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Kết cấu/Đường ống  - Địa điểm  - Kích thước  - Chất lượng  - Lắp đặt (RL) |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Quan sát tổng thể hiện trường:  *(Ghi chú các mục cần chú ý đặc biệt)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| III | **Đường giao thông** | | | | | | | | |
| 1 | Tiến độ kể từ lần kiểm tra cuối cùng  *(% đã hoàn thành)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Đào đắp/Nền móng  - Độ sâu  - Đất  - Độ dốc (RL)  *(kiểm tra/phê duyệt bắt buộc trước khi lấp/ đặt bề mặt)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Móng/mặt đường:  - Đầm nén  - Độ sâu  - Độ dốc  *(Ghi chú các mục cần chú ý đặc biệt)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Cống  - Vị trí  - Kích thước  - Chất lượng  - Lắp đặt (RL)  (*kiểm tra/phê duyệt bắt buộc trước khi đặt ống/công tác bê tông)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Cống bên đường  - Độ sâu  - Đất  - Độ dốc (RL)  - Bảo vệ  *(bắt buộc kiểm tra đào/phê duyệt trước khi bảo vệ)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Quan sát tổng thể hiện trường:  *(Ghi chú các mục cần chú ý đặc biệt* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| IV | **VKT như cầu, tòa nhà** | | | | | | | | |
| 1 | Tiến độ kể từ lần kiểm tra cuối cùng  *(% tổng thể đã hoàn thành)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Nền móng  - Độ sâu  - Đất  *(kiểm tra/phê duyệt bắt buộc trước khi đặt thép/bê tông)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Gia cố thép  - Kích thước  - Số lượng  - lắp đặt  *(kiểm tra/phê duyệt bắt buộc trước khi thi công bê tông)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Bê tông  - Ván khuôn  - Xi măng  - Cốt liệu  - Cát  - Chất lượng (kiểm tra?)  *(kiểm tra/phê duyệt bắt buộc ở giai đoạn đầu của cơ sở hạ tầng)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Kết cấu thép  - Kích thước  - Cài đặt  - Chống ăn mòn   * - Khác |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Ốp trát  - Chất lượng   * Lắp đặt |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Giám sát khác:  - Công tác đất  - Đá/ đá hộc  - Đường ống  - Quản lý hiện trường  *(Ghi chú các mục cần chú ý đặc biệt)* |  |  |  |  |  |  |  |  |

### Phụ lục 3.3: Mẫu Giám sát Môi trường

Được sử dụng trong giai đoạn xây dựng tiểu dự án

Tên Tiểu dự án:

Tên làng:

| **Quản lý và Giám sát Môi trường trong Giai đoạn Xây dựng – Giám sát *(cung cấp thông tin chi tiết)*** | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tác động tiềm tàng** | **Ngày** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Giải phóng phù sa vào dòng nước từ quá trình đào đắp |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Phá hoại môi trường dưới mọi hình thức do nhà thầu không hiểu rõ các yêu cầu của tiểu dự án |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Phát quang thảm thực vật dẫn đến việc loại bỏ cây cối và các loại cây khác một cách không cần thiết. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Đóng cửa tạm thời hệ thống thủy lợi trong quá trình thi công. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Đổ thải đất từ ​​các hố đào như kênh mương thủy lợi. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Phát tán bụi vào khí quyển từ các hoạt động đào đắp và các hoạt động xây dựng khác. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Giải phóng các khí độc hại vào bầu khí quyển. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Tiếng ồn từ các hoạt động xây dựng. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Việc sử dụng đất tạm thời để xây dựng ảnh hưởng đến sinh kế hoặc khiến nó bị hư hại. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | Dòng lao động tạm thời làm gián đoạn cộng đồng địa phương. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | Hoạt động của máy móc xây dựng ảnh hưởng đến công nhân lao động và địa phương. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 | Ô nhiễm bởi hydrocacbon từ nhà máy xây dựng. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 13 | Ô nhiễm từ nước thải xây dựng, từ lán trại và các địa điểm xây dựng khác. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 14 | Ô nhiễm từ vật liệu chất thải rắn. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 15 | Thương tật cho người lao động và những người khác. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 16 | Làm gián đoạn địa điểm văn hóa. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 17 | Những người dùng tiếp theo có thể không hiểu đầy đủ về cách quản lý hoạt động của tiểu dự án. |  |  |  |  |  |  |  |  |

### Phụ lục 3.4: Mẫu danh mục giám sát xã hội

Được sử dụng trong giai đoạn xây dựng tiểu dự án

Tên Tiểu dự án:

Tên làng:

|  | **Mục** | **Kết quả kiểm tra/giám sát** | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Ngày** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **I** | **Tham vấn cộng đồng và Công bố thông tin** | | | | | | | | |
| 1 | Các thủ tục khiếu nại được giải thích/xác nhận với người dân bằng ngôn ngữ địa phương bắt buộc  *(Số nam/nữ/DTTS)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Họp/tham vấn cộng đồng về tác động đối với tài sản cộng đồng như đất đai, đường đi, cây cối, hoa màu, v.v. bằng ngôn ngữ địa phương bắt buộc *(Số nam/nữ/DTTS và chi tiết thảo luận)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Người lao động biết về các thủ tục khiếu nại và có thông tin liên lạc của các cán bộ khiếu nại có liên quan và liên hệ với họ để giúp những người bị ảnh hưởng |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Chi tiết liên hệ về quy trình khiếu nại được liệt kê trên bảng thông tin tiểu dự án |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Số lượng các trường hợp khiếu nại, bằng lời nói hoặc bằng văn bản, được ghi lại và báo cáo cho PRC và PPIT *(phân tách theo giới tính và dân tộc)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Việc làm** | | | | | | | | |
| 1 | Nhà thầu tuân theo Luật Lao động (2013)  *(Điều 101).*Không cho phép sử dụng lao động trẻ em |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Ưu tiên lao động địa phương làm việc với AP, IP/EG và các hộ nghèo . Cơ hội bình đẳng cho cả nam và nữ. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Có hợp đồng lao động giữa Nhà thầu/cộng đồng hoặc người lao động |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Nam giới/nữ giới nhận lương ngang nhau cho công việc như nhau |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Tất cả công nhận đã được đào tạo về an toàn lao động và được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động *(quần áo, găng tay, kính, ủng, mũ bảo hiểm)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Nơi làm việc có nhạy cảm về giới tính (*nhà vệ sinh* *riêng cho nam và nữ*) |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Tất cả công nhân được đào tạo về HIV/AIDS và buôn bán người |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Thu hồi đất và tái định cư** | | | | | | | | |
| 1 | Tất cả các hoạt động được thực hiện trên đất tư, thỏa thuận trước (giải phóng mặt bằng tạm thời tự nguyện)/đền bù (thu hồi đất vĩnh viễn) với chủ sở hữu đất *(ví dụ: lán trại, mỏ đất, đường công vụ, v.v.)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Thông báo về công trình sẽ được đưa ra 2 tháng trước khi thi công cho cộng đồng và các hộ bị ảnh hưởng |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Kế hoạch làm việc và bất kỳ tác động nào đến các hộ gia đình và các hoạt động cộng đồng sẽ được tham vấn và thống nhất với các hộ gia đình và cộng đồng |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Mất khả năng tiếp cận hộ gia đình, tài nguyên thiên nhiên hoặc cơ sở vật chất cộng đồng sẽ được giảm thiểu khi tham vấn và thỏa thuận với các hộ, với việc tiếp cận thay thế được tạo điều kiện khi có thể |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Văn hóa xã hội và an ninh** | | | | | | | | |
| 1 | Tôn trọng các quy tắc, văn hóa cộng đồng ( *ví dụ: tín ngưỡng truyền thống, địa điểm tâm linh, v.v.)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Trường hợp di dời mồ mả, tổ chức lễ cải táng |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Bất kỳ vấn đề/xung đột nào giữa cán bộ, công nhân của Nhà thầu với cộng đồng? *(ví dụ: trộm cắp, bạo lực, rượu bia, ma túy, mại dâm, v.v.)* |  |  |  |  |  |  |  |  |

# PHẦN 8. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ CÁC MẪU HỢP ĐỒNG

###### Dựa trên thời gianMẫu hợp đồng

**MẪU HỢP ĐỒNG TƯ VẤN CHUẨN  
ĐƠN GIẢN**

**DỊCH VỤ TƯ VẤN**

# THEO THỜI GIAN

**Mục lục**

[Phần 1. Thư mời 1](#_Toc142380243)

[1. Định nghĩa 1](#_Toc142380244)

[2. Giới thiệu 2](#_Toc142380245)

[3. Các xung đột lợi ích 3](#_Toc142380246)

[4. Lợi thế cạnh tranh không lành mạnh 4](#_Toc142380247)

[5. Hành vi Tham nhũng và Gian lận 4](#_Toc142380248)

[6. Tư cách hợp lệ 4](#_Toc142380249)

[B. Chuẩn bị cho bản đề xuất 6](#_Toc142380250)

[7. Cân nhắc chung 6](#_Toc142380251)

[8. Chi phí Chuẩn bị Đề xuất 6](#_Toc142380252)

[9. Ngôn ngữ 6](#_Toc142380253)

[10. Các Tài liệu cấu thành bản đề xuất 6](#_Toc142380254)

[11. Đề xuất duy nhất 6](#_Toc142380255)

[12. Hiệu lực của Đề xuất 7](#_Toc142380256)

[13. Làm rõ và sửa đổi RFP 7](#_Toc142380257)

[14. Chuẩn bị cho bản đề xuất – Cân nhắc Cụ thể 8](#_Toc142380258)

[15. Định dạng và Nội dung Đề xuất Kỹ thuật 9](#_Toc142380259)

[16. Đề xuất tài chính 9](#_Toc142380260)

[C. Nộp, Mở và Đánh giá 10](#_Toc142380261)

[17. Nộp, niêm phong và đánh dấu các Đề xuất 10](#_Toc142380262)

[18. Bảo mật 11](#_Toc142380263)

[19. Mở Đề xuất Kỹ thuật 11](#_Toc142380264)

[20. Đánh giá Đề xuất 11](#_Toc142380265)

[21. Đánh giá Đề xuất Kỹ thuật 12](#_Toc142380266)

[22. Đề xuất Tài chính cho Lựa chọn Dựa trên Chất lượng 12](#_Toc142380267)

[23. Mở công khai các Đề xuất Tài chinh cho Lựa chọn dựa trên chất lượng và chi phí (QCBS), lựa chọn theo ngân sách cố định (FBS), và lựa chọn theo phương pháp chi phí thấp nhất (LCS) 13](#_Toc142380268)

[24. Sửa lỗi 13](#_Toc142380269)

[25. Thuế 14](#_Toc142380270)

[26. Chuyển đổi sang tiền tệ duy nhất 14](#_Toc142380271)

[Phần 3. Đề xuất Kỹ thuật – Mẫu chuẩn 1](#_Toc142380272)

[Nếu câu trả lời cho bất kỳ tuyên bố nào ở trên là KHÔNG, vui lòng cung cấp thông tin chi tiết: 15](#_Toc142380273)

[Phần 4. Đề xuất tài chính - Mẫu chuẩn 17](#_Toc142380274)

[Phần 5. Các quốc gia hợp lệ 27](#_Toc142380275)

[1. Các quốc gia trong khu vực 27](#_Toc142380276)

[2. Các quốc gia thành viên ngoài khu vực 28](#_Toc142380277)

[Phần 6. Chính sách của Ngân hàng – Các hành vi tham nhũng và gian lận 1](#_Toc142380278)

[Phần 7. Các điều khoản Tham chiếu 4](#_Toc142380279)

[Phần 8. Điều kiện hợp đồng và các Mẫu hợp đồng 1](#_Toc142380280)

[Theo thời gian 3](#_Toc142380281)

[Lời nói đầu 9](#_Toc142380282)

[I. Mẫu hợp đồng 11](#_Toc142380283)

[II. Điều kiện chung của Hợp đồng 15](#_Toc142380284)

[A. Điều kiện chung của hợp đồng 15](#_Toc142380285)

[1. Định nghĩa 15](#_Toc142380286)

[2. Quan hệ giữa các bên 16](#_Toc142380287)

[3. Luật chi phối 16](#_Toc142380288)

[4. Ngôn ngữ 16](#_Toc142380289)

[5. Tiêu đề 16](#_Toc142380290)

[6. Thông tin liên lạc 16](#_Toc142380291)

[7. Địa điểm 17](#_Toc142380292)

[8. Ủy quyền cho người chịu trách nhiệm 17](#_Toc142380293)

[9. Đại diện được ủy quyền 17](#_Toc142380294)

[10. Các hành vi tham nhũng và gian lận 17](#_Toc142380295)

[B. Thực hiện, hoàn thành, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng 17](#_Toc142380296)

[11. Hiệu lực của Hợp đồng 17](#_Toc142380297)

[12. Chấm dứt hợp đồng trước khi có hiệu lực 17](#_Toc142380298)

[13. Thực hiện dịch vụ 18](#_Toc142380299)

[14. Hết hạn hợp đồng 18](#_Toc142380300)

[15. Thỏa thuận chung 18](#_Toc142380301)

[16. Sửa đổi hợp đồng 18](#_Toc142380302)

[17. Bất khả kháng 18](#_Toc142380303)

[18. Đình chỉ 19](#_Toc142380304)

[19. Chấm dứt 19](#_Toc142380305)

[C. Nghĩa vụ của tư vấn 21](#_Toc142380306)

[20. Yêu cầu chung 21](#_Toc142380307)

[21. Xung đột lợi ích 22](#_Toc142380308)

[22. Bảo mật 23](#_Toc142380309)

[23. Trách nhiệm của tư vấn 23](#_Toc142380310)

[24. Bảo hiểm do Tư vấn mua 23](#_Toc142380311)

[25. Kế toán, thanh tra và kiểm toán 24](#_Toc142380312)

[26. Nghĩa vụ báo cáo 24](#_Toc142380313)

[27. Quyền sở hữu của Khách hàng trong Báo cáo và Hồ sơ 24](#_Toc142380314)

[28. Thiết bị, phương tiện và vật liệu 24](#_Toc142380315)

[D. Chuyên gia tư vấn và tư vấn phụ 25](#_Toc142380316)

[29. Mô tả nhiệm vụ của Chuyên gia Chủ chốt 25](#_Toc142380317)

[30. Thay thế Chuyên gia Chủ chốt 26](#_Toc142380318)

[31. Chấp thuận bổ sung chuyên gia chủ chốt 26](#_Toc142380319)

[32. Loại bỏ chuyên gia hoặc tư vấn phụ 26](#_Toc142380320)

[33. Thay thế/Sa thải các chuyên gia - Tác động đến Thanh toán 26](#_Toc142380321)

[34. Giờ làm việc, làm thêm giờ, nghỉ phép, v.v. 27](#_Toc142380322)

[E. Nghĩa vụ của chủ đầu tư 27](#_Toc142380323)

[35. Hỗ trợ và miễn trừ 27](#_Toc142380324)

[36. Tiếp cận khu vực dự án 28](#_Toc142380325)

[37. Thay đổi Luật áp dụng liên quan đến Thuế và nghĩa vụ 28](#_Toc142380326)

[38. Dịch vụ, tiện nghi và tài sản của Khách hàng 28](#_Toc142380327)

[39. Nhân sự đối tác 28](#_Toc142380328)

[40. Nghĩa vụ thanh toán của Khách hàng 29](#_Toc142380329)

[F. Thanh toán cho Tư vấn 29](#_Toc142380330)

[41. Giá trần 29](#_Toc142380331)

[42. Thù lao và các chi phí khác, tổng tạm tính và dự phòng 29](#_Toc142380332)

[43. Thuế và lệ phí 29](#_Toc142380333)

[44. Đồng tiền thanh toán 30](#_Toc142380334)

[45. Phương thức thanh toán 30](#_Toc142380335)

[46. Lãi suất cho các khoản thanh toán chậm 31](#_Toc142380336)

[G. Công bằng và thiện chí 31](#_Toc142380337)

[47. Thiện chí 31](#_Toc142380338)

[H. Giải quyết tranh chấp 31](#_Toc142380339)

[48. Hòa giải tranh chấp 31](#_Toc142380340)

[49. Giải quyết tranh chấp 31](#_Toc142380341)

[I. Tư cách hợp lệ 32](#_Toc142380342)

[50. Tư cách hợp lệ 32](#_Toc142380343)

[Tài liệu đính kèm 1: Chính sách của Ngân hàng – Các hành vi Tham nhũng và Gian lận 33](#_Toc142380344)

[III. Điều kiện Chi tiết của Hợp đồng 36](#_Toc142380345)

[IV. Phụ lục 47](#_Toc142380346)

[PHỤ LỤC A: ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU 47](#_Toc142380347)

[PHỤ LỤC B: CHUYÊN GIA CHỦ CHỐT 47](#_Toc142380348)

[PHỤ LỤC C: GIÁ HỢP ĐỒNG 47](#_Toc142380349)

[PHỤ LỤC D: CHI PHÍ KHÁC VÀ CHI PHÍ TẠM TÍNH 49](#_Toc142380350)

[PHỤ LỤC E: MẪU BẢO LÃNH TẠM ỨNG 50](#_Toc142380351)

[PHỤ LỤC F (Tùy chọn): TỔNG HỢP ĐỒNG 52](#_Toc142380352)

# LỜI NÓI ĐẦU

1. Mẫu hợp đồng tiêu chuẩn bao gồm bốn phần: Mẫu hợp đồng được ký bởi Khách hàng và Tư vấn, Các điều kiện chung của Hợp đồng (GCC), bao gồm Bản đính kèm 1 (Chính sách chống tham nhũng); các điều kiện đặc biệt của hợp đồng (SCC); và các Phụ lục.
2. Các điều kiện chung của hợp đồng, bao gồm Bản đính kèm 1, sẽ không được sửa đổi. Các điều kiện đặc biệt của Hợp đồng sẽ bao gồm các điều khoản cụ thể cho từng Hợp đồng có ý định bổ sung, nhưng không được viết quá mức hoặc mâu thuẫn với các Điều kiện chung.

**HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN**

**Theo thời gian**

**Tên dự án: Dự án hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc**

*[****Khoản vay/Trợ cấp/Tài trợ] Số 3633***

**Hợp đồng số** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

***Tư vấn giám sát thi công công trình thuộc Hợp phần 3 tại tỉnh Lạng Sơn***

**giữa**

**Ban Quản lý dự án Hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp Hợp phần 3**

**và**

*[***Tên tư vấn***]*

**Ngày:**

# MẪU HỢP ĐỒNG

**THEO THỜI GIAN**

HỢP ĐỒNG này (sau đây gọi là “Hợp đồng”) được lập được lập ngày … tháng … năm …, giữa một bên là [*tên của Khách hàng hoặc Người nhận hoặc Người thụ hưởng*] (sau đây gọi là “*Khách hàng”*, và bên còn lại là [*tên của tư vấn*] (sau đây gọi là “Tư vấn”).

[***Lưu ý:*** *Nếu Tư vấn bao gồm nhiều hơn một thực thể, đoạn trước đó cần được sửa đổi một phần để đọc như sau*: ….(sau đây gọi là “*Khách hàng”*) và bên còn lại là Liên danh (tên của Liên danh) bao gồm các thành viên sau đây, mỗi thành viên sẽ chịu trách nhiệm chung và riêng đối với Khách hàngđối với tất cả các nghĩa vụ của Tư vấn theo Hợp đồng này, cụ thể là [*tên thành viên*] và [*tên thành viên*] (sau đây gọi là “Tư vấn”)].

XÉT RẰNG

(a) Khách hàng đã yêu cầu Tư vấn cung cấp một dịch vụ tư vấn nhất định như được xác định trong Hợp đồng này (sau đây gọi là “Dịch vụ”);

(b) Tư vấn, đã tuyên bố với Khách hàng rằng họ có các kỹ năng, chuyên môn và tài nguyên kỹ thuật cần thiết, đã đồng ý cung cấp Dịch vụ theo các điều khoản và điều kiện được quy định trong Hợp đồng này; và

(c) Khách hàng đã nhận được [hoặc đã nộp đơn đề nghị] một khoản vay [hoặc cấp hoặc tài trợ] từ Ngân hàng Phát triển Châu Á: đối với chi phí Dịch vụ và dự định sẽ sử dụng một phần số tiền thu được từ khoản tiền [cho vay/cấp/tài trợ] này để chi trả hợp lý cho các khoản thanh toán theo Hợp đồng này, được hiểu rằng (i) các khoản thanh toán của Ngân hàng sẽ chỉ được thực hiện theo yêu cầu của Khách hàng và được Ngân hàng chấp thuận; (ii) các khoản thanh toán đó sẽ tuân theo các điều khoản và điều kiện của thỏa thuận [cho vay/cấp/tài trợ], bao gồm cấm rút tiền từ tài khoản [cho vay/cấp/tài trợ] cho mục đích thanh toán cho người hoặc tổ chức, hoặc đối với bất kỳ hoạt động nhập khẩu hàng hóa nào, nếu thanh toán hoặc nhập khẩu đó, theo hiểu biết của Ngân hàng, đều bị cấm theo quyết định của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc được đưa ra theo Chương VII của Hiến chương Liên Hợp Quốc]; và (iii) không bên nào khác ngoài Khách hàng có được bất kỳ quyền nào từ thỏa thuận [cho vay/cấp/tài trợ] hoặc có bất kỳ yêu cầu nào đối với khoản vay [cho vay/cấp/tài trợ];

CHỦ ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN (gọi tắt là “Các bên”) THỎA THUẬN NHƯ SAU:

1. Các tài liệu đính kèm sau đây sẽ được coi là một phần không thể thiếu của Hợp đồng này:

(a) Các điều kiện chung của hợp đồng (Bao gồm Đính kèm 1 “Chính sách của Ngân hàng – Hành vi tham nhũng và gian lận);

(b) Các điều kiện đặc biệt của hợp đồng;

(c) Phụ lục:

Phụ lục A: Các điều khoản Tham chiếu

Phụ lục B: Các chuyên gia chính

Phụ lục C: Dự toán chi phí lương

Phụ lục D: Các chi phí khác, Tổng tạm tính và Dự toán chi phí dự phòng

Phụ lục E: Biểu mẫu bảo lãnh thanh toán tạm ứng

Nếu có bất kỳ mâu thuẫn nào giữa các tài liệu, thứ tự ưu tiên sau sẽ được áp dụng: Các điều kiện đặc biệt của hợp đồng; Các điều kiện chung của Hợp đồng, bao gồm Bản đính kèm 1; Phụ lục A; Phụ lục B; Phụ lục C; Phụ lục D; và Phụ lục E. Mọi tham chiếu đến Hợp đồng này sẽ bao gồm, khi bối cảnh cho phép, một tham chiếu đến các Phụ lục của Hợp đồng.

2. Các quyền và nghĩa vụ của Khách hàng và Tư vấn sẽ được quy định cụ thể trong Hợp đồng, bao gồm:

(a) Tư vấn sẽ thực hiện Dịch vụ theo quy định của Hợp đồng; và

(b) Khách hàng sẽ thanh toán cho Tư vấn theo quy định của Hợp đồng.

CHỨNG NHẬN DƯỚI ĐÂY, đại diện các Bên ký kết Hợp đồng này theo ngày, tháng, năm đầu tiên được viết ở trên.

Đại diện Khách hàng *[Tên của Khách hàng]*

**Ông Nguyễn Phúc Đạt – Giám đốc dự án**

Đại diện Tư vấn [*Tên của Tư vấn hoặc tên của một công ty liên danh*]

*[Người đại diện được ủy quyền của Tư vấn - Tên và chữ ký]*

*[****Ghi chú****: Đối với Nhà thầu liên doanh, hoặc là tất cả các thành viên phải ký tên hoặc đại diện là thành viên đứng đầu liên danh, trong trường hợp có giấy uỷ quyền ký thay mặt cho tất cả các thành viên đính kèm].*

Thay mặt cho mỗi thành viên của Tư vấn [*chèn tên của liên danh*]

*[Tên của thành viên đứng đầu liên danh]*

*[Người đại diện được ủy quyền của liên doanh]*

*[thêm ô chữ ký cho mỗi thành viên nếu tất cả các thành viên đều tham gia ký kết]*

# ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

# A. Điều kiện chung của hợp đồng

|  |  |
| --- | --- |
| Định nghĩa | 1. Trừ trường hợp ngữ cảnh quy định khác đi, những thuật ngữ sau đây sử dụng trong phạm vi Hợp đồng này sẽ mang nghĩa như sau: 2. “Hướng dẫn áp dụng” nghĩa là các hướng dẫn hoặc chính sách của Ngân hàng Phát triển Châu Á điều chỉnh quá trình lựa chọn và trao hợp đồng theo quy định trong Điều kiện đặc biệt của Hợp đồng (SCC)*.* 3. “Luật áp dụng” nghĩa là luật pháp và bất kỳ công cụ nào khác có hiệu lực pháp luật tại quốc gia Khách hàng hoặc ở quốc gia khác có thể được quy định trong **SCC**, khi được ban hành và có hiệu lực tùy từng thời điểm. 4. “Ngân hàng” nghĩa là Ngân hàng Phát triển Châu Á. 5. “Bên vay [hoặc Người nhận hoặc Người thụ hưởng]”, đề cập đến Chính phủ, Cơ quan chính phủ hoặc tổ chức khác ký thỏa thuận tài chính [*hoặc vay hoặc tài trợ hoặc dự án*] với Ngân hàng. 6. “Khách hàng” đề cập đến cơ quan [*thực hiện hoặc thực thi*] ký Hợp đồng dịch vụ với Tư vấn được chọn. 7. Một “Chuyên gia tư vấn” là một công ty tư vấn chuyên nghiệp được thành lập hợp pháp lựa chọn bởi Khách hàng để cung cấp Dịch vụ theo Hợp đồng đã ký. 8. “Hợp đồng” là một thỏa thuận bằng văn bản có ràng buộc về mặt pháp lý giữa Khách hàng và Tư vấn và bao gồm tất cả các tài liệu đính kèm được liệt kê trong đoạn 1 của Mẫu hợp đồng (Điều kiện chung [GCC], Điều kiện đặc biệt (SCC) và các Phụ lục). 9. Một “Ngày” là một ngày làm việc trừ khi có quy định khác. 10. “Ngày có hiệu lực” đề cập đến ngày Hợp đồng này có hiệu lực theo Điều khoản GCC 11. 11. “Chuyên gia” nói chung có nghĩa là, các Chuyên gia Chủ chốt, Chuyên gia Không chủ chốt, hoặc bất kỳ nhân sự nào khác của Tư vấn, Tư vấn phụ hoặc (các) thành viên Liên Danh được Tư vấn giao cho thực hiện các Dịch vụ hoặc một phần nào đó theo Hợp đồng. 12. “Các loại ngoại tệ” là bất kỳ loại tiền nào khác ngoài loại tiền tệ của quốc gia Khách hàng. 13. “GCC” đề cập đến các Điều kiện chung của Hợp đồng này. 14. “Chính phủ” đề cập đến chính phủ của quốc gia Khách hàng. 15. Liên danh (JV), là một liên kết có hoặc không có đặc điểm pháp lý khác biệt với các thành viên, có nhiều hơn một tổ công ty, trong đó một thành viên có quyền điều hành tất cả các hoạt động và thay mặt cho bất kỳ và tất cả các thành viên của Liên doanh và các thành viên của Liên doanh chịu trách nhiệm chung và riêng đối với Khách hàng về việc thực hiện Hợp đồng này. 16. “Chuyên gia chủ chốt" có nghĩa là một cá nhân chuyên nghiệp có kỹ năng, trình độ, kiến thức và kinh nghiệm là nhân tố quan trọng đối với việc thực hiện các Dịch vụ theo Hợp đồng và Sơ yếu lý lịch của chuyên gia chủ chốt (CV) phải được đưa vào đánh giá kỹ thuật của Hồ sơ Đề xuất của Tư vấn. 17. “Nội tệ” là tiền tệ của quốc gia Khách hàng. 18. “Chuyên gia phụ" là một cá nhân chuyên nghiệp do Tư vấn hoặc Tư vấn phụ cung cấp thực hiện dịch vụ hoặc một phần nào đó theo Hợp đồng. 19. “Bên” đề cập đến Khách hàng hoặc Tư vấn, tùy theo từng trường hợp, và “Các Bên” có nghĩa là cả Khách hàng và Tư vấn. 20. Các Điều kiện đặc biệt của Hợp đồng (SCC) có thể sửa đổi hoặc bổ sung nhưng không dài quá. 21. “Dịch vụ” đề cập đến công việc được Tư vấn thực hiện theo Hợp đồng này, như được mô tả trong Phụ lục A dưới đây. 22. “Tư vấn phụ” nghĩa là đơn vị mà tư vấn ký hợp đồng tư vấn phụ để thực hiện bất cứ phần nào của Dịch vụ và Tư vấn vẫn hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc thực hiện Hợp đồng. 23. “Bên thứ ba” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc pháp nhân nào khác ngoài Chính phủ, Khách hàng, Tư vấn hoặc Tư vấn phụ. |
| Quan hệ giữa các bên | * 1. Không có nội dung nào trong tài liệu này được hiểu là thiết lập mối quan hệ quản lý hoặc uỷ nhiệm, hoặc của văn phòng chính và đại diện giữa Khách hàng và Tư vấn. Tư vấn, theo Hợp đồng này, chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với các Chuyên gia và Tư vấn phụ của mình, nếu có, về việc thực hiện Dịch vụ và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các Dịch vụ do các bên đó thực hiện hoặc thay mặt thưc hiện. |
| Luật chi phối | * 1. Hợp đồng này, cùng với các định nghĩa, giải thích và quan hệ giữa các bên đều chịu sự chi phối của Luật pháp áp dụng như quy định tại **SCC**. |
| Ngôn ngữ | * 1. Hợp đồng này được lập bằng ngôn ngữ nêu trong **SCC**, và sẽ là ngôn ngữ có tính chất ràng buộc, kiểm soát cho các vấn đề liên quan đến định nghĩa và giải thích của Hợp đồng. |
| Tiêu đề | * 1. Tiêu đề không giới hạn, thay thế hoặc ảnh hưởng đến định nghĩa trong Hợp đồng. |
| Thông tin liên lạc | * 1. Bất kỳ thông tin theo yêu cầu hoặc được phép thực hiện theo Hợp đồng phải được thực hiện bằng văn bản, và ngôn ngữ được tại Điều 4, **GCC**. Những thông báo, yêu cầu hoặc thoả thuận sẽ được lập và gửi cho đại diện được uỷ quyền của một bên theo địa chỉ được nêu tại **SCC.**   2. Hoặc bên này hoặc bên kia có thể thay đổi địa chỉ nhận thông báo bằng cách gửi thông báo về thay đổi đó cho bên còn lại về địa chỉ như nêu trong **SCC**. |
| Địa điểm | * 1. Dịch vụ sẽ được thực hiện tại các địa điểm như được nêu trong **Phụ lục A** theo đây và, nếu địa điểm thực hiện nhiệm vụ cụ thể không được nêu cụ thể, trong trường hợp này, bất kể địa điểm tại quốc gia Khách hàng hoặc bất kỳ nơi nào khác thì sẽ phải được Khách hàng phê duyệt. |
| Ủy quyền cho người chịu trách nhiệm | * 1. Trong trường hợp Tư vấn là Liên doanh, các thành viên ủy quyền cho một thành viên như nêu trong **SCC** thay mặt để thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Tư vấn đối với Khách hàng theo Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn việc nhận hướng dẫn và thanh toán từ Khách hàng. |
| Đại diện được ủy quyền | * 1. Bất kỳ hành động nào hoặc tài liệu theo yêu cầu hoặc được phép thực hiện theo Hợp đồng này bởi Khách hàng hoặc Tư vấn có thể được thực hiện bởi các đại diện hợp pháp như nêu trong **SCC.** |
| Các hành vi tham nhũng và gian lận | * 1. Ngân hàng yêu cầu tuân thủ chính sách của mình đối với hành vi tham nhũng và gian lận như đã nêu trong **Phụ lục 1** của **SCC**. |
| Các khoản hoa hồng và lệ phí | * 1. Khách hàng yêu cầu Tư vấn tiết lộ bất kỳ khoản tiền hoa hồng, tiền thưởng hoặc lệ phí nào có thể đã được thanh toán hoặc phải trả cho các đại lý hoặc bất kỳ bên nào khác liên quan đến quá trình lựa chọn hoặc thực hiện Hợp đồng. Thông tin được tiết lộ phải bao gồm ít nhất tên và địa chỉ của đại lý hoặc bên kia, số tiền và loại tiền tệ, và mục đích của hoa hồng, tiền thưởng hoặc lệ phí. Việc không tiết lộ các khoản hoa hồng, tiền thưởng hay lệ phí như vậy có thể dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng và/hoặc các hành động khắc phục hậu quả bao gồm cả các biện pháp trừng phạt của Ngân hàng. |

# B. Thực hiện, hoàn thành, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng

|  |  |
| --- | --- |
| Hiệu lực của Hợp đồng | * 1. Hợp đồng này sẽ có hiệu lực vào ngày (“Ngày hiệu lực”) Khách hàng thông báo cho Tư vấn bắt đầu thực hiện Dịch vụ. Thông báo này xác nhận điều kiện hiệu lực, nếu có nêu trong **SCC**, đã được đáp ứng. |
| Chấm dứt hợp đồng trước khi có hiệu lực | * 1. Nếu Hợp đồng này không có hiệu lực trong khoảng thời gian sau ngày ký Hợp đồng như được quy định trong SCC, thì một trong hai bên có thể, trong vòng ít nhất hai mươi hai ngày (22), thông báo bằng văn bản cho Bên kia, tuyên bố Hợp đồng vô hiệu, và trong trường hợp tuyên bố như vậy, cả hai Bên sẽ không có bất kỳ khiếu nại nào đối với Bên còn lại. |
| Thực hiện dịch vụ | * 1. Tư vấn sẽ xác nhận có đầy đủ Chuyên gia chính và bắt đầu thực hiện Dịch vụ không muộn hơn số ngày sau Ngày hiệu lực được nêu trong **SCC**. |
| Hết hạn hợp đồng | * 1. Trừ khi bị chấm dứt trước thời hạn nêu trong Khoản 19, GCC, Hợp đồng này sẽ hết hạn vào cuối khoảng thời gian sau Ngày hiệu lực nêu trong **SCC**. |
| Thỏa thuận chung | * 1. Hợp đồng này bao gồm các giao ước, quy định và điều khoản được các Bên đồng ý. Không có cơ quan hoặc đại diện của một trong hai Bên có quyền bắt buộc, và các Bên không bị ràng buộc hoặc chịu trách nhiệm về bất kỳ tuyên bố, trình bày, cam kết hoặc thỏa thuận nào không được nêu trong đây. |
| Sửa đổi hợp đồng | * 1. Mọi sửa đổi hoặc thay đổi các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, bao gồm sửa đổi hoặc thay đổi phạm vi của Dịch vụ, chỉ có thể được thực hiện theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các Bên. Tuy nhiên, mỗi Bên sẽ rà soát các đề xuất sửa đổi hoặc thay đổi của Bên kia.   2. Trong trường hợp sửa đổi hoặc thay đổi quan trọng, cần có sự đồng ý trước bằng văn bản của Ngân hàng. |
| Bất khả kháng |  |
| a. Định nghĩa | * 1. Đối với mục đích của Hợp đồng này, "Bất khả kháng" có nghĩa là một sự kiện vượt quá sự kiểm soát hợp lý của một Bên, không thể lường trước, không thể tránh khỏi và làm cho một Bên thực hiện các nghĩa vụ của mình dưới đây không thể hoặc không thực tế được xem xét hợp lý Trong các trường hợp, và tùy thuộc vào các yêu cầu đó, bao gồm, nhưng không giới hạn, chiến tranh, bạo loạn, rối loạn dân sự, động đất, cháy, nổ, bão, lũ lụt hoặc các điều kiện thời tiết bất lợi khác, đình công, khóa cửa hoặc tịch thu các hoạt động công nghiệp khác hoặc Bất kỳ hành động nào khác của các cơ quan Chính phủ.   2. Bất khả kháng sẽ không bao gồm (i) bất kỳ sự kiện nào xảy ra do vô tình hoặc có chủ ý của một Bên hoặc các Chuyên gia, Tư vấn phụ hoặc đại lý hoặc nhân viên của Bên đó, cũng như (ii) bất kỳ sự kiện nào mà Bên chịu trách nhiệm xem xét là hợp lý, và tính đến cả thời điểm ký kết Hợp đồng này, và tránh hoặc khắc phục trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình dưới đây.   3. Bất khả kháng sẽ không bao gồm thiếu vốn hoặc không thực hiện bất kỳ khoản thanh toán nào theo yêu cầu dưới đây. |
| b. Không vi phạm hợp đồng | * 1. Việc không thực hiện nghĩa vụ của Bên ký kết dưới đây sẽ không được xem là vi phạm hoặc không theo hợp đồng này trong trường hợp không có khả năng xảy ra trong trường hợp Bất khả kháng với điều kiện Bên đó bị ảnh hưởng bởi sự kiện như vậy Đã thực hiện tất cả các biện pháp phòng ngừa hợp lý, cẩn thận và các biện pháp thay thế hợp lý, tất cả đều nhằm mục đích thực hiện các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này. |
| c. Các biện pháp cần thực hiện | * 1. Một Bên bị ảnh hưởng bởi Sự kiện Bất khả kháng sẽ tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng cho đến mức hợp lý và thực hiện tất cả các biện pháp hợp lý để giảm thiểu hậu quả của bất kỳ Sự kiện Bất khả kháng nào.   2. Một Bên bị ảnh hưởng bởi Sự kiện Bất khả kháng sẽ thông báo cho Bên kia về sự kiện đó càng sớm càng tốt và trong bất kỳ trường hợp nào không chậm hơn mười bốn (14) ngày theo lịch sau khi xảy ra sự kiện đó, cung cấp bằng chứng về tính chất và nguyên nhân của sự kiện đó, và cũng phải thông báo bằng văn bản về việc phục hồi các điều kiện bình thường càng sớm càng tốt.   3. Bất kỳ khoảng thời gian nào trong đó một Bên sẽ hoàn thành bất kỳ hành động hoặc nhiệm vụ nào theo Hợp đồng này trong một khoảng thời gian tương ứng với thời gian mà Bên đó không thể thực hiện hành động như là kết quả của Sự kiện Bất Khả kháng.   4. Trong thời gian không có khả năng thực hiện Dịch vụ do Sự kiện Bất khả kháng, Chuyên gia Tư vấn, theo sự chỉ dẫn của Khách hàng, sẽ:   5. Giải tán, trong trường hợp đó Tư vấn sẽ được hoàn trả chi phí bổ sung hợp lý và nhất thiết phải phát sinh, và nếu Khách hàng yêu cầu thực hiện lại các Dịch vụ; hoặc là   6. Tiếp tục với Dịch vụ trong chừng mực hợp lý, trong trường hợp này Tư vấn sẽ tiếp tục được thanh toán theo các điều khoản của Hợp đồng này và được hoàn trả chi phí bổ sung một cách hợp lý và nhất thiết phải phát sinh.   7. Trong trường hợp bất đồng giữa các Bên về tình huống bất khả kháng, sẽ giải quyết theo các khoản 48 & 49, GCC. |
| Đình chỉ | * 1. Khách hàng có thể thông báo bằng văn bản về việc tạm ngừng Tư vấn, tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ khoản thanh toán cho Tư vấn theo Hợp đồng này nếu Tư vấn không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của Hợp đồng này, bao gồm cả việc thực hiện Dịch vụ, với điều kiện là (i) sẽ nêu rõ bản chất của sự không thực hiện, và (ii) yêu cầu Tư vấn khắc phục những công việc chưa thực hiện đó trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày theo lịch sau khi nhận được tư vấn về thông báo đình chỉ. |
| Chấm dứt | 19. 1 Hợp đồng này có thể được chấm dứt bởi một trong hai Bên theo các quy định được nêu dưới đây: |
| a. Chấm dứt bởi Khách hàng | 19.1.1 Khách hàng có thể chấm dứt Hợp đồng này trong trường hợp xảy ra bất kỳ sự kiện nào được chỉ định trong các đoạn từ (a) đến (f) của Điều khoản này. Trong trường hợp này, Khách hàng sẽ gửi cho Tư vấn thông báo bằng văn bản ít nhất 30 ngày làm việc về việc chấm dứt đối với các sự kiện được đề cập từ (a) đến (d); ít nhất 60 ngày đối với các sự kiện được đề cập trong (e); và ít nhất 5 ngày đối với các sự kiện được đề cập trong (f):  (a) Nếu Tư vấn không khắc phục lỗi trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình dưới đây, như được nêu trong thông báo tạm dừng theo Khoản GCC 18;  (b) Nếu Tư vấn (hoặc, liên danh của Tư vấn, nếu bất kỳ thành viên nào của Tư Vấn) lâm vào tình trạng vỡ nợ hoặc phá sản hoặc tham gia bất kỳ thỏa thuận nào với chủ nợ để xóa nợ hoặc lợi dụng bất kỳ luật nào cho lợi ích của chủ nợ hoặc tham gia vào quyết toán hoặc tiếp nhận các hành vi đó, cho dù bắt buộc hay tự nguyện;  (c) Nếu Tư vấn không tuân thủ bất kỳ quyết định cuối cùng nào đã đạt được theo kết quả của thủ tục tố tụng trọng tài theo Khoản GCC 49.1;  (d) Nếu, do Bất khả kháng, Tư vấn không thể thực hiện một phần Dịch vụ trong khoảng thời gian 60 ngày theo dương lịch;  (e) Nếu Khách hàng, theo quyết định của riêng mình và vì bất kỳ lý do gì, quyết định chấm dứt Hợp đồng này; hoặc  (f) Nếu Tư vấn không xác nhận tính khả dụng của các Chuyên gia chính theo yêu cầu tại Khoản GCC 13.  19.1.2 Ngoài ra, nếu Khách hàng xác định rằng Tư vấn đã thực hiện các hành vi tham nhũng, lừa đảo, thông đồng, cưỡng chế [hoặc cản trở], trong việc cạnh tranh hoặc thực hiện Hợp đồng, Khách hàng có thể, sau khi thông báo cho Tư vấn bằng văn bản 14 ngày theo dương lịch chấm dứt việc thuê tuyển Tư vấn theo Hợp đồng này. |
| b. Chấm dứt bởi Tư vấn | 19.1.3 Tư vấn có thể chấm dứt Hợp đồng, sau khi đưa ra thông báo bằng văn bản cho Khách hàng ba mươi (30) ngày trong trường hợp xảy ra bất kỳ sự kiện nào được mô tả trong đoạn từ (a) đến (d) dưới đây.  (a) Khách hàng không thanh toán tiền mặc dù Tư vấn đã tuân thủ theo Hợp đồng và không xảy ra bất kỳ tranh chấp nào được quy định trong GCC 49.1 trong vòng 45 ngày sau khi nhận được thông báo từ Tư vấn về việc chậm trễ thanh toán này;  (b) Nếu, do Bất khả kháng, Tư vấn không thể thực hiện phần nhiệm vụ công việc trong vòng 60 ngày dương lịch;  (c) Nếu Khách hàng không tuân thủ theo phán quyết cuối cùng của Tòa tuân thủ theo điều khoảng ĐKC 49.1; hoặc  (d) Nếu Khách hàng vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình được quy định trong Hợp đồng và không có khắc phục trong vòng bốn mươi lăm (45) ngày (hoặc lâu hơn nếu có thỏa thuận với Tư vấn) sau khi nhận được thông báo từ Tư vấn. |
| c. Ngừng thực hiện nhiệm vụ | 19.1.4 Trường hợp chấm dứt Hợp đồng này theo Điều khoản GCC 12 hoặc GCC 19 của Hợp đồng này, hoặc khi hết hạn Hợp đồng này theo Điều khoản GCC 14, tất cả các quyền và nghĩa vụ của các Bên theo đây sẽ chấm dứt, ngoại trừ (i) các quyền và nghĩa vụ đó có thể đã phát sinh vào ngày chấm dứt hoặc hết hạn, (ii) nghĩa vụ bảo mật được quy định trong Điều GCC 22, (iii) nghĩa vụ của Nhà tư vấn cho phép kiểm tra, sao chép và kiểm toán các tài khoản và hồ sơ của họ được quy định trong Điều 25 GCC, và (iv ) bất kỳ quyền nào mà một Bên có thể có theo Luật áp dụng. |
| d. Ngừng thực hiện nhiệm vụ | 19.1.5 Trường hợp chấm dứt Hợp đồng này theo thông báo của một Bên cho bên kia theo Khoản GCC 19a hoặc Khoản GCC 19b, Tư vấn sẽ ngay lập tức gửi hoặc nhận thông báo đó, đồng thời thực hiện tất cả các bước cần thiết để kết thúc Dịch vụ nhanh chóng và đúng trình tự và sẽ phải thực hiện mọi nỗ lực hợp lý để tiết kiệm chi tiêu cho mục đích này ở mức thấp nhất. Đối với các tài liệu do Tư vấn chuẩn bị, Tư vấn sẽ tiến hành các thủ tục theo quy định tương ứng trong Khoản GCC 27. Đối với thiết bị và tài liệu do Khách hàng cung cấp, Tư vấn sẽ tiến hành các thủ tục theo quy định tương ứng trong Khoản GCC 28. |
| e. Thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng | 19.1.6 Trường hợp chấm dứt Hợp đồng này, Khách hàng sẽ thực hiện các khoản thanh toán sau cho Tư vấn như sau:  (a) thù lao cho các Dịch vụ được thực hiện thỏa đáng trước ngày chấm dứt hợp đồng có hiệu lực, các chi phí khác, các khoản tạm tính và dự phòng cho các chi tiêu thực sự phát sinh trước ngày chấm dứt hợp đồng có hiệu lực; và theo khoản 42; và  (b) trong trường hợp chấm dứt hợp đồng theo Đoạn (d) và Đoạn (e) Khoản GCC 19.1.1, việc hoàn trả bất kỳ chi phí hợp lý nào liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng phải được thực hiện nhanh chóng và theo đúng trình tự của Hợp đồng này, bao gồm cả chi phí đi lại của các Chuyên gia. |

# C. Nghĩa vụ của tư vấn

|  |  |
| --- | --- |
| Yêu cầu chung |  |
| Tiêu chuẩn về hiệu suất | 20.1 Tư vấn sẽ thực hiện Dịch vụ với sự cẩn trọng và hiệu quả, và sẽ thực hiện những kỹ năng hợp lý và chăm sóc trong việc thực hiện các Dịch vụ phù hợp với chuyên môn thực tế; và sẽ tuân thủ các thực hành quản lý hợp lý và sử dụng công nghệ, máy móc, vật liệu và phương pháp an toàn và hiệu quả. Tư vấn sẽ luôn hành động, liên quan đến bất kỳ vấn đề nào của Hợp đồng này hoặc với Dịch vụ này, với tư cách là cố vấn trung thành cho Khách hàng, và luôn luôn hỗ trợ và bảo vệ lợi ích hợp pháp của Khách hàng trong mọi giao dịch với bên thứ ba.  20.2 Tư vấn sẽ sử dụng và cung cấp các Chuyên gia và Tư vấn phụ có trình độ và kinh nghiệm như được yêu cầu để thực hiện Dịch vụ.  20.3 Tư vấn có thể ký hợp đồng phụ cho một phần Dịch vụ ở một mức độ nào đó và với các Chuyên gia chủ chốt và Tư vấn phụ và có thể được Khách hàng chấp thuận trước. Mặc dù có sự chấp thuận như vậy, Tư vấn sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn cho Dịch vụ đó. |
| Luật áp dụng | 20.4 Tư vấn sẽ thực hiện các Dịch vụ theo Hợp đồng và Luật áp dụng và phải thực hiện tất cả các bước thực tế để đảm bảo rằng bất kỳ Chuyên gia và Tư vấn phụ nào của mình tuân thủ Luật áp dụng.  20.5 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Tư vấn sẽ tuân thủ các lệnh cấm nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ vào quốc gia của Khách hàng khi  (a) pháp luật hoặc các quy định chính thức của quốc gia [của Bên vay/Người thụ hưởng] cấm quan hệ thương mại với quốc gia đó; hoặc  (b) có một hành động tuân thủ quyết định của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc được thực hiện theo Chương VII của Hiến chương Liên hợp quốc, Quốc gia của Bên vay cấm mọi hoạt động nhập khẩu hàng hóa từ quốc gia đó hoặc bất kỳ khoản thanh toán nào cho bất kỳ quốc gia, cá nhân hoặc tổ chức nào trong Quốc gia đó.  20.6 Khách hàng sẽ thông báo cho Tư vấn bằng văn bản về các phong tục địa phương có liên quan, và Tư vấn sẽ phải tôn trọng các phong tục đó. |
| Xung đột lợi ích | 21.1 Tư vấn sẽ giữ những lợi ích của Khách hàng, không cần xem xét công việc trong tương lai, và tránh xung đột với các công việc khác hoặc lợi ích công ty của họ. |
| Tư vấn không được nhận hoa hồng hoặc giảm giá... | 21.1.1 Thanh Thanh toán của Tư vấn được thực hiện theo Khoản GCC F (từ GCC 41 đến 46), đó là khoản thanh toán duy nhất của Tư vấn liên quan đến Hợp đồng này và, theo Khoản GCC 21.1.3, Tư vấn sẽ không chấp nhận, vì lợi ích riêng của mình, bất kỳ khoản hoa hồng thương mại nào hoặc bất kỳ khoản chiết khấu hoặc thanh toán tương tự liên quan đến các hoạt động theo Hợp đồng này hoặc trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình dưới đây, và Tư vấn sẽ phải thực hiện những nỗ lực tốt nhất để đảm bảo rằng bất kỳ Tư vấn phụ nào cũng như các Chuyên gia và đại lý của một trong hai bên tương ứng sẽ không nhận bất kỳ khoản thanh toán phụ nào như vậy.  21.1.2 Ngoài ra, nếu Tư vấn, thực hiện một phần Dịch vụ, có trách nhiệm tham vấn cho Khách hàng về việc mua sắm hàng hóa, công trình hoặc dịch vụ, thì Tư vấn phải tuân thủ Nguyên tắc áp dụng của Ngân hàng và luôn luôn thực hiện trách nhiệm đó một cách tốt nhất vì lợi ích của Khách hàng. Bất kỳ khoản chiết khấu hoặc hoa hồng nào mà Tư vấn có được khi thực hiện trách nhiệm mua sắm đó sẽ thuộc quyền sở hữu của Khách hàng. |
| Tư vấn và Công ty liên kết không được tham gia vào một số hoạt động nhất định | 21.1.3 Tư vấn đồng ý rằng trong suốt thời hạn của hợp đồng này và sau khi chấm dứt, Tư vấn và bất kỳ đơn vị nào liên kết với Tư vấn, cũng như bất kỳ Tư vấn phụ và bất kỳ đơn vị liên kết với Tư vấn phụ này sẽ bị truất quyền cung cấp hàng hoá, các công trình hoặc các dịch vụ phi tư vấn do hoặc trực tiếp liên quan đến Dịch vụ của Tư vấn để chuẩn bị hoặc thực hiện dự án, trừ khi có quy định nào khác tại **SCC**. |
| Cấm các hoạt động xung đột | 21.1.4 Tư vấn sẽ không tham gia và buộc các chuyên gia cũng như các Tư vấn phụ của mình không tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào bất kỳ hoạt động kinh doanh hoặc chuyên môn nào xung đột với các hoạt động được giao theo Hợp đồng này. |
| Nghiêm cấm tiết lộ thông tin về các hoạt động xung đột | 21.1.5 Tư vấn có nghĩa vụ và đảm bảo rằng các chuyên gia và tư vấn phụ sẽ có nghĩa vụ khai báo bất kỳ tình huống nào về xung đột thực tế hoặc tiềm ẩn có ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng đến khả năng phục vụ của tư vấn cho lợi ích cao nhất của Khách hàng. Việc không khai báo những tình huống nêu trên có thể dẫn đến việc loại bỏ Tư vấn hoặc chấm dứt Hợp đồng. |
| Bảo mật | 22.1 Ngoại trừ được Khách hàng đồng ý trước bằng văn bản, cả Tư vấn và Chuyên gia của Tư vấn tại bất kỳ thời điểm nào đều không được phép liên lạc với bất cứ cá nhân hay tổ chức nào về bất cứ thông tin mật nào có được trong quá trình thực hiện dịch vụ, đồng thời Tư vấn, bao gồm cả Chuyên gia của Tư vấn không được phép công khai các nội dung khuyến nghị được hình thành trong quá trình thực hiện, hoặc là kết quả của việc thực hiện Dịch vụ. |
| Trách nhiệm của tư vấn | 23.1 Theo các điều khoản bổ sung, nếu có, được quy định trong **SCC**, trách nhiệm của Tư vấn theo Hợp đồng này sẽ được xác định theo Luật áp dụng. |
| Bảo hiểm do Tư vấn mua | 24.1 Tư vấn phải (i) mua và duy trì, và sẽ phải yêu cầu bất kỳ Tư vấn phụ nào mua và duy trì, bằng (hoặc của các Tư vấn phụ, trong trường hợp có thể) chi phí riêng nhưng tuân theo các điều khoản và điều kiện được phê duyệt bởi Khách hàng, các khoản bảo hiểm liên quan đến rủi ro và được quy định trong ĐKCT và (ii) theo yêu cầu của Khách hàng, Tư vấn sẽ phải cung cấp các bằng chứng cho Khách hàng thấy rằng bảo hiểm đó đã được mua và duy trì và phí bảo hiểm tại thời điểm đó đã được thanh toán. Tư vấn phải đảm bảo rằng bảo hiểm có hiệu lực trước khi bắt đầu Dịch vụ như quy định trong Khoản GCC 13. |
| Kế toán, thanh tra và kiểm toán | 25.1 Tư vấn phải lưu giữ, và nỗ lực hợp lý trong việc yêu cầu Tư vấn phụ lưu giữ chính xác và có hệ thống các sổ sách và chứng từ kế toán có liên quan đến Dịch vụ này và dưới hình thức và chi tiết sao cho thể hiện rõ các thay đổi thời gian và các chi phí liên quan.  25.2. Tư vấn phải cho phép và yêu cầu Tư vấn phụ của mình cho phép, Ngân hàng và/hoặc các cá nhân do Ngân hàng chỉ định kiểm tra công trường và/hoặc mọi sổ sách và chứng từ kế toán có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng và việc trình nộp Đề xuất cung cấp Dịch vụ, và cho phép đơn vị kiểm toán do Ngân hàng chỉ định, nếu có yêu cầu của Ngân hàng, kiểm toán các sổ sách và chứng từ kế toán đó. Tư vấn phải lưu ý Khoản GCC 10, không kể những cái khác, trong đó cung cấp các hành vi nhằm mục đích cản trở nghiêm trọng việc thực hiện các quyền kiểm tra và kiểm toán của Ngân hàng được quy định theo Khoản GCC25.2 này tạo thành một hành vi bị cấm đối với việc chấm dứt hợp đồng (cũng như để xác định không đủ điều kiện theo Hướng dẫn và Nguyên tắc liêm chính, Chính sách chống tham nhũng của Ngân hàng). |
| Nghĩa vụ báo cáo | 26.1 Tư vấn phải trình nộp cho Chủ đầu từ các báo cáo và tài liệu quy định trong **Phụ lục A**, theo mẫu, số lượng và trong khoảng thời gian quy định trong Phụ lục này. |
| Quyền sở hữu của Khách hàng trong Báo cáo và Hồ sơ | 27.1 Ngoại trừ được quy định khác trong **SCC**, toàn bộ các báo cáo và các dữ liệu và thông tin như bản đồ, biều đồ, mặt bằng, dữ liệu, các tài liệu khác và phần mềm, các hồ sơ hỗ trợ hoặc tài liệu do Tư vấn soạn thảo hoặc chuẩn bị cho Khách hàng trong thời gian thực hiện Dịch vụ sẽ phải bảo mật và sẽ chuyển thành và vẫn là tài sản tuyệt đối của Khách hàng trừ khi có thỏa thuận khác của Khách hàng bằng văn bản. Tư vấn phải, không muộn hơn ngay sau khi chấm dứt hợp đồng hoặc hết hạn hiệu lực của Hợp đồng, giao mọi tài liệu này cho Khách hàng, cùng với bản thống kê chi tiết các tài liệu đó. Tư vấn có thể giữ lại một bản các tài liệu, dữ liệu và/hoặc phần mềm này nhưng không được sử dụng chúng cho các mục đích không liên quan tới Hợp đồng này mà không được phê duyệt trước bằng văn bản của Khách hàng.  27.2 Nếu cần có, hoặc phù hợp, các thỏa thuận cho phép giữa Tư vấn và bên thứ ba, phục vụ mục đích phát triển các kế hoạch, bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, tài liệu và phần mềm khác, Tư vấn sẽ phải có được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Khách hàng đối với các thỏa thuận đó và Khách hàng sẽ có quyền tùy ý yêu cầu thu hồi các chi phí liên quan đến việc phát triển (các) chương trình liên quan đó. Các hạn chế khác về việc sử dụng các tài liệu và phần mềm này trong tương lai, nếu có, sẽ được chỉ định trong **SCC**. |
| Thiết bị, phương tiện và vật liệu | 28.1 Thiết bị, phương tiện và tài liệu của Tư vấn do Khách hàng cung cấp, hoặc được Tư vấn mua toàn bộ hoặc một phần từ ngân sách của Khách hàng, sẽ là tài sản của Khách hàng và sẽ được xác định tương ứng. Khi chấm dứt hoặc hết hạn Hợp đồng này, Tư vấn sẽ gửi cho Khách hàng một bản thống kê tất cả thiết bị, phương tiện và tài liệu đó và sẽ hủy bỏ chúng theo hướng dẫn của Khách hàng. Mặc dù sở hữu các thiết bị, phương tiện và tài liệu đó, Tư vấn, trừ khi được Khách hàng chỉ đạo bằng văn bản, sẽ bảo đảm chúng, bằng chi phí của Khách hàng, bằng số tiền tương ứng với giá trị thay thế chúng.  28.2 Bất kỳ thiết bị hoặc tài liệu nào được Tư vấn hoặc Chuyên gia của họ mang đến quốc gia của Khách hàng để sử dụng cho dự án hoặc sử dụng cá nhân sẽ vẫn là tài sản của Tư vấn hoặc Chuyên gia đó, nếu có. |

# D. Chuyên gia tư vấn và tư vấn phụ

|  |  |
| --- | --- |
| Mô tả nhiệm vụ của Chuyên gia Chủ chốt | 29.1 Chức danh, mô tả công việc đã thỏa thuận, yêu cầu về năng lực tối thiểu và thời gian dự kiến tham gia thực hiện Dịch vụ của từng Chuyên gia Chủ chốt của Tư vấn được quy định tại **Phụ lục B.**  29.2 Tư vấn có thể yêu cầu, theo các quy định của Khoản GCC 20a, điều chỉnh tháng công đầu vào ước tính của các chuyên gia chính nêu trong **Phụ lục B,** bằng văn bản cho Khách hàng, với điều kiện là (i) các điều chỉnh đó sẽ không vượt dự tính tháng công đầu vào cho bất kỳ cá nhân nào quá 10% hoặc một tuần, tùy theo mức nào lớn hơn; và (ii) tổng các điều chỉnh đó sẽ không làm cho các khoản thanh toán theo Hợp đồng này vượt quá mức trần quy định tại Khoản GCC 41.2.  29.3 Nếu công việc bổ sung được yêu cầu vượt quá phạm vi của Dịch vụ được quy định trong **Phụ lục A**, tháng công đầu vào ước tính cho Chuyên gia chính có thể được tăng lên theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Khách hàng và Tư vấn. Trong trường hợp các khoản thanh toán theo Hợp đồng này vượt quá mức trần quy định tại Khoản GCC 41.1, các Bên sẽ ký một phụ lục Hợp đồng.  29.4 Tư vấn sẽ yêu cầu tất cả các Chuyên gia và Tư vấn phụ tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức và hành vi ở mức cao nhất và không có bất kỳ hành vi ngược đãi, quấy rối, phân biệt đối xử và hành vi sai trái nào, kể cả quấy rối và lạm dụng tình dục, mọi lúc, phải hành xử theo cách tạo ra môi trường không có sự ngược đãi, quấy rối, phân biệt đối xử và sai trái.  29.5 Nếu Tư vấn biết rằng Chuyên gia hoặc Tư vấn phụ có thể liên quan đến bất kỳ hình thức ngược đãi, quấy rối, phân biệt đối xử hoặc hành vi sai trái nào, Tư vấn sẽ thông báo ngay cho Khách hàng về vấn đề đó và cung cấp cho Khách hàng (a) những thông tin sẵn có liên quan đến vấn đề đó, (b) mô tả về các hoạt động điều tra, đánh giá hoặc các bước khác mà Tư vấn đang thực hiện liên quan đến vấn đề đó, và (c) bất kỳ thông tin bổ sung nào mà Khách hàng có thể yêu cầu, Nếu Tư vấn viên nhận được hoặc biết về bất kỳ cáo buộc hoặc báo cáo nào về khả năng ngược đãi, quấy rối, phân biệt đối xử hoặc hành vi sai trái của bất kỳ Chuyên gia hoặc Tư vấn phụ nào, Tư vấn sẽ thực hiện các bước hợp lý và ngay lập tức để điều tra hoặc xác minh sự cố đó một cách chặt chẽ, chuyên sâu và khẩn trương, và sẽ đảm bảo rằng mình có quyền hạn và thẩm quyền pháp lý để đình chỉ hoặc chấm dứt với Chuyên gia hoặc Tư vấn phụ đó. Nếu Khách hàng tự phát hiện rằng mọi cáo buộc hoặc báo cáo liên quan đến ngược đãi, quấy rối, phân biệt đối xử hoặc hành vi sai trái của bất kỳ Chuyên gia hoặc Tư vấn phụ nào có thể ảnh hưởng xấu đến những người làm việc tại hoặc liên quan đến dự án hoặc uy tín của Khách hàng hoặc Chính phủ (hoặc cơ quan của Chính phủ), thì Tư vấn sẽ phải, theo yêu cầu của Khách hàng, đình chỉ hoặc cách ly Chuyên gia hoặc Tư vấn phụ đó khỏi dự án và những người liên quan. |
| Thay thế Chuyên gia Chủ chốt | 30.1 Trừ khi Khách hàng có thỏa thuận khác bằng văn bản, không được phép thay đổi đối với Chuyên gia Chủ chốt.  30.2 Mặc dù có quy định trên GCC 30.1, việc thay thế Chuyên gia Chủ chốt trong quá trình thực hiện Hợp đồng có thể được xem xét chỉ căn cứ trên văn bản yêu cầu của Tư vấn và do các tình huống nằm ngoài tầm kiểm soát hợp lý của Tư vấn, bao gồm nhưng không giới hạn bởi sự qua đời hoặc sức khỏe không đảm bảo. Khi đó, Tư vấn sẽ phải ngay lập tức cung cấp một nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn để thay thế, với mức lương tương đương. |
| Chấp thuận bổ sung chuyên gia chủ chốt | 31.1 Nếu trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Tư vấn cần bổ sung các chuyên gia chính để thực hiện Dịch vụ, Tư vấn sẽ trình Khách hàng xem xét và phê duyệt bản sao Sơ yếu lý lịch (CV) của từng người. Nếu Khách hàng không phản đối bằng văn bản (nêu rõ lý do phản đối) trong vòng hai mươi hai (22) ngày kể từ ngày nhận được các CV đó, các chuyên gia đó sẽ được coi là đã được Khách hàng chấp thuận. |
| Loại bỏ chuyên gia hoặc tư vấn phụ | 32.1 Nếu Khách hàng nhận thấy bất kỳ Chuyên gia hoặc Tư vấn phụ nào của Tư vấn đã có các hành vi sai trái nghiêm trọng hoặc bị cáo buộc đã có các hành động phạm tội theo Khoản 29.4, hoặc nếu Khách hàng xác định rằng Chuyên gia hoặc Tư vấn phụ của Tư vấn đã dính líu đến các hành vi tham nhũng, gian lận, thông đồng, cưỡng bức [hoặc cản trở] trong quá trình thực hiện Dịch vụ, Tư vấn sẽ phải, theo yêu cầu bằng văn bản của Khách hàng, thay thế.  32.2 Trong trương hợp Khách hàng phát hiện bất kỳ Chuyên gia Chủ chốt, Chuyên gia phụ hoặc Tư vấn phụ nào của Tư vấn không có khả năng hoặc không thể hoàn thành các nhiệm vụ được giao, Khách hàng, sau khi nêu rõ lý do, có thể yêu cầu Tư vấn thay thế.  32.3 Bất kỳ sự thay thế đối với các Chuyên gia hoặc Tư vấn phụ bị loại bỏ nào đều phải có năng lực và kinh nghiệm tốt hơn và phải được Khách hàng chấp nhận. |
| Thay thế/Sa thải các chuyên gia - Tác động đến Thanh toán | 33.1 Trừ khi Khách hàng có chấp thuận khác, (i) Tư vấn sẽ phải chịu chi phí đi lại và các chi phí khác phát sinh từ bất kỳ sự sa thải và/hoặc thay thế nào nói trên, và (ii) tiền thù lao phải trả cho bất kỳ Chuyên gia nào để thay thế sẽ không được vượt quá mức thù lao phải trả cho các Chuyên gia bị thay thế hoặc sa thải đó. |
| Giờ làm việc, làm thêm giờ, nghỉ phép, v.v. | 34.1 Giờ làm việc và ngày nghỉ của các Chuyên gia được quy định trong **Phụ lục B.** Để tính thời gian di chuyển đến/từ quốc gia của Khách hàng, các chuyên gia thực hiện Dịch vụ trong quốc gia của Khách hàng sẽ được coi là đã bắt đầu hoặc kết thúc công việc đối với các Dịch vụ đó vào ngày trước khi họ đến hoặc sau khi họ rời khỏi quốc gia của Khách hàng như được quy định trong **Phụ lục B**.  34.2 Các chuyên gia sẽ không được trả thù lao làm thêm giờ cũng như được nghỉ ốm hoặc nghỉ phép trừ khi được quy định trong **Phụ lục B**, và tiền thù lao cho Tư vấn sẽ được coi là chi trả cho các khoản chi phí này.  34.3 Bất kỳ sự nghỉ phép nào của các Chuyên gia chính cũng phải được Tư vấn chấp thuận trước, người sẽ đảm bảo rằng việc vắng mặt các chuyên gia do nghỉ phép sẽ không làm chậm tiến độ và ảnh hưởng đến nhiệm vụ giám sát đầy đủ của Dịch vụ. |

# E. Nghĩa vụ của chủ đầu tư

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hỗ trợ và miễn trừ | 35.1 Trừ khi có quy định khác trong **SCC**, Khách hàng sẽ phải thực hiện những nỗ lực tốt nhất để:  (a) Hỗ trợ Tư vấn kịp thời lấy được các giấy phép và các tài liệu khác nếu cần để Tư vấn thực hiện Dịch vụ.  (b) Hỗ trợ Tư vấn nhanh chóng có được, cho các Chuyên gia và, nếu phù hợp, người phụ thuộc đủ điều kiện của họ, tất cả thị thực xuất nhập cảnh cần thiết, giấy phép cư trú, giấy phép trao đổi và bất kỳ giấy tờ nào khác cần thiết cho họ ở trong nước của Khách hàng trong thời gian thực hiện Dịch vụ theo Hợp đồng.  (c) Hỗ trợ thông quan nhanh chóng bất kỳ tài sản nào được yêu cầu cho Dịch vụ và các tác động cá nhân của Chuyên gia và người phụ thuộc đủ điều kiện của họ.  (d) Hướng dẫn cán bộ, đại lý và đại diện của Chính phủ tất cả các hướng dẫn và thông tin đó, nếu cần hoặc phù hợp để triển khai Dịch vụ nhanh chóng và hiệu quả.  (e) Hỗ trợ Tư vấn và các Chuyên gia và bất kỳ Tư vấn phụ nào được thuê bởi Tư vấn được miễn trừ mọi yêu cầu đăng ký hoặc xin giấy phép để thực hành nghề nghiệp của họ hoặc tự thành lập hoặc là một thực thể của công ty trong Quốc gia của Khách hàng theo luật hiện hành tại quốc gia của Khách hàng.  (f) Hỗ trợ Tư vấn, bất kỳ Tư vấn phụ và Chuyên gia nào, hoặc Tư vấn phụ hoặc Chuyên gia, có được đặc quyền, theo luật hiện hành ở quốc gia của Khách hàng, mang vào quốc gia của Khách hàng một lượng ngoại tệ hợp lý cho các mục đích của Dịch vụ hoặc cho việc sử dụng cá nhân của các Chuyên gia, và rút bất kỳ số tiền nào trong các khoản tiền đó mà các Chuyên gia có thể được thù lao trong khi thực hiện Dịch vụ.  (g) Cung cấp cho Tư vấn bất kỳ sự trợ giúp nào khác có thể được quy định trong **SCC**. | |
| Tiếp cận khu vực dự án | 36.1 Khách hàng phải đảm bảo rằng Tư vấn sẽ có quyền tiếp cận, tự do, ra vào khu vực dự án để thực hiện Dịch vụ. Khách hàng sẽ chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại nào đối với khu vực dự án hoặc bất kỳ tài sản nào phát sinh từ sự tiếp cận đó và sẽ bồi thường cho Tư vấn và từng chuyên gia về trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào, trừ khi thiệt hại đó do sự cố ý hoặc sơ suất gây ra của Tư vấn hoặc bất kỳ Tư vấn phụ hoặc Chuyên gia nào trong số họ. | |
| Thay đổi Luật áp dụng liên quan đến Thuế và nghĩa vụ | 37.1 Nếu, sau ngày có hiệu lực của Hợp đồng này, có bất kỳ thay đổi nào về luật áp dụng tại quốc gia của Khách hàng liên quan đến thuế và nghĩa vụ, mà các luật đó làm tăng hoặc giảm chi phí phát sinh của Tư vấn trong quá trình thực hiện Dịch vụ, thì chi phí thù lao và chi phí phải trả khác cho Tư vấn theo Hợp đồng này sẽ được tăng hoặc giảm theo thỏa thuận giữa các Bên, và các điều chỉnh tương ứng sẽ được thực hiện theo mức trần quy định tại Khoản GCC 41.1. | |
| Dịch vụ, tiện nghi và tài sản của Khách hàng | 38.1 Khách hàng sẽ cung cấp miễn phí cho Tư vấn và các Chuyên gia, vì mục đích thực hiện Dịch vụ, các dịch vụ, phương tiện và tài sản được mô tả trong Điều khoản tham chiếu (Phụ lục A) tại thời điểm và theo cách thức quy định tại **Phụ lục A.**  38.2 Trong trường hợp các dịch vụ, phương tiện và tài sản đó không được cung cấp cho Tư vấn như quy định trong **Phụ lục A**, các Bên sẽ thỏa thuận (i) bất kỳ thời gian gia hạn nào có thể phù hợp để cấp cho Tư vấn thực hiện Dịch vụ, (ii) cách thức mà Tư vấn sẽ mua bất kỳ dịch vụ, phương tiện và tài sản nào từ các nguồn khác và (iii) các khoản thanh toán bổ sung, nếu có, được thực hiện cho Tư vấn theo thỏa thuận mua bán theo quy định của Khoản GCC 41.3. | |
| Nhân sự đối tác | 39.1 Khách hàng sẽ cung cấp cho Tư vấn miễn phí nhân sự chuyên nghiệp và hỗ trợ, được Khách hàng đề cử theo tham vấn của Tư vấn, nếu được quy định trong **Phụ lục A**.  39.2 Nếu nhân sự đối tác không được Khách hàng cung cấp cho Tư vấn như được chỉ định trong **Phụ lục A**, Khách hàng và Tư vấn sẽ thỏa thuận về việc (i) làm thế nào để khắc phục phần bị ảnh hưởng này của Dịch vụ và (ii) việc bổ sung các khoản thanh toán, nếu có, sẽ được Khách hàng thực hiện cho Tư vấn gây lên bởi sự ảnh hưởng này theo Khoản GCC 41.3.  39.3 Nhân viên đối tác chuyên nghiệp và hỗ trợ, ngoại trừ nhân viên liên lạc của Khách hàng, sẽ làm việc dưới sự chỉ đạo toàn quyền của Tư vấn. Nếu bất kỳ thành viên nào trong nhóm nhân viên đối tác không thực hiện đầy đủ bất kỳ công việc nào được Tư vấn giao phù hợp với vị trí của thành viên đó, Tư vấn có thể yêu cầu thay thế thành viên đó và Khách hàng sẽ không được từ chối một cách không hợp lý yêu cầu đó. |
| Nghĩa vụ thanh toán của Khách hàng | 40.1 Khi xem xét các Dịch vụ do Tư vấn thực hiện theo Hợp đồng này, Khách hàng sẽ thực hiện thanh toán cho Tư vấn cho các dịch vụ quy định tại Khoản F, GCC. | |

# F. Thanh toán cho Tư vấn

|  |  |
| --- | --- |
| Giá trần | 41.1 Ước tính chi phí của Dịch vụ được nêu trong **Phụ lục C** (Tiền thù lao) và **Phụ lục D** (Chi phí khác, Tổng tạm tính và Dự phòng)*.*  41.2 Các khoản thanh toán theo Hợp đồng này sẽ không được vượt quá trần ngoại tệ và nội tệ theo quy định trong **SCC**.  41.3 Đối với bất kỳ khoản thanh toán nào vượt quá mức trần quy định trong GCC41.2, Phụ lục Hợp đồng liên quan đến các điều khoản của Hợp đồng dẫn đến sự điều chỉnh đó sẽ được các Bên ký kết. |
| Thù lao và các chi phí khác, tổng tạm tính và dự phòng | 42.1 Khách hàng sẽ thanh toán cho Tư vấn (i) thù lao được xác định dựa trên thời gian thực tế của mỗi Chuyên gia thực hiện Dịch vụ sau ngày bắt đầu Dịch vụ hoặc ngày khác mà các Bên sẽ đồng ý bằng văn bản; và (ii) các chi phí khác, các khoản tạm tính và dự phòng thực sự và hợp lý phát sinh trong quá trình thực hiện Dịch vụ của Tư vấn.  42.2 Tất cả các khoản thanh toán sẽ căn cứ vào mức quy định trong **Phụ lục C** và **Phụ lục D.**  42.3 Trừ khi **SCC** quy định điều chỉnh giá của các mức thù lao, mức thù lao nói trên sẽ được ấn định trong suốt thời gian của Hợp đồng.  42.4 Mức thù lao sẽ bao gồm: (i) các khoản lương và phụ cấp như Tư vấn đã đồng ý trả cho các Chuyên gia cũng như các yếu tố chi phí xã hội và chi phí chung (tiền thưởng hoặc các phương thức chia sẻ lợi nhuận khác sẽ không được coi là yếu tố của chi phí chung), (ii) chi phí hỗ trợ nhân viên văn phòng không có trong danh sách Chuyên gia trong **Phụ lục B**, (iii) lợi nhuận của Tư vấn và (iv) bất kỳ chi phí nào khác được quy định trong **SCC**.  42.5 Bất kỳ mức thù lao và phụ cấp nào tính cho các Chuyên gia chưa được bổ nhiệm sẽ là các mức tạm thời và phải được điều chỉnh, có sự chấp thuận bằng văn bản của Khách hàng, khi các mức thù lao và phụ cấp đó được áp dụng. |
| Thuế và lệ phí | 43.1 Tư vấn, Tư vấn phụ và các Chuyên gia có nghĩa vụ đáp ứng bất kỳ và tất cả các khoản nợ thuế phát sinh từ Hợp đồng trừ khi được quy định khác trong **SCC**.  43.2 Ngoại trừ những điều trên và những quy định trong **SCC**, tất cả các loại thuế gián tiếp có thể quy định tại địa phương mà không bao gồm trong Đề xuất tài chính của Tư vấn theo ITC 25, được ghi thành từng khoản và hoàn thành theo các đàm phán Hợp đồng, được hoàn trả cho Tư vấn hoặc được Khách hàng thanh toán thay mặt cho Tư vấn. |
| Đồng tiền thanh toán | 44.1 Mọi khoản thanh toán theo Hợp đồng này sẽ được thực hiện bằng các loại tiền được quy định trong **SCC.** |
| Phương thức thanh toán | 45.1 Các hóa đơn và thanh toán đối với Dịch vụ sẽ được thực hiện như sau:  (a) **Tạm ứng.** Trong một khoảng thời gian sau Ngày hợp đồng có hiệu lực, Khách hàng sẽ tiến hành thanh toán cho Tư vấn một khoản tạm ứng theo quy định tại **SCC**. Trừ khi có quy định khác trong **SCC**, khoản tạm ứng sẽ được thực hiện đối với bảo lãnh ngân hàng tạm ứng được Khách hàng chấp nhận bằng một khoản tiền (hoặc một số tiền) và bằng loại tiền (hoặc tiền tệ) quy định trong **SCC**. Khoản bảo lãnh đó nhằm (i) duy trì hiệu lực cho đến khi khoản tạm ứng được thực hiện đầy đủ và (ii) phải theo mẫu quy định trong **Phụ lục E** hoặc dưới hình thức khác mà Khách hàng sẽ chấp thuận bằng văn bản. Các khoản tạm ứng sẽ được Khách hàng thực hiện thành nhiều đợt theo các đề nghị thanh toán theo số tháng của Dịch vụ như quy định trong **SCC** cho đến khi các khoản tạm ứng đã được thực hiện hoàn toàn.  (b) **Thanh toán theo từng hạng mục công việc.**Ngay khi có thể thực hiện và không quá mười lăm (15) ngày sau khi kết thúc mỗi tháng theo lịch dương trong giai đoạn Dịch vụ hoặc sau khi kết thúc mỗi khoảng thời gian, trừ khi được quy định khác trong **SCC**, Tư vấn sẽ gửi cho Khách hàng hai bộ đề nghị thanh toán, bao gồm các chi tiết từng khoản thanh toán, kèm theo biên lai hoặc chứng từ phù hợp khác, về số tiền phải trả theo Khoản GCC 44 và Khoản GCC 45 trong khoảng thời gian đó hoặc bất kỳ giai đoạn nào khác được nêu trong **SCC**. Hóa đơn sẽ được nộp cho từng chi phí phát sinh bằng ngoại tệ và nội tệ. Mỗi hóa đơn sẽ phản ánh từng khoản tiền thù lao và chi phí hoàn trả riêng.  (c) Khách hàng sẽ thanh toán hóa đơn của Tư vấn trong vòng sáu mươi (60) ngày sau khi Khách hàng nhận được bộ chứng từ bao gồm từng khoản chi phí đó và các chứng từ liên quan khác. Chỉ một vài hóa đơn không hợp lệ thì toàn bộ chứng từ đề nghị thanh toán có thể không được thanh toán. Nếu có bất kỳ sự chênh lệch nào giữa thanh toán thực tế và chi phí mà Tư vấn được nhận, Khách hàng có thể trả thêm hoặc đối trừ khoản chênh lệch của bất kỳ khoản thanh toán nào về sau này.  (d) **Thanh toán cuối cùng.** Đợt thanh toán cuối cùng theo Điều khoản này chỉ được thực hiện sau khi báo cáo cuối cùng và chứng từ đề nghị thanh toán cuối cùng được Tư vấn trình nộp và Khách hàng chấp thuận. Dịch vụ sẽ được coi là hoàn thành khi Khách hàng chấp nhận. Báo cáo cuối cùng và chứng từ đề nghị thanh toán cuối cùng sẽ được Khách hàng phê duyệt trong vòng chín mươi (90) ngày sau khi nhận, trừ khi Khách hàng trong khoảng thời gian chín mươi (90) ngày theo lịch dương, gửi thông báo bằng văn bản cho Tư vấn chỉ định cụ thể các thiếu sót trong Dịch vụ, trong báo cáo cuối cùng hoặc chứng từ đề nghị thanh toán cuối cùng. Tư vấn sẽ phải nhanh chóng khắc phục các sai sót và sau đó quy trình trên sẽ được lặp lại. Bất kỳ khoản tiền nào mà Khách hàng đã thanh toán hoặc phải thanh toán theo Điều khoản này vượt quá số tiền phải trả theo quy định của Hợp đồng này sẽ được Tư vấn hoàn trả lại cho Khách hàng trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi Tư vấn nhận được thông báo. Bất kỳ khiếu nại nào của Khách hàng về yêu cầu hoàn trả cũng phải được thực hiện trong vòng mười hai (12) tháng theo lịch dương sau khi Khách hàng nhận được báo cáo cuối cùng và chứng từ đề nghị thanh toán cuối cùng và được Khách hàng phê duyệt theo quy định trên.  (e) Tất cả các khoản thanh toán theo Hợp đồng này sẽ được gửi vào các tài khoản của Tư vấn được chỉ định trong **SCC**.  (f) Ngoại trừ khoản thanh toán cuối cùng theo mục (d) ở trên, các khoản thanh toán của Dịch vụ không được chấp nhận cũng không miễn trừ cho Tư vấn về bất kỳ nghĩa vụ nào dưới đây. |
| Lãi suất cho các khoản thanh toán chậm | 46.1 Nếu Khách hàng chậm thanh toán quá mười lăm (15) ngày kể từ ngày quy định nêu trong Khoản GCC 45.1 (c), tiền lãi sẽ được trả cho Tư vấn liên quan đến bất kỳ số tiền nào đến hạn mà chưa được trả vào ngày đến hạn đó tính theo mỗi ngày chậm trễ với tỷ lệ lãi suất theo năm được nêu trong **SCC.** |

# G. Công bằng và thiện chí

|  |  |
| --- | --- |
| Thiện chí | 47.1 Các Bên cam kết hành động một cách thiện chí đối với các quyền khác của Hợp đồng theo Hợp đồng này và áp dụng mọi biện pháp hợp lý để đảm bảo thực hiện các mục tiêu của Hợp đồng này. |

# H. Giải quyết tranh chấp

|  |  |
| --- | --- |
| Hòa giải tranh chấp | 48.1 Các Bên phải tìm cách hòa giải các tranh chấp bằng cách tham khảo ý kiến lẫn nhau.  48.2 Nếu một trong hai Bên phản đối bất kỳ hành động hoặc không hành động của Bên kia thì Bên phản đối có thể gửi một Thông báo Tranh chấp bằng văn bản cho Bên kia cung cấp chi tiết các cơ sở của tranh chấp. Bên nhận được Thông báo Tranh chấp phải xem xét và trả lời bằng văn bản trong vòng 14 ngày sau khi nhận được thông báo. Nếu Bên đó không trả lời trong vòng 14 ngày, hoặc tranh chấp không thể hòa giải trong vòng 14 ngày kể từ ngày Bên đó trả lời, Điều Khoản GCC 49.1 dưới đây sẽ được áp dụng. |
| Giải quyết tranh chấp | 49.1 Mọi tranh chấp giữa các Bên phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này mà không thể hòa giải có thể chuyển đến xét xử tòa án/phân xử trọng tài bởi một trong hai Bên theo các quy định được quy định trong **SCC**. |

# I. Tư cách hợp lệ

|  |  |
| --- | --- |
| Tư cách hợp lệ | 50.1 Tuân thủ chính sách về tính hợp lệ của Ngân hàng trong quá trình thực hiện Hợp đồng. |

TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM 1: Chính sách của Ngân hàng – Các hành vi Tham nhũng và Gian lận

*Chú ý đối với Khách hàng”: Văn bản trong Tài liệu Đính kèm 1 sẽ không được sửa đổi]*

**Chính sách chống tham nhũng**

Chính sách chống tham nhũng của ADB qui định rằng Bên vay vốn (bao gồm những người hưởng lợi từ những hoạt động do ADB tài trợ), và nhân sự của họ, cũng như công ty và cá nhân tham gia một hoạt động do ADB tài trợ, bao gồm nhưng không giới hạn ở nhà thầu, nhà cung cấp, tư vấn, tư vấn phụ, nhà thầu phụ, và các đại lý (bao gồm các cán bộ, giám đốc, và nhân viên) theo các hợp đồng do ADB tài trợ, phải tuân thủ ở mức cao nhất các chuẩn mực đạo đức trong quá trình tuyển dụng và thực hiện các hợp đồng này theo Chính sách Chống tham nhũng của ADB (1998, được sửa đổi theo thời gian). Theo chính sách này, trong ngữ cảnh của các Hướng dẫn này, ADB:

(a) xác định, vì mục đích của quy định này, định nghĩa các khái niệm như sau:

(i) Một “hành vi hối lộ” là gợi ý, đưa, nhận, hoặc đề nghị, trực tiếp hay gián tiếp, bất kỳ vật gì có giá trị nhằm gây ảnh hưởng không chính đáng đến hành động của bên kia.

(ii) Một “hành vi gian lận” là bất kỳ hành động hoặc thiếu sót nào, kể cả trình bày sai sự thật, dẫn đến lừa dối một cách cố ý hoặc vô ý, hoặc cố gắng lừa dối một bên để có được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc tránh thực hiện một nghĩa vụ.

(iii) Một “hành vi ép buộc” là làm hư hỏng hoặc tổn hại, hoặc đe dọa làm hư hỏng hoặc tổn hại, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kỳ bên nào hoặc tài sản của họ để gây ảnh hưởng không chính đáng đến hành động của một bên.

(iv) Một “hành vi thông đồng” là sự sắp xếp giữa hai hay nhiều bên liên quan nhằm đạt được mục đích sai trái, kể cả gây ảnh hưởng không chính đáng đến hành động của bên kia.

(v) Sự lạm dụng, đây là hành vi trộm cắp, gây lãng phí hoặc sử dụng không chính đáng các tài sản có liên quan đến hoạt động của ADB, hoặc cố tình vi phạm, hoặc do sự bất cẩn.

(vi) Xung đột lợi ích, là bất kỳ tình huống nào mà một bên có lợi ích có thể gây ảnh hưởng không chính đáng đến việc thực hiện các nghĩa vụ hoặc trách nhiệm chính thức, các nghĩa vụ theo hợp đồng, hoặc việc tuân thủ các quy định và pháp luật của bên khác.

1. Vi phạm liêm chính là bất kỳ hành vi nào vi phạm Chính sách chống tham nhũng của ADB, bao gồm các mục từ (i) đến (vi) ở trên và các mục sau: hành vi cản trở, lạm dụng, xung đột lợi ích, vi phạm các biện pháp trừng phạt của ADB, trả thù người tố cáo hoặc nhân chứng, và các hành vi khác vi phạm Chính sách chống tham nhũng của ADB, bao gồm cả việc không tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức cao nhất.

(b) Sẽ từ chối đề xuất trao hợp đồng nếu Ngân hàng ADB xác định rằng Tư vấn được đề xuất trao hợp đồng hoặc bất kỳ cán bộ, giám đốc, nhân viên, nhân sự, tư vấn phụ, nhà thầu phụ, nhà cung cấp dịch vụ, nhà cung cấp hoặc nhà sản xuất nào đã tham gia vào hành vi tham nhũng, gian lận, thông đồng, ép buộc, hoặc các hành vi cản trở hoặc các vi phạm liêm chính khác trong quá trình cạnh tranh Hợp này.

(c) Sẽ hủy bỏ phần vốn được chỉ định cho một hợp đồng nếu vào bất kỳ thời điểm nào ADB xác định rằng đại diện của Bên vay vốn do ADB tài trợ đã tham gia vào các hành vi tham nhũng, gian lận, thông đồng, ép buộc hoặc cản trở hoặc các hành vi vi phạm liêm chính khác trong quá trình mua sắm hoặc thực hiện hợp đồng, mà Bên vay không có hành động kịp thời và thích hợp đáp ứng yêu cầu của ADB để xử lý các hành vi trên, bao gồm cả việc không thông báo kịp thời cho ADB vào thời điểm họ biết về các vi phạm liêm chính

(d) sẽ phạt một hãng hoặc một cá nhân, vào bất kỳ thời điểm nào, theo Chính sách chống tham nhũng và Các Nguyên tắc và Hướng dẫn về Liêm chính của ADB (cả hai đều được cập nhật theo thời gian), bao gồm tuyên bố các hãng tư vấn, cá nhân, cơ quan kế nhiệm là không hợp lệ để được tham gia, hoặc vĩnh viễn hoặc tạm thời trong một khoảng thời gian nhất định, vào các hoạt động do ADB tài trợ hoặc quản lý, hoặc ADB hỗ trợ hoặc hưởng lợi từ các hợp đồng do ADB tài trợ hoặc quản lý, hoặc ADB hỗ trợ về mặt tài chính hoặc khía cạnh khác, nếu vào bất kỳ thời điểm nào ADB xác định được rằng hãng hoặc cá nhân đó đã, trực tiếp hoặc thông qua đại diện, có hành vi liên quan đến vi phạm liêm chính hoặc các hành vi bị cấm khác; và

(e) sẽ có quyền yêu cầu đưa một điều khoản vào yêu cầu đối với các đề xuất và trong các Hợp đồng do ADB tài trợ, quản lý hoặc hỗ trợ, yêu cầu các Tư vấn và các bên thứ ba khác tham gia hoặc tham gia vào các hoạt động liên quan đến ADB, và các cán bộ, giám đốc, nhân viên tương ứng và nhân sự cho phép ADB hoặc đại diện của ADB kiểm tra các tài khoản và hồ sơ cũng như các tài liệu khác liên quan đến quá trình lựa chọn và thực hiện hợp đồng và kiểm toán bởi kiểm toán viên do ADB chỉ định.

Tất cả các Nhà thầu, Tư vấn, nhà thầu, nhà cung cấp, nhà sản xuất, nhà cung cấp dịch vụ và các bên thứ ba khác tham gia hoặc liên quan đến các hoạt động của ADB và các cán bộ, giám đốc và nhân viên tương ứng có nghĩa vụ hợp tác điều tra khi ADB yêu cầu. Như được xác định theo từng trường hợp bởi ADB, sự hợp tác đó bao gồm, nhưng không giới hạn ở, những điều sau:

1. sẵn sàng trả lời phỏng vấn và trả lời đầy đủ, trung thực tất cả các câu hỏi;
2. cung cấp cho ADB bất kỳ hạng mục nào được yêu cầu nằm trong tầm kiểm soát của bên đó, bao gồm nhưng không giới hạn ở tài liệu và các vật thể khác;
3. theo yêu cầu bằng văn bản của ADB, ủy quyền cho các bên liên quan khác tiết lộ trực tiếp cho ADB những thông tin có liên quan cụ thể và quan trọng, trực tiếp hoặc gián tiếp, đến các thực thể hoặc vấn đề nói trên là đối tượng của cuộc điều tra;
4. Phối hợp theo yêu cầu hợp lý để thanh tra hoặc kiểm tra thực tế con người và/hoặc khu vực làm việc, bao gồm các tệp, cơ sở dữ liệu điện tử và tài sản cá nhân được sử dụng trong các hoạt động của ADB, hoặc sử dụng các nguồn hoặc hệ thống Công nghệ Thông tin và Truyền thông (ICT) của ADB (bao gồm điện thoại di động, thiết bị điện tử cá nhân và thiết bị lưu trữ điện tử như ổ đĩa ngoài);
5. hợp tác trong bất kỳ thử nghiệm hoặc kiểm tra nào do ADB yêu cầu;
6. cung cấp tất cả các thông tin khác liên quan đến thanh tra hoặc kiểm toán của ADB; Và
7. duy trì và bảo vệ tính bảo mật của tất cả các thông tin được thảo luận với, và theo yêu cầu của ADB.

Tất cả các nhà thầu, Tư vấn, nhà thầu và nhà cung cấp phải yêu cầu các cán bộ, giám đốc, nhân viên, đại lý đảm bảo rằng, trong hợp đồng với các tư vấn phụ, Nhà thầu phụ và các bên thứ ba khác đã tham gia hoặc liên quan đến các hoạt động của ADB, các nhà thầu phụ, tư vấn phụ đó và các bên thứ ba khác cũng có nghĩa vụ phối hợp trong bất kỳ cuộc điều tra nào khi được ADB yêu cầu.

Bên vay thông báo cho Nhà thầu rằng Nhà thầu hoặc bất kỳ đối tác liên danh nào của Nhà thầu (nếu có) có thể không nhận được thanh toán theo Hợp đồng nếu Tư vấn hoặc bất kỳ đối tác liên danh nào, nếu có, là, hoặc sở hữu (toàn bộ hoặc một phần) bởi một người hoặc tổ chức chịu các biện pháp trừng phạt hiện hành.

# ĐIỀU KIỆN CHI TIẾT CỦA HỢP ĐỒNG

*[Phần ghi chú trong ngoặc và/hoặc in nghiêng là hướng dẫn và nên xoá đi sau khi điền thông tin]*

|  |  |
| --- | --- |
| **Khoản** | **Sửa đổi, bổ sung các Khoản trong Điều kiện chung của Hợp đồng** |
| **1 (b)** | **Hướng dẫn áp dụng**  Chính sách Đấu thầu của ADB 2017 (Chính sách) và Quy chế Đấu thầu dành cho Bên vay vốn ADB 2017 (được sửa đổi tùy từng thời điểm) (Quy chế Đấu thầu). |
| **1(c) và 3.1** | **Luật áp dụng**  Hợp đồng được hiểu là theo quy định của pháp luậtViệt Nam*.* |
| **4.1** | **Ngôn ngữ**  Ngôn ngữ là Tiếng Anh*.* |
| **6.1 và 6.2** | **Địa chỉ**   |  |  | | --- | --- | | Chủ đầu tư: | Ban Quản lý dự án Cơ sở hạ tầng Chuỗi Giá trị Nông nghiệp Hợp phần 3 | | Người nhận: | Nguyễn Phúc Đạt, Giám đốc Dự án | | Fax: | 02053.874.391 | | E-mail (nếu có): | banqldahp3.htdb@gmail.com | | Tư vấn: |  | | Người nhận: |  | | Fax: |  | | E-mail (nếu có): |  | |
| **8.1** | **Thành viên chính của Liên danh**  *[****Ghi chú****: Nếu Tư vấn là công ty độc lập, điền KHÔNG ÁP DỤNG;*  *HOẶC*  *Nếu Tư vấn là Liên danh bao gồm nhiều hơn một công ty, điền tên của thành viên Liên danh có địa chỉ nêu trong Khoản SCC 6.1 vào đây.]*  *Thành viên đứng đầu, thay mặt cho Liên doanh là \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ [điền tên của thành viên]* |
| **9.1** | **Đại diện hợp pháp**  Các đại diện được ủy quyền là:  Khách hàng: Nguyễn Phúc Đạt, Giám đốc Dự án  Tư vấn: *[Tên, chức danh]* |
| **11.1** | **Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng**    *KHÔNG ÁP DỤNG* |
| **12.1** | **Chấm dứt hợp đồng vì không có hiệu lực:**  Khoảng thời gian là 04 tháng kể từ ngày Hợp đồng được ký kết. |
| **13.1** | **Bắt đầu thực hiện dịch vụ:**  Số ngày sẽ là 10 kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.  Xác nhận về việc Chuyên gia chính sẵn sàng để thực hiện Nhiệm vụ sẽ được trình cho Khách hàng dưới dạng văn bản có chữ ký của từng Chuyên gia. |
| **14.1** | **Hết hạn hợp đồng**  Hết hạn hợp đồng:  Khoảng thời gian là **15 tháng** sau ngày Hợp đồng có hiệu lực |
| **21.1.3** | **Xung đột**  Khách hàng có quyền kết luận, trong từng trường hợp cụ thể, việc Tư vấn có thể bị loại khỏi việc cung cấp hàng hóa, công trình xây lắp hoặc dịch vụ phi tư vấn do mâu thuẫn về bản chất được mô tả trong Khoản GCC 21.1.3 |
| **23.1** | **Trách nhiệm của Tư vấn**  Không có quy định nào khác. |
| **24.1** | **Phạm vi bảo hiểm**  Phạm vi bảo hiểm đối với các rủi ro như sau:  **(a) Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, với phạm vi bảo hiểm tối thiểu** là với mức bảo hiểm tối thiểu 100% trên tổng giá trần của Hợp đồng. |
| **27.1** | **Ngoại lệ đối với quyền sở hữu**    Không áp dụng |
| **27.2** | **Sử dụng tài liệu trong tương lai**    Tư vấn không được sử dụng các tài liệu này cho các mục đích không liên quan đến Hợp đồng này mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Khách hàng. |
| **35.1**  **(a) through (f)** | **Hỗ trợ và Miễn trừ**    *[****Ghi chú****: List here any changes or additions to Clause GCC 35.1. If there are no such changes or additions, delete this Clause* ***SCC*** *35.1.]* |
| **35.1(g)** | **Other Assistance to Be Provided by Client**    *[****Note****: Liệt kê mọi hỗ trợ khác sẽ được cung cấp bởi Khách hàng. Nếu không có hỗ trợ nào khác, xóa Khoản SCC 35.1(g).]* |
| **41.2** | **Mức giá trần**  *Mức giá trần bằng ngoại tệ hoặc các đồng tiền khác là: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ [chèn giá trị và tiền tệ cho mỗi loại tiền tệ] [nêu rõ: đã bao gồm hoặc chưa bao gồm] thuế gián thu và các loại thuế tại quốc gia đó theo ĐKC 43.2.*  *Mức trần bằng nội tệ là: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ [chèn số tiền và tiền tệ] [cho biết: đã bao gồm hoặc chưa bao gồm] thuế gián thu thuế gián thu và các loại thuế tại quốc gia đó theo ĐKC 43.2.*  *Bất kỳ khoản thuế gián thu và các loại thuế địa phương khác theo ĐKC 43.2 liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng thực hiện Dịch vụ do Tư vấn chi trả sẽ [chèn nếu phù hợp: được Khách hàng thanh toán hoặc hoàn trả] [chèn cho phù hợp “cho” hoặc “tới”] Tư vấn.* |
| **42.3** | **Điều chỉnh giá**  Áp dụng điều chỉnh giá theo mức thù lao: Không áp dụng. |
| **42.4** | **Các khoản được tính trong Lương chuyên gia**  *Nếu không có khoản nào được tính trong lương chuyên gia ngoài khoản được quy định trong GCC 42.4, Vui long điền “Không Áp dụng”.* |
| **43.1 và 43.2** | **Thuế phí**  *[Ghi chú: Ngân hàng để Khách hàng quyết định việc Tư vấn (i) có được miễn thuế gián thu trong nước hoặc các loại thuế khác hay không theo ĐKC 43.2, hoặc (ii) có được Khách hàng hoàn trả bất kỳ khoản thuế nào hay không (hoặc Khách hàng sẽ thay mặt Tư vấn trả các khoản thuế đó].*  Khách hàng đảm bảo rằng [chọn một lựa chọn phù hợp với ITC 16.3 và kết quả thương thảo Hợp đồng*:*  *Nếu ITC16.3 chỉ rõ tình trạng miễn thuế, bao gồm các trường hợp sau:* Tư vấn, Tư vấn phụ và Chuyên gia sẽ được miễn thuế”  HOẶC  Nếu ITC16.3 không chỉ rõ tình trạng miễn thuế và, tùy thuộc vào việc Khách hàng hay Tư vấn sẽ thanh toán thuế miễn trừ, bao gồm:  “Khách hàng sẽ thanh toán thay mặt cho Tư vấn, Tư vấn phụ và Chuyên gia, HOẶC “Khách hàng sẽ hoàn trả cho Tư vấn, Tư vấn phụ và Chuyên gia] bất kỳ khoản thuế, nghĩa vụ nộp thuế, lệ phí và thuế gián thu theo ĐKC 43.2, theo luật áp dụng tại quốc gia Khách hàng, đối với Tư vấn, Tư vấn phụ và Chuyên gia:  (a) mọi khoản thanh toán cho Tư vấn, Tư vấn phụ và Chuyên gia (không phải là công dân hoặc công dân thường trú của quốc gia Khách hàng), liên quan đến việc thực hiện Dịch vụ này;  (b) bất kỳ thiết bị, vật liệu và vật tư được Tư vấn hoặc Tư vấn phụ mang đến quốc gia Khách hàng để thực hiện Dịch vụ và sau đó sẽ được thu hồi;  (c) mọi thiết bị được nhập khẩu để thực hiện Dịch vụ và được Khách hàng thanh toán ngoài khoản tiền tài trợ sẽ được coi là tài sản của Khách hàng;  (d) bất kỳ tài sản nào được Tư vấn, bất kỳ Tư vấn phụ hoặc Chuyên gia mang đến cho quốc gia của Khách hàng (không phải là công dân hoặc công dân thường trú tại quốc gia của Khách hàng) hoặc cá nhân có tư cách hợp lệ như các chuyên gia để sử dụng cho mục đích cá nhân và sau đó thu hồi, miễn là:   1. Tư vấn, Tư vấn phụ và chuyên gia sẽ tuân theo các thủ tục hải quan của quốc gia Khách hàng trong việc đưa tài sản vào quốc gia Khách hàng; và 2. nếu Tư vấn, Tư vấn phụ hoặc Chuyên gia không thu hồi mà vứt bỏ bất kỳ tài sản nào ở quốc gia của Khách hàng mà thuế hải quan và thuế đã được miễn, thì Tư vấn, Tư vấn phụ hoặc Chuyên gia, tùy theo từng trường hợp, (a) phải chịu thuế hải quan và thuế theo các quy định của quốc gia Khách hàng hoặc (b) sẽ hoàn trả cho Khách hàng nếu được Khách hàng thanh toán tại thời điểm tài sản bị nghi vấn khi đưa vào quốc gia của Khách hàng. |
| **44.1** | **Tiền tệ thanh toán**  Đơn vị tiền tệ [tiền tệ] thanh toán sẽ như sau: *[đơn vị tiền tệ phải giống như trong Đề xuất tài chính, Mẫu FIN-2]* |
| **45.1(a)** | **Tạm ứng**    Các quy định sau đây sẽ được áp dụng cho khoản tạm ứng và bảo lãnh tạm ứng:  (1) Khoản thanh toán tạm ứng mười (10) phần trăm bằng nội tệ sẽ được thực hiện trong vòng 28 ngày sau khi Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh thanh toán tạm ứng qua ngân hàng. Khoản thanh toán tạm ứng sẽ được Chủ đầu tư khấu trừ theo từng đợt bằng nhau đối với các khoản thanh toán mà khoản tạm ứng đã được khấu trừ.  (2) Bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng sẽ được tính bằng giá trị và đơn vị tiền tệ của khoản tạm ứng.  (3) Bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng sẽ được giải phóng sau khi hoàn tất việc hoàn trả khoản tạm ứng. |
| **45.1(b)** | **Báo cáo chi tiết**  Không có điều khoản bổ sung. |
| **45.1(e)** | **Tài khoản của Tư vấn**  Các tài khoản là:  Bằng ngoại tệ: *[điền số tài khoản]*.  Bằng nội tệ: *[điền số tài khoản]*. |
| **46.1** | **Lãi suất khi trả chậm**  *Lãi suất là: Lãi suất tiết kiệm trung bình hàng năm của Vietcombank, BIDV, Vietinbank và Agribank cộng thêm 1%.* |
| **49.** | **Giải quyết tranh chấp**  *[Lưu ý: Trong các hợp đồng với tư vấn nước ngoài, Ngân hàng yêu cầu sử dụng trọng tài thương mại quốc tế tại một địa điểm trung lập.]*  **Tranh chấp sẽ được giải quyết bằng trọng tài theo các quy định sau đây:**  1. **Lựa chọn Trọng tài**. Tranh chấp do một Bên trình lên trọng tài sẽ được xét xử bởi trọng tài viên hoặc hội đồng trọng tài gồm ba (3) người, theo các quy định sau đây:  (a) Trong trường hợp các Bên đồng ý rằng tranh chấp liên quan đến vấn đề kỹ thuật, có thể chỉ định một trọng tài viên hoặc, nếu không thỏa thuận được việc chỉ định trọng tài trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được đề xuất chỉ định trọng tài của Bên tố tụng, thì các Bên có thể đệ trình [tên cơ quan quốc tế chuyên nghiệp phù hợp, ví dụ, Liên đoàn Quốc tế des Ingenieurs-Conseil (FIDIC) của Lausanne, Thụy Sĩ] một danh sách tối thiểu năm (5) trọng tại, và khi nhận được danh sách đó, các Bên sẽ lần lượt đánh giá các trọng tài, và người còn lại cuối cùng trong danh sách sẽ là trọng tài xử lý tranh chấp. Nếu người cuối cùng chưa được xác định theo cách này trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày có danh sách, [chèn tên của cơ quan chuyên môn như trên] sẽ chỉ định, theo yêu cầu của một trong hai bên, từ danh sách đó để chỉ định một trọng tài để xử lý tranh chấp.  (b) Trong trường hợp các Bên không đồng ý rằng tranh chấp liên quan đến kỹ thuật, Khách hàng và Tư vấn, mỗi bên sẽ chỉ định một (1) trọng tài viên và hai người này này sẽ chỉ định một trọng tài thứ ba làm chủ tọa trọng tài. Nếu các trọng tài này không chỉ định được trọng tài thứ ba trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi hai (2) trọng tài của các Bên được chỉ định, thì trọng tài thứ ba sẽ, theo yêu cầu của một trong hai Bên, được chỉ định bởi [tên một cơ quan bổ nhiệm quốc tế phù hợp, ví dụ: Tổng thư ký Tòa án Trọng tài Thường trực, The Hague; Tổng thư ký Trung tâm giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, Washington, D.C.; Phòng Thương mại Quốc tế, Paris; v.v.]  (c) Nếu, trong tranh chấp theo đoạn (b) nêu trên, một Bên không chỉ định được trọng tài trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi Bên kia đã chỉ định trọng tài của mình, Bên chỉ định được trọng tài đệ trình lên [cơ quan được chỉ định như nêu trong đoạn (b)] để chỉ định một trọng tài giải quyết tranh chấp, và trọng tài được chỉ định theo đệ trình đó sẽ là trọng tài chịu trách nhiệm xử lý tranh chấp đó.  2. **Quy tắc tố tụng.** Trừ khi có quy định khác trong tài liệu này, các thủ tục tố tụng sẽ được tiến hành theo các quy tắc về thủ tục tố tụng của Ủy ban Luật Thương mại Quốc tế của Liên Hợp Quốc (UNCITRAL) kể từ ngày ký Hợp đồng.  3. **Thay thế trọng tài**. Nếu vì bất kỳ lý do nào, trọng tài không thể thực hiện chức năng của mình, một trọng tài thay thế sẽ được chỉ định theo cách tương tự như trọng tài ban đầu.  4. **Quốc tịch và trình độ của Trọng tài.** Trọng tài duy nhất hoặc trọng tài thứ ba được chỉ định theo các đoạn từ 1(a) đến 1(c) nêu trên, phải là chuyên gia luật hoặc kỹ thuật được quốc tế công nhận có nhiều kinh nghiệm liên quan đến việc xử lý tranh chấp và không được có quốc tịch tại quốc gia của Tư vấn [Ghi chú: Nếu Tư vấn gồm nhiều thành viên, bổ sung thêm thông tin về quốc gia của bất kỳ thành viên hoặc các Bên] hoặc của quốc gia Chính phủ. Đối với Điều khoản này, nước sở tại là:  (a) Quốc gia thành lập Tư vấn [Ghi chú: Nếu Tư vấn gồm nhiều thành viên, bổ sung thêm thông tin về quốc gia của bất kỳ thành viên hoặc các Bên]; hoặc  (b) Quốc gia nơi đặt trụ sở của Tư vấn [hoặc bất kỳ thành viên nào]; hoặc  (c) Quốc gia có quốc tịch của đa số các cổ đông của Tư vấn [hoặc của bất kỳ thành viên nào]; hoặc   * 1. Quốc gia của các tư vấn phụ có liên quan đến tranh chấp trong hợp đồng tư vấn phụ.   5. **Các điều khoản khác**. Trong bất kỳ thủ tục tố tụng dưới đây  (a) Các thủ tục tố tụng, trừ khi thoả thuận nào khác của các Bên, được tổ chức tại [chọn một quốc gia không phải là quốc gia của Khách hàng và Tư vấn*]*;  (b) ngôn ngữ [chọn loại ngôn ngữ] sẽ là ngôn ngữ chính thức cho tất cả nội dung; và  (c) quyết định của trọng tài duy nhất hoặc của đa số trọng tài (hoặc của trọng tài thứ ba nếu không có đa số) sẽ là quyết định cuối cùng và có thể được thi hành tại bất kỳ tòa án có thẩm quyền nào và các Bên, theo đây, không có quyền khước từ hoặc phản đối việc thực thi theo quyết định đó. |

# PHỤ LỤC

PHỤ LỤC A: ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

***[Ghi chú:*** *Phụ lục này sẽ bao gồm Điều khoản tham chiếu (TOR) cuối cùng do Chủ đầu tư và Tư vấn đàm phán trong quá trình thương thảo; ngày hoàn thành các nhiệm vụ; địa điểm thực hiện nhiệm vụ; yêu cầu báo cáo; Đầu vào của Chủ đầu tư, bao gồm cả nhân viên đối tác được Chủ đầu tư chỉ định làm việc trong nhóm Tư vấn; các nhiệm vụ cụ thể yêu cầu chấp thuận trước của Chủ đầu tư.*

*Thêm nội dung theo Phần 7 (Điều khoản tham chiếu) của ITC trong Yêu cầu nộp đề xuất và được sửa đổi dựa trên Biểu mẫu TECH-1 đến TECH-5 trong Đề xuất Kỹ thuật. Làm nổi bật các thay đổi đối với Mục 7 của Yêu cầu nộp đề xuất ].*

*Nếu Dịch vụ gồm nhiệm vụ giám sát thi công thì hành động sau đây cần phê duyệt trước của Chủ đầu tư cần phải được đưa vào “Yêu cầu báo cáo” trong ĐKTC: Thực hiện hành động theo hợp đồng xây lắp chỉ định Tư vấn là Kỹ sư, theo đó, với hợp đồng xây lắp như vậy, cần có sự phê duyệt trước bằng văn bản của Chủ đầu tư.]*

PHỤ LỤC B: CHUYÊN GIA CHỦ CHỐT

*[Chèn bảng dựa trên Mẫu TECH-6 của Đề xuất Kỹ thuật và hoàn thiện trong thương thảo hợp đồng. Đính kèm CV (được cập nhật và ký bởi Chuyên gia chính) thể hiện trình độ của Chuyên gia chính.]*

*[Chỉ định giờ làm việc cho các chuyên gia chính: Nêu số giờ làm việc cho các chuyên gia chính; thời gian di chuyển đến/từ quốc gia của Khách hàng; quyền lợi, nếu có, về nghỉ phép, nghỉ lễ tại quốc gia của Khách hàng, vì có thể ảnh hưởng đến công việc của Tư vấn, v.v… Đảm bảo thống nhất với Mẫu TECH-6. Ví dụ: một tháng bằng hai mươi hai (22) ngày làm việc. Một ngày làm việc không ít hơn tám (8) giờ.]*

PHỤ LỤC C: GIÁ HỢP ĐỒNG

*Mức lương hàng tháng cho các chuyên gia:*

*[Chèn bảng thù lao chuyên gia. Bảng sẽ dựa trên [Mẫu FIN-3] của Hồ sơ Đề xuất và phản ánh mọi thay đổi trong khi thương thảo Hợp đồng, nếu có. Phần chú thích sẽ liệt kê danh sách những thay đổi đối với [Mẫu FIN-3] trong khi thương thảo hoặc chú thích không có thay đổi.]*

***Mẫu I***

***Bảng chi tiết tỷ lệ cố định được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn***

*Chúng tôi xác nhận rằng chúng tôi đã đồng ý trả cho các chuyên gia được liệt kê, những người sẽ tham gia vào việc thực hiện các dịch vụ, lệ phí cơ bản và công tác phí (nếu có) chỉ ra dưới đây:*

*(Tính theo [nêu tên loại tiền tệ]) \**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Chuyên gia* | | *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* |
| *Tên* | *Vị trí* | *Tỷ lệ tiền lương cơ bản tính theo tháng/ngày/năm* | *Chi phí xã hội1* | *Chi phí chung 1* | *Tổng phụ* | *Lợi nhuận 2* | *Phụ cấp xa nhà và văn phòng* | *Tỷ lệ cố định được thỏa thuận tính theo tháng/ngày/giờ* | *Tỷ lệ cố định được thỏa thuận tính theo tháng/ngày/giờ 1* |
| *Văn phòng* | |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *Hiện trường* | |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*1 Thể hiện như tỷ lệ phần trăm của 1*

*2 Thể hiện như tỷ lệ phần trăm của 4*

*\* Nếu có nhiều hơn một đồng tiền, thêm một bảng*

*Ký tên Ngày*

*Tên và chức vụ:*

PHỤ LỤC D: CHI PHÍ KHÁC VÀ CHI PHÍ TẠM TÍNH

*1. {Chèn bảng chi phí khác và chi phí tạm tính. Bảng này sẽ dựa trên [Mẫu FIN-4] của Hồ sơ Đề xuất và phản ánh mọi thay đổi trong khi thương thảo Hợp đồng, nếu có. Phần chú thích sẽ liệt kê danh sách những thay đổi đối với [Mẫu FIN-4] trong khi thương thảo hoặc chú thích không có thay đổi.}.*

*2. Tất cả chi phí khác và chi phí tạm tính khác sẽ được hoàn trả theo thực tế, trừ khi được quy định trong Phụ lục này, và trong mọi trường hợp sẽ không vượt quá số tiền Hợp đồng.*

PHỤ LỤC E: MẪU BẢO LÃNH TẠM ỨNG

*[Xem Khoản 45.1 (a), ĐKC và Khoản 45.1 (a), ĐKCT]*

*Tiêu đề đầu của Ngân hàng bảo lãnh hoặc mã số SWIFT*

**Bảo lãnh tạm ứng của Ngân hàng**

**Bên bảo lãnh:** *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ [điền Tên Ngân hàng thương mại, và Địa chỉ của Chi nhánh hoặc Văn phòng phát hành]]*

**Bên thụ hưởng*:*** *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ [điền Tên và Địa chỉ của Khách hàng]*

**Ngày:** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*[điền ngày]*

**BẢO LÃNH TẠM ỨNG SỐ:** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*[điền số]*

Chúng tôi được thông báo rằng \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[tên Tư vấn hoặc tên của Liên danh, giống như trong Hợp đồng đã ký kết]* (sau đây goi là “Tư vấn”)đã ký kết Hợp đồng số \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[số hợp đồng]* vào ngày \_\_\_*[điền ngày]*\_\_\_\_\_\_\_\_\_ với Bên thụ hưởng, về việc cung cấp dịch vụ tư vấn\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[mô tả vắn tắt Dịch vụ]* (sau đây gọi là “Hợp đồng”).

Ngoài ra, chúng tôi hiểu rằng theo các điều kiện của Hợp đồng, một khoản tạm ứng trị giá \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*[điền số tiền bằng số]* (…) *[điền số tiền bằng chữ]*) sẽ được thực hiện sau khi có bảo lãnh tạm ứng.

Theo đề nghị của Tư vấn, chúng tôi, Bên Bảo lãnh, cam kết không hủy ngang thanh toán cho Bên thụ hưởng bất cứ khoản nào không vượt quá tổng giá trị \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ [*số tiền bằng số*] (\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_)*[số tiền bằng chữ]*[[14]](#footnote-15)1) sau khi chúng tôi nhận được văn bản yêu cầu kèm theo văn bản tuyên bố, cho dù bằng chính văn bản yêu cầu hay bằng một tài liệu riêng được ký kèm theo hay xác minh yêu cầu, tuyên bố rằng Tư vấn đã vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng bởi vì Tư vấn không hoàn trả tạm ứng theo các điều kiện của Hợp đồng, nêu rõ số tiền mà Tư vấn đã không hoàn trả.

Điều kiện của bất cứ yêu cầu và thanh toán nào theo bảo lãnh này là Tư vấn đã nhận được khoản tạm ứng nói trên vào tài khoản số \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ tại\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ [*tên và địa chỉ Ngân hàng*]

Số tiền tối đa theo bảo lãnh này sẽ giảm lũy tiến bằng số tiền tạm ứng mà Tư vấn đã hoàn trả được xác định trong các bản sao kê được xác nhận thanh toán hoặc hóa đơn có ghi đã “thanh toán” bởi Khách hàng mà Tư vấn trình cho chúng tôi. Bảo lãnh này sẽ hết hạn muộn nhất vào thời điểm chúng tôi nhận được chứng nhận thanh toán hoặc hóa đơn đã thanh toán xác nhận Tư vấn đã hoàn trả toàn bộ khoản tạm ứng, hoặc vào ngày\_\_\_ tháng\_\_\_ năm\_\_,[[15]](#footnote-16)2tùy thời điểm nào sớm hơn. Do đó, bất cứ yêu cầu thanh toán nào theo bảo lãnh này phải được chúng tôi nhận tại văn phòng này vào hoặc trước ngày đó.

Bảo lãnh này tuân theo Nguyên tắc Thống nhất về Bảo lãnh theo Yêu cầu (URDG)phiên bản 2010, ấn bản của Phòng thương mại và công nghiệp quốc tế số 758.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*[(các) chữ ký]*

*Ghi chú: Tất cả phần chữ in nghiêng là để minh họa nhằm hỗ trợ quá trình soạn thảo theo mẫu này và phải xóa đi trong bản cuối.*

PHỤ LỤC F (Tùy chọn): TỔNG HỢP ĐỒNG

*Chèn bản tóm tắt hợp đồng dưới dạng bảng với tổng chi phí thù lao, chi phí được hoàn trả, số tiền tạm tính, chi phí dự phòng và thuế. Bảng này sẽ dựa trên [Mẫu FIN-2] của Đề xuất của Tư vấn và phản ánh bất kỳ thay đổi nào đã được thống nhất tại các cuộc đàm phán Hợp đồng, nếu có.*

1. Hiến chương Liên hợp quốc, Chương 7 <https://www.un.org/en/about-us/un-charter/chapter-7> [↑](#footnote-ref-2)
2. Nhân viên nên phải là rời khỏi cơ quan ít nhất một năm [↑](#footnote-ref-3)
3. Nếu Khách hàng chỉ yêu cầu một đề xuất giá cố định (nghĩa là không có bất kỳ sự phân tích chi phí nào), Tư vấn được coi là đã đưa vào tất cả các mức giá trong Đề xuất tài chính, do đó sẽ không thực hiện chỉnh sửa số học hoặc điều chỉnh giá. [↑](#footnote-ref-4)
4. Quốc tịch được xác định từ hộ chiếu của chuyên gia hoặc giấy tờ hợp pháp khác trong trường hợp chuyên gia trong nước ở một số quốc gia không có hộ chiếu. [↑](#footnote-ref-5)
5. Đối với các chuyên gia trong nước được đề xuất là cá nhân của các quốc gia thành viên ADB và có giấy phép phù hợp để cư trú và làm việc hợp pháp tại quốc gia được phân công, nhưng không mang quốc tịch của quốc gia đó, hãy cung cấp tài liệu hỗ trợ dưới dạng tệp đính kèm TECH-6B. [↑](#footnote-ref-6)
6. 9 CV này có thể được ký bởi một đại diện cấp cao của Tư vấn trong quá trình nộp đề xuất. Nếu Đề xuất của Tư vấn được xếp hạng cao nhất, một bản sao CV do chuyên gia ký phải được nộp cho Chủ đầu tư trước khi bắt đầu đàm phán hợp đồng. [↑](#footnote-ref-7)
7. ADB’s Office of Anticorruption and Integrity (OAI) is the initial point of contact and Investigative Office for allegations of integrity violations involving ADB-related activities. [↑](#footnote-ref-8)
8. Phải khớp số tiền trong Mẫu FIN-1. [↑](#footnote-ref-9)
9. Trong trường hợp các lựa chọn không bao gồm chi phí như là một yếu tố đánh giá (ví dụ như QBS, CQS, và SSS), Chủ đầu tư có thể sử dụng một phiên bản mở rộng của Mẫu này để thêm các cột để yêu cầu chi phí xã hội, chi phí, các chi phí khác Phí bảo hiểm cho các bài tập thực địa tại các địa điểm khó khăn) và hệ số nhân. [↑](#footnote-ref-10)
10. Như được xác định trong Bảng tóm tắt và đánh giá nhân sự. [↑](#footnote-ref-11)
11. Dù là Tư vấn, Tư vấn phụ hay Chuyên gia chính; hoặc trong bất kỳ khả năng nào khác được quy định trong Hợp đồng. [↑](#footnote-ref-12)
12. 4 tỉnh là Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang và Lạng Sơn [↑](#footnote-ref-13)
13. Vui lòng tham khảo Ghi chú hướng dẫn quản lý hợp đồng, là một phần của Quy định mua sắm, trong https://www.adb.org/sites/default/files/contract-manager.pdf. [↑](#footnote-ref-14)
14. 1 Bên bảo lãnh điền số tiền thể hiện khoản tạm ứng và bằng (các) đồng tiền tạm ứng theo quy định trong Hợp đồng, hoặc bằng một đồng tiền tự do chuyển đổi được Chủ đầu tư chấp nhận [↑](#footnote-ref-15)
15. 2 Điền thời gian hết hạn dự kiến. Trường hợp phải gia hạn thời gian hoàn thành Hợp đồng, Chủ đầu tư cần đề nghị Bên bảo lãnh gia hạn bảo lãnh này. Đề nghị đó phải dưới dạng văn bản và phải gửi trước ngày hết hạn ghi trong bảo lãnh. Trong quá trình lập bảo lãnh này, Chủ đầu tư có thể xem xét bổ sung nội dung sau đây vào mẫu, ở cuối đoạn áp chót: “Bên bảo lãnh đồng ý gia hạn một lần bảo lãnh này trong thời hạn không quá [sáu tháng] [một năm], trên cơ sở văn bản đề nghị gia hạn của Chủ đầu tư, yêu cầu này phải được trình cho Bên bảo lãnh trước khi hết hạn bảo lãnh.” [↑](#footnote-ref-16)